

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

ĐINH BÍCH HÀ

PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP
CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THEO HƯỚNG TỰ CHỦ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

PHÚ THỌ, NĂM 2025

LỜI CẢM ƠN

L luận án Tiến sĩ với đề tài **“Phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ”** được hoàn thành tại Trường ĐHSP Hà Nội 2 là kết quả của quá trình học tập, nghiên cứu nghiêm túc và nỗ lực bền bỉ của tôi, đồng thời cũng là kết tinh của sự quan tâm, hỗ trợ và đồng hành từ nhiều tập thể, cá nhân.

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo cùng các khoa chuyên môn của Trường ĐHSP Hà Nội 2 đã tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thủ tục đào tạo và môi trường học thuật chuẩn mực, giúp tôi yên tâm học tập, nghiên cứu và hoàn thành chương trình đào tạo.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy giáo, cô giáo, các nhà khoa học đã trực tiếp giảng dạy, tham gia góp ý và trao đổi học thuật trong các chuyên đề, hội thảo khoa học và các buổi sinh hoạt chuyên môn. Những định hướng về phương pháp luận, tư duy nghiên cứu và tinh thần khoa học nghiêm cẩn của các thầy cô là nền tảng quan trọng giúp luận án được triển khai đúng hướng và đảm bảo giá trị khoa học.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và trân trọng nhất tới PGS. TS. Thân Văn Quân và TS. Phan Xuân Dũng. Hai thầy đã dành nhiều thời gian, tâm huyết, luôn tận tình hướng dẫn, nghiêm túc góp ý, đồng thời động viên và đồng hành, truyền cảm hứng cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu, từ khi hình thành ý tưởng cho đến khi luận án được hoàn thiện.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn các đồng chí Lãnh đạo Sở GD&ĐT Hà Nội; Ban Giám hiệu cùng tập thể cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non công lập chất lượng cao Thành phố Hà Nội đã nhiệt tình hỗ trợ, cung cấp số liệu và tạo điều kiện thuận lợi để tôi tiến hành khảo sát thực tiễn và thực nghiệm các biện pháp nghiên cứu. Đây là nguồn tư liệu thực tiễn quan trọng, góp phần quyết định vào chất lượng và giá trị ứng dụng của luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc tới tập thể CBGVNV trường Mầm non CLC Việt Triều Hữu nghị luôn là chỗ dựa tinh thần vững chắc, cảm thông, chia sẻ và động viên tác giả vượt qua những khó khăn, áp lực trong suốt hành trình nghiên cứu khoa học đầy thử thách nhưng cũng rất ý nghĩa này.

Mặc dù đã hết sức cố gắng và làm việc với tinh thần nghiêm túc, trách nhiệm cao, song luận án khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tôi kính mong nhận được sự đóng góp, chỉ dẫn quý báu của các nhà khoa học và đồng nghiệp để tiếp tục hoàn thiện và phát triển kết quả nghiên cứu.

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tác giả. Các số liệu, kết quả trong luận án là trung thực, có xuất xứ rõ ràng.

Tác giả luận án

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt
01	Chất lượng cao	CLC
02	Cán bộ quản lý	CBQL
03	Cha mẹ học sinh	CMHS
04	Công nghệ thông tin	CNTT
05	Điểm trung bình	ĐTB
06	Giáo dục	GD
07	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
08	Giáo dục mầm non	GDMN
09	Giáo viên	GV
10	Giáo viên mầm non	GVMN
11	Lớp đối chứng	LĐC
12	Lớp thực nghiệm	LTN
13	Mầm non	MN
14	Nghiên cứu khoa học	NCKH
15	Phát triển trẻ em	PTTE
16	Quản lý giáo dục	QLGD
17	Thực nghiệm	TN
18	Ủy ban nhân dân	UBND

MỤC LỤC

	Trang
TRANG PHỤ BÌA	
MỤC LỤC	
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	
MỞ ĐẦU	5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO THEO HƯỚNG TỰ CHỦ	15
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	15
1.2. Những vấn đề lý luận về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	35
1.3. Những vấn đề lý luận về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	51
1.4. Yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	63
Chương 2: CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ	68
2.1. Khái quát về giáo dục mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ trên địa bàn thành phố Hà Nội	68
2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng	72
2.3. Thực trạng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	75
2.4. Thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	87
2.5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	100
2.6. Đánh giá khái quát về thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	103
Chương 3: BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ	108
3.1. Yêu cầu phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	108

3.2.	Biện pháp phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ	111
Chương 4:	KHẢO NGHIỆM VÀ THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM	150
4.1.	Khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	150
4.2.	Tổ chức thực nghiệm sư phạm	155
4.3.	Kết luận sau thực nghiệm	175
	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	177
	DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	
	LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN	181
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	182
	PHỤ LỤC	189

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 3.1: Bảng giá trị Hopkins</i>	<i>74</i>
<i>Bảng 3.2: Bảng thang đo các mức độ đánh giá</i>	<i>75</i>
<i>Bảng 3.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất ...</i>	<i>75</i>
<i>Bảng 3.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC</i>	<i>78</i>
<i>Bảng 3.3: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường</i>	<i>80</i>
<i>Bảng 3.4: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về phương pháp giảng dạy</i>	<i>82</i>
<i>Bảng 3.5: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao</i>	<i>84</i>
<i>Bảng 3.6: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về chất lượng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay</i>	<i>86</i>
<i>Bảng 3.7.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ</i>	<i>87</i>
<i>Bảng 3.7.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường</i>	<i>89</i>
<i>Bảng 3.8: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>90</i>
<i>Bảng 3.9: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>93</i>
<i>Bảng 3.10: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>95</i>
<i>Bảng 3.11: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>96</i>
<i>Bảng 3.12: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>98</i>
<i>Bảng 3.13: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.....</i>	<i>100</i>
<i>Bảng 4.1. Tổng hợp kết quả khảo nghiệm sự cần thiết các biện pháp</i>	<i>151</i>
<i>Bảng 4.2. Kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp quản lý</i>	<i>152</i>

<i>Bảng 4.3. So sánh tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất</i>	<i>154</i>
<i>Bảng 4.4: Đối tượng thực nghiệm tại các cơ sở</i>	<i>157</i>
<i>Bảng 4.5. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN1 và LDC1 trước khi thực nghiệm</i>	<i>161</i>
<i>Bảng 4.6. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 1</i>	<i>162</i>
<i>Bảng 4.7. Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 1</i>	<i>163</i>
<i>Bảng 4.8. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 1</i>	<i>164</i>
<i>Bảng 4.9. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN2 và LDC2 trước khi thực nghiệm</i>	<i>166</i>
<i>Bảng 4.10 Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 2</i>	<i>167</i>
<i>Bảng 4.11 Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 2</i>	<i>168</i>
<i>Bảng 4.12. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 2</i>	<i>169</i>
<i>Bảng 4.13. Bảng khảo sát những thuận lợi trong quá trình bồi dưỡng</i>	<i>171</i>

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

<i>Biểu đồ 3.1: Nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ</i>	<i>88</i>
<i>Biểu đồ 3.2: So sánh đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường MN công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	<i>99</i>
<i>Biểu đồ 3.3: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động</i>	<i>101</i>
<i>Biểu đồ 4.1: Mức độ sự cần thiết của các biện pháp</i>	<i>151</i>
<i>Biểu đồ 4.2: Mức độ khả thi của các biện pháp</i>	<i>153</i>
<i>Biểu đồ 4.3: Tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp</i>	<i>154</i>
<i>Biểu đồ 4.4. ĐTB năng lực của giáo viên trước thực nghiệm đợt 1</i>	<i>161</i>
<i>Biểu đồ 4.5. ĐTB năng lực của giáo viên sau thực nghiệm đợt 1</i>	<i>163</i>
<i>Biểu đồ 4.6. Tần suất % mức độ phát triển năng lực của giáo viên trước và sau thực nghiệm vòng 1</i>	<i>165</i>
<i>Biểu đồ 4.7 ĐTB năng lực của giáo viên trước thực nghiệm đợt 2</i>	<i>166</i>
<i>Biểu đồ 4.9. ĐTB năng lực của giáo viên sau thực nghiệm đợt 2</i>	<i>168</i>
<i>Biểu đồ 4.10. Tần suất % mức độ phát triển năng lực của giáo viên trước và sau thực nghiệm vòng 2</i>	<i>170</i>
<i>Biểu đồ 4.11. Hứng thú của giáo viên khi tham gia bồi dưỡng chuyên môn</i>	<i>170</i>

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Trước yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam về GD là: đảm bảo nền GD có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Theo đó, một trong những đột phá có tính chiến lược liên quan đến GD mà Nghị quyết Đại hội Đảng XIII đã chỉ ra cần: phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực CLC; tạo bước chuyển mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản chất lượng GD và đào tạo. Trước đó, thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII có Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã nhấn mạnh cần “tiếp tục hoàn thiện hệ thống GD quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời”; “Tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở GD và đào tạo”; “đảm bảo công bằng trong tiếp cận GD”, đồng thời “quan tâm đầu tư cho GD CLC” [2]. Nhằm cụ thể hóa các định hướng này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31/5/2024 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, trong đó khẳng định việc rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục gắn với đổi mới cơ chế hoạt động, đặc biệt là đẩy mạnh quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục công lập. Đặc biệt, để tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ đã quy định rõ cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tạo điều kiện cho các nhà trường trong đó có các trường mầm non chủ động khai thác, sử dụng nguồn lực hiệu quả để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục. Những định hướng trên đã xác lập một cách rõ nét hướng đi cho GD Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, tầm nhìn trung hạn và dài hạn nhằm hướng tới xây dựng nền GD Việt Nam CLC của toàn thể nhân dân, với hệ thống nhà trường hiện đại, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân và sự phát triển của xã hội; phấn đấu đến năm 2030, nền GD Việt Nam đạt trình độ tiên

tiến trong khu vực. Do đó, xây dựng và phát triển trường CLC là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng GD, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và xã hội hiện nay.

Mầm non là cấp học nền tảng trong hệ thống GD quốc dân Việt Nam, có vai trò quan trọng trong việc tạo cơ sở ban đầu cho sự phát triển toàn diện nhân cách thế hệ trẻ. Đa dạng hóa mô hình trường mầm non, đáp ứng mọi nhu cầu học tập của trẻ và gia đình là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng GD mầm non. Cùng với các trường mầm non công lập khác, trường mầm non công lập CLC là mô hình trường đang được triển khai đang có nhiều ưu thế do được tập trung đầu tư cả về cơ sở vật chất, con người đáp ứng nhu cầu xây dựng môi trường GD tiên tiến, chất lượng của nhân dân. Đặc biệt, trong xu thế tự chủ, trường mầm non công lập CLC không chỉ trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng GD mà còn giảm bớt gánh nặng về ngân sách của Nhà nước đối với GD. Đồng thời, trường mầm non công lập CLC đang hướng tới thỏa mãn nhu cầu về GD mầm non CLC của đại đa số nhân dân với mong muốn dành những gì tốt đẹp nhất cho trẻ. Tuy nhiên, trường mầm non công lập CLC hiện nay vẫn còn nhiều quan niệm trái chiều; nhận thức về loại hình trường này còn nhiều điểm bất cập; triển khai thực hiện chưa rộng khắp, chưa đồng bộ nên chưa nhận được nhiều sự quan tâm, đồng thuận của nhân dân và xã hội.

Là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của cả nước, trong những năm qua thành phố Hà Nội thường xuyên quan tâm tới GD nói chung, GD mầm non công lập CLC nói riêng. Đến nay, đã có nhiều trường mầm non công lập CLC, bước đầu đáp ứng tốt nhu cầu của người dân trên địa bàn Thủ đô. Các dịch vụ CLC được triển khai đã góp phần nâng cao chất lượng GD mầm non và đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo ra được tiếng vang và uy tín cho Ngành. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, bên cạnh những ưu điểm, còn có những hạn chế như: chất lượng giáo dục ở các trường mầm non công lập CLC có mặt chưa thật tương xứng, vượt trội; đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên chất lượng chưa thật đồng đều; phối hợp giữa các lực lượng trong quản lý, phát triển trường mầm non công lập CLC chưa thật thường xuyên, hiệu quả; cơ chế phát triển trường mầm non công lập CLC còn nhiều bất cập; số lượng, cơ cấu các trường mầm non công lập CLC còn chưa đảm bảo; chất lượng phát

triển các trường mầm non công lập CLC có mặt còn chưa thật bền vững. Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân, trong đó: nhận thức về loại hình trường này của chủ thể quản lý các cấp chưa thật thống nhất và toàn diện; một số mặt công tác như đội ngũ, chương trình, cơ sở vật chất... có nội dung chưa thật đảm bảo so với yêu cầu CLC; các điều kiện đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC chưa thật đồng bộ. Theo đó, nghiên cứu đề xuất biện pháp hợp lý, khoa học, khả thi nhằm phát triển trường mầm non công lập tự chủ CLC trong bối cảnh hiện nay là vấn đề có tính cần thiết.

Trong thời gian qua, đã có một số công trình ở trong nước và ngoài nước liên quan đến trường CLC, phát triển trường CLC, phát triển trường mầm non CLC ở các nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu cụ thể về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Từ những lý do cơ bản trên, tác giả chọn: ***“Phát triển trường mầm non công lập Chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ”*** làm đề tài nghiên cứu luận án.

2. Mục đích nghiên cứu

Từ nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ và thực tiễn về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, góp phần nâng cao chất lượng GD mầm non của thành phố Hà Nội.

3. Khách thể, đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Trường mầm non công lập CLC.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội hướng tới tự chủ toàn diện; trong đó tiếp cận góc độ phát triển là sự gia tăng về chất lượng của các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

- *Phạm vi về chủ thể nghiên cứu:* Luận án tập trung nghiên cứu hoạt động quản lý của Ban Giám hiệu các trường mầm non công lập CLC (chủ thể chính, quản lý trực tiếp) trong mối quan hệ tương tác với các chủ thể quản lý nhà nước về giáo dục (Sở GD&ĐT Hà Nội, phòng VH&XH các Phường) nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển của nhà trường theo hướng tự chủ.

- *Phạm vi về khách thể khảo sát:* Đội ngũ cán bộ QLGD, GV ở các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

- *Phạm vi về địa bàn khảo sát:* 06 trường mầm non công CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, gồm: Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị; Trường Mầm non B; Trường Mầm non Việt – Bun; Trường Mầm non Mai Dịch; Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng; Trường mầm non Đô thị Việt Hưng.

- *Giới hạn về thời gian:* Các số liệu sử dụng phục vụ việc nghiên cứu của luận án được khảo sát, điều tra, tổng hợp từ năm 2020 – 2025.

4. Giả thuyết khoa học

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trong thời gian qua đã có phát triển mạnh mẽ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu GD mầm non CLC của nhân dân. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển còn có những hạn chế nhất định. Do đó, nếu trong quản lý, chủ thể quản lý trong các nhà trường thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tiễn phát triển của địa phương; chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên, phát triển chương trình GD, đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức phối hợp các lực lượng phù hợp thì trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện, phục vụ hiệu quả nhu cầu của nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng GD mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, rút ra giá trị của các công trình được tổng quan và khẳng định sự không trùng lặp của đề tài luận án.

Làm rõ những vấn đề lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Đánh giá thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội, tìm ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng nêu trên.

Đề xuất yêu cầu, biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

Tổ chức thực nghiệm kiểm chứng một số biện pháp đề xuất.

6. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và phương pháp luận duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về GD và đào tạo, nhất là các quan điểm về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT hiện nay nhằm định hướng cho việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu, luận giải các nhiệm vụ của đề tài. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng một số tiếp cận sau đây:

* *Tiếp cận hệ thống – cấu trúc*: Quá trình phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là một hệ thống toàn vẹn bao gồm các thành tố có quan hệ mật thiết với nhau như: Tiêu chí cơ sở vật chất; Tiêu chí đội ngũ; Tiêu chí nội dung, chương trình; Tiêu chí phương pháp giáo dục; công tác quản lý nhà trường; phối hợp môi trường GD. Các thành tố của quá trình này không tồn tại độc lập mà tác động qua lại và phụ thuộc lẫn nhau. Sự vận động, phát triển của thành tố này là cơ sở cho sự vận động và phát triển của các thành tố khác và ngược lại.

* *Tiếp cận chức năng quản lý*: Luận án tiếp cận quá trình phát triển trường thông qua chu trình quản lý đồng bộ và khép kín bao gồm: Lập kế hoạch để định hướng mục tiêu và lộ trình tự chủ; Tổ chức để sắp xếp bộ máy và phân định trách nhiệm trong mô hình mới; Chỉ đạo nhằm huy động và thúc đẩy đội ngũ thực hiện sáng tạo các tiêu chí chất lượng cao; Kiểm tra, đánh giá để giám sát đo lường chất lượng tạo cơ sở khoa học để điều chỉnh các biện pháp quản lý kịp thời và hiệu quả.

* *Tiếp cận lịch sử – logic*: Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ không phải là sự phủ định hoàn toàn loại hình nhà trường trước đó mà luôn có sự kế thừa, tiếp thu kết quả, tinh hoa văn hóa, lịch sử truyền thống nhà trường trong lịch sử. Trong quá trình phát triển, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm

nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các biện pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình, bước đi phù hợp.

* *Tiếp cận thực tiễn*: Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn GD&ĐT luôn bám sát theo nội dung, chương trình đào tạo hiện hành cũng như các chủ trương đổi mới của ngành GD nhằm đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Quá trình triển khai đề tài nghiên cứu tác giả luôn đối chiếu với những vấn đề lý luận và thực tiễn về định hướng nâng cao chất lượng GD&ĐT nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD hiện nay. Việc xây dựng cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của luận án không chỉ giúp làm vững chắc cơ sở khoa học của đề tài mà còn giúp định hướng giải quyết những vấn đề cụ thể về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bằng các biện pháp quản lý có tính hệ thống, thực tiễn và khả thi.

* *Tiếp cận phát triển*: Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ không phải là vấn đề tĩnh mà luôn thay đổi dưới sự tác động ảnh hưởng của nhiều nhân tố khác nhau thuộc về chủ thể quản lý; đối tượng quản lý và môi trường quản lý,... Do đó, quá trình nghiên cứu cần linh hoạt, sáng tạo trước những thay đổi của thực tiễn xã hội.

* *Tiếp cận nhu cầu xã hội*: Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, đặc biệt là yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đặt ra cho giáo dục nói chung, GD mầm non nói riêng phải đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng các mong muốn và nguyện vọng của xã hội trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Theo đó, luận án dựa trên cách tiếp cận này để nghiên cứu, nắm bắt nhu cầu của xã hội trên cơ sở đó định hướng nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn đối với trường mầm non CLC theo hướng tự chủ, hoàn thiện các yêu cầu, tiêu chí đối với trường mầm non CLC theo hướng tự chủ.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu bao gồm:

6.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Phương pháp phân tích, tổng hợp các tài liệu và hệ thống hóa, khái quát hóa lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, trên cơ sở đó xây dựng cơ sở lý luận của đề tài luận án.

6.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: Được sử dụng với mục đích thu thập các thông tin về thực trạng về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Số lượng khách thể khảo sát là 310 người, trong đó: Cán bộ QLGD như Ban Giám hiệu của 06 trường là 18 người; Cán bộ QLGD ở Phòng GDMN, Sở GD và Đào tạo Hà Nội; Cán bộ phụ trách văn hóa GD của địa phương là 12 người; GV mầm non là 160 người; CMHS là 120 người.

- *Phương pháp phỏng vấn*: Phỏng vấn trực tiếp đội ngũ GV, cán bộ quản lý giáo dục ở các trường mầm non về các vấn đề có liên quan hỗ trợ cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động*: Nghiên cứu về hồ sơ, văn bản, kế hoạch có liên quan đến phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

- *Phương pháp quan sát sự phạm*: Quan sát các hoạt động giáo dục, tổ chức quản lý, thực hiện các hoạt động sự phạm theo các tiêu chí của trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

- *Phương pháp chuyên gia*: Tiến hành xin ý kiến chuyên gia về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

- *Phương pháp thực nghiệm sự phạm*: Được sử dụng với mục đích kiểm chứng tính đúng đắn, khả thi và hiệu quả của biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

6.2.3. Các phương pháp bổ trợ khác

Ngoài các phương pháp trên, chúng tôi sử dụng thêm các phương pháp như:

- *Phương pháp thống kê toán học*: Sử dụng phương pháp thống kê toán học và phần mềm SPSS để xử lý số liệu cho phần thực trạng và thực nghiệm nhằm đánh giá chính xác kết quả thu được và rút ra những kết luận cần thiết.

- *Phương pháp sử dụng các phần mềm tin học*: Sử dụng các phần mềm vẽ các biểu đồ, đồ thị minh họa cho thực nghiệm.

Để nghiên cứu đề tài luận án, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu liên ngành và chuyên ngành như: các phương pháp nghiên cứu lý

thuyết; các phương pháp nghiên cứu thực tiễn; phương pháp hỗ trợ nhằm làm sáng tỏ những vấn đề khoa học mà mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu đề ra.

7. Những luận điểm bảo vệ

- Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là loại hình nhà trường do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng ban đầu, đạt chuẩn về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và các dịch vụ CLC, tổ chức các hoạt động GD theo nội dung, phương pháp và hình thức tiên tiến được điều hành theo cơ chế tự chủ về tài chính và các lĩnh vực khác nhằm thực hiện có chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là quá trình có tổ chức, có kế hoạch nhằm phát triển nhà trường do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng ban đầu, đạt chuẩn về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại và các dịch vụ CLC, tổ chức các hoạt động GD theo nội dung, phương pháp và hình thức tiên tiến được điều hành theo cơ chế tự chủ về tài chính và các lĩnh vực khác nhằm thực hiện có chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ của nhiều chủ thể và được tiến hành bằng nhiều biện pháp quản lý khác nhau như: hoàn thiện các văn bản pháp lý về xây dựng trường mầm non công lập CLC; quy hoạch xây dựng trường mầm non công lập CLC phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Hà Nội; tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình GD CLC phù hợp đặc điểm riêng của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, GV các trường mầm non công lập đáp ứng yêu cầu trường CLC; đảm bảo điều kiện, cơ sở vật chất, khai thác, sử dụng các dịch vụ phù hợp với trường mầm non công lập CLC; kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC.

8. Những đóng góp mới của luận án

* *Về lý luận*: Đề tài xây dựng được khái niệm, đặc điểm và nội dung phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xác định được các yếu tố tác động đến phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng

tự chủ, góp phần hoàn thiện, bổ sung, phát triển và làm sáng rõ hơn những vấn đề lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

* *Về thực trạng*: Luận án cung cấp được thực trạng toàn diện, khách quan về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ từ năm 2020 đến 2025. Bao gồm thực trạng về trường mầm non công lập CLC và thực trạng về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ; thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ; chỉ ra được ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng, làm cơ sở khoa học đề xuất yêu cầu và biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

* *Về Biện pháp*

Từ các yêu cầu, luận án đề xuất được hệ thống biện pháp quản lý có tính đột phá, tập trung vào việc khơi thông các nguồn lực và nâng cao quyền tự chủ trong nhà trường trong phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Các biện pháp này được thiết kế theo lộ trình cụ thể, có tính khả thi cao, phù hợp với tiến trình tự chủ của các trường mầm non tại Hà Nội.

Kết quả nghiên cứu là tài liệu hữu ích phục vụ cho công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu các nội dung có liên quan; là cảm nang hướng dẫn thực hành cho các chủ thể quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; đồng thời cung cấp luận cứ khoa học thực tiễn giúp các cơ quan quản lý (Sở GD&ĐT, UBND các Phường) tham khảo để điều chỉnh chính sách, quy hoạch và phát triển mô hình trường mầm non CLC tự chủ bền vững.

9. Cấu trúc, bố cục của luận án

Cấu trúc luận án bao gồm: (1) Phần mở đầu, (2) Nội dung, (3) Kết luận và khuyến nghị, (4) Danh mục công trình liên quan tới luận án, (5) Tài liệu tham khảo; (6) Phụ lục.

Phần nội dung của luận án bao gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Chương 2: Thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội trong theo hướng tự chủ.

Chương 3: Biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội trong theo hướng tự chủ.

Chương 4: Khảo nghiệm và thực nghiệm sư phạm.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO THEO HƯỚNG TỰ CHỦ

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu có liên quan đến trường chất lượng cao, phát triển trường chất lượng cao, phát triển trường mầm non chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.1.1.1. Những công trình nghiên cứu trên thế giới

Những năm cuối thế kỷ XX, trước sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ, nhu cầu nguồn nhân lực CLC, nhiều quốc gia trên thế giới tiến hành cải cách, đổi mới GD, nâng cao chất lượng GD và đào tạo ở mọi cấp học và bậc học. Coi GD là con đường, là chìa khoá dẫn đến thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong đó, nghiên cứu, tìm kiếm, phát triển mô hình GD tối ưu cho các nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lớn với các nước phát triển. Một số quốc gia tiêu biểu:

Hoa Kỳ được coi là một trong những nước có nền GD&ĐT phát triển nhất trên thế giới, bước sang thế kỷ XXI, ngay trong Bức thông điệp gửi liên bang ngày 04 tháng 02 năm 1997 của Tổng thống Bill Clinton đã đưa ra 10 chương trình hành động sau, trong một số chương trình hành động đã khuyến khích sự phát triển của GD CLC, đáp ứng yêu cầu của xã hội như: Cuộc vận động toàn quốc về tiêu chuẩn GD; Để có những trường tốt nhất phải có những sinh viên giỏi nhất; Các tiểu bang cho các bậc cha mẹ quyền lựa chọn những trường thích hợp cho con em họ; Xây dựng cơ sở vật chất trường học; Đưa sức mạnh kỷ nguyên thông tin vào trường học [Dẫn theo 29, tr.54]. Hiện nay, chính phủ Mỹ đề cao sự tự do trong GD và là quyền lợi bình đẳng của mọi người dân. Do đó, mô hình trường CLC phát triển khá đa dạng, mạnh mẽ ở các tiểu bang cả về quy mô, số lượng và chất lượng ở các tiểu bang khác nhau. Trong đó, hình thành được hệ thống tiêu chuẩn của nhà trường CLC bao gồm: trường CLC là trường có chất lượng, kết quả đầu ra cao; được xã hội, phụ huynh học sinh quan tâm, ủng hộ và công nhận; học sinh được học tập trong môi trường năng động, với trang bị phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại, các hình thức học tập, rèn luyện phong phú, đa dạng, chú trọng phát triển kỹ năng, rèn luyện tính chủ động, tự lập cao cho học sinh; các dịch vụ

của nhà trường khép kín và toàn diện; đội ngũ GV năng động, đáp ứng các tiêu chí tuyển chọn khắt khe về trình độ, kinh nghiệm, năng lực sư phạm. Sự phát triển của mô hình trường CLC với khoản đóng góp lớn đã tạo ra sự phân hóa mạnh mẽ trong nền GD Hoa Kỳ, một số trường CLC chỉ dành cho một lớp người nhất định trong xã hội. Đặc biệt trong bậc học mầm non, Hiệp hội Quốc gia về Giáo dục Trẻ mầm non (NAEYC) đã thiết lập hệ thống tiêu chuẩn kiểm định chất lượng khắt khe, nhấn mạnh vào sự tương tác giữa giáo viên - trẻ và sự tự chủ của các cơ sở giáo dục trong việc thiết kế chương trình dựa trên đặc điểm địa phương. Các nghiên cứu về Chương trình HighScope hay dự án Head Start tại Mỹ đã chứng minh rằng việc đầu tư vào trường mầm non CLC không chỉ mang lại hiệu quả giáo dục tức thì mà còn tạo ra lợi ích kinh tế - xã hội lâu dài cho quốc gia.

Vương quốc Anh là quốc gia có nền GD chất lượng hàng đầu và lâu đời nhất trên thế giới với lịch sử gần 800 năm. Do đó, ngay từ những thập niên 1980, mô hình “*Trường học hiệu quả*” (Effective School) đã được nghiên cứu triển khai, ứng dụng thực hiện rộng rãi với 11 yếu tố trên các khía cạnh khác nhau. Trong đó, các tiêu chí về quản lý, lãnh đạo khoa học, chuyên nghiệp; tiêu chí về đảm bảo, đánh giá chất lượng GD luôn được đặt lên hàng đầu nhằm đáp ứng những yêu cầu khắt khe nhất của xã hội nước Anh cũng như toàn thế giới. Trường học hiệu quả, mô hình mạnh mẽ của nhà trường CLC tại Vương quốc Anh đã tạo môi trường chuyên biệt nhằm phát triển những tài năng của học sinh, sự chuyên nghiệp trong dạy và học, trong quản lý và đánh giá kết quả học tập [Dẫn theo 29, tr.54]. Hiện nay, trong hệ thống GD Anh có hơn 100 trường đại học đạt tiêu chuẩn, 500 trường cao đẳng và hơn 600 trường phổ thông nội trú. Nhiều trường nổi tiếng nằm trong Bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới Times Higher Education năm 2023 như: Đại học Oxford chiếm vị trí thứ nhất, đại học Cambridge chiếm vị trí thứ 3, Imperial College London và UCL lần lượt xếp vị trí thứ 10 và 22. Tại Anh, nghiên cứu tiêu biểu về "Cung cấp giáo dục mầm non hiệu quả" (The EPPE Project) của tác giả Sylva và cộng sự đã chỉ ra rằng các trường mầm non CLC có sự kết hợp giữa đội ngũ giáo viên trình độ cao và cơ chế quản lý tự chủ về phương pháp sư phạm sẽ tạo ra những tác động tích cực vượt trội đến sự phát triển nhận thức và xã hội của trẻ. Mô hình này đặt nền móng cho việc chuyển

đổi các trường mầm non công lập sang mô hình tự chủ tài chính và chuyên môn để nâng cao năng lực cạnh tranh.

Singapore là một đảo quốc có diện tích và dân số khá nhỏ nhưng Singapore có hệ thống GD thừa hưởng và phát triển từ hệ thống GD lâu đời của Anh quốc. Singapore đặt nền GD là yếu tố chủ chốt trong sự lớn mạnh và phát triển xã hội. Năm 2000, Singapore đã tổ chức triển khai mô hình “*Nhà trường ưu việt*” (School Excellence Model - SEM). SEM được tổ chức thực hiện trên cơ sở phải đảm bảo thỏa mãn 9 tiêu chí như: Lãnh đạo và quản lý; Phát triển đội ngũ; Lập kế hoạch chiến lược; Nguồn lực phong phú; Các quy trình lấy học sinh làm trung tâm; Kết quả của phát triển đội ngũ tốt; Kết quả hoạt động và quản lý tốt; Đối tác và kết quả về mặt xã hội tốt; Các kết quả về hoạt động chính cao. Trong đó, tiêu chí về trường CLC bao gồm: đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn; đội ngũ GV giàu kinh nghiệm, có trình độ cao và phương pháp giáo dục tiên tiến hiện đại; các nguồn lực phong phú, được sự quan tâm hỗ trợ của chính phủ, của xã hội và CMHS. Trong đó, tiêu chí về quản lý giáo dục và kết quả GD được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh các tiêu chí của mô hình trường CLC, Singapore là quốc gia sớm đề ra các tiêu chí để duy trì trường CLC, gồm: kết quả về phát triển đội ngũ GV, kết quả hoạt động GD, hoạt động quản lý, các cam kết GD, kết quả về tác động tích cực của xã hội, kết quả học tập của học sinh phải đạt được ở mức cao, được xã hội thừa nhận và vinh danh [Dẫn theo 1]. Các tiêu chí cùng với các giá trị của mô hình trường SEM tạo nên sự toàn diện, hệ thống yêu cầu cao từ xây dựng thiết chế tới tổ chức điều hành và kết quả đầu ra trong công tác quản lý hiệu quả của nhà trường. Quản lý phát triển trường CLC không chỉ đáp ứng được các tiêu chí khắt khe về chất lượng mà còn phải đảm bảo duy trì và thực hiện tốt các giá trị, tạo sự phát triển bền vững của nhà trường. Điều đó đã và đang làm nên những thành tựu nổi bật về chất lượng GD các cấp học, bậc học của Singapore trong khu vực và quốc tế. Gần đây, Singapore đặc biệt chú trọng nâng cao vị thế GDMN thông qua việc thành lập Cơ quan quản lý mầm non (ECDA) và triển khai khung chất lượng SPARK. Các nghiên cứu của các học giả Singapore chỉ ra rằng, việc đẩy mạnh quyền tự chủ cho các cơ sở GDMN gắn liền với trách nhiệm giải trình về chất lượng đầu ra là chìa khóa để duy trì vị thế "nhà trường ưu việt" trong khu vực.

Malaysia là một trong số ít các quốc gia có nền GD tốt vào loại hàng đầu khu vực ASEAN và châu Á. Ngay từ những năm 2000, Malaysia đã xây dựng và phát triển đề án “*Nhà trường thông tuệ*” (Smart School) với việc đào tạo học sinh theo tinh thần “POWER” (Sức mạnh), bao gồm: P: Planning (Học sinh tự vạch kế hoạch của mình theo tư vấn của Thầy); O: Organizing (Học sinh tự tổ chức thực hiện kế hoạch đề ra); W: Working (Học sinh thiết kế công việc tương ứng với cách tổ chức đã vạch ra); E: Evaluating (Học sinh tự đánh giá kết quả học tập của mình có sự giám sát, giúp đỡ, hỗ trợ của thầy); R: Recondnizing (Học sinh tự xây dựng các nhận thức mới cho bản thân). Mô hình POWER thực hiện triệt để quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm, hướng tới đào tạo con người có kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nền công nghiệp quốc gia. Mô hình này được vận dụng và phát triển rộng khắp trong hệ thống GD của Malaysia, đặc biệt là ở các bậc học phổ thông [Dẫn theo 1].

Trung Quốc là quốc gia có nền GD phát triển của Châu Á, nhằm hiện thực hoá mục tiêu phục hưng dân tộc, đồng thời đối phó với chính sách kiềm chế và chia tách về khoa học công nghệ nhằm vào Trung Quốc của các nước phương Tây, đại lục đã đề ra một tầm nhìn phát triển quốc gia, tập trung tăng cường nội lực mà trọng tâm là nâng cao năng lực tự chủ về GD và khoa học công nghệ. Trung Quốc đang tiến hành “thực thi chiến lược khoa học và GD chấn hưng đất nước, tăng cường trụ cột nhân tài cho xây dựng hiện đại hóa”, với chủ trương xây dựng nền GD “hài lòng dân”, với 3 tiêu chí cốt lõi: hệ thống đào tạo CLC, tổ chất nhân tài toàn diện và cơ hội GD công bằng. Những tiêu chí này không chỉ thích ứng với chiến lược phát triển đất nước trong dài hạn, mà còn phù hợp với đòi hỏi bức thiết của mọi tầng lớp nhân dân. Luật GD của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được ban hành năm 1995 đã thúc đẩy sự phát triển hệ thống trường công lập CLC như các trường chuyên, trường năng khiếu dưới sự bảo trợ của nhà nước. Trung Quốc khuyến khích sự trao đổi hợp tác với nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [Dẫn theo 1].

Cũng theo xu thế mở cửa, hệ thống GD Thái Lan cũng được đánh giá cao trong khu vực và Châu Á, thực thi chính sách dịch vụ GD, Thái Lan phát triển hệ thống GD quốc dân theo các mô hình liên kết nhằm nâng cao chất lượng GD, đào tạo nhân tài, nhân lực cho quốc gia. Trong đó, phát triển hệ

thống GD CLC theo hướng trường quốc tế, với các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu. Xu hướng này được cổ vũ bởi sự toàn cầu hóa, với sự xuất hiện của hàng loạt công ty đa quốc gia đầu tư mạnh vào Thái Lan và khu vực trong những năm 1990. Thái Lan cũng là nước đầu tiên trong khu vực nới lỏng các quy định về GD quốc tế, ngay từ đầu những năm 90, cho phép các trường này tuyển tới 50% học sinh là người địa phương. Chính phủ Thái Lan chú trọng và thấu hiểu nhu cầu "*tạo ra những con người có tâm nhận thức quốc tế*" mà vẫn mang bản sắc dân tộc Thái. Phụ huynh cũng mong muốn con em mình có điều kiện tiếp xúc với những chương trình ngoài phạm vi quốc gia, giúp học sinh tự tin và vượt trội hơn trong môi trường hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá. Năm 2007 Thái Lan ban hành Luật Giáo dục Phổ thông Tu thực, trong đó bao gồm cả việc quản lý các trường phổ thông quốc tế. Luật này có một số quy định đối với các trường quốc tế. Điều đó đang tạo hàng lang thuận lợi cho Thái Lan quản lý và phát triển hệ thống các trường CLC có tính chất quốc tế, kêu gọi sự đầu tư các dịch vụ GD CLC trên thế giới vào Thái Lan [Dẫn theo 1].

Tại Indonesia, bên cạnh những trường thuần túy quốc tế, đã xuất hiện khái niệm "Chuẩn GD quốc tế", theo đó các tiêu chí chuẩn quốc tế được xem xét trên những khía cạnh: kiểm định, chương trình, quy trình dạy và học, đánh giá, GV, hiệu trưởng, nguồn lực và tài chính. Từ khía cạnh này, trường đạt chuẩn quốc tế CLC được mô tả kỹ bởi hệ thống các chỉ số cụ thể, được đánh giá bởi các chuyên gia, tổ chức quốc tế. Chẳng hạn một trường được cho là đáp ứng chuẩn GD quốc tế, về mặt kiểm định, nó phải "được kiểm định bởi một tổ chức kiểm định nhà trường của bất kỳ một quốc gia thành viên OECD". Phát triển song song hai loại hình trường quốc tế và trường chuẩn quốc tế trong hệ thống GD đang tạo nên các dịch vụ GD CLC cho Indonesia. Đây là điểm nhấn về GD cũng như là động lực thúc đẩy nâng cao chất lượng nền GD của Indonesia trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay [Dẫn theo 1].

Như vậy, các quốc gia phát triển luôn coi trọng và đề cao vấn đề nâng cao chất lượng GD, đào tạo nguồn nhân lực. Trong đó, phát triển mô hình trường CLC, với tiêu chuẩn, tiêu chí khắt khe luôn được coi là các giải pháp ưu tiên hàng đầu. Trong các chính sách về trường CLC của các nước trên thế giới luôn bao hàm cả các trường công lập, do nhà nước điều hành, quản lý và chi trả và các trường dân lập với quy mô, số lượng khác nhau, sự phát triển ở

các cấp học khác nhau. Tuy nhiên, có thể thấy, ngoài các quốc gia hàng đầu về GD trên thế giới, thì mô hình trường CLC của các nước đang phát triển được thể hiện rõ nét hơn đối với các trường có tính chất quốc tế, các trường công lập có tính chất đại trà, thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí cho xã hội.

Bên cạnh chính sách về phát triển mô hình trường CLC của các quốc gia thì còn có nhiều nhà khoa học với các nghiên cứu tiêu biểu như:

Tác giả Jones, G.A., trong cuốn sách: “Conceptions of Quality and the Challenges of Quality Improvement in Higher Education: Ontario Institute for studies in Education of the University of Toronto, Toronto, Canada” [Quan niệm về chất lượng và những thách thức của cải tiến chất lượng trong GD đại học: Ontario Viện nghiên cứu Giáo dục thuộc Đại học Toronto, Toronto, Canada] [75]. Trong nghiên cứu của mình, tác giả đã chỉ ra các quan niệm khác nhau của các nhà khoa học về chất lượng GD và CLC trong GD. Theo ông, một số nhà khoa học cho rằng: chất lượng là sự phù hợp với nhu cầu; chất lượng là sự thỏa mãn nhu cầu thị trường với chi phí thấp nhất; chất lượng là sự phù hợp với các yêu cầu hay đặc tính nhất định... các quan niệm này chỉ ra đặc tính quan trọng đối với chất lượng GD đó chính là khả năng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng; sự thỏa mãn càng cao, càng nhiều thì chất lượng càng cao, càng tốt; đánh giá CLC hay thấp cần đứng trên quan điểm người tiêu dùng, chứ không phụ thuộc vào trình độ công nghệ sản xuất. Theo đó, trong GD chất lượng GD là sự thỏa mãn nhu cầu của người học, CMHS và xã hội, chất lượng càng cao thì sự thỏa mãn càng lớn, càng nhiều; nhà trường CLC thì tiêu chí đầu tiên là chất lượng GD đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Nghiên cứu đã chỉ ra điểm mấu chốt, tiêu chí quan trọng của trường CLC, phát triển mô hình trường CLC đó là phải đáp ứng được nhu cầu của học sinh, CMHS và nhu cầu xã hội.

Tác giả Joanna Le Métails, trong cuốn sách “International developments in upper secondary education: context, provision and issues” [Phát triển quốc tế trong GD trung học phổ thông: bối cảnh, điều kiện và các vấn đề] [76], đã giới thiệu tổng quan khái quát về sự ra đời của các mô hình nhà trường cũng như sự phát triển của các phương thức GD của các nước trên thế giới. Theo tác giả, thế kỷ XX, thế giới đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của GD trước yêu cầu về nguồn nhân lực CLC, nhất là ở các nước phát triển và đang phát triển. Đặc biệt, sự gia tăng về tỷ lệ và quy mô của cải cách nhằm nâng cao chất lượng GD và đào tạo nguồn nhân lực được xem là động lực quan

trọng thúc đẩy sự phát triển, nâng cao tính cạnh tranh của các quốc gia. Các nước đang nghiêm túc xem xét các mô hình cải cách, đổi mới GD cả về tổ chức cấu trúc và tính chất, nội dung, và đánh giá học tập. Nghiên cứu đã định hướng cho sự đổi mới, xem xét mô hình GD của các nhà trường trong bối cảnh mới, đó là một nhà trường “hiệu quả”, đáp ứng sự phát triển của xã hội hiện đại. Theo đó tìm kiếm, phát triển mô hình trường CLC, đáp ứng yêu cầu của xã hội là xu thế tất yếu trong sự phát triển của các nhà trường hiện nay.

Theo tác giả Peter Senge, trong cuốn sách: “Schools that learn” [Các trường biết học] [85], trước những đòi hỏi của thực tiễn đối với GD&ĐT ở các nhà trường, tác giả đã chỉ ra những khía cạnh và tính cần thiết trong việc đổi mới GD. Trong đó, xây dựng và phát triển các trường CLC cho phù hợp với tốc độ phát triển của thế giới được xem là cấp thiết và hữu hiệu. Theo ông, các giải pháp GD cũ của các nhà trường “không còn hiệu quả nữa”. Trên cơ sở lập luận, tác giả đã đề xuất mô hình nhà trường, trong đó: các phương pháp tổ chức dạy và học hiện đại, với những hướng dẫn mang tính bản lề cho việc ứng dụng, phát huy sự sáng tạo trên các mô hình trường lớp là những đặc điểm nổi bật. Cùng với đó, ông đã cung cấp những minh chứng nhằm minh họa, ví dụ thực tế, những nghiên cứu quan sát về các trường học CLC đã và đang hoạt động trên thế giới để khẳng định nhận định của bản thân.

Tác giả Terrence Deal và Kent Peterson, trong cuốn sách: “Shaping School Culture: Pitfalls, Paradoxes, and Promises” [Hình thành văn hóa trường học: những cạm bẫy, nghịch lý và hứa hẹn] [87] đã tiếp cận ở những góc nhìn khác về GD CLC. Theo ông, nhà trường CLC được thể hiện ở nhiều nội dung, toàn diện trên các mặt, trong đó, CLC nhất, sự phát triển cao nhất của nhà trường đó chính là khía cạnh văn hóa, hành vi tổ chức, đặc biệt là các nhà trường mang tính quốc tế. Theo tác giả, một nhà trường được xem là có CLC thì phải hình thành cho mình một nét văn hóa tổ chức riêng, đó là sự khác biệt có thể dễ nhận diện trong hệ thống các nhà trường hiện nay.

Tác giả Chris Lehmann và Zac Chase, trong nghiên cứu: “Building School 2.0” [Xây dựng trường học 2.0] [73], đã đề cập tới một mô hình nhà trường CLC phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp, đáp ứng yêu cầu GD và đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với xã hội hiện đại. Theo tác giả, trong mô hình nhà trường 2.0, các yếu tố cơ bản để đảm bảo CLC bao gồm: sự có mặt “vô hình” nhưng đồng đều, cấp thiết của công nghệ kỹ thuật ứng dụng

trong môi trường học tập; các mô hình lớp học tập trung vào người học; ứng dụng hiệu quả những công nghệ kỹ thuật trong quản lý nhà trường; GV phải đóng vai trò làm những người dẫn lối, mang những trải nghiệm thế giới thực (thay vì lý thuyết suông) đến cho người học. Đây là nghiên cứu có đóng góp quan trọng, là sự phác thảo ban đầu về mô hình nhà trường CLC, là định hướng quan trọng để phát triển tiêu chuẩn của mô hình nhà trường CLC hiện nay.

Tác giả Peter M Senge và các cộng sự trong cuốn sách: “Schools that learn (updated and revised): A fifth discipline fieldbook for educators, parents, and everyone who cares about education” [Các trường học: Một cuốn sách kỷ luận thứ năm dành cho các nhà GD, phụ huynh và mọi người quan tâm đến GD] [85]. Trên cơ sở lý thuyết về tư duy hệ thống, ông đã bàn đến mô hình nhà trường như là một tổ chức học tập. Đây có thể được hiểu là một mô hình nhà trường tân tiến, CLC, bởi nhà trường đó sẽ bao gồm các hệ thống động trong trạng thái thích ứng và cải tiến liên tục; nơi mọi người liên tục mở rộng khả năng của họ để tạo ra kết quả mà họ thực sự mong muốn; nơi các kiểu tư duy mới và mở rộng được nuôi dưỡng, nơi mà khát vọng tập thể được giải phóng và nơi mọi người tiếp tục học hỏi để thấy toàn bộ cùng nhau. Ông cũng đã phác họa các điều kiện có tính chất bắt buộc khi xây dựng và phát triển nhà trường này, bao gồm: khả năng thiết kế tổ chức để phù hợp với kết quả mong muốn hoặc mong muốn và khả năng nhận ra khi hướng ban đầu của tổ chức khác với kết quả mong muốn và làm theo các bước cần thiết để sửa lỗi không phù hợp này. Mặc dù chưa định hình rõ trong hệ thống nhà trường như một tổ chức học tập bao gồm những phần tử (phần tử lớn) cấu thành nên nhà trường và sự tương tác giữa các cá nhân (phần tử con) trong tổ chức học tập đó diễn ra theo chiều hướng, quy luật và quy định cụ thể nào. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra trong mô hình nhà trường đó, thay vì tập trung vào các cá nhân trong một tổ chức, họ thích xem xét số lượng tương tác lớn hơn trong tổ chức và giữa các tổ chức nói chung.

Tác giả Ng Pak Tee trong bài viết: “The Singapore School and the School Excellence Model” [Trường học ở Singapore và mô hình trường học xuất sắc] [84] đã cho thấy sự quan tâm phát triển GD CLC của Singapore trong thời gian vừa qua. Đây là giải pháp GD, phương hướng phát triển GD có tính quyết định cho sự phát triển đất nước. Đặc biệt, bài viết chỉ ra khả

năng tư duy chiến lược của lãnh đạo các cấp khi thấy trước tầm nhìn quốc gia về GD đối với sự phát triển các nhà trường CLC. Đặc biệt, trước định hướng phát triển “Các trường học sáng tạo, Quốc gia học tập”, theo tác giả các trường học ở Singapore cần có các thay đổi mạnh mẽ để trở thành các trường xuất sắc. Thực tiễn phát triển GD CLC ở các trường học ở Singapore từ năm 2000 cho thấy: các nhà trường có nhiều thay đổi lớn theo cách tự đánh giá sử dụng mô hình trường học xuất sắc (SEM). Đây được xem như một công cụ, phương tiện thúc đẩy mô hình trường học xuất sắc phát triển dựa theo tiêu chuẩn, tiêu chí đã định trước. Bài viết cũng cho thấy, để phát triển nhà trường xuất sắc thì công tác quản lý, vai trò của công tác quản lý GD có ý nghĩa quan trọng, nhất là lựa chọn, sử dụng bộ công cụ đánh giá của mô hình SEM. Nghiên cứu này cũng kết luận rằng mô hình SEM không chỉ giúp phát triển nhà trường nói chung mà nhấn mạnh vai trò lãnh đạo và phát triển văn hóa của trường học giúp phát triển bền vững.

1.1.1.2. Những công trình nghiên cứu ở Việt Nam

Ở nước ta, thuật ngữ “Trường Chất lượng cao” đã xuất hiện cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, tuy nhiên việc phát triển nó mới chỉ được đề cập nhiều trong vài năm gần đây trên cả mô hình nhà trường công lập và tư thục. Mặc dù có sự phát triển đa dạng các mô hình nhà trường CLC, nhưng việc tiếp cận vẫn còn chưa thống nhất và có nhiều hướng khác nhau. Ở giai đoạn đầu, một số trường được gọi là CLC thường được thể hiện theo quan niệm trên các tiêu chí như: chất lượng đầu vào; tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp, tỷ lệ đỗ đại học... và cơ bản được đề cập ở các cơ sở GD công lập là chủ yếu, trong đó có mô hình trường chuyên, lớp chọn. Trong xu thế hội nhập GD hiện nay, trường CLC có sự phát triển cả về quy mô số lượng, chất lượng và cơ cấu, trên nhiều khía cạnh khác nhau, không chỉ gói gọn ở các trường công lập mà còn ở các loại hình trường dân lập, trường quốc tế với sự mở rộng và phát triển trên nhiều tiêu chí như: dịch vụ GD CLC; cơ sở vật chất hiện đại; sự tham gia của xã hội vào quá trình GD&ĐT. Trong thực tiễn, mô hình này đến nay đã phát triển khá phổ biến ở tất cả các cấp học, nhưng quá trình phát triển còn nhiều bất cập, hạn chế cả về lý luận và thực tiễn.

Hà Nội là trung tâm của cả nước với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa xã hội. Do đó, nhu cầu hưởng thụ các dịch vụ GD CLC ngày càng chiếm số đông và đa dạng hóa. Nắm bắt xu thế đó, ngày 24/6/2013 Ủy ban

Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 20/2013 quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non, GD phổ thông CLC. Trong đó, xác định rõ nguyên tắc phát triển trường CLC như sau: việc theo học tại các trường CLC theo nguyên tắc tự nguyện; chỉ phát triển trường CLC ở những khu vực đã có đủ chỗ học cho các đối tượng phổ cập; trường CLC phải được kiểm định theo quy định và được Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận; được công bố công khai, rộng rãi trong xã hội. Đồng thời, trên cơ sở các quy định, điều lệ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ban hành các tiêu chí trường CLC, bao gồm: tiêu chí về cơ sở vật chất; tiêu chí đội ngũ cán bộ, GV; Tiêu chí chương trình giảng dạy; tiêu chí phương pháp giảng dạy; tiêu chí các dịch vụ CLC trong GD. Có thể nói, đây không chỉ là hành lang pháp lý quan trọng cho phát triển mô hình trường CLC mà còn là căn cứ để xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về trường CLC cả về nguyên tắc phát triển, tiêu chí phát triển cũng như điều kiện để phát triển trường CLC [61].

Một số công trình nghiên cứu có liên quan tiêu biểu:

Tác giả Bùi Minh Hiền, trong cuốn “Quản lý giáo dục” [24] đã khái quát về lịch sử GD ở Việt Nam cũng như các nước trong khu vực và trên thế giới thời cận và hiện đại. Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ ra các mô hình GD trong xã hội hiện nay đó là: mô hình GD tọng trung, hay còn gọi là mô hình GD tinh hoa (education for elite); mô hình GD cạnh tranh hay còn có thể gọi là mô hình GD vì nhân lực (education for manpower); mô hình GD phục vụ hay còn gọi là mô hình GD đại chúng (education for mass); mô hình GD dịch vụ, hay còn có thể gọi là mô hình GD trong xã hội học tập (education in learning society). Từ những phân tích trên, tác giả khẳng định ở Việt Nam hiện phát triển mô hình GD dịch vụ định hướng xã hội chủ nghĩa có tính tất yếu. Bởi đây là mô hình GD dịch vụ, hay còn gọi là mô hình GD trong xã hội học tập (education in learning society). Về bản chất mô hình GD dịch vụ có nghĩa là xây dựng một nền GD của một xã hội học tập suốt đời toàn diện và tích hợp, một xã hội mà trong đó tất cả các yêu cầu học tập của mọi người ở mọi lúc, mọi nơi đều được đáp ứng. Nói cách khác, đây là mô hình nhà trường xã hội chủ nghĩa, nhà trường có nhiều tính ưu việt, tính nhân văn và là nhà trường phát triển cao nhất, có CLC đáp ứng sự phát triển xã hội.

Tác giả Nguyễn Văn Khôi trong cuốn sách: “*Phát triển chương trình giáo dục*” [32], đã nghiên cứu, đã bàn về phát triển chương trình GD, chỉ ra một số cách tiếp cận và mô hình phát triển chương trình GD, vấn đề đánh giá chương trình GD. Cụ thể, tác giả đã giới thiệu chung về lý thuyết phát triển chương trình GD; thống nhất các khái niệm có liên quan về chương trình GD,... cấu trúc nội dung và hình thức phát triển chương trình GD; làm rõ một số quan điểm, cách tiếp cận, phương pháp, mô hình thường gặp trong phát triển chương trình GD; làm rõ lý thuyết về đánh giá chương trình GD trong nhà trường hiện đại. Qua phân tích các nội dung cho thấy, tác giả đã chỉ ra chương trình GD là cái gốc để tạo nên chất lượng của nhà trường, xương sống để phát triển mô hình GD&ĐT nói chung, phát triển nhà trường nói riêng. Cùng quan điểm trên, tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền với bài viết: “Các xu hướng phát triển chương trình đào tạo theo quan điểm lấy người học làm trung tâm” [27], đã đề cập đến vấn đề phát triển chương trình đào tạo trong đó lấy lấy người học làm trung tâm. Tác giả đã làm rõ khái niệm cơ bản như: chương trình đào tạo; phát triển chương trình đào tạo; phân tích chỉ ra các đặc điểm trong quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm; chỉ ra xu hướng phát triển chương trình đào tạo trong xu hướng đó, tác giả cũng đã chỉ ra các yêu cầu đối với các bên có liên quan phải tham gia cùng nhà trường trong phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Theo đó, để phát triển nhà trường, nhất là nhà trường CLC, một trong tiêu chí quan trọng, có tính hấp dẫn đó là chương trình GD, quản lý phát triển chương trình GD lấy người học làm trung tâm.

Tác giả Phạm Thanh Nghị và Kimberly Goyette (2019) trong một chương của cuốn sách “*Transformations in Higher Education Governance in Asia. Higher Education in Asia: Quality, Excellence and Governance*” (Những chuyển đổi trong quản trị GD đại học ở châu Á. Giáo dục Đại học ở Châu Á: Chất lượng, Sự xuất sắc và Quản trị) với tiêu đề “*Higher Education Governance in Vietnam: Statism Versus Institutional Autonomy*” [Quản trị GD đại học ở Việt Nam: một nghiên cứu về vấn đề tự chủ] [38]. Các tác giả đã khái quát hệ thống GD Việt Nam trước năm 1987 và mô hình quản lý kế hoạch hóa tập trung, do nhà nước sở hữu và quản lý, nhà nước chỉ định trách nhiệm quản lý các loại cơ sở GD đại học cho các cơ quan chính phủ khác nhau. Sự phát triển của các trường cao đẳng và đại học ngoài công lập vào đầu những năm 1990 được coi là thay đổi quan trọng nhất trong quá trình

hướng tới tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở GD đại học. Trong cơ chế tự chủ, các cơ sở GD phải chịu trách nhiệm về mặt học thuật; chịu sự giám sát của các cơ quan chính phủ khác nhau về mặt tài chính và hành chính. Các cơ sở GD đại học công lập và ngoài công lập trong hệ thống có các mức độ tự chủ khác nhau. Ở cấp độ thể chế, các đơn vị mới đã được thành lập để mở rộng các hoạt động của trường đại học trong các lĩnh vực khác nhau. Các trung tâm dịch vụ sinh viên và trung tâm hợp tác quốc tế đã được tăng cường tại nhiều trường đại học như một tín hiệu về quyền tự chủ lớn hơn được trao cho các cơ sở GD đại học. Nghiên cứu này sẽ xem xét một số thay đổi đối với quản trị như quản trị về học thuật (tuyển sinh sinh viên, phát triển chương trình giảng dạy, quản lý chất lượng); quản trị về ngân sách; quản trị về hệ thống báo cáo, quản lý tổ chức và nhân sự để cho thấy các cơ sở GD đại học đã được trao quyền tự chủ đến đâu. Đây có thể được coi như một nghiên cứu tiêu biểu với nhiều nhận định, đánh giá về cơ chế tự chủ, triển khai cơ chế tự chủ ở các nhà trường của Việt Nam hiện nay. Đồng thời, là cơ sở quan trọng trong xác định mô hình trường CLC và phát triển mô hình trường CLC theo hướng tự chủ ở Việt Nam hiện nay.

Theo tác giả Đào Trọng Thi trong đề tài nghiên cứu khoa học: “*Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở GD đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030*” [48], tác giả đã nghiên cứu làm rõ được một số vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình đại học tự chủ, một mô hình nhà trường đang được kỳ vọng là bước đột phá nâng cao chất lượng GD ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, qua nghiên cứu, tác giả cho thấy, trong nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay thì tự chủ vừa là yêu cầu, vừa là điều kiện để xây dựng nhà trường CLC. Đây là cơ sở từng bước để xóa bỏ dần mô hình nhà trường theo nền kinh tế kế hoạch hóa bao cấp đã tồn tại khá lâu ở nước ta và bắt đầu xuất hiện nhiều hạn chế. Phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức phân cấp quản lý khoa học, hợp lý sẽ là mô hình nhà trường phù hợp với sự phát triển của GD nói riêng, sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội ở nước ta trong những năm tới nói chung. Trong nghiên cứu, tác giả đã khái quát và giới thiệu các mô hình tự chủ trên thế giới như: mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn (state control, Malaysia); mô hình bán tự chủ (semi – autonomous, Pháp và New Zealand); mô hình bán độc lập (semi –

independent, Singapore); mô hình độc lập (independent, Anh, Úc). Hiện tại với các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ ở nước ta hiện nay về cơ bản đang áp dụng bán tự chủ, từng bước tiến tới mô hình độc lập, tự chủ hoàn toàn. Tuy nhiên, thực tiễn các mô hình tự chủ trên thế giới vẫn cho thấy, dù trực tiếp hay không trực tiếp thì vẫn có những mặc định ngầm về quyền của Nhà nước trong nắm giữ một số kiểm soát về mặt chiến lược, trong đó có sự đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ sở GD. Trong nghiên cứu, tác giả cũng chỉ ra các nội dung tự chủ về: cơ cấu, tổ chức, quy trình ra quyết định lựa chọn Hiệu trưởng/người đứng đầu, Hội đồng quản trị/Hội đồng trường; tự chủ tài chính; tự chủ về học thuật (đào tạo và khoa học công nghệ); tự chủ về nguồn nhân lực là việc tự quyết định tuyển dụng và điều hành nguồn nhân lực sao cho phù hợp với lợi ích của trường. Đồng thời, để nâng cao, phát triển mô hình tự chủ của nhà trường ở Việt Nam hiện nay, tác giả cũng đưa ra khuyến nghị mang tính cấp thiết về vấn đề hoàn thiện các văn bản pháp lý cho hoạt động tự chủ của các nhà trường.

Tác giả Đỗ Kiều Tâm trong đề tài luận án tiến sĩ: “*Quản lý phát triển trường trung học phổ thông CLC trong thời kỳ đổi mới*” [46] đã nêu ra một số các luận điểm và đề xuất các biện pháp quản lý phát triển trường trung học phổ thông CLC trong bối cảnh hiện nay bao gồm: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ thể quản lý nhà nước và cơ sở GD về phát triển trường trung học phổ thông CLC; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển trường trung học phổ thông CLC phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, GD trên địa bàn; phát triển đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu phát triển trường trung học phổ thông CLC; phát triển đội ngũ quản lý giáo dục và nhân viên đáp ứng nhu cầu phát triển trường trung học phổ thông CLC; chỉ đạo đổi mới có hiệu quả chương trình, nội dung và phương pháp dạy học, theo xu thế dạy học hiện đại; hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật dạy học hiện đại theo mô hình trường CLC; tổ chức phối hợp chặt chẽ các lực lượng GD của nhà trường, gia đình và xã hội trong phát triển trường trung học phổ thông CLC. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng giúp tác giả định hướng khung lý thuyết, đánh giá thực trạng cũng như đề xuất các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC đáp ứng yêu cầu tự chủ hiện nay.

Theo tác giả Bùi Kim Tuyền, trong bài báo khoa học: “*Giáo dục mầm non CLC ở tiểu bang OIWA, Mỹ*” [52], đã giới thiệu về GD mầm non CLC ở

một tiểu bang nước Mỹ. Tác giả cho rằng: GD mầm non CLC không chỉ là nhu cầu bức thiết của các gia đình, các nhà GD trẻ thơ, mà còn được đề cập trong các chính sách GD mầm non của Liên bang và các bang ở Mỹ với mục đích là để trẻ nhận được nhiều nhất lợi ích từ nền GD có CLC nhất. Đặc biệt, qua nghiên cứu, tác giả đã chỉ ra trường mầm non CLC ở Mỹ được thể hiện các yếu tố gồm: đội ngũ GV ổn định và có trình độ chuyên môn cao (đây là yếu tố then chốt để xây dựng và phát triển trường CLC, bao gồm: trình độ đào tạo, cơ chế đãi ngộ, GV phụ giảng); dạy và học CLC (bao gồm: chương trình học toàn diện và có kế hoạch tốt; GD CLC); sự lượng giá phù hợp và CLC; bồi dưỡng phát triển chuyên môn CLC và sự ủng hộ từ các nhà tư vấn có trình độ; tỷ lệ GV/ trẻ thấp và quy mô lớp nhỏ; cộng tác với CMHS. Có thể nói, bài viết không chỉ đưa ra kinh nghiệm thực tiễn trong xây dựng, phát triển trường mầm non CLC của tiểu bang OIWA, Mỹ mà còn khái quát được những vấn đề lý luận quan trọng có tính chất chỉ dẫn đối với phát triển trường mầm non CLC ở nước ta trong bối cảnh hiện nay.

Tác giả Trần Mai Ước, trong bài báo khoa học: “*Năng lực cán bộ quản lý GD - chìa khoá quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo*”, [67] đã phân tích bối cảnh trong nước và thế giới, trên cơ sở đó khẳng định tính cấp thiết vai trò nhà trường và nâng cao chất lượng GD và đào tạo của nhà trường trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Theo tác giả, trong bối cảnh hiện nay, GD nói chung, nhà trường nói riêng ở nước ta có sự thay đổi mạnh mẽ cả về quy mô, tổ chức cũng như sứ mệnh, tầm nhìn. Nhà trường trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế cần có yếu tố vượt trội, yếu tố đầu tiên đó là năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, đây được coi là chìa khóa, khâu then chốt trong phát triển nhà trường. Do đó, để xây dựng và phát triển nhà trường nói chung, nhà trường CLC nói riêng, điều đầu tiên và quan trọng nhất là phải bắt đầu từ năng lực và ý chí quyết tâm của cán bộ quản lý giáo dục ở các nhà trường.

Tác giả Nguyễn Hồng Tây, trong bài báo khoa học: “*Quản lý phát triển các trường cao đẳng nghề CLC theo tiếp cận mô hình Malcolm Baldrige Award*”[47], cho rằng: quản lý phát triển các trường cao đẳng nghề CLC hiện nay là yêu cầu cấp thiết đặt ra cho hệ thống dạy nghề quốc gia. Đây sẽ là hạt nhân để nhân rộng các cơ sở dạy nghề CLC đáp ứng nhu cầu phát triển hội nhập với khu vực và quốc tế. Tiếp cận mô hình Malcolm Baldrige Award

trong việc phát triển các trường cao đẳng nghề CLC sẽ là hướng đi mới để dạy nghề đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo. Tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển trường cao đẳng nghề CLC theo tiếp cận mô hình Malcolm Baldrige Award, bao gồm: vai trò của lãnh đạo; xây dựng kế hoạch chiến lược; chính sách định hướng vào người học và thị trường lao động; đo lường, đánh giá và quản lý tri thức; quản lý, phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý; quản lý quá trình điều hành của nhà trường; kết quả hoạt động của nhà trường. Đây là cách tiếp cận khá mới trong xây dựng, phát triển mô hình trường CLC, tuy nhiên mô hình Malcolm Baldrige Award chỉ phù hợp với các trường đào tạo nguồn nhân lực CLC theo các ngành nghề, đối với các nhà trường phổ thông, việc áp dụng mô hình này khá tốn kém, phức tạp và tính khả thi không cao. Trong cùng hướng nghiên cứu, tác giả Lê Hà Minh trong bài viết: “*Phát triển trường cao đẳng nghề CLC trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp*” [16], đã cho rằng, trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu đặt ra phải nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đòi hỏi đổi mới công tác dạy nghề tại các trường cao đẳng nghề phù hợp với nền kinh tế thị trường, nâng cao tính cạnh tranh. Theo đó, yếu tố then chốt là phải xây dựng và phát triển được mô hình trường cao đẳng nghề CLC tại địa phương; phát triển trường nghề CLC sẽ góp phần quyết định vào việc “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực CLC” là một đột phá chiến lược, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. Theo tác giả, trường được công nhận là trường nghề CLC khi được cơ quan kiểm định chất lượng dạy nghề đánh giá đáp ứng đủ 06 tiêu chí cơ bản, bao gồm: về quy mô đào tạo; về việc làm sau đào tạo; về trình độ học sinh, sinh viên sau đào tạo; về kiểm định chất lượng; về GV, giảng viên; về quản trị nhà trường. Mặc dù nghiên cứu được đề cập ở bậc học là Cao đẳng nghề nhưng bài viết đã đề cập được những vấn đề cơ bản về phát triển mô hình trường CLC, trong đó xác định các tiêu chí với các chỉ báo cụ thể về trường Cao đẳng nghề CLC.

Tác giả Lê Xuân Trung, trong bài báo khoa học: “*Một số vấn đề về xây dựng trường trung học phổ thông CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội trong*

bối cảnh hiện nay” [54] đã cho rằng, nhu cầu học tập của con em nhân dân Thủ đô ngày càng đa dạng; nhiều CMHS mong muốn cho con em mình được học tập, rèn luyện trong môi trường GD hiện đại, tiên tiến, được thụ hưởng các điều kiện về cơ sở vật chất và GD CLC. Trong đó, để xây dựng trường CLC cần quan tâm đến các nội dung như: công tác quy hoạch; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức, các lực lượng xã hội. Trên cơ sở nghiên cứu, bài viết chỉ ra một số tiêu chí để xây dựng và phát triển mô hình trường CLC bao gồm: Về cơ sở vật chất; Về đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên; Về chương trình giảng dạy; Về phương pháp giảng dạy; Về tiêu chí các dịch vụ CLC trong GD. Mặc dù nghiên cứu đề cập ở cấp trung học phổ thông, tuy nhiên đây là điểm tựa lý luận và thực tiễn quan trọng, giúp tác giả định hình khung lý thuyết, đánh giá thực trạng, đề xuất biện pháp nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

Tác giả Vũ Trọng Rỹ, trong bài viết Hội thảo khoa học: “*Phác thảo mô hình trường phổ thông Việt Nam sau 10-15 năm tới*” [42], đã đưa ra một số vấn đề về mô hình nhà trường, phát triển nhà trường phổ thông trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Về thực chất có thể coi đó là định hướng phát triển mô hình GD Việt Nam hiện đại với yêu cầu cao về chất lượng trong GD&ĐT thế hệ trẻ. Theo tác giả, nhà trường phổ thông hiện đại, có CLC phải thể hiện tính mở, gắn kết chặt chẽ với gia đình học sinh và cộng đồng; thực hiện GD toàn diện và có đủ điều kiện thực hiện hiệu quả GD toàn diện; tính dân chủ, hợp tác được đề cao. Đặc biệt, bài viết đã chỉ ra các thành tố cơ bản của nhà trường phổ thông CLC gồm: mục tiêu phát triển của nhà trường phải hướng vào phát triển năng lực cá nhân của học sinh và đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội; cơ chế quản lý, nhà trường được quyền tự chủ về nhân sự, tài chính và tổ chức thực hiện chương trình GD; nội dung, chương trình GD phải được xây dựng theo hướng phát triển năng lực học sinh; phương pháp và hình thức tổ chức GD, áp dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở học sinh; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đào tạo về quản lý giáo dục; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đảm bảo đủ và phù hợp cho các hoạt động GD toàn diện.

Tác giả Huỳnh Công Minh, trong báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học: “*Xây dựng trường CLC vì một nền GD tiên tiến mang đậm bản sắc dân tộc đáp ứng yêu cầu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế hội nhập*”

quốc tế” [43], đã chỉ ra những dấu hiệu đặc trưng, bản chất của mô hình trường CLC, bao gồm: Trường CLC là nhà trường hội đủ những yếu tố tạo ra kết quả GD cao cho những học sinh theo học, đó là những phẩm chất tốt đẹp về nhân cách: đức, trí, thể, mỹ, lao động của con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa; trường CLC phải tiếp cận với chuẩn mực các nền GD tiên tiến của khu vực và thế giới về các tiêu chí cơ bản cơ sở vật chất, về GV, về nội dung chương trình, về công tác quản lý, về phối hợp 3 môi trường GD; trường CLC phải mang tính tiên tiến, nhưng đồng thời phải khả thi, phù hợp với thực tế địa phương, có tính thu hút phụ huynh tự nguyện gửi con em theo học và tham gia góp sức cùng với nhà nước cho sự phát triển nhà trường. Đặc biệt, tác giả đã đưa ra quy trình phát triển trường CLC gồm: *Giai đoạn 1*: Lựa chọn trường để áp dụng mô hình: Điều kiện tiên quyết để chọn xây dựng CLC là ngôi trường phụ huynh tự nguyện gửi con theo học; Cơ sở vật chất nhà trường được trang bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu tự học cho từng học sinh và hệ thống phòng bộ môn, phòng thực hành, thư viện, hội trường... đảm bảo cho học sinh có điều kiện học tập và hoạt động 2 buổi / ngày trong trường; Tập thể sư phạm được tập huấn về quan điểm sư phạm hiện đại và nhanh chóng thích ứng với phương pháp dạy học cá thể, chăm sóc đến từng học sinh, phát huy năng khiếu và tính tích cực của học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện. *Giai đoạn 2*: Chuẩn bị các điều kiện đảm bảo: bao gồm hành lang pháp lý để tiến hành phát triển trường CLC; đảm bảo cơ sở vật chất; sự quan tâm, ủng hộ và đồng thuận của các lực lượng xã hội khi triển khai tiến hành phát triển trường CLC. *Giai đoạn 3*: Tổ chức tiến hành xây dựng, phát triển trường CLC. Bao gồm: *Bước 1*: tiến hành công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, GV, nhân viên và các lực lượng có liên quan; *Bước 2*: triển khai công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở vật chất phát triển nhà trường theo tiêu chí, quy định của trường CLC; *Bước 3*: triển khai công tác bồi dưỡng tập huấn, xây dựng, phát triển lực lượng đáp ứng yêu cầu của trường CLC. Như vậy, đây là những vấn đề có ý nghĩa thiết thực trong định hướng cho các nhà trường chuyển đổi mô hình trường đại trà sang mô hình CLC mà còn là sự khái quát về mặt lý luận giúp cho nghiên cứu, phát triển mô hình trường CLC ở nước ta hiện nay đạt hiệu quả cao và bền vững. Cũng trong Hội thảo khoa học đó, tác giả Đặng Huỳnh Mai, có bài viết: “*Xây dựng trường tiểu học CLC phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” [45], đã cho thấy,

trong bối cảnh nhu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển trường tiểu học CLC, là một trong giải pháp căn cơ, quan trọng góp phần nâng cao chất lượng GD, phát triển nhân tài cho đất nước ngay từ cấp học bản lề quan trọng của hệ thống GD quốc dân và giai đoạn đầu trong định hình phát triển về phẩm chất nhân cách mỗi con người. Tác giả chỉ ra một số đặc trưng nội hàm của trường tiểu học CLC, gồm: chất lượng dạy học phải được đo và thể hiện trong những yêu cầu cụ thể về nội dung, phương pháp và năng lực của GV; thể hiện trong môi trường học tập, điều kiện dạy học và các dịch vụ GD CLC; khả năng thích ứng vào đời sống xã hội của học sinh. Các phương diện trên chính là các tiêu chí cụ thể trong đánh giá, xác định chất lượng của cơ sở đào tạo, vừa mang những yếu tố quản lý phát triển trường CLC, vừa mang tính thời đại, phù hợp với thực tiễn GD hiện nay. Cùng hướng nghiên cứu, tác giả Lê Tiến Thành, với bài viết “*Xây dựng trường tiểu học tiên tiến, CLC thời kỳ hội nhập*” [46] đã đưa ra các biểu hiện của trường tiểu học CLC, bao gồm: trường học có tính nhân văn; cơ sở vật chất đảm bảo; chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, GV tốt; hoạt động dạy học, GD sáng tạo, hiệu quả; quản lý nhà trường luôn đổi mới; chất lượng GD của nhà trường tiếp cận với khu vực và thế giới.

Như vậy, trường CLC, phát triển mô hình trường CLC ở các cấp học đã được các nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu đề cập ở các khía cạnh khác nhau. Trong đó, các nghiên cứu đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản của trường CLC, các nội dung, yêu cầu cũng như nguyên tắc xây dựng, phát triển trường CLC. Đặc biệt, các nghiên cứu đều nhấn mạnh vai trò của trường CLC trong sự nghiệp GD, đào tạo phát triển nguồn nhân lực nói riêng, bước đột phá trong nâng cao chất lượng GD, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD nói chung.

1.1.2. Khái quát kết quả những công trình khoa học đã tổng quan và những vấn đề đặt ra cần tập trung nghiên cứu

1.1.2.1. Khái quát kết quả tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan

Các công trình nghiên cứu về nhà trường CLC và xây dựng nhà trường CLC đã được tiếp cận dưới những góc độ khác nhau. Đặc biệt, các nghiên cứu đã chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của trường CLC, phát triển trường CLC; xác định được các yêu cầu, nội dung, tiêu chí cơ bản để phát triển

trường CLC. Đồng thời, các nghiên cứu cũng đã đưa ra được một số giải pháp xây dựng, phát triển trường CLC trong xã hội ngày nay. Bao gồm:

Một là, trường CLC được đo bằng chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và GV. Các ý kiến của các tác giả theo hướng này cho rằng, cán bộ quản lý, GV là những chủ thể xây dựng nhà trường, tạo nên chất lượng GD của nhà trường, quyết định chất lượng của nhà trường. Nếu cán bộ quản lý và GV phẩm chất và năng lực sư phạm không cao và không đồng đều, thì khó có thể phát triển được trường CLC. Chất lượng cán bộ quản lý, GV phải thể hiện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Xuất phát từ quan điểm đó, phát triển trường CLC điều kiện, tiêu chí quan trọng là phải tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển được đội ngũ cán bộ, GV có CLC.

Hai là, trường CLC được đo bằng chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Theo đó, một nhà trường được đánh giá là CLC phải có chương trình nội dung tiên tiến, có phương pháp giảng dạy phát huy được tính tích cực hoạt động học tập của học sinh. Vì vậy, phát triển trường CLC là phải tập trung xây dựng, phát triển chương trình, nội dung GD sao cho phù hợp với sự phát triển của xã hội, xu thế thời đại. Đồng thời phải tập trung đổi mới phương pháp quản lý của cán bộ, phương pháp giảng dạy của GV theo hướng lấy học sinh làm trung tâm.

Ba là, trường CLC được đo bằng cơ sở vật chất, tài chính và phương tiện dạy học hiện đại với các dịch vụ GD CLC, tiên tiến. Quan niệm này cho rằng, cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng được đầu tư xây dựng đầy đủ, khang trang, nguồn tài chính dồi dào trong đầu tư, phát triển công nghệ dạy học là nền tảng quan trọng nhất để phát triển trường CLC. Vì vậy, phát triển trường CLC phải tập trung xây dựng, phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị GD, phát triển các dịch vụ GD của nhà trường, phát triển các nguồn lực, năng lực quản trị các nguồn lực của nhà trường CLC.

Bốn là, trường CLC được đo bằng chất lượng GD vượt trội, trong đó thể hiện ở chất lượng đầu vào và chất lượng đầu ra. Một nhà trường CLC là phải nhận được sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ GD cả chất lượng đầu vào và chất lượng đầu ra của nhà trường. Vì vậy, xây dựng trường CLC là phải khai thác, sử dụng tốt các dịch vụ GD. Nhà trường phải xây dựng được các gói dịch vụ GD phù hợp với nhu cầu và khả năng chi trả của từng nhóm

đối tượng sử dụng. Theo đó, trường CLC cũng có nghĩa là chi phí, dịch vụ GD luôn được coi trọng để tương xứng với kết quả đầu ra.

Như vậy, mặc dù các nghiên cứu chưa đề cập trực tiếp, cụ thể về trường mầm non CLC, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu trên là cơ sở quan trọng gợi mở cho nghiên cứu sinh trong tiếp cận, xây dựng khung lý luận phù hợp với phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức tiến hành điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng, tìm ra các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, thực hiện mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

1.1.2.2. Một số vấn đề đặt ra cần tập trung nghiên cứu

Một là, nghiên cứu làm sáng rõ những vấn đề lý luận về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trong đó, làm rõ khái niệm về trường mầm non công lập CLC, đặc điểm, yêu cầu của trường mầm non công lập CLC. Đồng thời phải làm rõ khái niệm, đặc điểm phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xác định nội dung, nguyên tắc phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Hai là, nghiên cứu đánh giá chính xác, khách quan thực trạng trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ và thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Nghiên cứu vấn đề này nhằm phát hiện ra những thuận lợi, khó khăn trong phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ; phát hiện mâu thuẫn giữa lý luận với thực tiễn phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp và đưa ra kiến nghị với các cấp có thẩm quyền nhằm phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, đáp ứng yêu cầu xã hội hiện nay.

Ba là, nghiên cứu đề xuất hệ thống biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Thủ đô Hà Nội là nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển trường mầm non CLC theo hướng tự chủ, một mô hình nhà trường hiện đại và mới mẻ. Tuy nhiên, kết quả phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thời gian qua còn chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt trong quá trình phát triển đã xuất hiện nhiều khó khăn, bất cập. Do đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống biện

pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ vừa mang tính khoa học, khả thi vừa phù hợp với thực tiễn phát triển của Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh hiện nay là vấn đề có tính cấp thiết.

1.2. Những vấn đề lý luận về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.2.1. Trường mầm non công lập

Trường mầm non là một bộ phận của hệ thống GD quốc dân, theo Điều 2, Điều lệ trường mầm non [7] thì: Trường mầm non công lập là cơ sở GD mầm non trong hệ thống GD quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; GD phát triển về thể chất, nhận thức, tình cảm, thẩm mỹ, kỹ năng xã hội; hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực, phẩm chất nền tảng, những kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn trong trẻ, tạo nền tảng vững chắc cho trẻ sẵn sàng vào học cấp một và các cấp học tiếp theo.

Nhiệm vụ của trường mầm non, theo Điều 3, Điều lệ trường mầm non [7] có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển nhà trường theo các quy định của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; Tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em từ 03 tháng đến 06 tuổi theo chương trình GD mầm non hiện hành; Chủ động tham mưu, đề xuất nhu cầu tuyển dụng cán bộ, GV, nhân viên theo tổ chức, biên chế; thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên để thực hiện hiệu quả mục tiêu GD của nhà trường; Tiến hành các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD theo quy định, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên và nhu cầu xã hội; Thực hiện trách nhiệm giải trình của nhà trường trong quản lý hoạt động GD và các hoạt động khác theo quy định; Tổ chức huy động trẻ trong lứa tuổi mầm non đến trường và tiến hành xã hội hóa GD mầm non trên địa bàn địa phương; Huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật, tiến hành xây dựng, đảm bảo cơ sở vật chất theo yêu cầu; Tham mưu với chính quyền, phối hợp với gia đình hoặc người chăm sóc trẻ em và tổ chức, cá nhân để thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em.

Nội dung hoạt động GD ở nhà trường mầm non, theo Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều lệ trường mầm non [7] được tiến hành theo chương trình GD hiện hành và chương trình nâng cao (đối với các trường mầm non CLC) đảm

bảo phù hợp với sự phát triển của trẻ, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ, giúp trẻ em phát triển khỏe mạnh; biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với người trên, yêu quý anh, chị, em, bạn bè, thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên và các phẩm chất cơ bản khác. Nội dung GD ở nhà trường mầm non phải đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức, từ dễ đến khó; tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung GD với cuộc sống hiện thực, xã hội, gia đình và địa phương trẻ, lấy trẻ làm trung tâm. Phương pháp GD chủ yếu trong nhà trường mầm non thông qua việc tổ chức các hoạt động vui chơi là chính, qua đó giúp trẻ em phát triển toàn diện; ngoài ra, chú trọng các phương pháp nêu gương, động viên, khích lệ, các phương pháp GD khác.

Hiện nay nhà trường mầm non có nhiều loại hình, theo Điều lệ trường mầm non [7] bao gồm: Trường mầm non công lập do Nhà nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu; Trường mầm non dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở gồm tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng và bảo đảm điều kiện hoạt động; Trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước hoặc nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động. Theo đó, trường mầm non công lập là loại hình trường do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các hoạt động bằng ngân sách Nhà nước. Từ các phân tích trên, có thể hiểu:

Trường mầm non công lập là cơ sở GD mầm non do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí hoạt động bằng ngân sách, thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi, phát triển về thể chất, nhận thức, tình cảm, thẩm mỹ, xã hội, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, giúp trẻ vững vàng vào lớp một và các cấp học tiếp theo.

Ngoài các đặc trưng của cơ sở GD mầm non, trường mầm non công lập có đặc điểm riêng, bao gồm:

Về cơ chế quản lý và bộ máy tổ chức hoạt động: trường mầm non công lập do Nhà nước thành lập nên chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát về tổ chức bộ máy, hoạt động hành chính theo quy định của Nhà nước hoặc chính quyền các cấp. Bộ máy quản lý, điều hành của trường mầm non công lập được tổ chức phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường nhưng phải tuân thủ các quy định về lĩnh vực này trong các văn bản pháp luật của Nhà nước hoặc địa

phương. Bộ máy điều hành nhà trường theo Điều 8, Điều lệ trường mầm non [7] bao gồm: Hội đồng trường, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn, tổ văn phòng; các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Ngoài ra, các trường mầm non công lập còn chịu sự quản lý chuyên môn của cơ quan quản lý Nhà nước về GD về các nội dung cơ bản như: chương trình GD, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, chất lượng đội ngũ, chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ.

Về nguồn tài chính và cơ chế quản lý tài chính: các trường mầm non công lập có đặc điểm quan trọng là sở hữu thuộc về Nhà nước, do Nhà nước thành lập và đầu tư kinh phí để xây dựng và hoạt động nên tính chất hoạt động của các trường thường không vì mục đích lợi nhuận.

Về nguồn kinh phí: Nhà nước cấp kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao; trường được phép thu một số khoản phí, lệ phí (được coi là nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước), mức thu học phí bị khống chế trong khung quy định của Nhà nước; trường có thể tổ chức một số hoạt động cung ứng dịch vụ GD (trông trẻ ngoài giờ; câu lạc bộ..) để có nguồn thu khác, tuy nhiên ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng tài chính của trường.

Về cơ chế quản lý tài chính: các trường mầm non công lập được tự chủ trong khuôn khổ quy định, được tự chủ tối đa ở một số khoản chi nhất định; nhưng phải tuân thủ các khoản mục chi đã được ấn định bởi cơ quan phân bổ và giao dự toán. Điều này chưa cho phép các trường mầm non công lập thực hiện được các chính sách ưu đãi đối với người dạy và người học hoặc tập trung đầu tư để nâng cao chất lượng.

1.2.2. Trường mầm non công lập chất lượng cao

1.2.2.1. Quan niệm, đặc điểm trường chất lượng cao

Chất lượng là một khái niệm rộng có nhiều cách định nghĩa khác nhau:

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt: “Chất lượng là cái tạo nên phẩm chất, giá trị của một người, một sự vật, một sự việc. Đó là tổng thể những thuộc tính cơ bản khẳng định sự tồn tại của một sự vật và phân biệt chúng với những sự vật khác” [70]. Theo Từ điển Tiếng Việt, chất lượng là “cái tạo ra phẩm chất, giá trị của một con người, sự vật, hiện tượng” hoặc là “cái tạo nên bản chất sự vật, làm cho sự vật này khác sự vật kia” [69].

Dưới góc độ của khoa học quản lý, tác giả Nguyễn Đức Chính đã đưa ra những định nghĩa khác nhau về chất lượng. Trong đó, mỗi định nghĩa được xem như là một tiêu chuẩn – tiêu chí về chất lượng: Chất lượng là sự phù hợp với các tiêu chuẩn (thông số kỹ thuật). Chất lượng là sự phù hợp với mục đích. Chất lượng với tư cách là hiệu quả của đạt mục đích. Chất lượng là sự đáp ứng nhu cầu của khách hàng [12].

Theo quan điểm triết học: Chất lượng là tổng hợp các mặt, các thuộc tính, các đặc điểm của sự vật, hiện tượng; phân biệt sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác.

Như vậy, thuật ngữ chất lượng phản ánh tổng hợp thuộc tính, đặc trưng, giá trị, bản chất của sự vật, hiện tượng và tạo nên sự khác biệt giữa sự vật, hiện tượng này với sự vật, hiện tượng khác, làm cho sự vật, hiện tượng ấy tồn tại và phát triển. Chất lượng được thể hiện ở các khía cạnh: giá trị, phẩm chất, tổng hợp thuộc tính, các đặc điểm của sự vật, hiện tượng.

Từ những định nghĩa trên, theo tác giả: *Chất lượng là tập hợp những thuộc tính bản chất của sản phẩm, tạo nên giá trị của sản phẩm, thỏa mãn yêu cầu của người sử dụng hoặc mục tiêu đã được xác định của chủ thể tạo ra sản phẩm đó trong những điều kiện nhất định.*

Trong GD, khái niệm chất lượng thường liên quan đến kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra và được thể hiện ở thành tích học tập, sự đáp ứng các chuẩn mực và giá trị, sự phát triển cá nhân người học; lợi ích của những đầu tư và sự phù hợp những mục tiêu GD đề ra với nhu cầu xã hội. Theo cách đó, *trường CLC là trường có giá trị đạt được hoặc chuyển đổi kết quả đạt được ở mức cao hơn so với mục tiêu của cấp học.*

Mặt khác, khi bàn về chất lượng nhà trường thì chất lượng nhà trường thường được thể hiện ở 3 khía cạnh sau:

Chất lượng nhà trường được thể hiện ở mô hình chất lượng cấu trúc: có nghĩa chất lượng nhà trường được thể hiện ở các yếu tố cấu thành nên nhà trường như: chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; chương trình, nội dung, công tác quản lý, tài chính, cơ sở vật chất, kết quả giáo dục...

Chất lượng nhà trường được thể hiện ở quy trình, quá trình tạo ra kết quả: đó là sự tương tác, tác động qua lại, phối hợp giữa các thành tố như sự tương tác chất lượng chuyên môn, chất lượng chương trình và quy trình đào

tạo, phối hợp các phương pháp sư phạm... để tạo ra quy trình, quá trình vận hành nhà trường nhằm tạo ra sản phẩm giáo dục có chất lượng.

Chất lượng nhà trường là sự kết hợp thống nhất giữa mô hình chất lượng cấu trúc với chất lượng quá trình, quy trình, tạo thành chất lượng tổng thể từ chất lượng đầu vào, chất lượng quá trình và chất lượng đầu ra của sản phẩm giáo dục.

Do đó, từ phạm vi nghiên cứu, khi nghiên cứu về trường chất lượng cao, tác giả luận án tiếp cận ở góc độ mô hình chất lượng cấu trúc. Có nghĩa, *trường CLC là trường có các yếu tố cấu thành đạt chất lượng theo chuẩn nhất định.*

Trường CLC thường được thể hiện ở mức độ đạt được các tiêu chuẩn về chất lượng ở mức độ cao nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mức độ đạt chuẩn CLC phải được nhà trường và cơ quan chuyên trách kiểm định, đánh giá theo bộ tiêu chuẩn quy định đối với từng cấp học. Đồng thời, chất lượng GD cao phải được phụ huynh học sinh và xã hội công nhận. Như vậy, *trường CLC phải là trường đạt chuẩn quốc gia theo các tiêu chí quy định.* Đồng thời, trường CLC phải đạt được các mục tiêu vượt trội về chất lượng GD so với các trường khác trong cùng nhóm. Trong đó, mục tiêu vượt trội của nhà trường phải được đánh giá đầy đủ bằng mức độ phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Bên cạnh đó, trường CLC là phải thỏa mãn được nhu cầu của học sinh, của gia đình học sinh và của xã hội. Đó là sự hài lòng của học sinh, của phụ huynh học sinh và của xã hội, của địa phương về môi trường học tập, về các điều kiện học tập, về chất lượng các dịch vụ học tập và về chất lượng GD. Nhà trường không chỉ phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh mà còn lan tỏa các giá trị văn hóa, đạo đức, lối sống tích cực tới gia đình, địa phương và toàn xã hội, sự đóng góp của nhà trường với xã hội.

1.2.2.2. Quan niệm, đặc điểm trường mầm non công lập chất lượng cao

Từ những phân tích trên, có thể hiểu: *Trường mầm non công lập CLC là cơ sở GD mầm non do cơ quan Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng ban đầu, đạt Chuẩn quốc gia, có chất lượng vượt trội về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và các dịch vụ CLC, tổ chức các hoạt động GD theo nội dung, phương pháp và hình thức tiên tiến nhằm thực hiện có hiệu quả hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, đáp ứng nhu cầu xã hội.*

Mục tiêu và phương châm hoạt động của trường mầm non công lập

CLC cũng giống như hệ thống các trường mầm non khác về cơ bản hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ Luật Giáo dục, Điều lệ Trường mầm non và các yêu cầu khác theo quy định của bậc GD mầm non; Là nhà trường được Nhà nước quan tâm, đầu tư theo mô hình CLC, từng bước tiến tới hoàn thiện và phát triển thành *trường công lập CLC*, đáp ứng thực tiễn phát triển xã hội và xu thế phát triển của GD mầm non hiện nay. Trường mầm non công lập CLC luôn quan tâm và đặt phương châm GD lên hàng đầu. Điều này tạo nên định hướng rất riêng cho các tổ chức GD. Trong đó, phương châm chủ đạo của GD CLC đó là luôn lắng nghe và chia sẻ cùng trẻ, thay đổi môi trường GD phù hợp với sự phát triển của trẻ và tạo bệ phóng cho trẻ trở thành công dân tốt toàn cầu. Tất cả điều này được thể hiện qua phương pháp giảng dạy, tâm huyết GV, và quy trình tuyển chọn khắt khe đầu vào của nhà trường.

Về nội dung, chương trình GD ở trường mầm non công lập CLC sử dụng các phương pháp GD tiên tiến, hiện đại lấy trẻ làm trọng tâm. Trong đó, GV và phụ huynh đóng vai trò là những người đồng hành, hỗ trợ con trong mọi lúc. Thầy, cô sẽ tôn trọng ý kiến cá nhân của các con, nhìn nhận tiềm năng của từng trẻ để thúc đẩy phát triển tối đa các năng lực, sở trường của trẻ. Trường mầm non công lập CLC lấy môi trường phát triển làm trọng điểm, ưu tiên xây dựng môi trường GD thuận lợi để phát triển toàn diện cho trẻ. Môi trường GD này đảm bảo cả 2 yếu tố bên trong (phòng học, đồ vật tại lớp, dinh dưỡng) và bên ngoài (ngoại khóa, không gian vui chơi và những kỹ năng cần thiết).

Điều kiện và tiêu chí của trường mầm non công lập CLC, được quy định tại khoản 1, Điều 7, Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non, GD phổ thông CLC của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, đó là: "trường đã được đánh giá chất lượng và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng GD ở cấp độ cao nhất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo" [61]; xây dựng trường mầm non CLC "trên địa bàn Thủ đô theo các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và các dịch vụ GD CLC" [61]. Điều kiện để đăng kí công nhận trường chất lượng cao là phải đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Theo Điều 3, Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất,

đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non, GD phổ thông CLC của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã cụ thể hóa 05 tiêu chí trên, bao gồm:

Về cơ sở vật chất: Trường, lớp phải đảm bảo các điều kiện hoạt động về không gian, môi trường và trang thiết bị hiện đại, khang trang theo mô hình tiên tiến. Cụ thể: Trường có không quá 02 điểm trường, các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Yêu cầu về số trẻ, nhóm trẻ, lớp, số GV/ nhóm, lớp đạt chuẩn theo quy định.

Yêu cầu về môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện, phù hợp với trẻ mầm non, khu vui chơi thiên nhiên, sân chơi giao thông cho trẻ hoạt động. Phòng nhóm lớp đạt tiêu chuẩn ánh sáng, không khí, nhiệt độ phù hợp, có công trình vệ sinh khép kín hoặc liền kề đảm bảo yêu cầu và thuận tiện cho sử dụng. Trang thiết bị phòng, nhóm lớp đủ thiết bị theo danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GD mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đảm bảo yêu cầu về thẩm mỹ, hiện đại. Phòng chức năng như hội trường, phòng máy tính, phòng tổ chức hoạt động làm quen với tiếng Anh, phòng thư viện, các phòng, khu vực, đáp ứng với các hoạt động CLC của nhà trường. Các phòng chức năng có đầy đủ các trang thiết bị đồng bộ, phù hợp với độ tuổi và hiện đại. Nhà bếp có trang thiết bị đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, đảm bảo vệ sinh, an toàn phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng trong nhà trường. Nhà trường được trang bị đầy đủ các phương tiện đảm bảo an ninh, an toàn, thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

Về đội ngũ: Đạt chuẩn và trên chuẩn, có số lượng, chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt, thực hiện các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GD tiên tiến, lấy trẻ làm trung tâm, phát huy được năng khiếu và thái độ tích cực học tập của trẻ. Cụ thể: Hiệu trưởng được đánh giá, xếp loại xuất sắc theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cán bộ quản lý đạt trình độ đào tạo Đại học chuyên ngành trở lên, có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, có năng lực tổ chức quản lý chỉ đạo, dân chủ đổi mới, năng động sáng tạo, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

Đội ngũ GV linh hoạt sáng tạo, tâm huyết với nghề, có ít nhất 70% GV đạt trình độ đào tạo chuyên ngành trên chuẩn và có Chứng chỉ tiếng Anh, tin

học và đạt yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp GV mầm non. Đội ngũ GV chuyên biệt dạy các hoạt động về tạo hình, âm nhạc, thể chất đảm bảo đầy đủ, đúng quy định. Hàng năm, đội ngũ GV được cập nhật, bồi dưỡng phương pháp GD, tham quan, học tập các điển hình tiên tiến trong nước hoặc quốc tế. Nhân viên nuôi dưỡng đạt trình độ tối thiểu trung cấp nghề nấu ăn.

Về chương trình giảng dạy: Tuân thủ nghiêm túc Chương trình GD hiện hành, kết quả đạt được ở mức cao, ngoài ra có các nội dung, chương trình nâng cao tương ứng theo nhu cầu của trẻ và gia đình, đảm bảo tính hiện đại về nội dung, phương pháp, cũng như năng lực sư phạm tương ứng của đội ngũ GV. Cụ thể: Chương trình GD có chọn lọc bổ sung một số nội dung tiên tiến phù hợp với sự phát triển của trẻ. Trong đó, chú trọng các nội dung hoạt động theo chủ đề nhằm nâng cao kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống cho trẻ, hoạt động chăm sóc cá nhân, đảm bảo trẻ không bị suy dinh dưỡng. Đối với trẻ ở độ tuổi mẫu giáo, tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tiếng Anh, làm quen với máy tính và chơi trò chơi trên máy tính phù hợp nhằm phát triển tư duy và khả năng nhận thức của trẻ. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thể dục thể thao và nghệ thuật, các hoạt động câu lạc bộ theo nhu cầu và phù hợp với sở thích của trẻ. Nhà trường tổ chức các hoạt động tư vấn dinh dưỡng sức khỏe, tâm lý, khám sức khỏe cho trẻ định kỳ cho trẻ theo quy định, đảm bảo chất lượng tốt.

Về phương pháp giảng dạy: Sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, lấy trẻ làm trung tâm, giúp trẻ nhanh chóng phát triển về ngôn ngữ, nhận thức và các phẩm chất cơ bản khác phù hợp với lứa tuổi. Cụ thể: Nhà trường có áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động GD tiên tiến, hiện đại, trong đó ít nhất 95% các hoạt động GD được tổ chức theo hình thức đổi mới nhằm khuyến khích trẻ tích cực hoạt động. Các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất trong các phòng chức năng do GV chuyên biệt hướng dẫn, chú trọng tổ chức hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân trong các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ. Tổ chức tăng cường cho trẻ tham gia các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm thực tiễn, kết hợp tốt các hình thức GD trực tuyến, liên lạc qua mạng với học sinh, gia đình.

Về các dịch vụ GD CLC: Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ GD CLC, tiên tiến, hiện đại và toàn diện, phù hợp với nhu cầu của trẻ, gia đình và điều kiện thực tiễn của địa phương. Cụ thể: Thực hiện tốt các dịch vụ chăm

sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón học sinh, đáp ứng nhu cầu của CMHS. Đẩy mạnh công khai và cam kết CLC trong chăm sóc, nuôi dưỡng, GD trẻ và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo cầu theo mục tiêu của Chương trình GD mầm non và Chuẩn phát triển trẻ em 05 tuổi. Coi trọng các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, GV, nhân viên. Thực hiện tốt các quy định về phòng chống tai nạn thương tích, y tế học đường.

1.2.3. Trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.2.3.1. Quan niệm, đặc điểm về tự chủ trong các cơ sở giáo dục

Tự chủ là một khái niệm rộng, theo tác giả Ashby và Anderson thì: tự chủ là việc tự điều hành quản lý của mọi tổ chức mà không bị tổ chức cá nhân khác chi phối [Dẫn theo 1]. Nhóm tác giả cũng chỉ ra các biểu hiện, tiêu chí của tự chủ gồm: tự chủ trong tuyển sinh, tự chủ trong tuyển dụng, tự chủ trong xác định các chuẩn mực, tự chủ trong cấp bằng (đảm bảo chất lượng), tự chủ trong thiết kế chương trình giảng dạy, tự chủ trong sử dụng các nguồn lực của nhà trường.

Theo Kohtamaki V khi nghiên cứu về tự chủ tài chính ở nhà trường đại học vấn đề thể chế, đã chỉ ra biểu hiện tự chủ thể hiện ở hai khía cạnh: thứ nhất, đó "là quyền tự do của các trường", quyền đó được thể hiện trong xác định các mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường và các chương trình trong nhà trường; thứ hai, tự chủ là "quyền tự chủ thủ tục", chủ động trong xác định phương thức phương tiện cần thiết để thực hiện mục tiêu và chương trình GD của nhà trường.

Theo từ điển tiếng Việt, tự chủ là "tự điều hành, quản lý mọi công việc của mình không bị ai chi phối" [69].

Trong GD, tự chủ là xu thế tất yếu của các cơ sở GD trong tình hình hiện nay. Mục đích chủ yếu của việc giao quyền làm chủ cho các cơ sở GD để có thể hoạt động một cách có hiệu quả và đáp ứng tốt nhất những đòi hỏi của xã hội. Thể chế tự chủ cao hơn là yếu tố then chốt tạo ra sự thành công của các cuộc cải cách GD, đặc biệt là những cuộc cải cách nhằm đa dạng hoá và sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả. Mặt khác, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và các cơ sở GD, sự phân chia quyền lực và giám sát vẫn đảm bảo việc Nhà nước thực hiện "chức năng quản lý vĩ mô" trong khi vẫn tăng khả năng tự chủ của các cơ sở GD nhằm giải phóng năng

lực tiềm tàng và sự nhiệt tình của cơ sở. Quyền được tự chủ của các cơ sở GD cao hơn, được tham gia nhiều hơn là cơ sở để xây dựng ý thức trách nhiệm của các cơ sở GD, cũng như các phương thức giám sát nhằm giảm thiểu tính cơ hội, tệ tham nhũng và chi tiêu kém hiệu quả ở các nhà trường hiện nay.

Như vậy, về bản chất tự chủ của các cơ sở GD là quyền quản lý và quyền quyết định các vấn đề về mục tiêu, tổ chức, nội dung, phương thức đào tạo của nhà trường. Hay nói cách khác, đó là quyền của nhà trường trong việc quyết định những vấn đề có liên quan trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của nhà trường, bao gồm việc thực hiện chương trình, nội dung và phương pháp GD; việc tuyển dụng, sử dụng và sa thải GV; việc huy động nguồn lực tài chính và sử dụng ngân sách nhà trường.

Từ các phân tích trên, có thể hiểu: *Tự chủ của một cơ sở GD là quyền được tự tổ chức, quản lý các hoạt động một cách chủ động, tích cực, sáng tạo nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, sứ mệnh của cơ sở GD&ĐT; chủ thể thực hiện quyền tự chủ là lãnh đạo của cơ sở GD&ĐT đó.*

Quyền tự chủ của cơ sở GD được hiểu theo hai cấp độ: Cấp độ vĩ mô, đó là quyền tự chủ của cơ sở GD&ĐT đối với quyền điều hành, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về GD&ĐT. Cấp độ vi mô, đó là quyền tự chủ trong nội bộ của cơ sở GD&ĐT. Luận án nghiên cứu dựa trên cấp độ thứ hai, tức là quyền tự chủ trong nội bộ của cơ sở GD.

Về mô hình tự chủ: trên thế giới hiện nay có nhiều mô hình thực hiện quyền tự chủ của cơ sở GD&ĐT tùy theo cách hiểu về vấn đề tự chủ, biểu hiện rõ nhất là trong thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GD. Có thể kể đến các mô hình như: Mô hình tự chủ độc lập (independent) ở Anh, Úc; Mô hình bán tự chủ (semi-autonomous) ở Pháp, New Zealand; Mô hình bán độc lập (semi-independent) ở Singapore. Theo đó, nhà nước có vai trò từ mô hình nhà nước kiểm soát chuyên dần sang mô hình nhà nước giám sát trong thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GD&ĐT. Như vậy, việc thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở GD&ĐT dù ở mức độ nào cũng được thể hiện dưới hai hình thức cơ bản là *tự chủ toàn diện và tự chủ không toàn diện (bán tự chủ)*. Trong thực tế, dù là theo mô hình tự chủ nào thì nhà nước vẫn giữ vai trò giám sát, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD, không đứng ngoài hoàn toàn. Trong những trường hợp cần thiết, Nhà nước sẽ đứng ra thực hiện các biện pháp hỗ trợ, giải cứu và can thiệp khi có vấn đề nảy sinh từ thực hiện quyền

tự chủ của các cơ sở GD, đảm bảo sự công bằng trong GD. Từ nhận thức như vậy, luận án tiếp cận hướng tới xây dựng và phát triển nhà trường công lập theo hướng tự chủ toàn diện nhưng đặt dưới sự giám sát, quản lý của Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện GD hiện nay.

Từ các nghiên cứu ở trên, kết hợp với việc đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Luật Giáo dục) và thực tiễn tự chủ ở các trường mầm non công lập CLC hiện nay, luận án xác định nội dung tự chủ trong nhà trường không tồn tại biệt lập mà là một chỉnh thể thống nhất, bao gồm: Tự chủ về chuyên môn là mục tiêu và sứ mệnh; tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự là điều kiện tiên quyết; tự chủ về hợp tác, liên kết là phương thức để mở rộng nguồn lực và nâng cao vị thế; trong đó, tự chủ về tài chính là vấn đề cốt lõi, nó là công cụ đòn bẩy và điều kiện đảm bảo. Cụ thể:

Tự chủ về chuyên môn: Bao gồm tự chủ về thực hiện tuyển sinh, lựa chọn và thực hiện chương trình GD, xác định mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường. Tự chủ về hoạt động chuyên môn, được quyền quyết định tổ chức hoạt động GD và nghiên cứu khoa học để thực hiện chức năng của trường, đảm bảo sự phát triển nhà trường theo quy định của Luật định và thực tiễn phát triển, nhu cầu của xã hội đối với nhà trường. Tự chủ trong xây dựng, lựa chọn và thực hiện chương trình GD, kết hợp giữa các quy định của cơ quan quản lý nhà nước với nghiên cứu, bổ sung, phát triển chương trình GD hiện đại phù hợp với nhà trường, nâng cao uy tín, chất lượng và khả năng cạnh tranh. Tự quyết định chỉ tiêu tuyển sinh theo hướng gắn chỉ tiêu với điều kiện đảm bảo chất lượng GD của nhà trường và thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, nhu cầu, nguyện vọng của gia đình; tổ chức tuyển sinh theo phương thức riêng trên cơ sở công bằng, công khai, bình đẳng và đảm bảo chất lượng đầu vào.

Tự chủ về tổ chức, biên chế, nhân sự trong nhà trường: Tự chủ về tổ chức, biên chế, nhân sự cho phép nhà trường chủ động trong xây dựng, phát triển tổ chức biên chế, tinh gọn bộ máy tổ chức và thực thi hiệu quả chức năng của bộ máy, tổ chức trong nhà trường nhằm thực hiện tốt mục tiêu GD và đào tạo. Tự chủ về tổ chức, biên chế, nhân sự cho phép các cơ sở GD thực thi quyền trong bãi bỏ, bổ sung, phát triển các tổ chức, biên chế trong nhà

trường; chủ động trong tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp, phân công, sử dụng đội ngũ cán bộ, GV theo năng lực và vị trí công tác nhằm phát huy tối đa hiệu quả, chất lượng hoạt động của đội ngũ. Tự chủ về tổ chức, biên chế, nhân sự giúp cơ sở GD chủ động trong bãi miễn các chức danh, hợp đồng sử dụng lao động theo quy định của pháp luật, quyền bổ nhiệm và miễn nhiệm người lao động các cấp từ phó hiệu trưởng trở xuống; quyền quyết định tất cả các chức danh khoa học và sư phạm thuộc phạm vi trường mình theo tiêu chuẩn của trường và quy định của Nhà nước đã quy định.

Tự chủ về liên kết, hợp tác trong GD: Tự chủ về liên kết, hợp tác trong GD, thực hiện các dịch vụ GD đáp ứng nhu cầu xã hội. Đây là nội dung tự chủ quan trọng giúp cơ sở GD nâng cao chất lượng GD, đồng thời tạo động lực khuyến khích trong thực hiện đảm bảo chất lượng GD. Tự chủ liên kết, hợp tác quốc tế và thực hiện các dịch vụ GD được thể hiện trong tự do lựa chọn chương trình GD bổ sung hoặc tăng cường trên cơ sở thực hiện tốt chương trình GD theo quy định; chủ động trong chọn đối tác, hợp tác tổ chức, tiến hành các hoạt động GD; chủ động trong lựa chọn các hình thức, loại hình dịch vụ GD phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và nhu cầu của CMHS.

Tự chủ về tài chính: các cơ sở GD được quyền quyết định hoạt động thu, chi tài chính trên cơ sở tuân thủ pháp luật quy định. Cụ thể, nhà trường được tự do phân bổ các nguồn ngân sách nhà nước cấp theo thực tiễn, nhu cầu các bộ phận trong nhà trường; chủ động trong xây và lập quỹ nhằm tạo điều kiện xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, sự linh hoạt trong thực hiện các nhiệm vụ GD của nhà trường; khả năng sở hữu và thanh lý cơ sở vật chất, chủ động trong đầu tư xây dựng, mua sắm cơ sở vật chất hiện đại phục vụ hoạt động GD của nhà trường.

Tự chủ về tài chính là vấn đề cốt lõi, phức tạp đối với các cơ sở GD công lập hiện nay. Đối với các cơ sở GD công lập, muốn chuyển đổi sang cơ chế tự chủ hoàn toàn phải chứng minh được năng lực của trường thông qua việc dự toán chi phí cho từng chương trình hoạt động chính xác trong vài năm, đồng thời thực hiện được mục tiêu theo cam kết đã xác định. Theo đó, học phí, lệ phí sẽ không còn được coi là một khoản ngân sách của nhà nước và hoạt động thu - chi của khoản mục này sẽ không còn buộc phải theo các quy định của Luật ngân sách nhà nước và trường có thể đặt ra mức học phí

cao hơn (nhưng vẫn trong khuôn khổ quy định mức trần của địa phương). Đối với các cơ sở tự chủ một phần, có thể áp dụng mức học phí khác nhau tùy theo chương trình học nhưng phải tuân theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch đầu tư nhưng không vượt quá tỷ lệ tăng trong tổng chi lương thường xuyên. Đối với các cơ sở GD tự chủ trong điều kiện được đảm bảo toàn bộ chi phí, đó là các trường trên thực tế có nguồn thu thấp hoặc không có nguồn thu. Trường được trao quyền tự chủ để khuyến khích đơn vị có các biện pháp quản lý tài chính như khoán chi, tiết kiệm chủ động trong việc quản lý tài chính theo đúng quy định của pháp luật.

1.2.3.2. Quan niệm, đặc điểm về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là loại hình nhà trường do Nhà nước đầu tư ban đầu, bảo đảm điều kiện hoạt động và đại diện chủ sở hữu. Do đó, các cơ sở GD mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay đang được điều hành theo cơ chế tự chủ về tài chính và các lĩnh vực khác trong chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ em từ mười hai tháng tuổi đến sáu tuổi.

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay bao gồm có hai loại hình tự chủ toàn bộ hoặc tự chủ một phần. Trường được Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên, trường có nguồn thu từ hoạt động GD nhưng chưa tính đủ chi phí trong giá dịch vụ, được Nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá dịch vụ. Trường tự đảm bảo chi thường xuyên có nguồn thu từ hoạt động GD đủ bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên. Trường tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư là trường có nguồn thu từ hoạt động GD đủ bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên và chi phí khấu hao tài sản cố định. Trẻ theo học tại các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện. Học phí tại các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thu tương xứng với tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy CLC đã được kiểm định.

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chính sách phát triển GD của Nhà nước, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân loại danh mục cơ sở GD mầm non ở địa bàn có khả năng xã hội hóa cao chuyển sang cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên, hoặc tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư để cung

cấp dịch vụ GD CLC, thu học phí tương xứng đủ bù đắp chi phí GD theo quy định. Với các yêu cầu như vậy, hiện nay, các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thường hiện mô hình tự đảm bảo chi thường xuyên.

Mặt khác, trường CLC và tự chủ của các cơ sở GD có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong đó, tự chủ GD là yếu tố quan trọng, then chốt để đảm bảo cho các tiêu chí CLC phát triển toàn diện. Ngược lại, đảm bảo được các tiêu chí trường CLC phát huy tốt nhất cần vận hành trong cơ chế tự chủ nhằm phát huy tối đa các nguồn lực của Nhà nước và xã hội. Đối với trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cũng phát triển theo quy luật đó. Tức là, để xây dựng trường mầm non công lập CLC thì phải đảm bảo chất lượng theo các tiêu chí của trường đạt Chuẩn trường quốc gia mức độ 2 và được công nhận CLC. Tuy nhiên, với các yêu cầu của trường mầm non công lập CLC đòi hỏi các yếu tố về cơ sở vật chất, về đội ngũ, chương trình GD, phương pháp giảng dạy và các dịch vụ GD CLC đòi hỏi phải có nguồn kinh phí, tài chính đảm bảo tương ứng. Trong khi các khoản chi theo ngân sách nhà nước cho trường mầm non công lập được xác định ở khung cố định. Do đó, để xây dựng trường mầm non công lập CLC đòi hỏi phải thoát được sự kìm chế trong các khoản chi ngân sách nhà nước, tức là phải tự chủ tài chính, tự đảm bảo được các hoạt động thu, chi của nhà trường. Như vậy, cơ chế tự chủ được xem như là sự cởi trói cho khó khăn cốt lõi của các trường mầm non công lập CLC. Theo đó, khi nói tới trường mầm non công lập CLC phải đặt trong bối cảnh tự chủ và khi đảm bảo được các yêu cầu tự chủ là yếu tố quyết định trong xây dựng và phát triển trường mầm non công lập CLC.

Từ các phân tích trên, có thể hiểu: *Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là cơ sở GD do cơ quan Nhà nước thành lập, đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, có chất lượng vượt trội về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và các dịch vụ CLC, tổ chức các hoạt động GD theo nội dung, phương pháp và hình thức tiên tiến; được điều hành theo cơ chế tự chủ về tài chính và các lĩnh vực khác nhằm thực hiện có chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ em từ mười hai tháng tuổi đến sáu tuổi, đáp ứng nhu cầu xã hội.*

Từ các nghiên cứu, phân tích và tiếp cận ở trên, theo tác giả luận án trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

Tự chủ về tài chính, cơ sở vật chất CLC: Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là trường được xây dựng và phát triển trên cơ sở trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2. Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở GD công lập CLC, tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, chịu sự quản lý của Nhà nước, sự giám sát của phụ huynh học sinh và xã hội, đảm bảo tương xứng giữa chất lượng GD với học phí do người học đóng góp và nguồn tài chính đầu tư, sử dụng. Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có nhiệm vụ đảm bảo công bằng về cơ hội học tập và phát triển của trẻ, trong thụ hưởng ngân sách giữa trẻ trường công lập và trẻ trường công lập CLC theo hướng tự chủ, tạo sự cạnh tranh lành mạnh với các trường ngoài công lập CLC. Trường đảm bảo tự chủ tài chính trong các khoản thu, chi theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình địa phương. Huy động các nguồn tài trợ nhằm góp phần, phát triển, xây dựng trường sở; bổ sung, mua sắm thiết bị, cơ sở vật chất và chi phí thường xuyên; tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC; tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ.

Tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, GV CLC: Trường mầm non công lập CLC đảm bảo tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, GV; đảm bảo các điều kiện làm việc cho cán bộ, GV một cách phù hợp: chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ; tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả; GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường; sử dụng chế độ chi, trả lương theo kết quả công việc, năng lực của mỗi người nhằm khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ, GV.

Tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD của nhà trường, bổ sung và phát triển chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại CLC, trong hoạt động tuyển sinh và trong xác định các tiêu chuẩn CLC: Trường mầm non công lập CLC chủ đảm bảo tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD của nhà trường, bổ sung và phát triển chương trình GD nâng cao. Trên cơ sở chương trình GD do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt, điều kiện thực tiễn của nhà trường xác định các nội dung GD bổ trợ phù hợp với nhu cầu, điều kiện của

địa phương và của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng GD; áp dụng các phương pháp, hình thức GD hiện đại phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường và nhu cầu phát triển của địa phương; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng GD, tiến độ thực hiện kế hoạch GD hàng năm của nhà trường; tổ chức hoạt động dịch vụ GD CLC phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và khả năng của nhà trường theo quy định.

Trường mầm non công lập CLC đảm bảo tự chủ trong hoạt động tuyển sinh. Tự chủ trong quyết định về số lượng và địa bàn tuyển sinh, nhu cầu tuyển sinh. Nhà trường tự xác định số lượng tuyển sinh phải trên cơ sở xác định được nhu cầu học tập của trẻ, nhu cầu xã hội, trình độ dân trí, mức thu nhập của cha mẹ trẻ; năng lực của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, tài chính, khả năng quản lý. Những thông số này có thể thay đổi, biến động, theo đó, nhà trường báo cáo cơ quan quản lý và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng; quyết định phương án tuyển sinh theo quy định của pháp luật.

Trường mầm non công lập CLC đảm bảo tự chủ chủ trong xác định các tiêu chuẩn CLC và phương pháp đánh giá chất lượng GD. Trên cơ sở trường đã được đánh giá chất lượng và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng GD ở cấp độ cao nhất theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng GD của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở GD mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ xác lập các chuẩn mực thể hiện đặc trưng riêng của nhà trường, theo hướng phát huy uy tín và đảm bảo chất lượng GD, đồng thời chủ động xác định các thang đánh giá, phương pháp đánh giá để đảm bảo và duy trì chất lượng GD. Thông thường các cơ sở GD mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được xây dựng trên cơ sở mô hình trường CLC, cho nên các chuẩn và phương pháp đánh giá thường hiện đại, tiên tiến và hướng tới đảm bảo chất lượng toàn diện và phù hợp với yêu cầu quản lý GD của Nhà nước.

Chu kỳ đánh giá, đề xuất công nhận trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là 05 năm, bao gồm 05 bước sau: Trường tự đánh giá trên cơ sở các tiêu chí và các quy định khác về kiểm định chất lượng GD của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Kiểm tra, hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện đổi mới nâng cao chất lượng GD của trường, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá; Đăng ký đánh giá và đăng ký công nhận đạt tiêu chí CLC của trường; Đánh giá ngoài đối với trường do cơ quan kiểm định độc

lập tiến hành; Công nhận trường đạt các tiêu chí trường CLC và quyết định công nhận trường CLC theo hướng tự chủ.

Chủ thể đánh giá, công nhận, thu hồi quyết định công nhận trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ CLC gồm: Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng kiểm định độc lập để đánh giá, đề xuất công nhận trường CLC; Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công nhận hoặc thu hồi quyết định công nhận trường CLC trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng kiểm định độc lập và đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Tự chủ trong khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ GD CLC, tiên tiến, hiện đại và toàn diện, phù hợp với nhu cầu của trẻ, gia đình và điều kiện thực tiễn của địa phương: mặc dù hệ thống cơ sở vật chất và các điều kiện đảm bảo ban đầu khác được nhà nước xây dựng, đầu tư, theo quy định phải được quản lý, sử dụng và khai thác các hoạt động dịch vụ theo quy chế, quy định quản lý tài sản công. Tuy nhiên, đối với trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, việc đảm bảo tự cân đối thu, chi là gánh nặng của nhà trường. Do đó, để tăng nguồn thu, ngoài việc Nhà nước có các hướng dẫn cụ thể trong quản lý, sử dụng tài sản công, cần có chính sách cho nhà trường tự chủ trong sử dụng một số cơ sở vật chất, các nguồn lực vào việc thực hiện các dịch vụ GD CLC theo nhu cầu của trẻ và nguyện vọng của gia đình.

1.3. Những vấn đề lý luận về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.3.1. Quan niệm, đặc điểm phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Phát triển được nghiên cứu, xem xét ở nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Ở cấp độ chung nhất, theo tác giả Phạm Minh Hạc đó là "sự thay đổi hay biến đổi tiến bộ, là một phương thức của vận động, hay là quá trình diễn ra có nguyên nhân, dưới những hình thức khác nhau như tăng trưởng, tiến hóa, chuyển đổi, mở rộng, cuối cùng tạo ra biến đổi về chất" [22].

Theo *Đại từ điển Tiếng Việt*, phát triển được xem là "phạm trù triết học chỉ ra tính chất của những biến đổi đang diễn ra trong thế giới"; "Điều đó có nghĩa là bất kì một sự vật, một hiện tượng, một hệ thống nào, cũng như cả thế giới nói chung không đơn giản chỉ có biến đổi, mà luôn luôn chuyển sang những trạng thái mới, tức là những trạng thái trước đây chưa từng có và

không bao giờ lặp lại hoàn toàn chính xác những trạng thái đã có, bởi vì trạng thái của bất kì sự vật hay hệ thống nào cũng đều được quyết định không chỉ bởi các mối liên hệ bên trong, mà còn bởi các mối liên hệ bên ngoài. Nguồn gốc của phát triển là sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập. Phương thức phát triển là chuyển hoá những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất, và ngược lại theo kiểu nhảy vọt. Chiều hướng phát triển là sự vận động xoáy tròn ốc”[70]. Quan niệm đã chỉ ra bản chất, nguồn gốc, điều kiện và phương thức của sự phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

Theo Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ học, tác giả Hoàng Phê (chủ biên) thì: “Phát triển là biến đổi hoặc làm cho biến đổi từ ít đến nhiều, hẹp đến rộng, thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp” [69, tr.769] .

Dưới góc độ quản lý GD, theo tác giả Đặng Quốc Bảo: “Phát triển là tăng cả về chất lượng và số lượng làm cho hệ giá trị được cải tiến, được hoàn thiện” [4]. Phát triển được coi là một chức năng cơ bản của phát triển nhà trường hoặc phát triển nguồn lực, phát triển nguồn nhân lực. Do đó, phát triển được xem xét theo sự tăng tiến về chất lượng tổng thể của nhà trường hoặc sự phát triển về số lượng, chất lượng và cơ cấu nguồn lực.

Như vậy, mặc dù tiếp cận ở nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, dù ở nghĩa nào thì phát triển được hiểu là sự vận động, tiến triển theo chiều hướng tăng lên; là quá trình biến đổi từ ít thành nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của một sự vật. Theo đó, trong luận án, tác giả coi phát triển được thể hiện ở góc độ là sự vận động, tiến triển theo chiều hướng tăng lên của sự vật, hiện tượng; phát triển là sự tăng tiến về chất lượng tổng thể của nhà trường dựa trên các tiêu chí đã xác định.

Từ các phân tích trên, có thể hiểu: *Phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ là quá trình chủ thể quản lý chủ động đưa ra các quyết định trong xác định mục tiêu, chương trình, kế hoạch nhằm làm cho nhà trường tăng tiến vượt trội về chất lượng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, các dịch vụ và hoạt động giáo dục theo nội dung, phương pháp và hình thức tiên tiến, hiện đại, đem lại hiệu quả, chất lượng cao trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đáp ứng nhu cầu xã hội.*

Về bản chất phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là một hoạt động có mục đích, tính kế hoạch của các chủ thể quản lý, chủ

động, tích cực tác động vào quá trình phát triển toàn diện nhà trường theo các tiêu chí của trường CLC; làm cho hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhân viên, chương trình GD, chương trình giảng dạy và các dịch vụ GD CLC ngày một tăng lên, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ và hiện đại, đáp ứng nhu cầu, xu thế phát triển của xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Về chủ thể phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: bao gồm: Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu trường là chủ thể chính của luận án, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo phát triển; thực hiện tự đánh giá theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT, đồng thời, đây cũng là chủ thể cao nhất chủ động quyết định, điều khiển, chỉ đạo mọi hoạt động phát triển nhà trường theo chiến lược đã xác định; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các kế hoạch nâng cao chất lượng đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá, theo chỉ đạo của Sở GD&ĐT và các khuyến nghị của Hội đồng kiểm định. Hàng năm tổ chức tự kiểm định, đánh giá theo các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ và công bố kết quả kiểm định trước kỳ tuyển sinh; Chủ thể là tổ chuyên môn và đội ngũ GV, vừa là đối tượng trong phát triển đồng thời là chủ thể tự phát triển, nâng cao hiệu quả, thực hiện các mục tiêu GD CLC của nhà trường. Ngoài ra, các chủ thể quản lý nhà nước có liên quan như: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố. Đây là cơ quan trực tiếp thành lập các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, có thẩm quyền công nhận và thu hồi quyết định về nhà trường; Sở GD&ĐT, Phòng Văn hóa – Xã hội là chủ thể giám sát, chỉ đạo các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thực hiện kế hoạch đổi mới nội dung, phương pháp và các điều kiện để nâng cao chất lượng GD theo tiêu chuẩn CLC.

Về đối tượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là quá trình phát triển của nhà trường trên tất cả các mặt, trong đó sự tăng lên về chất lượng của các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Về nội dung phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ toàn diện, bao gồm: xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Về phương thức và điều kiện phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những quy định của địa phương. Trước hết, cần phải căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn và phương thức phát triển trường chuẩn quốc gia theo Thông tư số 13/2012/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 4 năm 2012. Đồng thời, phải căn cứ đặc điểm, điều kiện cụ thể của từng địa phương mà lựa chọn phương thức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cho phù hợp. Điều kiện phát triển nhà trường: đối với một số tỉnh, thành trực thuộc trung ương, thông thường trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được xây dựng và phát triển trên cơ sở các trường mầm non công lập đạt Chuẩn Quốc gia (đối với Thủ đô Hà Nội phải đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2; phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu các trường theo quy hoạch và kế hoạch phát triển GD mầm non của địa phương. Ngoài ra, cần thực hiện theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Đối với mỗi nhà trường, bộ máy quản lý đủ năng lực: Hiệu trưởng và Ban giám hiệu có năng lực lãnh đạo, quản lý tài chính, nhân sự, có tư duy đổi mới. Đội ngũ giáo viên chuyên môn tốt, sẵn sàng đổi mới, học hỏi, nâng cao năng lực nghề nghiệp. Hệ thống giám sát, đánh giá, giải trình rõ ràng, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính và chất lượng giáo dục. Sự đồng thuận của phụ huynh và cơ quan chủ quản.

1.3.2. Nội dung phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.3.2.1. Xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là nhà trường phát triển theo hướng hiện đại với những yêu cầu cao về đảm bảo chất lượng GD toàn diện. Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải được xem xét, cân nhắc trên nhiều tiêu chí, bình diện khác nhau, được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương, đây cũng được xem như một phương thức hướng tới đột phá trong nâng cao chất lượng GD.

Trước hết, chủ thể quản lý phải xác định rõ mục đích, mục tiêu của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Phải trả lời được câu hỏi tại sao phải phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tức là cần phải luận giải làm rõ tính cấp thiết phải phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trong bối cảnh hiện nay. Mục tiêu phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là mô tả những kết quả, thành tựu về chất lượng GD của nhà trường trong tương lai. Những kết quả dự kiến đó phải thiết thực và có thể kiểm chứng được thông qua các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể, được cơ quan quản lý xác lập và công nhận, kiểm định đạt kết quả theo lộ trình đã cam kết. Theo đó, xác định mục tiêu phát triển của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần đảm bảo các nội dung như: xác định rõ mục tiêu phát triển nhà trường thể hiện trong Chiến lược phát triển của nhà trường; xác định được lộ trình và các nội dung cốt lõi mục tiêu tự chủ về cơ sở vật chất, tài chính CLC; mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ; mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy; mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy; mục tiêu phát triển các dịch vụ GD CLC tương ứng. Bên cạnh đó, xác định mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp, các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên và toàn thể nhân dân trên địa bàn.

Thứ hai, chủ thể quản lý các cấp cần căn cứ vào quy hoạch, đề án, kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, căn cứ vào điều kiện của nhà trường để xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường theo lộ trình cụ thể. Xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là khâu thiết kế, vạch ra lộ trình, dự kiến các bước đi cụ thể cho quá trình phát triển nhà trường trong tương lai, đảm bảo cho quá trình đó diễn ra theo chương trình, kế hoạch đã định. Mặt khác, kế hoạch là văn bản có tính pháp lý để cơ quan quản lý căn cứ vào đó kiểm tra, đánh giá tiến độ, chất lượng, kết quả của quá trình phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Về loại hình kế hoạch bao gồm: kế hoạch tổng thể và các kế hoạch bộ phận. Trong đó, kế hoạch tổng thể là kế hoạch xác định về hướng đi chung trong lộ trình phát triển của nhà trường, kế hoạch bộ phận là kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của nhà trường theo lộ trình đã xác định.

Về nội dung kế hoạch, bao gồm các nội dung theo từng chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, thành phần khác nhau của nhà trường. Trong đó, nội dung cơ bản như: kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng

tự chủ; kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên CLC theo hướng tự chủ; kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ; kế hoạch phát triển các dịch vụ GD CLC.

Về yêu cầu xây dựng kế hoạch, phải xác định rõ: Căn cứ pháp lý để xây dựng kế hoạch; Bối cảnh phát triển (trong và ngoài nhà trường); Mục tiêu phát triển, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể; Các nguồn lực thực hiện mục tiêu; Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện mục tiêu.

1.3.2.2. Xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thể hiện trên nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau. Theo cách tiếp cận của luận án, nội dung, phương pháp phát triển nhà trường được thể hiện ở sự tăng lên về số lượng, chất lượng và cơ cấu của các tiêu chí dựa trên các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hoàn toàn. Theo đó, các chủ thể quản lý nhà trường cần chủ động trong lựa chọn và xác định nội dung phát triển nhà trường theo hướng làm tăng lên về chất lượng các tiêu chí trường CLC theo hướng tự chủ. Bao gồm: tự chủ về phát triển về cơ sở vật chất, tài chính; tự chủ về phát triển về đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên; chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC; chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC; tự chủ trong khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ GD CLC, tiên tiến, hiện đại và toàn diện, phù hợp với nhu cầu của trẻ, gia đình và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Phát triển phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có sự tham gia của nhiều tập thể, tổ chức và cá nhân ở các cấp quản lý khác nhau. Hay nói cách khác, chủ thể phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có sự tham gia của nhiều tổ chức, nhiều lực lượng. Các chủ thể quản lý có mục tiêu, có nội dung phương thức phát triển ở các góc độ khác nhau; tương ứng với từng mục tiêu, nội dung, chủ thể quản lý có các cách thức, biện pháp tác động khác nhau. Do vậy, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ rất đa dạng, phong phú, ở nhiều góc độ, nhiều cấp độ khác nhau tùy theo từng chủ thể, cấp quản lý. Có thể khái quát một số phương pháp chủ yếu như:

Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp. Thể hiện trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện các quan điểm của Đảng và Nhà nước về GD mầm non, về phương châm, phương hướng và biện pháp được cụ thể trong các văn bản, chỉ thị, nghị quyết của các tổ chức đảng, chính quyền các cấp quan tâm tới phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Đây là cũng phương pháp phát triển chủ yếu mà các trường mầm non công lập đang thực hiện. Theo đó, phát triển nhà trường được thực hiện theo lộ trình, có chỉ định và sự tạo điều kiện, ủng hộ của các cấp chính quyền và xã hội.

Các trường mầm non công lập chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ theo phương hướng phát triển của nhà trường dựa trên các quy định về kiểm định và công nhận trường đạt Chuẩn. Tiến hành xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ theo lộ trình phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn, điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, nhu cầu của nhân dân. Thể hiện trong công tác quy hoạch ngắn hạn, dài hạn, trong các bản kế hoạch đã sắp xếp. Theo đó, các trường mầm non công lập CLC tự xác định lộ trình, bước đi theo tiến trình phát triển, từng bước hướng tới tự chủ một phần và toàn phần. Trong quá trình tự xác định lộ trình, bước đi, theo kết quả tích lũy đạt được, trường đăng kí xét duyệt và kiểm định đánh giá để công nhận đạt tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Xây dựng kế hoạch từng bước, hoàn thiện nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, bao gồm: về cơ sở vật chất; về đội ngũ, về chương trình giảng dạy; về phương pháp giảng dạy và về dịch vụ GD CLC, toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu. Theo đó, các trường mầm non công lập CLC tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch, xác định các nội dung ưu tiên, tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra, đánh giá thực hiện phát triển tích lũy từng tiêu chí hoặc một vài tiêu chí trường CLC, tiến tới tự chủ hoàn toàn. Trong từng tiêu chí có phương thức phát triển riêng để tiến tới phát triển đạt chuẩn CLC. Chẳng hạn, để thực hiện tiêu chí: tự chủ trong phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên thì nhà trường chủ động thực hiện các phương pháp như: tự chủ trong quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên; tự chủ trong tuyển dụng, sử dụng và thải loại; tự chủ trong đào tạo, bồi dưỡng; tự chủ trong đảm bảo cơ chế, chính sách để thúc đẩy nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, GV CLC.

1.3.2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ về bản chất là chủ động thiết kế cơ cấu các bộ phận sao cho phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường. Thông qua đó, giúp các lực lượng trong nhà trường phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng nhằm thực hiện có hiệu quả mục đích phát triển đã xác định. Đặc biệt, nhà trường tự chủ trong sắp xếp, bố trí, phân công về trách nhiệm, quyền hạn của các cá nhân hoặc bộ phận một cách hợp lý, bao gồm:

Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Cấu trúc bộ máy nhà trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thực hiện theo Luật Giáo dục và Điều Lệ trường mầm non. Tuy nhiên, tổ chức thực hiện kế hoạch, nhà trường thành lập Ban chỉ đạo đảm nhiệm điều phối quá trình triển khai thực hiện kế hoạch; điều chỉnh kế hoạch chiến lược sao cho mỗi giai đoạn, lộ trình phát triển sát với tình hình thực tế của nhà trường. Thành lập các tiểu ban trên các lĩnh vực khác nhau của nhà trường, bao gồm: Tiểu ban xây dựng, phát triển về cơ sở vật chất, tài chính trường học theo hướng tự chủ; Tiểu ban xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên CLC; Tiểu ban xây dựng, phát triển chương trình giảng dạy CLC; Tiểu ban xây dựng, phát triển phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại CLC; Tiểu ban xây dựng, phát triển các dịch vụ GD CLC; Tiểu ban truyền thông, phối hợp, huy động các lực lượng GD.

Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, GV và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường. Đây là nhiệm vụ có tính then chốt quyết định tới tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Do đó, nhà trường chủ động trong công tác tạo nguồn, tuyển chọn, bồi dưỡng, đào tạo, bố trí sử dụng, thải loại cán bộ, GV, nhân viên. Trong đó, lựa chọn, phát triển đội ngũ cốt cán, làm nòng cốt trong phát triển các nội dung của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban xây dựng, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trên cơ sở các quy định về trường CLC và cơ chế tự chủ, nhà trường xác định các cơ chế phát triển cơ sở vật chất, tài chính của trường CLC; cơ chế hoạt động của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên CLC; cơ chế hoạt động phát

triển chương trình giảng dạy CLC; cơ chế hoạt động phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại CLC; cơ chế trong hoạt động tham gia và thực hiện các dịch vụ GD CLC. Ngoài ra, các định cơ chế khác có liên quan đến hoạt động nhà trường như: cơ chế liên kết, phối hợp, hợp tác GD; cơ chế truyền thông; cơ chế tuyển sinh; cơ chế huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường.

Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp với yêu cầu, cơ chế hoạt động và tính hiện đại của nhà trường CLC theo hướng tự chủ. Theo đó, mỗi cá nhân trong nhà trường là một chủ thể tích cực, đầy trách nhiệm cùng chung vai, gắng sức kết hợp với Ban giám hiệu, Hội đồng trường thực hiện các mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ, phát triển nhà trường. Phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường cần xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm của mỗi thành viên, đề cao tính tự chủ, sáng tạo của mỗi thành viên trong thực hiện các mục tiêu phát triển của nhà trường. Trong đó: *Đối với hiệu trưởng*, tổ chức xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đến từng cán bộ, GV, công nhân viên nhà trường; thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học. *Đối với các phó hiệu trưởng*, theo nhiệm vụ được phân công, giúp hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện. *Đối với tổ trưởng chuyên môn*, tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch. *Đối với cá nhân cán bộ, GV, công nhân viên*, căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học, từng bước góp phần thực hiện hiệu quả lộ trình phát triển của nhà trường.

Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Tổ chức lực lượng là bố trí, phân công nhiệm vụ, phối hợp các lực lượng, phân bổ các nguồn lực trong quá trình phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Phối hợp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm: phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường nhằm phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả chất lượng các tiêu chí; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp trong xây dựng hành lang pháp

lý, điều kiện đảm bảo và công tác xã hội hóa GD; phối hợp với cha mẹ trẻ trong thực hiện nội dung, chương trình GD và các dịch vụ GD CLC.

1.3.2.4. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Đối với trường mầm non công lập CLC được thực hiện theo hướng tự chủ, theo lộ trình, nhà trường phải tự chủ từng phần, tiến tới tự chủ toàn bộ. Do đó, để phát triển được nhà trường, không chỉ cần sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong nhà trường, sự tạo điều kiện về cơ chế, chính sách của chính quyền địa phương các cấp mà còn cần có sự quan tâm, đồng thuận của các lực lượng xã hội, sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn. Theo đó, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần có sự chỉ đạo chặt chẽ trong khai thác các nguồn lực xã hội, tạo sức mạnh, hiệu quả trong thực hiện các mục tiêu phát triển. Nguồn lực phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm nguồn nhân lực, vật lực, tài lực trong và ngoài nhà trường.

Về khai thác vật lực và tài lực, nhà trường cần phải phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương, các tổ chức, mạnh thường quân và phụ huynh để thực hiện xã hội hóa phát triển các nguồn tài lực, vật lực theo yêu cầu, tiêu chí của trường CLC. Với xu thế phát triển của nhà trường hướng tới tự chủ hoàn toàn, các cá nhân và tập thể trong xã hội có thể tham gia đầu tư, cho thuê, mượn... các vật chất, phương tiện hiện đại theo nhu cầu của nhà trường. Tuy nhiên, trước khi thực hiện các biện pháp đó, mỗi nhà trường cần huy động và phát huy tối đa nguồn vật lực, tài lực của nhà trường trên cơ sở các cải tiến, sáng kiến, nâng cấp các nguồn vật lực, tài lực sẵn có.

Về khai thác nguồn nhân lực, đây là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình thực hiện mục tiêu phát triển của nhà trường. Nhà trường thiết lập quy trình bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng chuẩn "nhà giáo chất lượng cao". Chỉ đạo việc mở rộng liên kết, hợp tác với các chuyên gia, tổ chức quốc tế để tiếp nhận các phương pháp giáo dục tiên tiến.

Tạo môi trường thúc đẩy và cơ chế động viên, khuyến khích. Để vận hành mô hình tự chủ, chỉ đạo không chỉ là ra lệnh mà là tạo hệ sinh thái thúc đẩy sự đổi mới: Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nhân văn, nơi các sáng kiến sư phạm và quản lý được tôn trọng. Chỉ đạo thực hiện các chính sách đòn bẩy kinh tế (lương, thưởng, đãi ngộ) dựa trên hiệu suất công việc và mức độ đóng góp vào thương hiệu CLC của nhà trường. Khơi dậy lòng tự

trọng nghề nghiệp và tinh thần tự chủ trong mỗi cá nhân, chuyển từ trạng thái "làm theo chỉ định" sang "chủ động sáng tạo".

Đôn đốc, theo dõi và điều chỉnh tiến độ thực hiện. Đây là khâu then chốt để đảm bảo các hoạt động đi đúng quỹ đạo "tự chủ" và "chất lượng cao": Giám sát định kỳ và đột xuất, thiết lập hệ thống thông tin phản hồi hai chiều để nắm bắt kịp thời các điểm nghẽn trong quá trình triển khai (về tài chính, nhân sự hoặc sự đồng thuận của phụ huynh); Trên cơ sở dữ liệu theo dõi, chủ thể quản lý đưa ra các quyết định điều chỉnh về nguồn lực hoặc phương pháp triển khai nhằm ứng phó với các biến động thực tế, đảm bảo tính đúng hướng, đúng cách và đúng tiến độ; Khai thác sức mạnh tổng hợp, chỉ đạo sự phối hợp nhịp nhàng giữa nhà trường, gia đình và xã hội, tạo sự đồng thuận cao để huy động nguồn lực bên ngoài (chuyên gia, mạnh thường quân) một cách hiệu quả và bền vững.

Về khai thác vật lực và tài lực, nhà trường cần phải phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương, các tổ chức, mạnh thường quân và phụ huynh để thực hiện xã hội hóa phát triển các nguồn tài lực, vật lực theo yêu cầu, tiêu chí của trường CLC. Với xu thế phát triển của nhà trường hướng tới tự chủ hoàn toàn, các cá nhân và tập thể trong xã hội có thể tham gia đầu tư, cho thuê, mượn... các vật chất, phương tiện hiện đại theo nhu cầu của nhà trường. Tuy nhiên, trước khi thực hiện các biện pháp đó, mỗi nhà trường cần huy động và phát huy tối đa nguồn vật lực, tài lực của nhà trường trên cơ sở các cải tiến, sáng kiến, nâng cấp các nguồn vật lực, tài lực sẵn có.

Về khai thác nguồn nhân lực, đây là yếu tố quan trọng quyết định hiệu quả của quá trình thực hiện mục tiêu phát triển của nhà trường. Do đó, để đảm bảo cho hoạt động phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, trước hết phải tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường, phát huy tối đa sự tích cực, sáng tạo của mỗi cán bộ, GV, đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện các mục tiêu của nhà trường. Mặt khác, phải phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của nhà trường đáp ứng yêu cầu hiện tại và phương hướng phát triển tương lai thông qua xây dựng và thực hiện các chính sách hấp dẫn về lương, thưởng và chế độ khác. Bên cạnh đó, biết khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội, bao gồm nguồn nhân lực trong nhân dân, các chuyên gia thông qua

phối hợp, liên kết, hợp đồng thực hiện các nội dung phát triển của nhà trường; thực hiện liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ sở cho GD CLC của các nhà trường trên địa bàn; hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước có nền GD tiên tiến trong khai thác sử dụng chuyên gia, GV có kinh nghiệm trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Mặt khác, phải phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của nhà trường đáp ứng yêu cầu hiện tại và phương hướng phát triển tương lai thông qua xây dựng và thực hiện các chính sách hấp dẫn về lương, thưởng và chế độ khác. Bên cạnh đó, biết khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội, bao gồm nguồn nhân lực trong nhân dân, các chuyên gia thông qua phối hợp, liên kết, hợp đồng thực hiện các nội dung phát triển của nhà trường; thực hiện liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực ở các cơ sở cho GD CLC của các nhà trường trên địa bàn; hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước có nền GD tiên tiến trong khai thác sử dụng chuyên gia, GV có kinh nghiệm trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

1.3.2.5. Kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Kiểm tra, đánh giá trường CLC được thực hiện theo quy trình và chu kỳ đánh giá trường CLC và điều kiện thực hiện đánh giá trường CLC đã được ban hành. Tuy nhiên, để phục vụ các hoạt động đánh giá ngoài đạt hiệu quả, nhà trường cần thường xuyên tiến hành đánh giá trong hoặc tự đánh giá.

Theo đó, tiến hành tự đánh giá dựa trên các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ về bản chất là từng bước thu thập thông tin, xác nhận mức độ đạt được của nhà trường trong quá trình phát triển hướng tới tự chủ toàn diện.

Về nội dung kiểm tra, đánh giá là kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các chủ thể, kết quả thực hiện các khâu, các bước, các hoạt động trong quá trình phát triển. Trong đó, nội dung kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ chính sẽ được thực hiện trên năm tiêu chí của trường CLC.

Về loại hình kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm: kiểm tra, đánh giá thường xuyên, kiểm tra

đánh giá định kỳ, kiểm tra, đánh giá đột xuất. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá cần phải phối hợp nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau, đan xen nhằm thu thập thông tin chính xác nhất. Yêu cầu khi tiến hành các loại hình kiểm tra, đánh giá là phải có kế hoạch, phải tổ chức chặt chẽ, bám sát các tiêu chí, đảm bảo sự khách quan, chính xác và khoa học.

Về phương pháp kiểm tra, đánh giá bao gồm: kiểm tra đánh giá của nhà trường và kiểm tra, đánh giá của cơ quan quản lý nhà cấp trên của nhà trường; các phương pháp đánh giá tổng kết dựa trên mức độ đạt được của các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; đánh giá giai đoạn theo lộ trình phát triển của nhà trường; đánh giá đồng đẳng thông qua các đánh giá của chủ thể trong nhà trường và các lực lượng ngoài nhà trường.

Về chủ thể kiểm tra, đánh giá bao gồm các chủ thể trong nhà trường, các chủ thể ngoài nhà trường kiểm tra, đánh giá độc lập; kết hợp giữa các chủ thể trong và ngoài nhà trường cùng kiểm tra, đánh giá. Trong đó, mỗi cán bộ, GV, nhân viên là chủ thể tự kiểm tra, tự đánh giá chính xác nhất kết quả thực hiện mục tiêu phát triển nhà trường đã xác định.

1.4. Yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

1.4.1. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao

Hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá, phát triển nền kinh tế tri thức là xu hướng tất yếu của thời đại ngày nay. Xu thế này đã tạo ra sự liên kết, tác động mang tính chất toàn cầu cho các nước trên thế giới, trong đó quốc gia nào chiếm lĩnh về tri thức và công nghệ sẽ là lợi thế trong sự phát triển. Trong xu thế đó, GD là yếu tố bị tác động mạnh nhất bởi nhu cầu về nguồn nhân lực CLC cho mỗi quốc gia. Theo đó, nhà trường phải là trung tâm GD và đào tạo nguồn nhân lực CLC, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Việt Nam là quốc gia không nằm ngoài xu thế phát triển đó, quá trình hội nhập đã tạo ra cho GD nước ta nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng không ít khó khăn, thử thách. Trong đó, tính chất cạnh tranh về chất lượng GD là yếu tố then chốt đảm bảo cho sự phát triển của các nhà trường. Đặc biệt, khi các trường tự thực CLC, các trường quốc tế CLC được hình thành và phát triển đã tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt hơn của các nhà trường trong hệ thống GD quốc dân, bao

gồm cả công lập và tư thục. Xu hướng được hưởng thụ nền GD CLC với nhiều dịch vụ GD CLC ngày một hiện rõ trong một bộ phận nhân dân, trong đó, sự tác động chi phối nhiều nhất là các nhà trường mầm non. Bên cạnh đó, trước xu thế tự chủ GD, tạo cuộc cạnh tranh sòng phẳng giữa các cơ sở GD mầm non đang đòi hỏi các trường mầm non công lập phải có bước đi, lộ trình cụ thể để theo kịp sự phát triển của nhà trường và nhu cầu xã hội. Đây là khó khăn, nhưng thách thức không nhỏ đối với các cơ sở GD, nhất là các cơ sở GD mầm non công lập vốn quen với sự bao bọc của Nhà nước, ít có sự thay đổi.

1.4.2. Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Giáo dục mầm non là cơ sở GD trong hệ thống GD quốc dân, là cấp học quan trọng trong chuẩn bị về thể chất và tinh thần cho trẻ bước vào cấp học cao hơn. Do đó, GD mầm non ngày càng được Đảng, Nhà nước quan tâm hơn, có đãi ngộ, chính sách phù hợp hơn với cấp học này. Đặc biệt, trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD, phát triển hệ thống GD nói chung, GD mầm non CLC nói riêng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội đang được Đảng và Nhà nước ta đặt lên hàng đầu. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển về số lượng, chất lượng và cơ cấu các cơ sở GD mầm non CLC còn nhiều điểm bất cập, chưa tương xứng tiềm năng. Đây là những khó khăn, thử thách lớn đối với các cơ sở GD mầm non nói riêng và chủ trương, chính sách phát triển GD mầm non của Đảng và Nhà nước nói chung. Bên cạnh đó, tự chủ đang là xu hướng phát triển chủ đạo của các cơ sở GD mầm non trong thời gian tới, một mặt vừa giảm gánh nặng về ngân sách cho nhà nước, mặt khác phát huy được tối đa khả năng của mỗi cơ sở GD. Tùy theo điều kiện cụ thể, mỗi cơ sở GD mầm non xác định cho mình lộ trình tự chủ từng phần, tiến tới tự chủ hoàn toàn trên các lĩnh vực như: chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy; tuyển sinh, đào tạo; tổ chức bộ máy; huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực; hợp tác trong và ngoài nước. Tuy nhiên, đối với các cơ sở GD mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay điều kiện và cơ chế tự chủ ở còn chịu nhiều ràng buộc, làm cho một số nội dung tự chủ chưa thật rõ ràng gây khó khăn và áp lực lớn cho các nhà trường. Do đó, hoàn thiện cơ chế tự chủ, tạo sự công bằng, bình đẳng trong thực hiện cơ chế tự chủ sẽ tạo

hành lang pháp lý quan trọng cho các nhà trường mầm non công lập CLC xây dựng lộ trình, phát triển, đáp ứng thực tiễn xã hội.

1.4.3. Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao

Trước sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, văn hóa và xã hội đã làm cho đời sống của đa số nhân dân ở các địa phương có sự phát triển, một bộ phận có sự phát triển cao. Theo đó, nhu cầu được hưởng các dịch vụ, tiện ích xã hội có chất lượng bắt đầu được ưu tiên trong cuộc sống. Đặc biệt, họ luôn muốn dành những gì tốt nhất, chất lượng nhất cho các thành viên trong gia đình, với mong muốn thế hệ sau sẽ phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn. Mô hình trường CLC, với các dịch vụ GD CLC ra đời không chỉ phản ánh xu thế phát triển của xã hội mà còn xuất phát từ nhu cầu bức thiết của nhân dân. Đối với trường mầm non công lập CLC đang được xem là mô hình trường trọng điểm (bởi ít nhất đạt tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2), hạt nhân, được Nhà nước lựa chọn, đầu tư với mục tiêu nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, hình thành và phát triển những giá trị nhân cách vượt trội cho trẻ trong môi trường toàn diện, CLC. Theo đó, cùng với các yếu tố đầu tư về cơ sở vật chất CLC, yếu tố đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên CLC, yếu tố chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy CLC, yếu tố các dịch vụ GD CLC đã tạo ra sự hấp dẫn đối với xã hội và nhu cầu của các địa phương có kinh tế, chính trị xã hội phát triển mạnh, các vùng nội thành của các thành phố lớn. Tuy nhiên, trước yêu cầu tự chủ, các trường mầm non công lập CLC đang phải đối mặt với nhiều nguy cơ, thử thách để đứng vững và phát triển. Trong đó, khẳng định về chất lượng GD tương xứng với kỳ vọng của xã hội và gia đình trẻ là một trong những vấn đề đang được ưu tiên.

1.4.4. Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Cơ chế chính sách và điều kiện đảm bảo là yếu tố quan trọng quyết định sự vận hành và phát triển của các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Đây là yếu tố đầu tiên, đảm bảo cho thực hiện các nội dung, chương trình GD, thu hút trẻ và gia đình trẻ đến trường. Hiện nay hệ thống cơ chế chính sách khá đầy đủ, tạo hành lang pháp lý quan trọng thúc đẩy các nhà trường mầm non chuyển đổi cơ chế tự chủ, nâng cao chất lượng GD. Tuy

nhiên vẫn còn yếu tố chưa rõ ràng, còn chông chéo trong quá trình tổ chức, triển khai, sự lúng túng trong chỉ đạo, hướng dẫn của một số cơ quan chuyên môn nên trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ chưa phát triển rộng khắp và toàn diện. Mặt khác, các điều kiện đảm bảo như hệ thống cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình giảng dạy, chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ mặc dù đã được đầu tư bài bản và có chiều sâu nhưng chưa thật đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tốt các nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ.

1.4.5. Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Phẩm chất và năng lực của các chủ thể trong nhà trường là yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả và chất lượng của cơ sở GD mầm non nói chung, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng. Chủ thể phát triển chính là đội ngũ cán bộ, GV ở các nhà trường, những người trực tiếp chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện chương trình GD, thực hiện mục tiêu GD theo quy định hiện hành, thực hiện các chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC; xây dựng và hình thành những phẩm chất nhân cách con người đầu tiên, chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo sự khỏe mạnh về thể chất và tinh thần cho trẻ. Chính vì vậy, chất lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các chủ thể, bao gồm đội ngũ GV, CBQL là nhân tố quyết định đối với chất lượng GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Nếu nhà trường có đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên có trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn cao, có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm GD trẻ tốt, có chương trình GD, phương pháp giảng dạy hiện đại sẽ đem lại chất lượng tương xứng. Ngược lại, chất lượng, trình độ của các chủ thể phát triển không đảm bảo, không đồng đều về số lượng và chất lượng thì thực hiện mục tiêu GD sẽ không cao, chất lượng GD sẽ kém hiệu quả, phát triển sẽ gặp nhiều khó khăn.

Kết luận chương 1

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay vẫn còn khá mới ở nước ta và một số nước trên thế giới. Trên cơ sở nghiên cứu tổng quan và xác lập khung lý thuyết, Chương 1 của luận án đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cốt lõi về phát triển trường mầm non công lập Chất lượng cao theo hướng tự chủ với các nội dung trọng tâm sau:

Thông qua việc tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án khẳng định phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và tối ưu hóa nguồn lực xã hội. Tuy nhiên, đây vẫn là mô hình đang trong quá trình hoàn thiện về mặt cơ chế và thực thi tại Việt Nam.

Luận án đã xác lập hệ thống khái niệm, đặc điểm và nội hàm của mô hình trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trong đó, nhấn mạnh tính đặc thù của mô hình này là sự kết hợp giữa tiêu chuẩn chất lượng giáo dục tiên tiến với quyền tự chủ về chuyên môn, tổ chức nhân sự, tài chính và hợp tác quốc tế dưới sự giám sát của Nhà nước.

Xác định rõ nội dung của quá trình phát triển nhà trường thông qua chu trình các chức năng quản lý, bao gồm: xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo khai thác nguồn lực và kiểm tra, đánh giá chất lượng. Đây là khung lý thuyết quan trọng để đánh giá mức độ vận động và gia tăng về chất của nhà trường trong thực tiễn.

Nhận diện các nhóm yếu tố tác động (khách quan và chủ quan) đến quá trình phát triển nhà trường. Việc phân tích các yếu tố này giúp chủ thể quản lý có cái nhìn đa chiều để tận dụng thời cơ và dự báo những rào cản trong lộ trình tự chủ.

Chương 2
CƠ SỞ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON
CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ

2.1. Khái quát về giáo dục mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ trên địa bàn thành phố Hà Nội

2.1.1. Khái quát số lượng, quy mô trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Hiện nay, Hà Nội có 07 trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ gồm: Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị (trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội); Trường Mầm non B (trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội); Trường Mầm non 20 - 10 (phường Cửa Nam); Trường Mầm non Việt - Bun (phường Hai Bà Trưng); Trường Mầm non Mai Dịch (phường Phú Diễn); Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng (phường Giang Biên); Trường Mầm non Sài Đồng (phường Phúc Lợi). Đặc điểm nổi bật của các trường như sau:

Một là, Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị, trực thuộc Sở GDĐT Hà Nội, được thành lập ngày 08/3/1978 theo Quyết định số: 987/VX ngày 14/10/1977 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, là trường mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tháng 2/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành 1200/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về việc công nhận Trường mẫu giáo Việt triều Hữu nghị đạt tiêu chí CLC. Diện tích đất của trường: 3970 m². Diện tích sàn xây dựng: 5.500m². Diện tích sân chơi: 3.200m²/625 trẻ đạt tỷ lệ 5.1 m²/trẻ. Diện tích mặt bằng sử dụng của trường bình quân: 7970 m² /625 trẻ - bình quân 12,8 m²/trẻ 17 phòng học và 6 phòng chức năng. Số lớp: 17 lớp; số trẻ: 625 ; bình quân 35 trẻ/lớp. Trường có 17 lớp học, mỗi lớp có diện tích từ 100-110 m² đảm bảo cho mỗi trẻ hoạt động trên diện tích từ (2,7 - 3m²/trẻ) trong khi tiêu chí trường CLC yêu cầu 2m²/trẻ. Trường có 03 cán bộ QLGD, nhân viên 23 người; tổng số 57 GV được phân bổ vào các lớp, đảm bảo đủ GV theo quy định của trường CLC 3- 4GV/ lớp. So với tiêu chí, số trẻ trên một lớp cao hơn từ 5-10 cháu. Do tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt từ 85-90%, số trẻ/lớp/ngày so với tiêu chí trường CLC vẫn đảm bảo (khoảng từ 28 đến 33 trẻ/1 lớp).

Hai là, Trường Mầm non 20 - 10 (phường Cửa Nam), được thành lập từ năm 1963 theo quyết định của Thành hội Phụ nữ Hà Nội với nhiệm vụ chăm

sóc, nuôi dưỡng, GD các cháu mầm non. Từ ngày 11/7/2014 trường được UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định công nhận Trường Mầm non 20 -10 là trường Mầm non công lập CLC, thực hiện từ năm học 2014-2015. Trải qua hơn 60 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường là đơn vị luôn đi đầu trong việc thực hiện thí điểm các chương trình GD mầm non của Bộ, Sở GD&ĐT Hà Nội; luôn đi đầu xây dựng điểm các mô hình trường mầm non trong thành phố và toàn quốc. Trường Mầm non 20 -10 có vị trí đẹp tại phường Cửa Nam. Khuôn viên trường rộng rãi với diện tích mặt bằng là 4530 m². Trường hiện có 18 lớp học, khu bếp ăn riêng biệt trên tầng 4, sân chơi rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh cho trẻ, nhà đa năng với các phòng học chức năng phù hợp với từng bộ môn chuyên đáp ứng yêu cầu mô hình trường mầm non CLC. Cùng với sự đầu tư của Sở GD&ĐT Hà Nội, UBND quận Hoàn Kiếm (cũ), trong nhiều năm qua, nhà trường không ngừng tự cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất để có điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc - GD trẻ.

Ba là, Trường Mầm non B, trực thuộc Sở GD&ĐT Hà Nội, được thành lập ngày 10/9/1979 theo quyết định số 148/TCCB của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, được sự lãnh đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Ngày 26/12/2016 nhà trường được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và trường CLC. Toàn trường có 53 cán bộ, GV, nhân viên, trong đó GV là 39 người; nhân viên 11 người; CBQL 3 người. 100% cán bộ, GV, nhân viên đều được đào tạo qua chuyên môn Sư phạm, Trung cấp nghề, có trình độ nhận thức xã hội tốt. Trường có 15 lớp học với 300 trẻ, trung bình 20 cháu/lớp; mỗi lớp có từ 3 - 4 GV phụ trách chăm sóc, GD trẻ.

Bốn là, Trường Mầm non Việt - Bun (phường Hai Bà Trưng), được thành lập ngày 23/12/1981 theo Quyết định số 322 QĐ/TC ngày 23/12/1981 của UBND Thành phố Hà Nội. Trường do nước bạn Bulgaria giúp Việt Nam xây dựng với tổng diện tích mặt bằng 6565m². Trường gồm 18 lớp học với 12 phòng chức năng, bếp ăn 1 chiều, 3 sân chơi rộng rãi, thoáng mát, xanh - sạch - đẹp, 1 bể bơi để các cháu tham gia bơi rèn luyện sức khỏe trong dịp hè, 1 “Vườn rau của bé” để các cháu khối mẫu giáo trồng và chăm sóc rau hàng ngày ... Từ năm 2009 nhà trường thực hiện thí điểm mô hình cung ứng dịch vụ CLC theo nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ “quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”; Năm 2014 trường đã được UBND

quận Hai Bà Trưng (cũ) quan tâm cho cải tạo sửa chữa, mở rộng diện tích rộng, đẹp với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo hướng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và trường CLC phục vụ việc chăm sóc – GD trẻ. Năm 2015 Nhà trường đã được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 (mức độ cao nhất hiện nay) và kiểm định chất lượng GD đạt cấp độ 3 (cấp độ cao nhất).

Năm là, Trường Mầm non Mai Dịch (phường Phú Diễn), được thành lập vào ngày 1 tháng 9 năm 2007, là một trong 7 trường mầm non CLC của Thành phố, với cam kết mang đến một môi trường GD an toàn và phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ. Nhà trường tự hào thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời áp dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học tiên tiến từ các trường danh tiếng như Unis và Temtubo ở Thụy Điển, cùng với các phương pháp GD đặc biệt như STEM, STEAM, Reggio Emilia ... Trường có tổng cộng 22 phòng học và chức năng, được thiết kế và trang bị đầy đủ tiện nghi để phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập của trẻ em. Trường tuân thủ mọi quy định và tiêu chuẩn về cơ sở vật chất được đưa ra bởi Bộ Giáo dục & Đào tạo, đảm bảo rằng môi trường học tập là hoàn hảo lẫn an toàn cho sự phát triển của trẻ em.

Sáu là, Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng (phường Giang Biên), được thành lập theo đề án số 800/ĐA-UBND ngày 17/4/2014 và quyết định số 8090/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND quận Long Biên với mục tiêu xây dựng “Trường mầm non Công lập Chất lượng cao” nhằm thực hiện luật Thủ đô, từng bước đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ GD CLC của nhân dân trên địa bàn phường Giang Biên. Ngày 05/01/2015 trường chính thức đi vào hoạt động. Trường được xây dựng theo quy mô hiện đại với tổng diện tích 8.896m², cao 3 tầng gồm 20 phòng học và các phòng chức năng như: Phòng Âm nhạc, Thể chất, Tiếng Anh Eduplay, Tạo hình, Thư viện, Kidsmart, Sáng tạo, Gymkids, Đàn, Montessori ... luôn hấp dẫn trẻ. Nhà trường chú trọng công tác nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn cho trẻ. Giáo dục trẻ phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của trẻ. Trẻ khỏe mạnh, năng động, tự tin, thông minh, sáng tạo với chương trình chuyên sâu vào lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ. Đáp ứng nhu cầu GD CLC của cha mẹ trẻ. Chuẩn bị tốt việc học tập cho trẻ giai đoạn tiếp theo.

Bảy là, Trường Mầm non Sài Đồng (phường Phúc Lợi), được thành lập ngày 13/6/2013. Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường CLC và đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3, nhiều năm được công nhận mô hình trường học điện tử. Là trường điểm trong chuyên đề: Xây dựng môi trường học tập lấy trẻ làm trung tâm và các mô hình GD tiên tiến Unis, Steam, Montessori ... Với phương châm “Hãy để trẻ làm - không làm hộ trẻ”, cán bộ GV, nhân viên nhà trường luôn tìm hiểu mức độ phát triển và mục tiêu cần đạt của trẻ ở các độ tuổi, xác định rõ nhu cầu, sở thích của từng trẻ để đưa ra các mục tiêu, hình thức GD phù hợp, kích thích tư duy, sự chủ động của trẻ. Các hoạt động GD kỹ năng sống, tiếp xúc với thiên nhiên, khám phá trải nghiệm hấp dẫn luôn thu hút trẻ tham gia. Ngoài ra, trẻ còn được tham gia chương trình bổ sung nâng cao do GV dạy chuyên biệt dạy như: Tiếng Anh, tạo hình, âm nhạc, yoga, bơi lội, Gymkids... Nhà trường tổ chức các hoạt động tham quan dã ngoại, trải nghiệm có ý nghĩa quan trọng nhằm giúp trẻ mở rộng vốn hiểu biết về thế giới xung quanh cũng như cơ hội để trẻ phát triển toàn diện.

2.1.2. Khái quát chất lượng giáo dục mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Chất lượng và hiệu quả GD của các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ luôn là các đơn vị dẫn đầu của thành phố Hà Nội. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng GD trẻ ngày càng được nâng cao hơn, kết quả đầu ra trẻ thể hiện được đánh giá tốt. 100% trẻ 5 tuổi đạt chuẩn PTTE 5 tuổi, đạt mức độ tốt sẵn sàng vào lớp 1; 95-96% trẻ 3-4 tuổi đạt kết quả mong đợi trong Chương trình Quốc gia cũng như các mục tiêu nâng cao của các nhà trường; Không có trẻ SDD, thừa cân, béo phì; Đảm bảo tỉ lệ trẻ chuyên cần cao từ 90%- 95%; 100% trẻ được khám sức khỏe định kì và tư vấn dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý [44].

Các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ được nhà trường quan tâm triển khai hiệu quả; 100% trẻ được làm quen với chương trình Tiếng Anh qua các trò chơi, các hoạt động ngoại khóa; trên 90% trẻ đạt mục tiêu nâng cao của các nhà trường theo các chỉ số đầu ra 5 lĩnh vực phát triển, đặc biệt là về lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội trong đó, một số chỉ số phát triển nổi bật ở trẻ như: Mạnh dạn, tự tin, độc lập, sáng tạo, giàu lòng nhân ái, hợp tác, quan tâm, chia sẻ, yêu hòa bình [44].

Các trường có khuôn viên đẹp - rộng - thoáng - tràn ngập cây xanh, thuận lợi cho việc đưa đón trẻ, có môi trường lành mạnh, an ninh, an toàn tốt. Từ nhiều năm nay, trường là cơ sở thực hành cho các trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương, Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; là đơn vị thực hiện thực nghiệm, thí điểm và làm điểm các chuyên đề, chương trình chăm sóc GD mầm non (đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục), chuẩn Phát triển trẻ em năm tuổi do Sở Giáo dục & Đào tạo Hà Nội, Bộ Giáo dục & Đào tạo trực tiếp chỉ đạo.

Hiện nay, 100% các trường thực hiện chương trình GD mầm non theo quy định và chương trình GD mầm non nâng cao theo tiêu chuẩn trường CLC.

Đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên các trường đều đạt chuẩn, tỷ lệ trên chuẩn cao; nắm bắt khá tốt việc thực hiện chương trình GD mầm non, biết chọn lựa nhiều hình thức để tổ chức các hoạt động GD lấy trẻ làm trung tâm, thực hiện các mục tiêu GD và phát triển các năng lực cho trẻ một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Mục đích khảo sát thực trạng

Tìm hiểu thực trạng trường mầm non công lập CLC và phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, trên cơ sở đó đánh giá, làm rõ ưu điểm, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng, làm cơ sở định hướng đề xuất các biện pháp của luận án.

2.2.2. Nội dung khảo sát thực trạng

Luận án được tiến hành khảo sát thực trạng trên ba nội dung chính:

- Thực trạng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ
- Thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.
- Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

2.2.3. Khách thể, thời gian khảo sát thực trạng

* *Khách thể khảo sát*

Chúng tôi tiến hành khảo sát với số lượng khách thể là khảo sát là 310 người, trong đó:

Cán bộ QLGD như Ban Giám hiệu 06 trường là 18 người;

Cán bộ QLGD ở Phòng Mầm non, Sở giáo dục và Đào tạo, Cán bộ phụ trách văn hóa GD của địa phương là 12 người;

Giáo viên mầm non là 160 người;

Cha (mẹ) học sinh là 120 người.

** Thời gian, địa điểm khảo sát:*

Thời gian khảo sát thực trạng tháng 3 đến tháng 6 năm 2024 tại 06 trường: Trường mầm non Việt Triều Hữu Nghị; Trường Mầm non B; Trường mầm non Mai Dịch; Trường Mầm non Việt Bun; Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng; Trường Mầm non Sài Đồng.

2.2.4. Phương pháp tổ chức khảo sát thực trạng

Trong quá trình khảo sát thực trạng, luận án sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu gồm: Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động; phương pháp nghiên cứu thực tiễn như điều tra bằng bảng hỏi (an ket), phỏng vấn sâu, quan sát, phương pháp chuyên gia,...

Phân tích các báo cáo tổng kết năm học, nghiên cứu những báo cáo của các trường Mầm non công lập CLC và có liên quan đến các vấn đề nghiên cứu.

2.2.5. Thang đo, xử lý kết quả khảo sát thực trạng

Tác giả sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu. Số liệu thu được sau khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 (IBM SPSS Statistical 20.0), điểm trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn.

** Mô tả về cách thức, biện pháp xử lý số liệu*

Tác giả xác định độ tin cậy của các tiêu thang đo được thiết kế trong bảng hỏi qua thuật toán tính hệ số tin cậy *Cronbach's Alpha*. Tiến hành phân tích các item làm tăng, giảm đi độ tin cậy của các tiêu thang đo trong bảng hỏi. Quy ước mức độ giá trị của hệ số *Cronbach's Alpha* theo thống kê được xác định như sau: Từ 0.8 đến gần bằng 1: Thang đo lường rất tốt; từ 0.7 đến gần bằng 0.8: Thang đo lường sử dụng tốt; từ 0.6 trở lên: Thang đo lường đủ điều kiện.

Kết quả độ tin cậy của các tiêu thang đo trong nghiên cứu này được thể hiện tại [Phụ lục 11], nằm trong ngưỡng từ 0.830 đến 0.898 (thang đo có độ tin cậy đạt mức rất tốt).

** Cách thức tiến hành*

Nhằm thu được các số liệu định lượng tin cậy, chính xác phục vụ cho việc phân tích thực trạng trường mầm non công lập CLC; phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ và mức độ ảnh

hưởng của các yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, nghiên cứu sinh tiến hành phân tích thống kê mô tả, thống kê suy luận, phân tích tương quan.

- *Phân tích thống kê mô tả*: Sử dụng các chỉ số như: Điểm trung bình cộng (Mean) được dùng trong việc tính điểm trung bình đạt được của từng nhóm mệnh đề, nhóm khách thể; Độ lệch chuẩn (SD - Standardized deviation) được dùng để mô tả mức độ tập trung hay sự phân tán của các câu trả lời của mẫu; Tần suất và chỉ số phần trăm các phương án trả lời của các câu hỏi đúng.

- *Phân tích thống kê suy luận*: Phép so sánh T-test (t), phân tích so sánh giá trị trung bình giữa hai biến định danh, nhằm so sánh giá trị trung bình của 2 nhóm để tìm sự khác biệt với biến định lượng. Tác giả sử dụng *Independent samples T-test* để so sánh giữa 2 nhóm là nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng trên các nội dung nghiên cứu.

- *Phân tích tương quan*: Để phân tích tính tương quan giữa các biến số định lượng, luận án sử dụng kiểm định hệ số tương quan Pearson (r). Qua đó, nghiên cứu sự liên hệ tuyến tính giữa các biến số định lượng, theo dõi sự ảnh hưởng của các biến với nhau, biến này thay đổi có làm thay đổi biến kia một cách có ý nghĩa hay không và nếu có thì sự thay đổi đó theo chiều thuận hay nghịch. Để giải thích cho giá trị (r), ta có thể sử dụng bảng Hopkins:

Bảng 3.1: Bảng giá trị Hopkins

TT	Giá trị (r)	Tương quan
1	< 0.2	Rất yếu
2	$0.2 \leq r < 0.4$	Yếu
3	$0.4 \leq r < 0.6$	Trung bình
4	$0.6 \leq r < 0.8$	Chặt chẽ
5	$0.8 \leq r < 1$	Rất chặt chẽ

Ngoài ra, để làm rõ kết quả phân tích định lượng, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, tiến hành phỏng vấn sâu, quan sát các đối tượng, nghiên cứu tài liệu cụ thể. Từ đó, đi sâu phân tích các vấn đề mà kết quả định lượng chưa làm rõ được.

- *Thang điểm đánh giá các nội dung trong bảng hỏi*

Trong bảng hỏi, các câu hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 mức độ với thang điểm trung bình (ĐTB) như sau:

Bảng 3.2: Bảng thang đo các mức độ đánh giá

Giá trị	Mức độ đánh giá			
	1.0 – 1.8	Kém	Hoàn toàn không đồng ý	Không cần thiết
1.81- 2.6	Yếu	Không đồng ý	Ít cần thiết	Ít tác động
2.61 -3.4	Trung bình	Phân vân	Bình thường	Tác động
3.41- 4.2	Khá	Đồng ý	Cần thiết	Tác động mạnh
4.21- 5.0	Tốt	Hoàn toàn đồng ý	Rất cần thiết	Tác động rất mạnh

Ngoài ra, trong phân tích thực trạng trường mầm non công lập CLC; phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, nghiên cứu sinh còn sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để phân tích kết quả phỏng vấn sâu, kết quả quan sát. Với những quan điểm, ý kiến giống nhau hoặc tương đồng trên cùng một vấn đề, nghiên cứu chỉ lựa chọn ngẫu nhiên một, hai ý kiến đại diện để trích dẫn. Các ý kiến này có liên quan đến số liệu định lượng để làm nổi bật vấn đề được xem xét, hoặc làm sáng tỏ những khía cạnh khác nhau, những vấn đề còn mâu thuẫn mà kết quả phân tích định lượng chưa được khái quát.

2.3. Thực trạng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

2.3.1. Thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất

Bảng 3.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2	3.91	0.65	1	3.85	0.62	1	3.88	0.64	1
Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC	3.73	0.72	3	3.78	0.65	2	3.76	0.75	2
Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên	3.20	0.75	6	3.18	0.78	4	3.19	0.77	5
tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên	3.24	0.66	4	3.13	0.70	5	3.20	0.68	4
Huy động các nguồn tài trợ	3.21	0.67	5	3.08	0.70	6	3.15	0.69	6

phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị									
Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC	3.74	0.72	2	3.68	0.71	3	3.71	0.72	3
Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ	2.99	0.77	7	2.93	0.70	7	2.96	0.74	7
Trung bình chung	3.42			3.38			3.40		

Từ kết quả điều tra, khảo sát ở bảng 3.1 cho thấy, đánh giá chung của cán bộ QLGD, GV và CMHS về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất có ĐTB chung là 3.40 (Cán bộ QLGD, GV: 3.42; CMHS: 3.38) nằm trong khoảng $2.6 \leq \text{ĐTB} \leq 3.4$ (trương đương mức “Trung bình”). Trong đó có 03 chỉ báo được đánh giá ở mức “Khá”: Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2 có điểm ĐTB chung là: 3.88 (Cán bộ QLGD, GV: 3.91; CMHS: 3.85) xếp thứ bậc 1, mức “Khá”; Đối với chỉ báo về Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC có ĐTB chung là: 3.76 (Cán bộ QLGD, GV: 3.73; CMHS: 3.78) xếp thứ bậc 2, mức “Khá”; Đối với chỉ báo về Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC có ĐTB chung là: 3.71 (Cán bộ QLGD, GV: 3.74; CMHS: 3.68) xếp thứ bậc 3, mức “Khá”. Các chỉ báo còn lại chỉ ở mức “Trung bình”. Những nội dung đánh giá về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của cán bộ QLGD, GV và CMHS có sự chênh lệch nhỏ, điều này cho thấy sự tương đồng và tính chính xác, độ tin cậy cao của kết quả khảo sát.

Quan sát cơ sở vật chất ở trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị; Trường Mầm non Việt Bun; Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng, nhận thấy, đa phần các trường đều có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, có đầy đủ phòng học và các phòng chức năng như: Phòng Âm nhạc, Thể chất, Tiếng Anh, Tạo hình, Thư viện, Đàn, Montessori ... phục vụ tốt cho mọi hoạt động học tập, vui chơi của trẻ.

Tiến hành phỏng vấn 06 cán bộ QLGD (03 cán bộ trường trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị; 03 cán bộ trường Mầm non Mai dịch); 12 GV (07 GV trường Mầm non Việt Bun; 05 GV trường Mầm non Đô thị Việt Hưng) đa phần đều nhận định: Nhà trường đã nỗ lực, cố gắng đạt và vượt các tiêu chí trường chuẩn quốc gia mức độ 2; thực hiện tốt tự chủ về tài chính cơ sở vật chất, đẩy mạnh đầu tư, xây dựng các không gian học tập thân thiện, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ. Kết hợp phỏng vấn 06 CMHS về nội dung trên, các ý kiến đều khẳng định: chất lượng cơ sở vật chất tốt; nhà trường có sự đầu tư xây dựng môi trường học tập tích cực cho trẻ; tuy nhiên, một số cơ sở vật chất đã có biểu hiện xuống cấp, lạc hậu so với sự phát triển của xã hội.

Nghiên cứu một số báo cáo tổng kết thấy rằng, các nhà trường đã có nhiều cố gắng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất để bảo đảm cho mọi hoạt động GD, chăm sóc, vui chơi của trẻ. Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024 của Trường Mầm Non B Hà Nội đã nhận định: “Nhà trường đầu tư đồ dùng, đồ chơi, thiết bị GD nhằm thực hiện tốt chương trình GD mầm non mới, đặc biệt chú trọng tới các thiết bị đồ chơi rèn luyện thể lực, kỹ năng sống cho trẻ. Chỉ đạo thực hiện xây dựng môi trường giáo dục phát triển thể chất và nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển thể chất cho trẻ” [55]. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn khó khăn nhất định, như trong báo cáo sơ kết mô hình trường mầm non CLC giai đoạn 2017 - 2022, của Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị chỉ rõ: “Hiện tại do điều kiện nguồn kinh phí còn hạn hẹp nên việc bổ sung trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ bị hạn chế” [57].

Như vậy, kết quả trên cho thấy, nhìn chung mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của các trường mầm non CLC ở mức khá, điểm nổi bật là các trường đều đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2 và được Nhà nước quan tâm đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở GD công lập CLC. Điều này chứng tỏ các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội trên cơ sở nhận được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước đã từng bước chú trọng tự chủ về tài chính, cơ sở vật chất. Tuy nhiên, các tiêu chí: *Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên*, có ĐTB chung là: 3.19 thể hiện mức độ khó khăn khi trường phải tự chủ toàn bộ chi phí. Điều này cho thấy nhiều trường chưa thực sự sẵn sàng hoặc thiếu các nguồn lực để tự chủ hoàn toàn trong hoạt động thường xuyên, dễ dẫn đến tình trạng tài chính bấp bênh nếu không có nguồn thu ổn định; *Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị*, có ĐTB chung là: 3.15 cho thấy việc huy động tài trợ phát triển cơ sở vật chất là một thách thức lớn, đặc biệt khi nguồn ngân sách từ nhà nước không còn hoặc chỉ hỗ trợ phần ban đầu. Điều này là hạn chế lớn khi các trường không thể tự chủ hoàn toàn về nguồn vốn phát triển; *Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ*, có ĐTB thấp nhất là: 2.96 thể hiện khó khăn lớn nhất của nhà trường là việc tự cân đối chi trả các khoản vay. Đây là một hạn chế trong quá trình tự chủ, do nhiều trường không có nguồn tài chính dự phòng hoặc đủ khả năng để đáp ứng các khoản vay và chi tiêu nội bộ, dễ dẫn đến áp lực tài chính và ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động tự chủ của trường.

Thực trạng trên đây về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất, cho thấy, về cơ bản các trường mầm non công lập CLC thành phố Hà Nội đã có mức độ tự

chủ tài chính, cơ sở vật chất khá tốt. Tuy nhiên, một số trường vẫn gặp những thách thức về việc duy trì nguồn tài chính ổn định và huy động tài trợ. Việc cân đối chi tiêu và vay nợ cũng là một điểm hạn chế cần được giải quyết để các trường thực sự đạt được mục tiêu tự chủ bền vững.

2.3.2. Thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

Bảng 3.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ	3.24	0.78	2	3.17	0.73	2	3.21	0.76	2
Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả	3.86	0.81	1	3.79	0.68	1	3.83	0.75	1
GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường	3.06	0.89	3	2.92	0.77	3	2.99	0.83	3
Trung bình chung	3.39			3.29			3.34		

Kết quả khảo sát ở bảng 3.2 cho thấy, cán bộ QLGD, GV và CMHS đánh giá về mức độ tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, GV CLC là tương đối đồng nhất với ĐTB chung là: 3.34 (Cán bộ QLGD, GV: 3.39; CMHS: 3.29) nằm trong khoảng $2.61 \leq \text{ĐTB} \leq 3.4$ (tương đương mức “Trung bình”). Trong đó, các chỉ báo được cán bộ QLGD, GV và CMHS đánh giá cụ thể là: 01 mức “Khá”: *Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả* có ĐTB chung là 3.83, xếp thứ bậc 1; 02 mức “Trung bình”: *Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ* ĐTB chung là 3.21, xếp thứ bậc 2; *GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường* ĐTB chung là 2.99, xếp thứ bậc 3.

Qua phỏng vấn sâu với 02 cán bộ QLGD, 03 GV trường Mầm non Việt Bun (quận Hai Bà Trưng) và 04 cán bộ QLGD ở Phòng Mầm non, Sở giáo dục và Đào tạo, đa số ý kiến đều cho rằng: Thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý và phát triển đội ngũ cán bộ, GV CLC tại các cơ sở GD nhìn

chung là tích cực, mang lại nhiều lợi ích trong việc tuyển chọn và hỗ trợ điều kiện làm việc. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao hơn, cần có các biện pháp tăng cường sự tự chủ trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ, tạo điều kiện cho GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường. Đặc biệt, nhà trường được quyền quyết định về số lượng, chất lượng và điều kiện khác đối với công tác tuyển dụng GV, nhân viên theo đặc thù nhà trường. Thống nhất với nhận định trên, chuyên gia PGS, TS N.V.T đã chỉ ra một số khó khăn, bất cập trong tự chủ về tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên như: tự chủ về số lượng, chất lượng và cơ cấu đội ngũ; tự chủ trong đảm bảo chế độ, chính sách tương xứng; chế độ thu hút nhân tài.

Nghiên cứu một số báo cáo tổng kết thấy rằng, các trường đã quan tâm, chủ động trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, GV. Trong báo cáo đánh giá kết quả 05 năm hoạt động trường mầm non công lập đạt tiêu chí CLC giai đoạn 2016 - 2021 và phương hướng thực hiện đến năm 2026 của Sở GD&ĐT UBND thành phố Hà Nội đã chỉ rõ: “Cán bộ quản lý, GV trường mầm non CLC được tham dự các lớp bồi dưỡng cốt cán nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp giảng dạy tiên tiến do chuyên gia nước ngoài giảng dạy” [44]. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập, như trong báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện mô hình trường mầm non CLC - từ năm 2017-2020 đến 2020-2021 của Trường Mầm non B đã nhận định: “Đội ngũ GV có thâm niên công tác lâu năm, số lượng GV trẻ ít nên việc cập nhật những phương pháp GD tiên tiến, CNTT, ngoại ngữ còn gặp nhiều khó khăn. Phần nào ảnh hưởng đến công tác chuyên môn của nhà trường” [55]. Theo Báo cáo tổng kết năm học 2023 -2024 của Trường Mầm non Mai Dịch khẳng định: “Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có mặt còn hạn chế” [57].

Như vậy, qua kết quả điều tra và phỏng vấn thấy rằng, cán bộ QLGD, GV và CMHS đánh giá về mức độ tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, GV CLC ở mức trung bình. Điều này phản ánh các trường mầm non công lập CLC đã có không gian đáng kể trong việc tự chủ, nhưng vẫn còn một số giới hạn nhất định. Trong đó, việc đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho GV và cán bộ hoạt động hiệu quả là một điểm sáng. Điều này cũng cho thấy các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội đã tự chủ tạo điều kiện tối ưu về cơ sở vật chất, tài nguyên và môi trường làm

việc, giúp GV và cán bộ thực hiện công việc một cách tốt nhất. Tuy nhiên, điểm trung bình cho khả năng GV tham gia và chịu trách nhiệm về các hoạt động ngoài nhà trường khá thấp (2.99), cho thấy rằng mặc dù có tự chủ, nhưng quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường của GV chưa được chú trọng hoặc thiếu các quy định cụ thể, quyền lợi không rõ ràng, các cơ chế khuyến khích chưa đủ mạnh nên GV chưa có nhiều cơ hội để tham gia các công việc ngoài nhà trường; một số GV chưa an tâm, gắn bó với trường.

2.3.3. Thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Bảng 3.3: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại	3.16	0.84	3	2.98	0.79	4	3.07	0.82	3
Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ	3.02	0.84	4	3.00	0.78	3	3.01	0.81	4
Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng	3.73	0.72	2	3.82	0.63	2	3.78	0.68	2
Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo	2.85	0.69	5	2.93	0.71	5	2.89	0.70	5
Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa	3.86	0.69	1	3.91	0.59	1	3.89	0.64	1
Trung bình chung	3.32			3.33			3.33		

Kết quả khảo sát ở bảng 3.3 cho thấy, mức đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường có ĐTB chung là: 3.33 (Cán bộ QLGD, GV: 3.32; CMHS: 3.33) nằm trong khoảng $2.61 \leq \text{ĐTB} \leq 3.4$ (tương đương mức “Trung bình”). Nhìn vào tổng thể số liệu điều tra về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD của nhà trường thì thấy, có 02/05 tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá” là: *Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa*, có ĐTB chung là: 3.89, xếp thứ bậc 1; *Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá*

nhân, sức khỏe dinh dưỡng, có ĐTB chung là: 3.78, xếp thứ bậc 2, có 03/05 tiêu chí ở mức “Trung bình” là: Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại, có ĐTB chung là 3.07, xếp thứ bậc 3; Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ, có ĐTB chung là 3.01, xếp thứ bậc 4; Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo, có ĐTB chung là: 2.89, xếp thứ bậc 5.

Như vậy, điểm nổi bật trong tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD của nhà trường là các trường đã chủ động và linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động chính khóa và ngoại khóa đa dạng. Điều này không chỉ góp phần làm phong phú thêm trải nghiệm học tập mà còn giúp trẻ phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng sống và tăng cường sự sáng tạo, thích ứng với cuộc sống cho trẻ theo các chương trình GD tiên tiến. Đồng thời, các trường đã quan tâm đến việc xây dựng chương trình về sức khỏe, dinh dưỡng, và chăm sóc cá nhân cho trẻ. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra một môi trường học tập toàn diện, đảm bảo rằng trẻ không chỉ phát triển về mặt kiến thức mà còn được chăm sóc tốt về thể chất. Tuy nhiên, tiêu chí: *Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo, có ĐTB chung thấp nhất là: 2.89, xếp thứ bậc 5.* Điều này cho thấy các trường gặp khó khăn khi chủ động xây dựng các chương trình dạy học chuyên biệt để phát triển tư duy, đặc biệt là cho trẻ mẫu giáo. Có thể do thiếu cơ sở dữ liệu, tài liệu hoặc chưa có đủ đội ngũ chuyên môn để triển khai chương trình phù hợp với từng độ tuổi và năng lực của trẻ. Báo cáo tổng kết năm học của Trường Mầm non Việt Bun cũng xác định: “Chương trình dạy học chuyên biệt và chất lượng đội ngũ giáo viên các môn chuyên biệt còn có những hạn chế, bất cập” [59].

Kết quả trên là tương đồng với ý kiến của chuyên gia PGS, TS N.T.X, khi được xin ý kiến về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD của các trường mầm non CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội đã cho rằng: *“Việc tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch GD đã được các trường thực hiện nghiêm túc, đặc biệt là về các chương trình ngoại khóa và chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Tuy nhiên, còn tồn tại những hạn chế trong việc xây dựng chương trình dạy học chuyên sâu về phát triển các kỹ năng sống cho trẻ, cần*

có sự hỗ trợ và bồi dưỡng nhiều hơn về chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch GD cho đội ngũ cán bộ QLGD của nhà trường.”

2.3.4. Thực trạng về phương pháp giảng dạy

Bảng 3.4: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về phương pháp giảng dạy

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động	3.84	0.76	2	3.80	0.67	2	3.82	0.72	2
Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại	3.19	0.85	5	3.03	0.76	5	3.11	0.81	5
Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt	3.48	0.87	4	3.66	0.78	4	3.57	0.83	4
Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân	3.04	0.86	6	2.98	0.76	6	3.01	0.81	6
Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm	3.95	0.68	1	3.86	0.65	1	3.91	0.67	1
Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng	3.79	0.73	3	3.73	0.69	3	3.76	0.71	3
Trung bình chung	3.50			3.47			3.49		

Kết quả khảo sát ở bảng 3.4 cho thấy, mức đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về phương pháp giảng dạy của GV, có ĐTB chung là: 3.49 (Cán bộ QLGD, GV: 3.50; CMHS: 3.47) nằm trong khoảng $3.41 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (tương đương mức “Khá”). Trong đó có 04/06 tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá” và 02/06 tiêu chí đánh giá ở mức “Trung bình”. 04 tiêu chí được đánh giá cao nhất ở mức “Khá” là: *Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm*, có ĐTB chung là: 3.91, xếp thứ bậc 1; *Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động*, có ĐTB chung là: 3.82, xếp thứ bậc 2; *Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng*, có ĐTB chung là: 3.76, xếp thứ

bậc 3; *Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt*, có ĐTB chung là: 3.57, xếp thứ bậc 4. Có 02 tiêu chí ở mức “Trung bình” là: *Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại*, có ĐTB chung là: 3.11, xếp thứ bậc 5; *Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân*, có ĐTB chung là: 2.88, xếp thứ bậc 5; *Phương pháp đóng vai nhận thức*, có ĐTB chung là: 3.01, xếp thứ bậc 6.

Quan sát các giờ lên lớp ở trường Mầm non Mai dịch, trường Mầm non B và trường Mầm non Đô thị Sài Đồng, thấy rằng nhiều GV đã đa dạng hóa các phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp dạy học hiện đại, đẩy mạnh cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, tiếp xúc với môi trường xung quanh. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại còn có biểu hiện cứng nhắc, giản đơn chưa có sự biến hóa, linh hoạt, chưa phát huy được tối đa tác dụng của các phương pháp, phương tiện hiện đại cũng như chưa phát huy tốt những tiềm năng của trẻ. Báo cáo tổng kết năm học 2023 – 2024 của Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng khẳng định: “Phương pháp giảng dạy của đội ngũ giáo viên nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu của trường chất lượng cao” [60]. Tuy nhiên, “Một số giáo viên đổi mới phương pháp dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm” [60].

Từ các kết quả trên cho thấy, về phương pháp giảng dạy ở các trường mầm non CLC nổi bật nhất là các trường đã đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm, thể hiện rằng các trường đã chú trọng đến các hoạt động nhằm tạo điều kiện cho trẻ tăng cường tiếp xúc với thiên nhiên và tham gia các hoạt động trải nghiệm. Điều này giúp trẻ nâng cao nhận thức về môi trường sống xung quanh, đồng thời cũng phát triển khả năng quan sát, kỹ năng tư duy cho trẻ. Đồng thời, các phương pháp giảng dạy của nhà trường cũng khuyến khích trẻ tích cực hoạt động, điều này cho thấy sự nỗ lực trong việc cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm tạo động lực cho trẻ, giúp trẻ chủ động và tích cực tham gia tương tác trong quá trình học tập nhiều hơn. Ngoài ra, việc chủ động sử dụng các phương thức GD trực tuyến và liên lạc qua mạng thể hiện sự linh hoạt và thích nghi của nhà trường với các phương pháp giảng dạy hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Tuy nhiên, tiêu chí về chủ động áp dụng các phương pháp GD hiện đại chỉ đạt ĐTB chung: 3.11, điều này cho thấy mặc dù có nhiều nỗ lực, nhưng việc triển khai các phương pháp tiên tiến vẫn gặp nhiều khó khăn, có thể do thiếu cơ sở vật chất, hạ tầng chưa đáp ứng đầy đủ, hoặc sự hạn chế về chuyên môn của GV. Mặt khác, tiêu chí về đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân, có ĐTB chung thấp nhất là: 3.01, cho thấy việc đa dạng hóa hoạt động giảng dạy theo nhóm và cá nhân hóa vẫn còn hạn chế. Đây là một nhược điểm trong việc đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của trẻ, chưa tạo ra đủ sự linh hoạt và chưa khai thác hết tiềm năng của từng trẻ trong các hoạt động GD.

2.3.5. Thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

Bảng 3.5: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh	4.33	0.84	1	4.36	0.76	1	4.35	0.80	1
Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín	4.01	0.72	2	3.86	0.66	2	3.94	0.69	2
Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội	3.17	0.77	5	2.99	0.82	5	3.08	0.79	5
Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên	3.86	0.79	3	3.71	0.75	3	3.79	0.77	3
Cam kết về chất lượng và sự phân hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội	3.25	0.79	4	3.00	0.79	4	3.13	0.79	4
Trung bình chung	3.72			3.58			3.66		

Kết quả bảng 3.5 cho thấy hầu hết cán bộ QLGD, GV và CMHS cho rằng các dịch vụ GD CLC đã được đáp ứng tốt với ĐTB chung là: 3.66 (Cán bộ QLGD, GV: 3.72; CMHS: 3.58) nằm trong khoảng $3.4 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (tương đương mức “Khá”). Trong đó, có 03/05 tiêu chí được đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”, đó là: *Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ trẻ* được đánh giá cao nhất với ĐTB chung là: 4.35, xếp thứ bậc 1, mức “Tốt”; *Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín*, có ĐTB chung là: 3.94, xếp thứ bậc 2, mức “Khá”; *Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên*, có ĐTB chung là: 3.79, xếp thứ bậc 3, mức “Khá”. Có 02/05 tiêu chí đánh giá ở mức “Trung bình”: *Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội*, có ĐTB chung là: 3.13, xếp thứ bậc 4; *Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội*, có ĐTB chung là: 3.08, xếp thứ bậc 5.

Qua trao đổi với 07 CMHS ở trường Trường Mầm non Mai dịch (quận Cầu Giấy), 05 CMHS ở trường Mầm non Đô thị Việt Hưng (quận Long Biên), đa số CMHS cho rằng: Các dịch vụ GD CLC tại trường có nhiều điểm nổi bật như: Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại; đội ngũ GV chuyên nghiệp; chương trình học tiên tiến và chế độ chăm sóc sức khỏe tốt, giúp trẻ phát triển toàn diện do đó phụ huynh yên tâm khi gửi con vào nhà trường. Tuy nhiên, việc đánh giá sự tiến bộ của con còn khá chung chung, đặc biệt là những sự phát triển về nhận thức, kỹ năng, thái độ.

Như vậy, các dịch vụ GD CLC tại các trường hiện đang đáp ứng khá tốt nhu cầu của phụ huynh, đặc biệt về các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo an ninh, an toàn cho trẻ. Điều này cho thấy các trường mầm non CLC đang rất chủ động trong việc cung cấp các dịch vụ bổ sung, đáp ứng tốt nhu cầu và mong đợi của phụ huynh, tạo sự tiện lợi và an tâm cho gia đình trẻ. Tuy nhiên, các trường còn gặp khó khăn trong việc khẳng định chất lượng GD vượt trội với xã hội. Điều này có thể do các dịch vụ hỗ trợ chưa đủ mạnh hoặc chưa có phương pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng GD, dẫn đến khả năng không đạt được sự khác biệt rõ rệt về chất lượng so với các trường đại trà. Mặt khác, việc phản hồi và cam kết chất lượng dịch vụ với phụ huynh và xã hội còn hạn chế, có

thể làm giảm sự tin tưởng của phụ huynh vào hiệu quả của các dịch vụ GD của nhà trường.

2.3.6. Thực trạng trường MN công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Bảng 3.6: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Về cơ sở vật chất	3.90	0.70	3	3.81	0.66	3	3.86	0.68	3
Về chất lượng đội ngũ	4.02	0.67	2	3.86	0.70	2	3.94	0.69	2
Về chương trình giảng dạy	3.14	0.90	5	3.10	0.81	4	3.12	0.86	5
Về phương pháp giảng dạy	3.21	0.82	4	3.08	0.77	5	3.15	0.79	4
Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	4.30	0.84	1	4.35	0.76	1	4.33	0.80	1
Trung bình chung	3.71			3.64			3.68		

Kết quả khảo sát ở bảng 3.6 cho thấy, đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay là tương đối đồng nhất, có ĐTB chung là: 3.68 (Cán bộ QLGD, GV: 3.71; CMHS: 3.64) nằm trong khoảng $3.41 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (ở mức “Khá”). Trong đó, có 03/05 tiêu chí được đánh giá ở mức “Tốt” và “Khá”. Tiêu chí được đánh giá cao nhất đó là: *Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao* với ĐTB chung là: 4.33, xếp thứ bậc 1, mức “Tốt”. Có 02/05 tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá”: *Về chất lượng đội ngũ*, có ĐTB chung là: 3.94, xếp thứ bậc 2, mức “Khá”; *Về cơ sở vật chất*, có ĐTB chung là: 3.86, xếp thứ bậc 3, mức “Khá”. Có 02/05 tiêu chí đánh giá ở mức “Trung bình”: *Về phương pháp giảng dạy*, có ĐTB chung là: 3.15, xếp thứ bậc 4; *Về chương trình giảng dạy*, có ĐTB chung là: 3.12, xếp thứ bậc 5.

Qua phỏng vấn sâu với 03 cán bộ QLGD trường Trường Mầm non Mai Dịch và 05 CMHS trường Mầm non Việt Bun, đa số ý kiến đều cho rằng: Thời gian qua, các trường đã nỗ lực cải thiện dịch vụ GD, cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ GV, qua đó tạo ra một môi trường học tập tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng GD bền vững và toàn diện hơn, cần có sự đổi mới, nâng cao chất lượng hơn nữa về chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy.

Từ các phân tích trên cho thấy, các trường đã có sự quan tâm vào các dịch vụ GD CLC đây là điểm nhấn khẳng định uy tín, chất lượng GD của nhà trường và là yếu tố tạo nên sự tin tưởng của các bậc phụ huynh khi gửi gắm con vào trường. Bên cạnh đó, các trường cũng đã chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ GV, cơ sở vật chất của nhà trường: Đội ngũ GV tại các trường này nhận được đánh giá cao với ĐTB chung là: 3.94, thể hiện sự chuyên nghiệp, tận tâm và có trình độ chuyên môn tốt. Một đội ngũ GV mạnh không chỉ đảm bảo chất lượng giảng dạy mà còn là nền tảng cho môi trường học tập an toàn, thân thiện, tạo điều kiện tối ưu cho trẻ phát triển cả về kiến thức lẫn kỹ năng sống. Cơ sở vật chất của các trường công lập CLC cũng được đánh giá tích cực với ĐTB chung là: 3.86. Điều này cho thấy các trường đã quan tâm đầu tư vào trang thiết bị, đồ dùng học tập, khu vui chơi qua đó hỗ trợ tốt cho hoạt động học tập, vui chơi của trẻ. Tuy nhiên, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy là những yếu tố hạn chế, khi ĐTB chỉ đạt 3.15 và 3.12. Mặc dù có sự đầu tư vào cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ nhưng chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy vẫn chưa thực sự đáp ứng được kỳ vọng của phụ huynh và cán bộ quản lý GD.

2.4. Thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

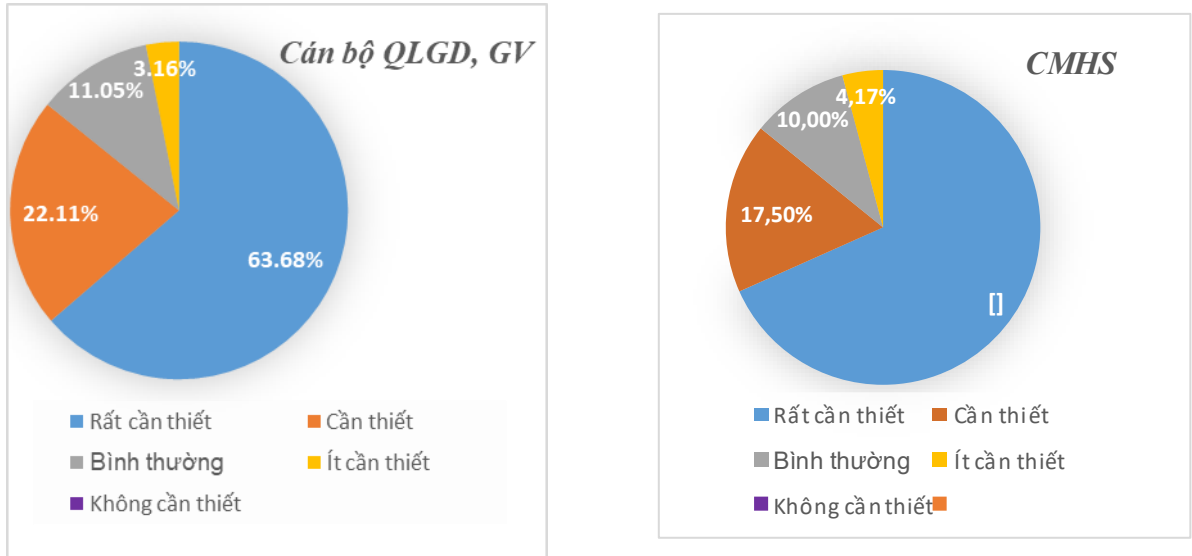
2.4.1. Thực trạng nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

** Nhận thức về sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ*

Bảng 3.7.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Thang đánh giá	Cán bộ QLGD, giáo viên (190/100%)		CMHS (120/100%)	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Rất cần thiết	121	63.68	82	68.33
Cần thiết	42	22.11	21	17.50
Bình thường	21	11.05	12	10.00
Ít cần thiết	06	3.16	05	4.17
Không cần thiết	0	0	0	0

Kết quả khảo sát thể hiện qua hai biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.1: Nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Kết quả khảo sát biểu đồ 3.1 cho thấy, đa số cán bộ QLGD, GV và CMHS đều đánh giá cao sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trong đó, 85.79% CBQL, GV đánh giá ở mức “Rất cần thiết” và “Cần thiết” (Rất cần thiết: 63.68%; Cần thiết: 22.11%); 85.83% CMHS cũng có đánh giá như vậy (Rất cần thiết: 68.33%; Cần thiết: 17.50%). Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát cũng cho thấy có 7.33% đánh giá là “Ít cần thiết” (cán bộ QLGD, GV: 3.16%; CMHS: 4.17%).

Tiền hành phỏng vấn sâu đối với 04 cán bộ QLGD và 10 GV (02 cán bộ QLGD và 05 GV ở trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị; 02 cán bộ QLGD và 05 GV ở trường Mầm non Sài Đồng) cho thấy có sự khác biệt trong nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Về phía CBQL được phỏng vấn, họ đều cho rằng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là vô cùng cần thiết đối với quá trình phát triển nhà trường nói riêng và nâng cao chất lượng GD mầm non nói riêng. Còn đối với GV, vẫn còn có GV chưa thấy được sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, đặc biệt là với GV mới vào công tác. Khi được hỏi lý do vì sao cho rằng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là không cần thiết, có ý kiến cho rằng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thì học phí sẽ tăng cao điều này có thể gây ra áp lực đối với phụ huynh học sinh, làm giảm đi số trẻ nhập học của trường; có ý kiến lại cho rằng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thì GV sẽ phải vất vả

hơn trong các hoạt động chuyên môn cũng như chăm sóc trẻ hoặc nhà trường sẽ không có đủ nguồn lực để làm. Điều này đặt ra vấn đề cần phải GD nâng cao nhận thức cho GV trong nhà trường qua đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, tự chủ trong mọi việc.

Như vậy, có thể thấy, đông đảo cán bộ QLGD, GV và CMHS đã nhận thức được sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ chưa nhận thức được sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, điều này có thể ảnh hưởng đến quá trình phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay.

*** Nhận thức trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường**

Bảng 3.7.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	4.14	0.77	2	4.40	0.79	2	4.27	0.78	2
Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2	3.37	0.93	4	3.18	0.73	4	3.28	0.83	4
Trường quốc tế	3.31	0.97	5	3.05	0.78	7	3.19	0.88	5
Chất lượng vượt trội	4.06	0.70	3	3.84	0.69	3	3.95	0.70	3
Đội ngũ vượt trội	3.20	0.92	6	3.09	0.80	6	3.15	0.86	6
Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	4.31	0.64	1	4.49	0.70	1	4.40	0.67	1
Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại	3.06	0.91	7	3.16	0.82	5	3.11	0.87	7
Trung bình chung	3.64			3.60			3.62		

Dựa trên số liệu từ bảng 3.7.2, có thể thấy đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về nhận thức trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường, đang có những nhận định khác nhau, chưa thống nhất khi có ĐTB chung có biên độ chênh lệch từ 3.06 đến 4.31. Trong đó, 02/07 tiêu chí được nhiều cán bộ QLGD, GV và CMHS lựa chọn là: *Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại* với ĐTB chung là: 4.40, xếp thứ bậc 1, mức “Hoàn toàn đồng ý”; *Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao* với ĐTB chung là: 4.27, xếp thứ bậc 2, mức “Hoàn toàn đồng ý”. Có 01/07 tiêu chí được đánh giá ở mức “Đồng ý”: *Chất lượng vượt trội*, có ĐTB chung là: 3.95, xếp thứ bậc 3. Còn lại 04/07 tiêu chí được đánh giá ở mức “Phân vân” khi ĐTB chung nằm trong khoảng $2.61 \leq \text{ĐTB} \leq 3.4$.

Điều này cho thấy cán bộ QLGD, GV và CMHS đã có nhận thức tương đối rõ ràng về loại hình trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trong đó, nhiều cán bộ QLGD, GV và CMHS đã nhận thức được trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường: Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại; Có các dịch vụ GD CLC. Đây chính là những dấu hiệu đặc trưng, nổi bật của trường mầm non công lập CLC. Tuy nhiên, còn một bộ phận không nhỏ cán bộ QLGD, GV và CMHS chưa nhận thức được loại hình nhà trường này là sự tổng hợp của nhiều tiêu chí khác nữa. Đặc biệt là các tiêu chí: “*Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại*”, có ĐTB chung là: 3.11 (Cán bộ QLGD, GV: 3.06; CMHS: 3.16) xếp thứ bậc 7, mức “Phân vân”; hay chỉ báo “*Đội ngũ vượt trội*” có ĐTB chung là: 3.15 xếp thứ bậc 6, mức “Phân vân”. Do đó, kết quả trên cho thấy nhận thức của cán bộ QLGD, GV và CMHS về loại hình trường mầm non công lập CLC còn chưa đầy đủ, toàn diện, mới chỉ đúng một phần.

Kết quả trên cũng phù hợp với kết quả phỏng vấn trực tiếp với 03 GV, 05 CMHS ở trường Mầm non B; 03 GV, 07 CMHS ở trường Mầm non Sài Đồng; đa số ý kiến đều cho rằng: Trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường có cơ sở vật chất hiện đại, khang trang; có các dịch vụ GD CLC đáp ứng tốt yêu cầu GD trẻ phát triển toàn diện hiện nay. Các tiêu chí về: Chất lượng vượt trội, đội ngũ vượt trội, trường đạt Chuẩn quốc gia, trường quốc tế, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại ít được nhắc tới.

2.4.2. Thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Bảng 3.8: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Xác định rõ mục tiêu, chiến lược phát triển nhà trường	4.03	0.72	1	3.74	0.81	1	3.89	0.70	1
Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi	3.23	0.83	10	2.98	0.79	10	3.11	0.81	10

Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ	3.71	0.73	5	3.61	0.68	6	3.66	0.78	6
Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy	3.24	0.92	9	3.08	0.83	9	3.16	0.88	9
Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy	3.33	0.93	8	3.12	0.85	8	3.23	0.89	8
Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng	3.93	0.73	3	3.64	0.79	5	3.79	0.72	3
Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp	3.67	0.74	7	3.56	0.75	7	3.62	0.78	7
Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn	2.82	0.76	13	2.89	0.82	11	2.85	0.83	12
Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp	2.87	0.83	11	2.84	0.76	12	2.86	0.89	11
Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ	3.98	0.72	2	3.70	0.78	2	3.84	0.71	2
Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ	3.70	0.94	6	3.68	0.79	3	3.69	0.87	5
Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ	2.86	0.78	12	2.80	0.73	13	2.83	0.84	13
Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC	3.81	0.66	4	3.65	0.69	4	3.73	0.74	4
Trung bình chung	3.47			3.33			3.40		

Số liệu ở bảng 3.8 cho thấy, đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có ĐTB chung là: 3.40 (Cán bộ QLGD, GV: 3.47; CMHS: 3.33) nằm trong khoảng $2.61 \leq \text{ĐTB} \leq 3.4$ (tương đương mức “Trung bình”). Trong đó 13 tiêu chí khảo sát đều ở mức “Khá” và “Trung bình”, có 03 tiêu chí được đánh giá cao nhất là: *Xác định rõ mục tiêu,*

chiến lược phát triển nhà trường với ĐTB chung là: 3.89, xếp thứ bậc 1, mức “Khá”; *Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.84, xếp thứ bậc 2, mức “Khá”; *Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng* với ĐTB chung là: 3.79, xếp thứ bậc 3, mức “Khá”. Có 03 tiêu chí bị đánh giá thấp nhất là: *Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.83, xếp thứ bậc 13, mức “Trung bình”; *Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn* với ĐTB chung là: 2.85, xếp thứ bậc 12, mức “Trung bình”; *Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp* với ĐTB chung là: 2.86, xếp thứ bậc 11, mức “Trung bình”.

Số liệu trên phản ánh, các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội đã xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ ở mức trung bình khá. Tiêu chí “Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường” nhận được ĐTB cao nhất là 3.89, cho thấy các trường mầm non CLC đã có định hướng rõ ràng về mục tiêu dài hạn, tạo nền tảng quan trọng để phát triển các kế hoạch tự chủ cụ thể. Đồng thời, các trường cũng đã chú trọng vào phát triển cơ sở vật chất như một yếu tố nền tảng trong kế hoạch tự chủ. Cơ sở vật chất hiện đại không chỉ đáp ứng nhu cầu học tập của trẻ mà còn giúp xây dựng môi trường GD CLC, từ đó củng cố niềm tin của phụ huynh vào chất lượng GD của trường. Ngoài ra, các trường cũng đã có kế hoạch quan tâm phát triển các dịch vụ GD CLC, điều này cho thấy nhận thức tích cực về việc phát triển các dịch vụ đi kèm để hỗ trợ môi trường học tập toàn diện trẻ. Tuy nhiên, việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ còn có những hạn chế nhất định về: Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy hiện đại theo hướng tự chủ, tiêu chí này có ĐTB thấp nhất chỉ đạt 2.83, điều này thể hiện năng lực lập kế hoạch phát triển về phát triển chương trình, phương pháp giảng dạy hiện đại của nhà trường còn hạn chế; hay vẫn còn hạn chế trong việc xác định rõ các căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn của việc lập kế hoạch, điều này có thể gây ảnh hưởng đến tính khoa học, hợp lý, khả thi của kế hoạch đã xây dựng.

2.4.3. Thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Bảng 3.9: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ	3.92	0.73	1	3.90	0.67	1	3.91	0.70	1
Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ	3.79	0.78	3	3.77	0.74	3	3.78	0.76	3
Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC	3.12	0.92	4	3.24	0.79	5	3.18	0.86	5
Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC	3.06	0.92	5	3.31	0.79	4	3.19	0.86	4
Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại	3.02	0.82	7	3.12	0.76	7	3.07	0.79	7
Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp	3.03	0.84	6	3.18	0.78	6	3.11	0.81	6
Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	3.84	0.78	2	3.84	0.71	2	3.84	0.75	2
Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	2.92	0.78	9	2.96	0.76	9	2.94	0.77	9
Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch	2.98	0.81	8	3.06	0.76	8	3.02		8
Trung bình chung	3.30			3.38			3.34		

Qua kết quả khảo sát ở bảng 3.9, nhìn chung thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được cán

bộ QLGD, GV và CMHS đánh giá ở mức “Trung bình”, có ĐTB chung là: 3.34 (Cán bộ QLGD, GV: 3.30; CMHS: 3.38). Đi sâu phân tích số liệu có thể thấy, trong 09 tiêu chí khảo sát, có 03/09 tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá”; 06/09 tiêu chí đánh giá ở mức “Trung bình”. 03 tiêu chí được đánh giá cao hơn cả đó là: *Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.91, xếp thứ bậc 1, mức “Khá”; *Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.84, xếp thứ bậc 2, mức “Khá”; *Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.78, xếp thứ bậc 3, mức “Khá”. Bên cạnh đó, những tiêu chí không được đánh giá cao là: *Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 2.94, xếp thứ bậc 9, mức “Trung bình”; *Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch* với ĐTB chung là: 3.02, xếp thứ bậc 8, mức “Trung bình”; *Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại* với ĐTB chung là: 3.07, xếp thứ bậc 3, mức “Trung bình”.

Qua trao đổi với 04 cán bộ QLGD, GV trường Mầm non Việt Bun và 05 cán bộ QLGD, GV trường Mầm non Đô thị Việt Hưng, các ý kiến đều cho rằng: Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng nội dung và phương pháp phát triển theo hướng tự chủ. Đặc biệt là những nội dung tự chủ về: Xây dựng kế hoạch, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, tài chính, cùng với phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong nhà trường.

Như vậy, qua những phân tích trên, có thể thấy rằng, các trường mầm non công lập CLC đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc xây dựng nội dung và phương pháp phát triển theo hướng tự chủ. Điểm nổi bật được đánh giá cao nhất với ĐTB chung là: 3.91 là việc ưu tiên phát triển cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ theo hướng tự chủ nhờ đó đã tạo nên một môi trường học tập thuận lợi, an toàn, hấp dẫn cho trẻ và đảm bảo duy trì, nâng cấp nhân lực, vật lực phù hợp với nhu cầu, đòi hỏi của thực tế. Đồng thời, các trường mầm non CLC đã chủ động cao trong việc lập kế hoạch phát triển. Việc xây dựng kế hoạch tự chủ không chỉ giúp nhà trường có định hướng rõ ràng mà còn giúp tăng tính linh hoạt trong quản lý, giảm sự phụ thuộc vào các quy định ràng buộc từ cấp trên, tăng tính linh hoạt, chủ động thích nghi với những yêu cầu mới trong GD. Tuy nhiên, xây dựng kế hoạch phát triển các

nội dung, tiêu chí của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ còn chưa tốt với ĐTB chung là: 2.94, xếp thứ bậc 9; việc phối hợp với các chủ thể ngoài nhà trường để huy động nguồn lực xã hội chỉ đạt ĐTB chung là: 3.02, xếp thứ bậc 8, tiêu chí này thể hiện sự thiếu hiệu quả trong việc phối hợp với các tổ chức bên ngoài nhằm huy động nguồn lực cho phát triển nhà trường.

2.4.4. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Bảng 3.10: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	3.10	0.78	4	3.08	0.76	4	3.09	0.77	4
Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường	3.32	0.83	3	3.15	0.77	3	3.24	0.80	3
Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban	2.95	0.75	5	2.95	0.77	5	2.95	0.76	5
Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp	3.71	0.86	1	3.91	0.69	1	3.81	0.78	1
Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	3.57	0.86	2	3.74	0.75	2	3.66	0.81	2
Trung bình chung	3.33			3.37			3.35		

Số liệu ở bảng 3.10 cho thấy, ý kiến của cán bộ QLGD, GV và CMHS về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ với ĐTB chung là: 3.35 (tương đương mức Trung bình). Trong đó, có 02/05 tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá”, 03 tiêu chí còn lại chỉ ở mức “Trung bình”. Được đánh giá ở mức “Khá” là các hoạt động: *Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp* với ĐTB chung là: 3.81, xếp thứ bậc 1; *Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.66, xếp thứ bậc 2. Các tiêu chí còn lại ở mức “Trung bình” với

ĐTB chung lần lượt là: 3.24 đối với tiêu chí *Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường* (xếp thứ hạng 3); 3.09 đối với tiêu chí *Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ* (xếp thứ hạng 4); 2.95 đối với tiêu chí *Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban* (xếp thứ hạng 5).

Các số liệu phân tích trên phản ánh, thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có 02 tiêu chí được đánh giá khá cao là: *Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp* và *Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ*. Điều này cho thấy các trường mầm non CLC đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mặt tổ chức nhân sự, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự chủ. Đồng thời, các trường đã thực hiện tốt việc huy động sự tham gia của nhiều bên liên quan, từ phụ huynh, cộng đồng, đến các tổ chức bên ngoài, nhằm tạo nên sự đoàn kết và đồng thuận cho mục tiêu phát triển tự chủ. Tuy nhiên, số liệu trên cũng cho thấy, việc xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban còn hạn chế, có thể khiến các tiểu ban khó phối hợp, dễ dẫn đến mâu thuẫn hoặc chông chéo trong công việc, gây cản trở cho sự phát triển tự chủ của trường. Hay các trường vẫn đang gặp khó khăn trong việc thiết lập một cấu trúc tổ chức rõ ràng và phù hợp với yêu cầu tự chủ (tinh, gọn), có thể dẫn đến sự thiếu nhất quán trong quản lý và triển khai kế hoạch, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động tự chủ.

2.4.5. Thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Bảng 3.11: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường	4.01	0.68	1	4.02	0.61	1	4.02	0.65	1
Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường	3.73	0.85	2	3.84	0.71	2	3.79	0.78	2

Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội	3.16	0.86	4	3.11	0.81	4	3.14	0.84	4
Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực	3.28	0.95	3	3.13	0.82	3	3.21	0.89	3
Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước	3.03	0.82	5	2.99	0.78	5	3.01	0.80	5
Tổng	3.44			3.42			3.43		

Nhìn vào bảng số liệu 3.11 thấy được, cán bộ QLGD, GV và CMHS có đánh giá khá tương đồng về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ với ĐTB chung là: 3.43 (Cán bộ QLGD, GV: 3.44; CMHS: 3.42) nằm trong khoảng $3.41 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (tương đương mức “Khá”). Trong đó, các đối tượng khảo sát đánh giá cao với các tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá” là: *Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường* có ĐTB chung là: 4.02 (xếp bậc thứ 1); *Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường* có ĐTB chung là: 3.79 (xếp bậc thứ 2). Các tiêu chí còn lại chưa được đánh giá cao, chỉ ở mức “Trung bình” đó là: *Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực* với ĐTB chung là: 3.21 (xếp bậc thứ 3); *Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội* với ĐTB chung là: 3.14 (xếp bậc thứ 4); *Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước* với ĐTB chung là: 3.01 (xếp bậc thứ 5).

Phòng vấn 06 cán bộ QLGD, GV và CMHS ở Mầm non B và 05 cán bộ QLGD, GV và CMHS ở Mầm non Việt Bun, thu được một số ý kiến cơ bản sau: Việc huy động các nguồn lực xã hội như sự đồng góp của phụ huynh, các tổ chức và các doanh nghiệp chưa đạt kỳ vọng; liên kết và trao đổi kinh nghiệm trong việc sử dụng nguồn nhân lực cũng chưa đạt hiệu quả cao; việc hợp tác và phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế là một hạn chế lớn.

Nghiên cứu một số báo cáo tổng kết thấy rằng, các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trên địa bàn thành phố Hà Nội đều gặp những khó khăn nhất định về tài chính, khi nguồn thu chủ yếu từ học phí của trẻ. Do đó, cũng đã có nhiều cố gắng để khai thác tối đa các nguồn lực đảm bảo cho phát triển nhà trường. Cụ thể là trong báo cáo Tổng kết năm học 2023

– 2024 của Trường Mầm non Mai Dịch đã nhận định: “Tiếp tục huy động, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư nguồn lực phát triển GD mầm non. Làm tốt công tác tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tranh thủ sự giúp đỡ và huy động mọi tiềm năng ủng hộ cho nhà trường” [58]. Tuy nhiên, hiệu quả vẫn chưa đạt được như mong đợi.

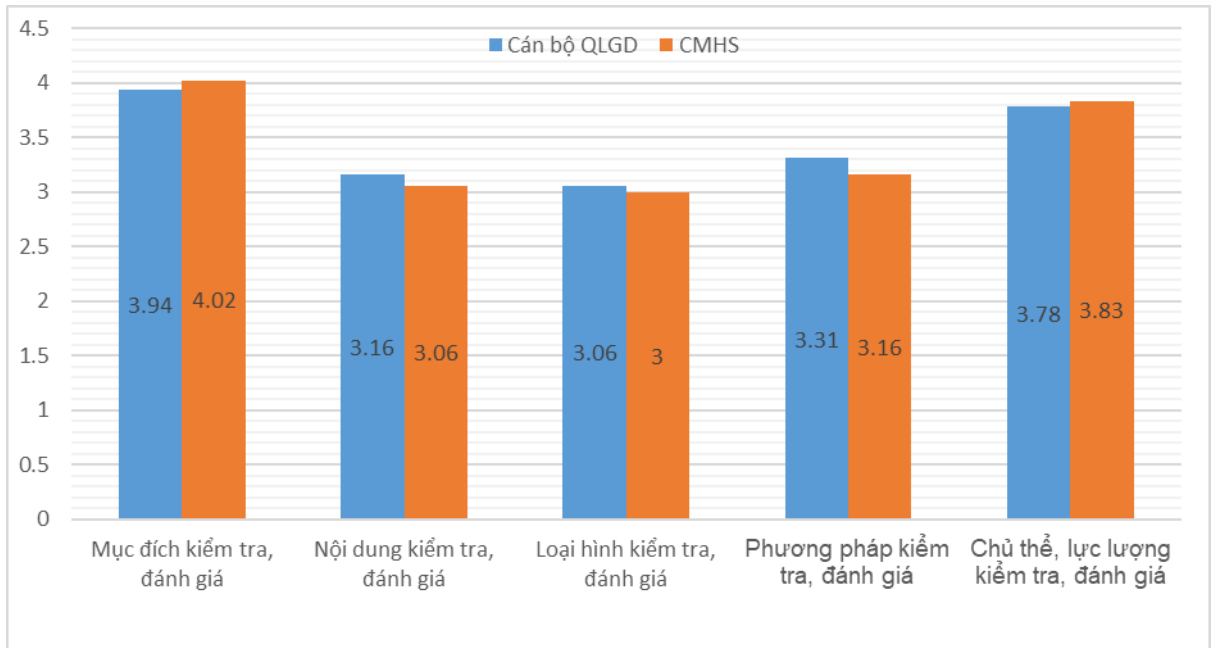
Như vậy, thông qua kết quả điều tra khảo sát ở bảng 3.11, kết quả phỏng vấn và nghiên cứu báo cáo tổng kết cho thấy, thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tế. Để đảm bảo tính tự chủ bền vững và nâng cao chất lượng GD, cần có những biện pháp cải thiện trong việc khai thác các nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác quốc tế và liên kết trao đổi kinh nghiệm. Đây sẽ là những điểm nhấn để giúp trường đạt được mục tiêu phát triển bền vững và tự chủ trong phát triển trường mầm non công lập CLC.

2.4.6. Thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Bảng 3.12: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Mục đích kiểm tra, đánh giá	3.94	0.72	1	4.02	0.66	1	3.98	0.69	1
Nội dung kiểm tra, đánh giá	3.16	0.93	4	3.06	0.88	4	3.11	0.91	4
Loại hình kiểm tra, đánh giá	3.06	0.84	5	3.00	0.81	5	3.03	0.83	5
Phương pháp kiểm tra, đánh giá	3.31	0.94	3	3.16	0.88	3	3.24	0.91	3
Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá	3.78	0.81	2	3.83	0.73	2	3.81	0.77	2
Trung bình chung	3.45			3.41			3.43		

Thống kê số liệu ở bảng 3.12 thể hiện kết quả đánh giá về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ ở mức độ khá. Cán bộ QLGD, GV và CMHS cho ý kiến đánh giá về thực trạng này tương đối đồng nhất với ĐTB chung là: 3.43 nằm trong khoảng $3.41 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (tương đương mức “Khá”). Các số liệu cụ thể được thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.2: So sánh đánh giá của cán bộ QLGD, GV và CMHS về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường MN công lập CLC theo hướng tự chủ

Quan sát số liệu ở bảng 3.6 và biểu đồ 3.2 thấy được rằng cán bộ QLGD, GV và CMHS đánh giá cao về tiêu chí: *Mục đích kiểm tra, đánh giá* có ĐTB chung là: 3.98 (xếp bậc thứ 1) và *Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá* có ĐTB chung là: 3.81 (xếp thứ bậc 2), đây là những tiêu chí được đánh giá ở mức “Khá”. Các tiêu chí còn lại chỉ đánh giá ở mức “Trung bình”: *Phương pháp kiểm tra, đánh giá* có ĐTB chung là: 3.24 (xếp thứ bậc 3); *Nội dung kiểm tra, đánh giá* có ĐTB chung là: 3.11 (xếp thứ bậc 4); *Loại hình kiểm tra, đánh giá* ở thứ bậc thấp nhất (xếp bậc thứ 5) với ĐTB chung là: 3.03.

Phỏng vấn 05 cán bộ QLGD, GV ở Mầm non Việt Triều Hữu Nghị và 05 cán bộ QLGD, GV ở Mầm non Việt Bun về thực trạng trên, các ý kiến đều cho rằng: Cơ bản đã tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nghiêm túc, thường xuyên; đã xác định rõ mục đích kiểm tra, đánh giá; phát huy tốt vai trò của các chủ thể, lực lượng tham gia kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, loại hình kiểm tra, đánh giá còn chưa đa dạng, nội dung kiểm tra, đánh giá chưa toàn diện, phương pháp kiểm tra, đánh giá có lúc chưa linh hoạt, điều này làm ảnh hưởng đến kết quả tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Như vậy, về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có điểm nổi bật là mục đích kiểm tra, đánh giá, đây là nội dung có ĐTB chung cao nhất, đạt 3.98. Điều này cho thấy mục đích kiểm tra, đánh giá của trường mầm non CLC theo hướng tự chủ đã được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu GD, đảm bảo việc theo dõi và đánh giá phát triển của nhà trường một cách hiệu quả. Đồng thời, các chủ thể tham gia vào quá trình kiểm tra, đánh giá cũng được đánh giá khá cao, giúp đảm bảo tính khách quan, minh bạch và hiệu quả trong việc kiểm tra, đánh giá.

Tuy nhiên, các loại hình kiểm tra, đánh giá hiện tại chưa đa dạng và chưa phù hợp với thực tế phát triển của trường. Việc mở rộng các loại hình kiểm tra và áp dụng linh hoạt hơn có thể giúp quá trình đánh giá trở nên toàn diện và phù hợp hơn với các nhu cầu cụ thể. Nội dung kiểm tra, đánh giá chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phát triển của trường mầm non CLC theo hướng tự chủ. Các phương pháp kiểm tra hiện tại có thể chưa đủ phong phú và chưa đáp ứng được tính đa dạng trong đánh giá năng lực và hiệu quả của GD mầm non. Nhà trường cần xem xét việc áp dụng các phương pháp kiểm tra mới, phù hợp hơn để nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá.

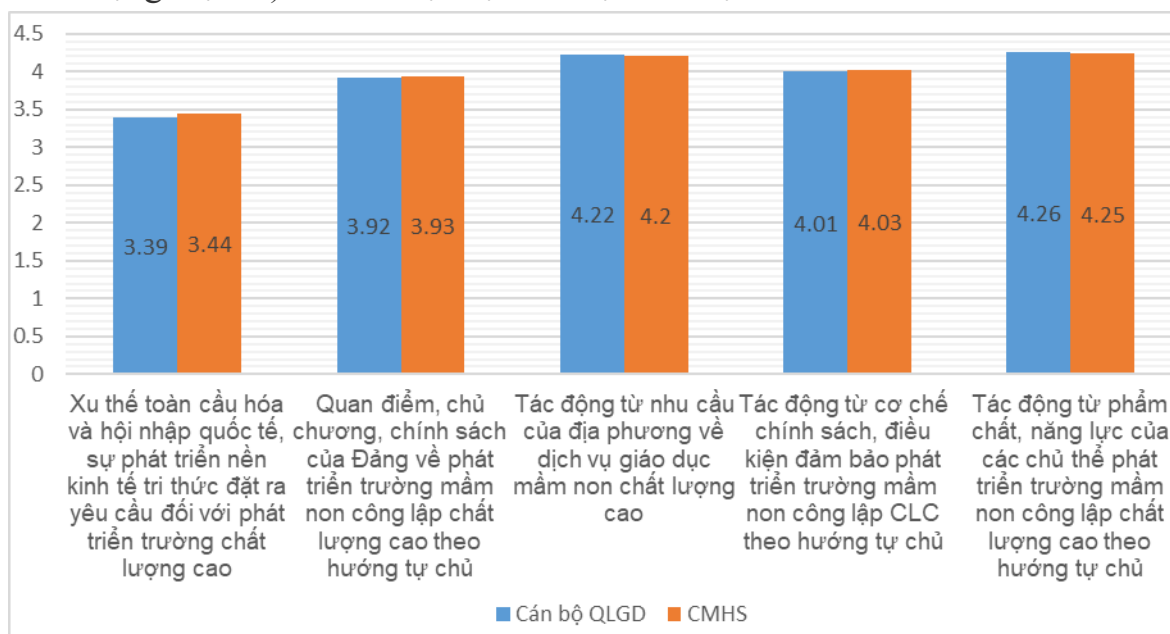
2.5. Thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Bảng 3.13: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Nội dung	Cán bộ QLGD, GV			CMHS			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao	3.39	0.92	5	3.44	0.96	5	3.42	0.94	5
Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	3.92	0.73	4	3.93	0.77	4	3.93	0.75	4
Tác động từ nhu cầu của địa	4.22	0.69	2	4.20	0.64	2	4.21	0.67	2

phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao									
Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	4.01	0.67	3	4.03	0.72	3	4.02	0.69	3
Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	4.26	0.65	1	4.25	0.60	1	4.26	0.63	1
Trung bình chung	3.96			3.97			3.97		

Thống kê số liệu ở bảng 3.13 thể hiện kết quả đánh giá về sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ ở mức độ khá cao. Cán bộ QLGD, GV và CMHS cho ý kiến đánh giá về thực trạng này tương đối đồng nhất với ĐTB = 3.97 nằm trong khoảng $3.41 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$ (tương đương mức “Tác động mạnh”). Các số liệu cụ thể được thể hiện ở biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.3: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động

Quan sát số liệu ở bảng 3.13 và biểu đồ 3.3 cho thấy, có 2 yếu tố được đánh giá là có tác động rất mạnh đến sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ đó là: *Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 4.26 (xếp bậc thứ 1) và

Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao với ĐTB chung là: 4.21 (xếp bậc thứ 2). Các yếu tố được đánh giá tác động mạnh gồm có: *Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 4.02 (xếp bậc thứ 3); *Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ* với ĐTB chung là: 3.93 (xếp bậc thứ 4) và *Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao* với ĐTB chung là: 3.42 (xếp bậc thứ 5). Như vậy, cả 05 yếu tố trên đều có tác động đến sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ với những mức độ khác nhau. Trong đó, yếu tố về con người được đánh giá là có tác động mạnh mẽ nhất đó chính là của các chủ thể GD ở các nhà trường, nòng cốt là đội ngũ cán bộ QLGD và GV.

Phòng vấn sâu 06 cán bộ QLGD, GV ở trường Trường Mầm non Mai Dịch và trường Mầm non Sài Đồng với câu hỏi: *Theo thầy (cô), phẩm chất, năng lực của các chủ thể của cán bộ QLGD, giáo viên có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ?*

Đa số đều cho rằng cán bộ QLGD, GV có ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của nhà trường, trong đó có sự phát triển nhà trường theo hướng tự chủ. Nếu đội ngũ CBQL, GV có phẩm chất, trình độ, có kỹ năng tốt trong quản lý, giảng dạy, đồng thời có tinh thần, thái độ tốt trong quá trình phát triển nhà trường theo hướng tự chủ thì sẽ có tác động tích cực đến sự phát triển của nhà trường theo hướng tự chủ. Có ý kiến cho rằng, cán bộ QLGD, GV chính là “đầu tàu”, những người “truyền cảm hứng” trong công tác chuyên môn, cũng như các hoạt động chăm sóc, GD trẻ. Như vậy có thể khẳng định, nhận thức, trách nhiệm cũng như phẩm chất, năng lực của các chủ thể GD trong nhà trường có ảnh hưởng quyết định đến kết quả và hiệu quả của sự phát triển nhà trường theo hướng tự chủ. Điều này đặt ra yêu cầu phải GD nhận thức, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ QLGD, GV về công tác quản lý giáo dục nói chung và phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ nói riêng.

Qua nghiên cứu, phân tích thực trạng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tác động đến sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ cho thấy, mặc dù các yếu tố được đánh giá ở mức độ khác nhau, song đều có tác động, ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Để quá trình phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ diễn ra thuận lợi, hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu của nhà trường, xã hội, cần đặt trong mối quan hệ tổng hòa với các yếu tố tác động, không nên xem nhẹ hay tuyệt đối hóa bất kỳ yếu tố nào, phát huy những giá trị tích cực từ những yếu tố đó, biến nó trở thành nguồn động lực thúc đẩy sự thành công trong phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

2.6. Đánh giá khái quát về thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

2.6.1. Điểm mạnh

Nhận thức và nhu cầu về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ đã được cán bộ, GV trong các nhà trường, nhân dân Thủ đô quan tâm và kỳ vọng. Mong muốn xây dựng và phát triển mô hình trường CLC nhằm nâng cao chất lượng GD nói chung, GD mầm non nói riêng, đáp ứng nhu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, giàu đẹp, góp phần nâng cao vị thế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế trong tương lai. Sự quan tâm và kỳ vọng của cộng đồng về một môi trường giáo dục tiên tiến không chỉ tạo ra động lực thực thi mạnh mẽ cho các nhà trường, mà còn đáp ứng yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại. Việc phát triển mô hình trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ chính là sự hiện thực hóa mục tiêu nâng cao vị thế giáo dục, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước trong tương lai.

Các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Thủ đô đang sở hữu nền tảng chính trị - xã hội vững chắc với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế đặc thù của Thành phố Hà Nội, tạo thành hành lang pháp lý minh bạch cho các hoạt động tự chủ. Thực tiễn cho thấy, nhiều đơn vị (tiêu biểu như trường Việt Triều Hữu nghị, Việt - Bun...) đã khẳng định được thương hiệu và uy tín sâu rộng thông qua việc vận hành thành công các

chương trình giáo dục hội nhập. Những kinh nghiệm quý báu trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ tại các cơ sở này không chỉ tạo dựng niềm tin cho cộng đồng mà còn là tiền đề lý luận và thực tiễn quan trọng để nhân rộng mô hình trường CLC theo hướng tự chủ toàn diện.

Các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn Hà Nội sở hữu nguồn nhân lực chất lượng cao với tỷ lệ đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn, trên chuẩn chiếm ưu thế tuyệt đối. Đây là lực lượng có nền tảng chuyên môn vững vàng, giàu kinh nghiệm thực tiễn và sở hữu tư duy sư phạm linh hoạt. Đặc biệt, với lợi thế là trung tâm giáo dục của cả nước, đội ngũ này thể hiện năng lực thích ứng nhanh nhạy với các phương pháp giáo dục hiện đại, công nghệ số và các mô hình tiên tiến trong khu vực cũng như quốc tế. Khả năng chủ động trao đổi, học tập kinh nghiệm từ các môi trường giáo dục hội nhập chính là đòn bẩy quan trọng để nhà trường thực thi hiệu quả các mục tiêu chất lượng cao và tự chủ bền vững.

2.6.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trên địa bàn Hà Nội vẫn còn bộc lộ những hạn chế cơ bản sau:

Nhận thức về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn chưa đầy đủ, chưa toàn diện, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) tại các trường công lập ở khối các trường công lập, ngại thay đổi, ngại đổi mới. Số trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ phát triển chưa xứng tầm, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ nền GD tiên tiến của nhân dân thủ đô Hà Nội. Hệ thống tiêu chí nhận diện và đánh giá trường CLC theo hướng tự chủ còn bộc lộ sự thiếu cập nhật, chưa phản ánh rõ nét tính "tiên tiến" và "tự chủ" trong bối cảnh mới, dẫn đến sự lúng túng khi nhân rộng mô hình tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau.

Nội dung, chương trình, phương thức quản lý theo quy định của các cơ quan quản lý giáo dục, chưa có tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chưa mạnh dạn đưa các nội dung chương trình quốc tế vào trường học; các nhà trường chưa thực hiện tốt quyền tự chủ trong việc thiết kế và phát triển chương trình riêng biệt để tạo nên bản sắc độc lập. Công tác kiểm tra, đánh giá, kiểm định

trường CLC, công nhận danh hiệu trường của các cơ quan quản lý cấp trên còn bị động, lúng túng.

Cơ chế chính sách chưa đồng bộ, chông chéo tạo khó khăn trong quá trình thực hiện, vì vậy số lượng trường CLC theo chủ trương đến nay vẫn chưa đạt được theo kì vọng. Đầu tư cơ sở vật chất không thay đổi, chưa có cơ chế tạo động lực để khuyến khích GV tiến lên CLC. Mô hình trường CLC khó nhân rộng và thực hiện đại trà, cần được nghiên cứu lại cho phù hợp với cả trường công lập và ngoài công lập, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội ở một số phường xã trong thành phố Hà Nội.

2.6.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực trạng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trên địa bàn Hà Nội vẫn còn bộc lộ những hạn chế và "điểm nghẽn" cơ bản sau:

Một là, nhận thức của các chủ thể về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn hạn chế, chưa đầy đủ. Theo đó, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển cũng như kiểm định trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ một cách khoa học còn chưa được toàn diện và còn có bất cập. Do đó, kết quả phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, chưa tương xứng với sự đầu tư.

Hai là, hệ thống tiêu chí và cơ chế thực thi thiếu tính cập nhật. Bộ tiêu chí nhận diện và đánh giá trường CLC hiện nay chưa phản ánh rõ nét các yếu tố "tiên tiến" và "tự chủ" trong bối cảnh mới. Điều này gây lúng túng cho các cơ quan quản lý và nhà trường khi thực hiện kiểm định, công nhận danh hiệu, đồng thời tạo ra rào cản trong việc nhân rộng mô hình tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau.

Hai là, chất lượng đội ngũ cán bộ, GV chưa thật đồng đều; một số cán bộ, GV chưa thường xuyên học tập, rèn luyện, năng lực sư phạm chưa thật tương xứng với yêu cầu trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Năng lực quản trị tự chủ còn yếu và thiếu tính đột phá, nhận thức về tự chủ tại nhiều cơ sở còn chưa đầy đủ, dẫn đến tâm lý "ngại thay đổi" và sợ rủi ro của một bộ phận CBQL và giáo viên. Chất lượng đội ngũ cán bộ, GV chưa thật đồng đều; một số cán bộ, GV chưa thường xuyên học tập, rèn luyện, năng lực

sự phạm chưa thật tương xứng với yêu cầu trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Ba là, quản trị nguồn nhân lực và nội dung chương trình thiếu tính năng động: Nhà trường chưa thực hiện tốt quyền tự chủ trong việc thiết kế chương trình riêng biệt hay mạnh dạn tích hợp các nội dung quốc tế; các biện pháp, hình thức phát triển chương trình còn đơn giản; nội dung, chương trình GD, nhất là các chương trình GD tăng cường, chương trình GD CLC chưa thật phong phú, hấp dẫn và đa dạng, có nội dung còn chưa đáp ứng được yêu cầu trẻ và gia đình trẻ và thực tiễn phát triển của GD mầm non; môi trường GD tiên tiến, hiện đại CLC của các nhà trường chưa thực sự nổi bật.

Bốn là, cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các lực lượng xã hội phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn chưa đồng bộ, còn chông chéo. Bên cạnh đó, công tác truyền thông về mô hình trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn quá mới với một số người dân, dẫn đến những nghi ngại về sự tương xứng giữa mức học phí và chất lượng giáo dục thực tế.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở khung lý thuyết đã xác lập, luận án đã tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích thực trạng phát triển trường mầm non công lập Chất lượng cao theo hướng tự chủ trên địa bàn thành phố Hà Nội, kết quả đã khẳng định giáo dục mầm non công lập CLC tại Thủ đô Hà Nội trong nhiều năm qua đã có những bước khởi sắc rõ rệt, đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Giáo dục mầm non đại trà được coi trọng với việc phát triển rộng khắp cả về số lượng, chất lượng và các loại hình trường, nhóm, lớp, đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Giáo dục mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ bước đầu có sự khởi sắc, tạo dựng được uy tín và tầm ảnh hưởng với xã hội. Hệ thống các trường khảo sát sở hữu lợi thế lớn về trình độ đội ngũ cán bộ, giáo viên và kinh nghiệm vận hành các chương trình giáo dục tiên tiến. Sự chuyên biến trong nhận thức của chủ thể quản lý về tính tất yếu của tự chủ đã tạo tiền đề thuận lợi cho việc thực thi mô hình nhà trường hiện đại. Tuy nhiên, phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn nhiều khó khăn, bất cập đòi hỏi có sự đồng thuận từ nhận thức về trường CLC theo hướng tự chủ; chất lượng đội ngũ, chương trình giáo dục, cơ chế, chính sách tương ứng với trường chất lượng cao... Đây là không chỉ là những hạn chế mà còn là vấn đề đặt ra đối với phát triển GD mầm non CLC trên địa bàn Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay. Đồng thời, đây là căn cứ thực tiễn quan trọng, giúp tác giả luận án xác lập các luận cứ thực tế, từ đó đề xuất hệ thống các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ đảm bảo tính khoa học, khả thi và đột phá.

Chương 3

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ

3.1. Yêu cầu phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

3.1.1. Đảm bảo nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong các nhà trường, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non

Phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ phải trực tiếp nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ trong các nhà trường, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác GD mầm non, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường mầm non. Đặc biệt, tạo sự đột phá về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ trên cơ sở môi trường GD tiên tiến, hiện đại, các tiêu chí, tiêu chuẩn rõ ràng có chất lượng vượt trội, tương xứng với mô hình nhà trường và sự kỳ vọng của cha mẹ trẻ đối với mô hình CLC. Theo đó, phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ phải thực hiện mục tiêu kép, vừa đảm bảo thực hiện tốt nhất các yêu cầu phát triển của nhà trường mầm non và chương trình GD mầm non hiện hành, vừa đáp ứng được mọi nhu cầu hưởng thụ môi trường GD CLC của trẻ và gia đình và nhân dân trên địa bàn, hướng tới góp phần thúc đẩy, hình thành và phát triển mô hình GD mầm non tiên tiến, hiện đại và hiệu quả. Do đó, phải phát huy được hiệu quả, sức mạnh tổng hợp các chủ thể quản lý, thực hiện tốt các chức năng quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động GD trên cơ sở phương thức quản lý hiện đại với yêu cầu khắt khe về chất lượng của nhà trường CLC. Chính vì vậy, đề xuất các biện pháp quản lý phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ phải giải quyết được hài hòa các mâu thuẫn, tạo động lực bên trong bền vững để phải đảm bảo nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ trong các nhà trường, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng GD mầm non.

3.1.2. Phù hợp với nhiệm vụ phát triển giáo dục của đất nước, xu hướng phát triển của giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới

Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là bước phát triển mới của ngành GD mầm non nước ta trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện. Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, GD mầm non có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống GD quốc dân, trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người Việt Nam. Trường mầm non công lập CLC là mô hình trường trọng điểm, hạt nhân, được tập trung đầu tư cả về cơ sở vật chất, con người, với các phương tiện thiết bị hiện đại, tiên tiến. Đây là điều kiện thuận lợi mà cả xã hội dành cho nhà trường với mong muốn dành cho trẻ những gì tốt nhất. Do đó, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải tiếp cận được các chương trình GD, phương pháp giảng dạy, các dịch vụ GD tiên tiến, hiện đại, hiệu quả trên thế giới dành cho trẻ trong tiến trình phát triển của con người. Theo đó, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải phù hợp với nhiệm vụ phát triển GD của đất nước, xu hướng phát triển của GD mầm non tiên tiến trên thế giới. Đây cũng là sự tiếp tục thực hiện lộ trình đổi mới căn bản và cũng để đảm bảo GD được đổi mới toàn diện theo đúng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 đặt mục tiêu đến năm 2030 hoàn thành phổ cập GD mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

3.1.3. Căn cứ vào mục tiêu phát triển giáo dục mầm non, điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương

Thành phố Hà Nội, với đặc điểm địa lý dân cư, hành chính, kinh tế, GD tương đối phức tạp và có nhiều biến động lớn trong bối cảnh hiện nay, đã tạo ra thời cơ và thách thức mới cho sự phát triển GD nói chung, GD mầm non nói riêng. Sự phát triển phong phú, đa dạng đã tạo nên các nhu cầu, điều kiện khác nhau về GD nói chung, GD mầm non nói riêng. Đối với các quận nội thành và một số trung tâm các huyện có điều kiện phát triển về kinh tế, xã hội của thủ đô Hà Nội, nhiều gia đình mong muốn con em mình được thụ hưởng chế độ, môi trường và các dịch vụ GD CLC, với yêu cầu về chất lượng GD tốt nhất. Vì vậy, ngay từ năm 2006, thủ đô Hà Nội đã có chủ trương xây dựng và phát triển nhà trường CLC, với mong muốn đưa GD nói chung, GD mầm non Thủ đô phát triển ở tầm cao mới. Tuy nhiên, quá trình phát triển gặp nhiều khó khăn bất cập do điều kiện về kinh tế, xã hội ở các địa phương có nhiều sự khác biệt, mô hình GD mầm non CLC chưa khẳng

định được vị thế trong hệ thống các nhà trường mầm non. Do đó, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần có sự linh hoạt, phù hợp với từng địa phương cụ thể, cần có sự chọn lọc, tránh áp dụng đại trà để đảm bảo tính toàn vẹn của mô hình, đồng thời từng bước củng cố, hoàn thiện mô hình phù hợp với thực tiễn GD mầm non các địa phương nói riêng, thủ đô Hà Nội và các địa phương trên cả nước nói chung.

3.1.4. Phát huy được sức mạnh tổng hợp của các chủ thể quản lý ở các trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Yêu cầu quản lý ở trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ khác với các mô hình truyền thống, đòi hỏi sự tận tụy, trách nhiệm và nhiệt huyết của các chủ thể, đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể. Tuy nhiên, thực tiễn khi chuyển đổi mô hình, phương pháp tác phong quản lý cũ vẫn còn tồn tại khá phổ biến đã ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng về mọi mặt của nhà trường. Do đó, đề xuất biện pháp quản lý phải phát huy sức mạnh của các chủ thể quản lý; phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện chuyên môn, nhiệm vụ, hướng tới hoàn thiện và phát triển nhà trường theo đúng mong muốn.

3.1.5. Bảo đảm tính khoa học, khả thi và tính kế thừa trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo tính khoa học, chặt chẽ trong quá trình hoàn thiện, phát triển nhà trường. Bởi về bản chất, mô hình trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được hình thành bởi các tiêu chí, tiêu chuẩn cũng như quy trình thực hiện chương trình GD khoa học, hiện đại có ứng dụng thành tựu của khoa học công nghệ trong quản lý, điều hành, đảm bảo chất lượng GD CLC. Do đó, các biện pháp phát triển phải hướng tới đảm bảo được môi trường GD khoa học, hiện đại, có sự phân tích, dự báo từng giai đoạn một cách chính xác, cụ thể. Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo tính khả thi, thể hiện giá trị thực tiễn mà biện pháp mang lại trong triển khai thực hiện phát triển nhà trường, phát huy được năng lực quản lý, uy tín quản lý của các chủ thể quản lý. Ngoài ra, đề xuất các biện pháp đảm bảo tính kế thừa nhằm phát huy ưu điểm, điểm mạnh về các mặt của nhà trường trước đó, các thế mạnh về chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, kinh nghiệm thực tiễn và các điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường. Trên cơ sở đó, từng bước xây dựng lộ trình, bước đi cụ thể hướng tới đạt trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

3.2. Biện pháp phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

3.2.1. Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

3.2.1.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Việc tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với phát triển của trường. Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phù hợp với thực tiễn phát triển của địa phương, bám sát nhu cầu của cha mẹ trẻ, không chỉ giúp cho việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đạt mục tiêu đề ra mà còn trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ trong nhà trường, xây dựng uy tín, thương hiệu của nhà trường với địa bàn dân cư, khẳng định tính ưu việt của mô hình, góp phần nâng cao chất lượng GD mầm non của địa phương. Biện pháp nhằm định hướng cho Hiệu trưởng, Ban giám hiệu (chủ thể chính) lãnh đạo, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, đảm bảo các tiêu chí bám sát thực tiễn của nhà trường, điều kiện địa phương; khẳng định tính ưu việt của nhà trường tiên tiến, hiện đại, có yêu cầu về chất lượng vượt trội trong nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ; đảm bảo sự phù hợp với quy định của Ngành GD mầm non, đồng thời tiếp tục hoàn thiện và phát triển giá trị cốt lõi của nhà trường đã đạt được.

3.2.1.2. Nội dung, cách thức thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng, Ban giám hiệu (chủ thể chính) lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ theo các nội dung, cách thức cơ bản như sau:

Giai đoạn 1: Nghiên cứu, khảo sát và đánh giá thực trạng

Một là, thành lập Ban chỉ đạo; tổ chức nghiên cứu, khảo sát, đánh giá xác định yêu cầu, mong muốn của xã hội về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Thành lập Ban chỉ đạo thành phố bao gồm gồm lãnh đạo Sở, chuyên viên phụ trách, đại diện các trường mầm non công lập chất lượng cao, chuyên gia). Các trường mầm non công lập chất lượng cao thành lập Tổ

chuyên trách cấp trường (gồm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên cốt cán). Ban chỉ đạo nhằm điều hành các hoạt động chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; thiết lập bộ máy, tổ chức vận hành các cấp, phân công giao nhiệm vụ cho các chủ thể trong tổ chức, triển khai các hoạt động một cách đồng bộ. Theo đó, cơ quan các cấp từ Sở giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần có sự phối hợp đồng bộ; kết hợp với các chủ thể, chính quyền địa phương có liên quan trong tổ chức chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ theo yêu cầu đề ra.

Ban chỉ đạo các cấp theo sự phân công tiến hành nghiên cứu, khảo sát đánh giá xác định yêu cầu, mong muốn của xã hội về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, nắm bắt chính xác xu hướng phát triển của các mô hình trường mầm non hiện đại trên thế giới và thực tiễn, điều kiện vận dụng, phát triển ở Việt Nam, nắm bắt nhận thức, nhu cầu của xã hội đối với trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức nghiên cứu, tham khảo ý kiến phản biện của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, các nhà trường mầm non và toàn thể nhân dân; tổ chức diễn đàn, trao đổi, tọa đàm, hội thảo với các nhà khoa học, cử cán bộ đi tham quan học hỏi kinh nghiệm về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Từ kết quả khảo sát và tham vấn, chủ thể các cấp nắm bắt được các yêu cầu, mong muốn, nguyện vọng của thực tiễn xã hội, từ đó định hướng chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Hai là, chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Phân tích, đánh giá bộ tiêu chí hiện hành (theo Quyết định 20, 21 và Thông tư 19) về tính phù hợp, hiệu quả và những điểm cần điều chỉnh, bổ sung trong bối cảnh tự chủ và yêu cầu nâng cao chất lượng.

Từ thông tin thu được thông qua nghiên cứu, điều tra, khảo sát, Ban chỉ đạo tiến hành rà soát, đối chiếu, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện có phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ nhà trường mầm non, các quy định của ngành và địa phương.

Giai đoạn 2: Xây dựng, thẩm định và ban hành bộ tiêu chí mới

Hiện nay, các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ của thành phố Hà Nội được xây dựng dựa trên các tiêu chí theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/06/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non; Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/06/2013 của UBND Thành phố Hà Nội Quy định về việc bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình GD mầm non, phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở GD mầm non, GD phổ thông; các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ của thành phố Hà Nội hiện nay đã đáp ứng Quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT quy định về năm tiêu chuẩn đối với trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Hàng năm, trên tình hình thực tế, nhà trường đều chủ động báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy định, tiêu chí cụ thể:

Một là, dựa trên kết quả giai đoạn 1, Ban chỉ đạo và các Tổ chuyên trách xây dựng dự thảo bộ tiêu chí điều chỉnh, bổ sung, đảm bảo các nguyên tắc: bám sát mục tiêu phát triển giáo dục mầm non của thành phố, phù hợp với xu hướng quốc tế, đảm bảo tính khả thi và nguồn lực thực hiện, hướng đến phát triển toàn diện và phát huy năng lực cá nhân của trẻ, tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của nhà trường....

Đối với tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, tài chính trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: nhấn mạnh chủ động tăng cường, bổ sung xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đáp ứng theo tiêu chí trường CLC và hội nhập Quốc tế; bổ sung hạ tầng CNTT, thiết bị, nâng cấp trang website, đáp ứng đòi hỏi của trường học điện tử, số hóa trường học theo hướng hiện đại hoá, đồng bộ, chuẩn Quốc tế; bổ sung đồ dùng chơi đẹp an toàn, thân thiện môi trường, đồng bộ, hiện đại, đồ chơi công nghệ, đồ chơi thông minh, đồ chơi chuyên sâu của các phòng Lab STEAM, thư viện, chiếu phim, thể chất, phần mềm ứng dụng tương tác trên máy tính. Hoàn thiện lộ trình học phí dựa trên căn cứ vào các điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương; cam kết thực hiện chất lượng GD theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ, chương trình, phương pháp giảng dạy; trả lương cho cán bộ, GV và nhân viên theo hiệu suất lao động.

Đối với tiêu chuẩn về đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhân viên trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: nhấn mạnh chủ động bổ sung, cập nhật và hoàn thiện các tiêu chí về bố trí nhân sự theo năng lực và vị trí việc làm, kết hợp kiêm nhiệm công việc để giảm nhân sự mức tối đa; đề cao tiêu chí về năng lực sáng tạo, kỹ năng quản lý hành chính nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chăm sóc, GD trẻ đối với trường mầm non CLC. Chủ động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ, linh hoạt sáng tạo đáp ứng thời kỳ công nghệ 4.0 trong chuyên môn; bổ sung các tiêu chí về quy định đối với bồi dưỡng, thăm quan, học tập các trường CLC, trường có yếu tố nước ngoài, hệ thống GD nổi tiếng trong và ngoài nước, có khả năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu CLC; bổ sung, cập nhật các tiêu chí quy định về chuyên môn đối với nhân viên về các lĩnh vực bảo vệ, lễ tân.

Đối với tiêu chuẩn về chương trình, nội dung dạy học trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: chủ động bổ sung, tăng cường và hoàn thiện chương trình, nội dung các tiêu chuẩn đi sâu vào lĩnh vực Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và Lĩnh vực phát triển nhận thức; tăng cường tổ chức các hoạt động lễ hội sự kiện gắn với các dự án cộng đồng giúp trẻ phát triển kỹ năng mềm, phát triển ngôn ngữ, kỹ năng vận động, kỹ năng sống cho trẻ, các hoạt động: thăm quan dã ngoại về với thiên nhiên, xem biểu diễn nghệ thuật, tham gia các hoạt động outing trip; tăng cường chăm sóc cá nhân, quan tâm thể mạnh từng trẻ, bù đắp mặt hạn chế của trẻ.

Đối với tiêu chuẩn về phương pháp giảng dạy trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: chủ động bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí về ứng dụng các phương pháp tiên tiến trong hoạt động GD: kích thích tư duy trường UNIS; STEAM; Reggio Emilia, Play Based trải nghiệm; dạy học dự án, bản đồ tư duy... Lựa chọn, phối hợp, đan xen sử dụng các phương pháp chơi và học để làm rõ trọng tâm các hoạt động, tạo điều kiện cho trẻ trẻ tích cực hoạt động khám phá. Các hoạt động GD theo hình thức đổi mới, tăng cường hoạt động: hoạt động nhóm, tiếp cận cá nhân, trải nghiệm và thực hành, gần gũi thiên nhiên.

Đối với tiêu chuẩn về dịch vụ GD CLC: chủ động bổ sung, mở rộng, nâng cao chất lượng các dịch vụ CLC phù hợp với nhu cầu xã hội và xu thế hội nhập quốc tế. Tăng cường các dịch vụ khám sàng lọc tư vấn tâm lý, can thiệp sớm cho trẻ có rối nhiễu về tâm lý, ngôn ngữ, hành vi, phát hiện sớm các bệnh về mắt; nâng cấp và khai thác hiệu quả các câu lạc bộ: Hành trang vào lớp 1, Cờ vua, MC

nhí, kỹ năng sống, câu lạc bộ STEAM, câu lạc bộ bơi sinh tồn, bóng rổ, Music & Movement, câu lạc bộ nghệ thuật (bale, nhảy, đàn, ...).

Trên cơ sở các nội dung được bổ sung, cập nhật, Ban chỉ đạo dự thảo bước đầu hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, gồm:

1. Tiêu chuẩn về nguồn lực (inputs)

Nhóm này tập trung vào những yếu tố đầu vào, nền tảng để xây dựng một trường mầm non chất lượng cao.

1.1. Tiêu chí về cơ sở vật chất và trang thiết bị:

1.1.1. Địa điểm và quy mô trường

1.1.2. Tiêu chuẩn cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và thư viện đạt mức độ 2

1.1.3. Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, chuyên dùng đáp ứng yêu cầu dạy, học và dịch vụ giáo dục

1.2. Tiêu chí về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

1.2.1. Tiêu chuẩn và năng lực của Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng có bằng cử nhân trở lên, trình độ trung cấp chính trị trở lên, có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; có năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường và xây dựng phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế.

1.2.2. Trình độ chuyên môn và nghiệp vụ của Phó Hiệu trưởng: Hiệu trưởng được đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng có bằng cử nhân trở lên, trình độ trung cấp chính trị trở lên, có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; có năng lực lãnh đạo, quản trị nhà trường; xây dựng phương hướng chiến lược, phát triển nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế.

1.2.3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của giáo viên 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định đối với cấp học, trong đó tối thiểu 70% giáo viên có trình độ trên chuẩn; 100% có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ được giao và khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao; 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm

non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó có tối thiểu 30% xếp loại tốt. Tối thiểu 90% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, trong đó tối thiểu 50% giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp phường (xã), thành phố; có giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố; Có giáo viên chuyên biệt dạy các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật, ngoại ngữ.

1.2.4. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên: Có đủ số lượng nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm; 100% nhân viên đạt chuẩn đào tạo trở lên theo đúng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ đối với vị trí việc làm; 100% nhân viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ, trong đó 80% hoàn thành tốt nhiệm vụ.

1.2.5. Bồi dưỡng và phát triển đội ngũ: Hàng năm có 100% cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng đạo đức nhà giáo, chuyên môn nghiệp vụ lãnh đạo, quản lý, quản trị tự chủ nhà trường và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non. Được tham quan, học tập các điển hình tiên tiến trong nước hoặc quốc tế.

1.2.6. Giáo viên ngoại ngữ (trong nước và nước ngoài): Có giáo viên trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh.

1.3. Tiêu chí về chương trình giảng dạy

1.3.1. Xây dựng chương trình bổ sung nâng cao: Chương trình bổ sung nâng cao phải được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục Việt Nam hiện hành, phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô, theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế, được thẩm định, phê duyệt và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định.

1.3.2. Nội dung chương trình bổ sung nâng cao: đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn, thể mạnh của nhà trường giúp trẻ hình thành, phát triển về thể chất, tình cảm – kỹ năng xã hội, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ, khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi trẻ; hình thành và phát triển các phẩm chất cốt lõi (yêu thương, tôn trọng, trung thực, trách nhiệm), các năng lực chung (giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự lực, thích ứng) và năng lực đặc thù ở mức độ phù hợp với trẻ mầm non, tạo nền tảng ban đầu góp phần xây dựng hệ giá trị cốt lõi con người Việt Nam.

1.3.3. Tăng cường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe; phát triển năng khiếu thể chất, nghệ thuật;

làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ; các kỹ năng xã hội, kỹ năng sống cần thiết...) phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ nhằm phát triển tối đa nền tảng thể lực, các phẩm chất và năng lực cá nhân của mỗi trẻ.

1.3.4. Tính hiệu quả và khả thi của nội dung bổ sung: Các nội dung bổ sung nâng cao ngoài chương trình phải đảm bảo tính hiệu quả và khả thi, áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến phù hợp với trẻ mầm non.

1.3.5. Liên kết và tích hợp chương trình giáo dục quốc tế (nếu có): Thực hiện liên kết giáo dục, chương trình giáo dục tích hợp với các cơ sở giáo dục nước ngoài, được thẩm định, phê duyệt và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng quy định.

2. Nhóm tiêu chuẩn về quá trình (process)

Nhóm này tập trung vào cách nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và tương tác với trẻ.

2.1. Tiêu chí phương pháp giáo dục

2.1.1. Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới linh hoạt, phù hợp, sáng tạo, hiệu quả.

2.1.2. Năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc áp dụng phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

2.1.3. Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động theo hướng tiếp cận năng lực và phát huy tính tích cực của trẻ.

2.1.4. Đổi mới hình thức đánh giá.

2.1.5. Tổ chức các hoạt động phát triển năng lực cá nhân.

2.2. Tiêu chí về dịch vụ giáo dục chất lượng cao:

2.2.1. Các dịch vụ đáp ứng nhu cầu phụ huynh.

2.2.2. Các hoạt động hỗ trợ phát triển toàn diện cho trẻ.

2.2.3. Tư vấn tâm lý.

2.2.4. Phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

2.2.5. Huy động nguồn lực từ cộng đồng.

3. Tiêu chuẩn về kết quả (Outputs/Outcomes)

Nhóm này tập trung vào kết quả mà trường mầm non chất lượng cao đã đạt được.

3.1. Tiêu chí về cam kết chất lượng và kết quả đầu ra:

- 3.1.1. Chất lượng chăm sóc giáo dục theo chương trình bổ sung nâng cao.
- 3.1.2. Tỷ lệ trẻ tham gia hoạt động ngoại khóa.
- 3.1.3. Tỷ lệ trẻ đạt yêu cầu theo mục tiêu của chương trình bổ sung nâng cao.
- 3.1.4. Công tác chăm sóc sức khỏe và tư vấn tâm lý cho trẻ.
- 3.1.5. Mức độ hài lòng của cha mẹ trẻ.
- 3.1.6. Kết quả đánh giá hàng năm của ban ngành.

Sau khi xây dựng, bổ sung bộ tiêu chí, Ban chỉ đạo tổ chức các hội thảo, lấy ý kiến góp ý từ cán bộ quản lý, giáo viên các trường mầm non công lập chất lượng cao. Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo với các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục mầm non, đại diện phụ huynh, chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội. Sau đó Ban chỉ đạo tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo bộ tiêu chí [Phụ lục 24]

Hai là, công bố, lấy ý kiến phản và tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Trên cơ sở bản dự các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đã được bổ sung, cập nhật, Ban chỉ đạo công bố truyền thông, tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên đại học, các nhà trường mầm non, đội ngũ GV, nhân viên các trường mầm non để tiếp tục nhận thông tin phản hồi, tiếp tục có sự điều chỉnh hợp lý không ngừng nâng cao hiệu quả và tính khả thi của các tiêu chí nói riêng, sự phát triển của nhà trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói chung.

Cách thức tổ chức bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ gồm các bước sau:

Đối với Sở giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo nghiên cứu, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ (gọi tắt là Ban chỉ đạo). Thành phần gồm: Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (Trưởng ban chỉ đạo), Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách, Trưởng phòng mầm non, Phó Trưởng phòng mầm non, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, một số nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành về GD mầm non.

Ban chỉ đạo tổ chức các phiên họp, thảo luận và thống nhất về mục tiêu, nội dung, cấu trúc, kế hoạch thời gian, cách thức triển khai, xác định các

nguồn lực và giao nhiệm vụ cho các lực lượng, chủ thể liên quan nghiên cứu, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Cùng với các tổ chuyên gia khác chịu sự quản lý điều hành trực tiếp của trường Ban chỉ đạo, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng ở các trường mầm non công lập CLC chịu trách nhiệm chủ trì, triển khai các nhiệm vụ mà Ban chỉ đạo đã phân công.

Ban chỉ đạo nghiên cứu, xem xét nghiên cứu, bổ sung và trình cơ quan chức năng theo thẩm quyền sau khi có bản dự thảo; tổ chức hội thảo, tọa đàm tiếp tục lấy ý kiến đóng góp để nâng cao chất lượng bản dự thảo các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Đặc biệt, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện mô hình CLC, hiện đang trình tham mưu với UBND Thành phố ban hành quyết định thay thế Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 quy định tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non, phổ thông CLC và Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình GD mầm non, GD phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở GD mầm non, phổ thông CLC để phù hợp với các quy định hiện hành, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển trường CLC trong giai đoạn tới.

Định kỳ hàng năm, Ban chỉ đạo triển khai cho các tổ chuyên trách, các đơn vị liên quan tiếp tục tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn xã hội và sự phát triển của khoa học GD mầm non.

Đối với các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: đây là chủ thể chính trong hoàn thiện, bổ sung, phát triển các tiêu chí phù hợp với thực tiễn nhà trường và điều kiện của địa phương. Do đó, Hiệu trưởng các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thành lập các tổ chuyên trách, thực hiện các nhiệm vụ của Ban chỉ đạo đã xác định trong kế hoạch. Thành phần các tổ chuyên trách gồm: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, GV cốt cán của nhà trường, mời thêm một số chuyên gia đầu ngành bên ngoài nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của tổ chuyên trách; phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cho các tổ và thành viên.

Tổ chuyên trách tổ chức phiên họp để trình bày, thảo luận và thống nhất về cách thức nghiên cứu, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phân công các thành viên trong Tổ chuẩn bị phiếu điều tra khảo sát thông tin và tham vấn ý kiến phản hồi, thực hiện điều tra thử và hoàn tất mẫu phiếu điều tra, triển khai công tác điều tra theo mẫu, xử lý số liệu và tổng hợp kết quả điều tra khảo sát.

Tổ chuyên trách phân tích kết quả nghiên cứu, điều tra, khảo sát, ý kiến phản hồi, tiến hành đối sánh để xác định các tiêu chuẩn, tiêu chí cần bổ sung, cập nhật, hoàn thiện trên cơ sở các quy định, tiêu chí, tiêu chuẩn về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đã có; hoàn thiện bản dự thảo ban đầu về tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tổ chuyên trách ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ tiến hành hội thảo, tọa đàm về bản dự thảo, đồng thời gửi dự thảo để lấy ý kiến phản hồi chính thức từ các bên liên quan, nhất là các cơ quan quản lý chuyên môn, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức chính trị xã hội ở địa phương; tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, trình Ban chỉ đạo nghiên cứu, xem xét.

Giai đoạn 3: Công bố, triển khai và đánh giá hiệu quả

Sở Giáo dục và Đào tạo công bố bộ tiêu chí trên các kênh thông tin chính thức (website, văn bản hướng dẫn...). Tổ chức các hội nghị, tập huấn để phổ biến, quán triệt nội dung bộ tiêu chí đến các trường mầm non.

Các trường mầm non công lập chất lượng cao căn cứ vào bộ tiêu chí mới để xây dựng kế hoạch phát triển và tự đánh giá.

Thiết lập cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các trường, phụ huynh và các bên liên quan trong quá trình triển khai (hộp thư góp ý, email, khảo sát định kỳ...).

Định kỳ (ví dụ: hàng năm hoặc 2 năm một lần), Ban chỉ đạo tổ chức đánh giá hiệu quả của việc triển khai bộ tiêu chí, trên cơ sở đó đề xuất các điều chỉnh, bổ sung (nếu cần) để đảm bảo tính phù hợp và cập nhật.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Chính phủ, Bộ GD&ĐT cần có quy định về cơ chế phối hợp, chế độ chính sách phù hợp để khuyến khích các lực lượng tham gia rà soát, điều chỉnh, bổ sung cập nhật, hoàn thiện các tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; khuyến khích những sáng kiến, cách làm hay tạo sự đột

phá trong tư duy cũng như trong tổ chức thực hiện phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Cấp Thành phố:

Ban hành cơ chế tài chính hỗ trợ cho quá trình nghiên cứu, xây dựng, thí điểm và triển khai bộ tiêu chí.

Xây dựng chính sách thu hút và khuyến khích sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín.

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các sở ban ngành liên quan và chính quyền địa phương các cấp.

Tổ chức các chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về các vấn đề liên quan đến tiêu chí chất lượng cao và tự chủ trường học.

Cấp trường:

Hiệu trưởng các trường mầm non công lập chất lượng cao chủ động thành lập và tạo điều kiện thuận lợi cho các Tổ chuyên trách hoạt động hiệu quả.

Đảm bảo sự tham gia tích cực, trách nhiệm của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình nghiên cứu, xây dựng và triển khai các tiêu chí.

Chủ động đề xuất các ý kiến đóng góp, phản biện trong quá trình xây dựng và điều chỉnh bộ tiêu chí.

3.2.2. Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

3.2.2.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Chất lượng đội ngũ GV là yếu tố then chốt, quyết định chất lượng chăm sóc, GD trẻ trong nhà trường. Theo đó, đội ngũ GV có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ CLC là yếu tố không chỉ quyết định chất lượng GD mà còn là sự yêu cầu, đòi hỏi hàng đầu của xã hội, sự hấp dẫn đối với cha mẹ trẻ ở nhà trường CLC. Biện pháp hướng tới đề xuất phương hướng lãnh đạo, chỉ đạo của chủ thể các cấp trong bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Đây cũng là biện pháp đặt ra đòi hỏi mỗi GV phải không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường CLC.

3.2.2.2. Nội dung, cách thức thực hiện biện pháp

Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm nội dung cơ bản sau:

Một là, chỉ đạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Trên cơ sở các căn cứ, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ đối với GV ở trường mầm non công lập CLC; thực trạng đội ngũ GV ở trường mầm non công lập CLC, chủ thể các cấp xác định cơ sở, căn cứ để xây dựng kế hoạch phù hợp với thực tiễn phát triển và nhu cầu của đội ngũ GV. Đặc biệt, để phá tan sức ỳ, tạo động lực cho các chủ thể, lực lượng tham gia bồi dưỡng, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần gắn với quy hoạch, tạo nguồn và phát triển, sử dụng; kết hợp với cơ chế, chính sách và sự đăi ngộ công khai, rõ ràng đối với cá nhân và tập thể khi tham gia bồi dưỡng và kết quả bồi dưỡng.

Chỉ đạo xác định, lựa chọn và đa dạng hóa các loại hình kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Mỗi trường mầm non công lập CLC có đặc thù khác nhau về đội ngũ GV, về nhu cầu bồi dưỡng, về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ. Đa dạng hóa các loại hình kế hoạch bồi dưỡng để tăng phần chủ động cho các chủ thể, lực lượng tham gia bồi dưỡng nhiều nhất, kết quả, chất lượng đạt được cao nhất. Trong đó, chủ thể các cấp cần kết hợp xây dựng kế hoạch bồi dưỡng dài hạn (kế hoạch chiến lược, kế hoạch giai đoạn) với kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn (kế hoạch thực hiện theo từng năm học, theo học kỳ, theo quý) nhằm đảm bảo tính cần thiết, cập nhật của các nội dung bồi dưỡng với nhu cầu, trình độ thực tế của đội ngũ GV; kết hợp giữa các kế hoạch bồi dưỡng với kế hoạch tự bồi dưỡng, trong đó lấy tự bồi dưỡng là chủ yếu.

Chỉ đạo tuân thủ nghiêm túc quy trình xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Xây dựng kế hoạch hoạt động bồi dưỡng GV thường được thực hiện theo tiến trình sau: chuẩn bị xây dựng kế hoạch, xây dựng dự thảo kế hoạch, hoàn thiện kế hoạch, triển khai kế hoạch. Trong từng bước của quy trình, chủ thể quản lý cần xác định rõ nội dung, phương thức, xác định chủ thể thực hiện và chủ thể phụ trách phù hợp. Tuy nhiên, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập

CLC theo hướng tự chủ cần đảm bảo tính mở, để các tổ chức, lực lượng tham gia có thể bổ sung, phát triển kịp thời, phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ.

Hai là, chỉ đạo xác định mục tiêu, nội dung bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Mục tiêu bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV được thể hiện ở nhiều cấp độ: Ở cấp độ cụ thể, gắn mục tiêu bồi dưỡng gắn với chương trình, nội dung bồi dưỡng cụ thể; ở cấp độ tổng quát, mục tiêu bồi dưỡng chuyên môn cho GV gồm kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn cao nhằm hướng tới đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về chuyên môn của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Chuyên môn cao của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm nhiều lĩnh vực trong các hoạt động chăm sóc, GD trẻ. Trong đó hiểu sâu, nắm chắc hơn các nội dung năng lực chuyên môn về: nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại, vấn đề dinh dưỡng của trẻ trong giai từng giai đoạn phát triển; kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tổ chức các hoạt động GD trẻ hiện đại; lựa chọn và sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin, AI phù hợp với đặc trưng của từng nội dung GD; năng lực làm việc nhóm, làm việc trong môi trường quốc tế và hợp tác quốc tế. Trong đó, chú trọng bồi dưỡng năng lực thực hiện các phương pháp tiên tiến như: kích thích tư duy (Inquiry Based Learning) trường UNIS; Montessori; trải nghiệm; bản đồ tư duy... xây dựng trường học, lớp học lấy trẻ làm trung tâm. Lựa chọn, phối hợp, đan xen sử dụng các phương pháp chơi và học để làm rõ trọng tâm các hoạt động trẻ theo độ tuổi; chú trọng bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ để có thể tiếp cận với các chuyên gia GD nước ngoài, nghiên cứu và vận dụng các mô hình GD tiên tiến trên thế giới, xây dựng môi trường GD năng động, hợp tác với các trường quốc tế, liên kết quốc tế, thực hiện các chương trình quốc tế.

Các năng lực chuyên môn cần bồi dưỡng được thể hiện trong *Phụ lục 6*.

Ba là, chỉ đạo đổi mới và sử dụng hiệu quả các phương pháp và hình thức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Chỉ đạo đổi mới, hiện đại hóa các phương pháp các phương pháp chăm sóc GD trẻ truyền thống, áp dụng các kiến thức chuyên sâu về khoa học, tâm lý, dinh dưỡng trong chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần cho trẻ; chỉ đạo sử dụng các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ hiện đại, chăm sóc trẻ

toàn diện về thể chất và tinh thần, phát triển các phẩm chất và năng lực cho trẻ; chỉ đạo đổi mới tổ chức sinh hoạt chuyên môn, để định hướng một cách thống nhất về cách tiếp cận nội dung kiến thức và áp dụng các phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động bồi dưỡng năng lực sư phạm cho GV mầm non như: tổ chức thực hiện có hiệu quả Hội thi nghiệp vụ sư phạm; cải tiến các nội dung thi trong hội thi nghiệp vụ sư phạm. Ngoài thi giảng, thi hát, múa, đọc, kể chuyện diễn cảm kết hợp sử dụng các phương pháp, phương tiện hiện đại với thi hiểu biết và phần kỹ năng. Chỉ đạo tổ chức cho GV thăm quan học tập, trao đổi kinh nghiệm sư phạm, các kỹ năng sư phạm với các cơ sở GD mầm non khác nhau trên địa bàn, các trường mầm non công lập CLC, các trường quốc tế và đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài. Chỉ đạo tổ chức cho GV viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học và thiết kế đồ dùng dạy học; nghiên cứu ứng dụng các mô hình GD mầm non hiện đại, các phần mềm, ứng dụng vào trong đổi mới phương pháp, hình thức bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu mô hình CLC theo hướng tự chủ.

Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm cách thức thực hiện như sau:

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội: Ban hành văn bản, chỉ thị, nghị quyết chuyên đề có liên quan nhằm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng, chủ thể các cấp về bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng căn cứ chính trị, pháp lý, căn cứ lý luận và thực tiễn về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, định hướng hướng dẫn về các yêu cầu, tiêu chuẩn, tiêu chí đối với nhà trường, làm cơ sở để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, chủ thể tham gia bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Ban chỉ đạo bồi dưỡng, hướng dẫn các lực lượng có liên quan xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phân công, giao nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia bồi dưỡng rõ ràng, cụ thể. Lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện quá trình bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ GV,

chuyên viên, chuyên gia bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; chủ động nghiên cứu, nắm bắt sự chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan Bộ, cơ quan liên quan nhằm định hướng các nội dung trọng tâm cho xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tạo điều kiện về pháp lý, nguồn lực và các điều kiện đảm bảo khác cho các hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ diễn ra đạt kết quả cao nhất.

Đối với các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: các chủ thể trong nhà trường cần làm tốt chức năng tham mưu cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, các cơ quan liên quan và thường xuyên, trực tiếp là Ban giám hiệu, Hội đồng nhà trường về bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; trực tiếp tiến hành các hoạt động điều tra, khảo sát nắm nhu cầu xã hội, thực trạng chất lượng đội ngũ làm cơ sở, căn cứ đề xuất, triển khai các hoạt động bồi dưỡng; nắm quy chế, quy định và hướng dẫn của cơ quan cấp trên để xác định nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng cụ thể, phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ và điều kiện của từng nhà trường; kịp thời nghiên cứu, soạn thảo và ban hành nội dung, chương trình bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và nhu cầu của nhà trường; tổ chức quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ bồi dưỡng, kết hợp với các tổ chuyên môn đánh giá, phân loại, nhóm GV; xây dựng các các tiêu chí đánh giá bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, phân loại kết quả bồi dưỡng. Tham mưu cho cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, định hướng cho các tổ chuyên môn trong đánh giá, bình xét năng lực chuyên môn của đội ngũ GV theo yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; cùng với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, thường xuyên, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, giúp đỡ GV bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

Trực tiếp tham mưu, đề xuất, lựa chọn chủ thể tham gia bồi dưỡng, thành lập các tiểu ban và tổ chức mạng lưới đội ngũ GV nòng cốt để thực hiện các

nhiệm vụ bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Thiết lập cơ chế hoạt động của các chủ thể tham gia bồi dưỡng; hỗ trợ các hoạt động bồi dưỡng, phát hiện các vấn đề nảy sinh và đề xuất các biện pháp giải quyết.

Tổ chức thiết lập, phân chia các nhóm GV để tiến hành bồi dưỡng. Định hướng cho các nhóm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trong nhóm; cơ chế phối hợp các thành viên trong nhóm; nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm trong quá trình tham gia; thiết lập cơ chế báo cáo và cách thức khen thưởng, xử phạt đối với các thành viên trong nhóm. Tùy thuộc vào tổ chức, biên chế để xác định số nhóm, số lượng thành viên trong mỗi nhóm, đặc biệt, phân chia các nhóm một cách hợp lý đảm bảo sự tiến bộ, đồng đều của nhóm.

Đối với tổ chuyên môn và mỗi GV trong nhà trường: nhận thức rõ hơn về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xác định trách nhiệm bản thân trong bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của nhà trường; tích cực tham gia nội dung, phương pháp, hình thức bồi dưỡng; tạo điều kiện về thời gian, tài liệu, động viên khuyến khích GV bồi dưỡng đạt hiệu quả cao; theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo cấp trên về chất lượng bồi dưỡng và năng lực chuyên môn của từng GV theo quy định.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện

Cơ quan quản lý giáo dục các cấp, thường xuyên, trực tiếp là Ban Giám hiệu, Hội đồng trường cần nắm chắc năng lực chuyên môn của đội ngũ GV, trên cơ sở đó định hướng, chỉ đạo công tác bồi dưỡng; phân loại, lựa chọn đối tượng, xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức bồi dưỡng phù hợp.

Các lực lượng có liên quan và tổ chuyên môn phải chủ động tích cực trong việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng; bố trí, sắp xếp, GV khách quan, chính xác, khoa học.

Xác định nội dung, phương pháp và hình thức bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải căn cứ vào thực tiễn phát triển của các trường mầm non, điều kiện cơ sở vật chất, đảm bảo có tính kế thừa nhưng hiện đại, bám sát xu hướng phát triển của GD mầm non thế giới, nhu cầu của xã hội.

Quan tâm tạo điều kiện, tạo cơ chế, chính sách tốt cho các hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có hiệu quả.

3.2.3. Chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

3.2.3.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Chương trình GD là xương sống, yếu tố cốt lõi quan trọng của nhà trường, không chỉ phản ánh chất lượng đầu vào mà còn là sự khẳng định, cam kết chất lượng đầu ra đối với xã hội. Đối với trường mầm non công lập CLC, chương trình GD của nhà trường còn là yếu tố thể hiện sự vượt trội, khác biệt, sự hấp dẫn của nhà trường với các nhà trường khác. Phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến chất lượng chăm sóc GD trẻ nói riêng, khẳng định vị thế, uy tín của trường CLC nói chung. Phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao hàm cả sự thay đổi, bổ sung liên tục trong chương trình GD để nâng cao hiệu quả hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ, đáp ứng yêu cầu về CLC của cha mẹ trẻ, tổ chức và cộng đồng. Theo đó, biện pháp định hướng cho chủ thể các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo liên tục hoàn thiện chương trình GD để đáp ứng nhu cầu xã hội phù hợp với điều kiện của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

3.2.3.2. Nội dung, cách thức thực hiện biện pháp

Chỉ đạo phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm các nội dung cơ bản sau:

Một là, tổ chức GD nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho các chủ thể; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tổ chức GD nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho chủ thể các cấp về phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ trên nhiều nội dung như: kiến thức về chương trình GD mầm non hiện hành, thực hiện chương trình GD mầm non hiện hành; trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; yêu cầu về chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ ở trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; kiến thức cơ bản về phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo

hướng tự chủ; các tiêu chí, tiêu chuẩn về chất lượng, đảm bảo chất lượng của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; bồi dưỡng nâng cao nhận thức về kiến thức, kỹ năng phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chủ thể các cấp nhằm xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển chương trình GD với các khâu, các bước cụ thể gắn với các mốc thời gian thực hiện một cách khoa học. Từ đó chủ động lãnh đạo, chỉ đạo phối hợp, hiệp đồng giữa Ban chỉ đạo với các nhà trường mầm non công lập CLC, các cơ quan, ban ngành địa phương có liên quan, các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành. Trong đó, các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đóng vai trò là chủ thể chính, vừa đảm nhiệm tham mưu, đề xuất, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các quy cách, tiến độ, nội dung và tiến độ. Ban giám hiệu, Hội đồng trường huy động các nguồn lực, tập trung và phát huy trí tuệ tập thể, tiến hành thực hiện và thường xuyên cung cấp thông tin phản hồi về khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, phản ánh xu hướng phát triển của khoa học GD mầm non, xu hướng phát triển của quốc tế và thực tiễn, điều kiện vận dụng ở Việt Nam nói chung, nhà trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng.

Hai là, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Theo nhiệm vụ được phân công, các chủ thể, lực lượng tham gia phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thường xuyên tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng chương trình GD của nhà trường xác định được những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó xây dựng kế hoạch phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phù hợp. Trong quá trình đó, các chủ thể Ban chỉ đạo cần quán triệt các nội dung được lãnh đạo, chỉ đạo theo các văn bản, quy định, xây dựng bộ phận chuyên trách, xây dựng kế hoạch, thu thập, xử lý thông tin, minh chứng, ... làm cơ sở hướng dẫn, tổ chức thực hiện tự đánh giá chương trình GD của nhà trường hiệu quả, bám sát các tiêu chuẩn, tiêu chí đã xác định.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chủ thể các cấp thực hiện tốt khâu tự đánh giá và khảo sát đánh giá chất lượng thực hiện chương trình GD của nhà trường (bao gồm: chất lượng thực hiện chương trình GD mầm

non hiện hành và chất lượng thực hiện các chương trình GD bổ sung, tăng cường CLC của nhà trường). Trên cơ sở các quy định về chất lượng thực hiện chương trình GD mầm non hiện hành, chất lượng thực hiện các chương trình GD bổ sung, tăng cường CLC, nhu cầu của thực tiễn để tiến hành điều chỉnh, bổ sung và phát triển chương trình GD.

Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Trên cơ sở các nội dung đã được thống nhất, chủ thể phát triển chương trình GD tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, tận dụng tối đa sức mạnh của tập thể đảm bảo phát hiện, bổ sung, phát triển chương trình GD là những nội dung thiết thực, khoa học và hiện đại. Ban chỉ đạo kết hợp với các nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phân công công việc cho các thành viên; thống nhất triển khai các nội dung, kế hoạch, phương pháp thực hiện, thời gian hoàn thành, nghiệm thu và đánh giá phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; lựa chọn và tổ chức phân công lực lượng, xây dựng cơ chế nhằm phát triển chương trình GD; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng, tập huấn các lực lượng, triển khai kế hoạch phát triển chương trình GD. Các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đóng vai trò làm trung tâm phối hợp, vừa thực hiện chức năng tham mưu, đồng thời là lực lượng chịu trách nhiệm liên kết các chủ thể, tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai và thực thi, phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tổ chức ký kết văn bản ghi nhớ, thỏa thuận, phối hợp, hợp tác giữa các lực lượng phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Các chủ thể ngoài nhà trường gồm: các cơ quan, ban ngành chức năng có liên quan như: Sở Giáo dục và Đào tạo; y tế; Ủy ban dân số - gia đình - trẻ em; Phòng văn hóa GD; tuyên giáo; nội vụ... thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GD, có nhiệm vụ phối hợp, tạo điều kiện về mặt pháp lý, trung gian kết nối giữa nhà trường với các tổ chức, lực lượng xã hội, các thành phần lực lượng có liên quan và đảm bảo sự phối hợp đó được diễn ra theo một cơ chế thống nhất. Ngoài ra, còn các lực lượng có liên quan như các tổ chức xã hội, đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân địa phương, Hội CMHS, Đoàn thanh niên, các tổ chức chính trị xã hội, các gia đình, các nhà tài trợ. Các chủ thể này trực tiếp tham gia hoặc tham gia một phần vào quản lý chăm sóc,

nuôi dưỡng và GD trẻ, thực hiện chương trình GD của nhà trường. Các chủ thể trong nhà trường gồm: đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên với vai trò là các chủ thể trực tiếp phát triển chương trình GD. Quá trình tổ chức, triển khai chương trình GD, các chủ thể này một mặt phải nắm chắc nhu cầu của xã hội, thực tiễn địa phương, mặt khác phải làm chủ được mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện chương trình GD của nhà trường; trực tiếp tổ chức, tiến hành thực hiện các hoạt động quản lý theo thẩm quyền và yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên; là trung tâm phối hợp với cơ quan cấp trên và các lực lượng có liên quan phát triển chương trình GD. Trong đó, chú trọng các lực lượng ngoài nhà trường, các chuyên gia đầu ngành, chuyên gia nước ngoài, các trường mầm non ở nước ngoài... nhằm tạo trách nhiệm, ràng buộc lẫn nhau với tinh thần trách nhiệm cao. Các nội dung văn bản ghi nhớ như: (1) Phối hợp, liên kết trong xây dựng nội dung chương trình GD CLC; (2) Phối hợp, liên kết trong quản lý, thực hiện chương trình GD CLC; (3) Phối hợp, liên kết trong trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia các hoạt động thực tế của các nhà trường CLC nhằm nâng cao trình độ và kiến thức thực tế cho đội ngũ cán bộ, GV; (4) Liên kết trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ quản lý, phát triển chương trình GD CLC; (5) Phối hợp, liên kết trong bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn nhằm bổ sung kiến thức và kinh nghiệm thực tế cho các cán bộ, GV CLC; (6) xây dựng quy chế phối hợp, liên kết hoạt động giữa các lực lượng trong phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. (7) xây dựng và ban hành các văn bản, các cơ chế trong quản lý, phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Ba là, tổ chức thực hiện tốt các khâu, các bước phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là quá trình diễn ra liên tục, thường xuyên với nhiều chủ thể và các hoạt động đan xen vào nhau theo một trình tự, logic nhất định, đảm bảo cho chương trình GD ngày càng hoàn thiện, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu trường CLC theo hướng tự chủ. Do đó, tổ chức thực hiện tốt các bước sau: Bước 1: Phân tích bối cảnh và mục tiêu phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Bước 2: Xác định mục đích chung và mục tiêu cụ thể trong phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Bước 3: Đánh giá, cập nhật, rà soát để cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Bước 4: Điều chỉnh, bổ sung, cập nhật chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Bước 5: Thực thi chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tổ chức định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết, rút nghiệm trong phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm là nội dung không thể thiếu, nhằm đảm bảo sự lãnh đạo, quản lý và đánh giá chính xác mức độ đạt được trong phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Qua đó, chủ thể các cấp nắm được mức độ đạt được trong thực hiện mục tiêu chương trình GD của nhà trường; tham mưu, đề xuất, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình GD phù hợp yêu cầu thực tiễn. Tiến hành sơ tổng kết, rút kinh nghiệm là căn cứ để chủ thể các cấp nắm được trình độ, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, GV thuộc quyền, đồng thời từng bước điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện mô hình trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Chỉ đạo phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm cách thức thực hiện như sau:

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội: Thông qua chức năng, nhiệm vụ, tổ chức phối hợp, điều hành các lực lượng phát triển chương trình GD theo quy chế, triển khai thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đã xác định như: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ sát đúng đối với quy định của ngành; định hướng các biện pháp GD giúp các chủ thể nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chất lượng thực hiện chương trình nhà trường và phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn trong về xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cho các chủ thể. Chủ trì hoặc hỗ trợ các hoạt động phối hợp, liên kết, mời chuyên gia trong các hoạt động phát triển chương trình GD của các trường. Chủ trì hoặc tham gia các hoạt động phát triển chương trình GD của các trường theo đúng quy chế, quy định hiện hành; kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động phát triển chương trình GD của trường mầm non công

lập CLC theo hướng tự chủ. Tham mưu, tư vấn cho cơ quan quản lý cấp trên trong ban hành các quy định quản lý và đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Dự trù kế hoạch, phương án tư vấn, hỗ trợ các nhà trường trong phát triển chương trình GD theo đúng quy chế, quy định, phù hợp với thực tiễn của nhà trường và nhu cầu chăm sóc GD trẻ của địa phương.

Đối với các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: là lực lượng chính trong phát triển chương trình GD của trường, thường xuyên xây dựng, bổ sung, hoàn thiện nội dung chương trình, kế hoạch giảng dạy, quản lý và chịu trách nhiệm cao nhất về chất lượng nội dung, phương pháp giảng dạy và tiến độ giảng dạy theo chương trình GD, theo đó: *Đối với Ban giám hiệu, Hội đồng trường:* trên cơ sở các hướng dẫn quy định của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, xây dựng và triển khai các quy chế, quy định về phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức quán triệt sâu sắc các văn bản này làm cơ sở để tiến hành phổ biến, hướng dẫn cho các chủ thể trong phát triển chương trình GD; xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí tổ chức học tập, nghiên cứu các quy chế, quy định có liên quan; có cơ chế phát huy tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể, các lực lượng trong quản lý và thực hiện chương trình GD theo chức năng, nhiệm vụ được phân công. Tổ chức bồi dưỡng cho các chủ thể thuộc quyền và chủ trì thực hiện các hoạt động phát triển chương trình GD của nhà trường. *Đối với các tổ chuyên môn và đội ngũ GV:* đây là lực lượng quan trọng, chủ thể chính trực tiếp tiến hành các hoạt động phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Tổ trưởng tổ chuyên môn kết hợp với Hội đồng trường xây dựng kế hoạch phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức bồi dưỡng làm cho các lực lượng này nhận thức rõ hơn vị trí, vai trò của nhà trường trước yêu cầu, thách thức mới, nhiệm vụ mới và tầm cao mới. Đặc biệt, GD cho đội ngũ GV nhận thức được đây là nhiệm vụ trọng yếu, khẳng định sự khác biệt giữa các trường mầm non CLC với các trường mầm non đại trà; tích cực bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện các nội dung của chương trình GD được phân công thực hiện. Trong đó, chú trọng bổ sung và nâng cao hơn nữa chất lượng thực hiện các nội dung của chương trình GD phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội. Chú trọng tích hợp các nội dung

GD theo chủ đề hoặc theo dự án một cách hợp lý, phù hợp với từng độ tuổi. Tăng cường các hoạt động GD kích thích khả năng tư duy, phát triển vượt trội các kỹ năng vận động và GD kỹ năng thực hành cuộc sống cho trẻ so với chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi của Bộ Giáo dục và Đào tạo; trẻ đạt được mục tiêu kết quả đầu ra cao hơn về GD phẩm chất nhân cách, tình cảm, kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và tăng cường các hoạt động GD thể chất so với các trường đại trà. Bên cạnh đó, cần duy trì, quản lý chặt chẽ các hoạt động của Tổ chuyên môn và đội ngũ GV, đảm bảo cho hoạt động GD tuân thủ nguyên tắc, quy định yêu cầu, nề nếp tốt đúng phong cách, môi trường văn hóa của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Đối với các lực lượng có liên quan với nhà trường: bao gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các cơ quan, đoàn thể địa phương, cơ quan quản lý chuyên môn các cấp có liên quan cần có chủ trương, kế hoạch tham gia phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; hướng dẫn, tạo điều kiện cụ thể để các trường có hành lang pháp lý, điều kiện đảm bảo thuận lợi nhằm quản lý, thực hiện và phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; sẵn sàng tham gia với tư cách là thành viên, lực lượng phối hợp trong các hoạt động GD của nhà trường nói chung, phát triển chương trình nói riêng, ủng hộ và tạo các điều kiện về nguồn lực đối với sự phát triển của nhà trường.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Sở Giáo dục và Đào tạo trường cần nghiên cứu, triển khai, cụ thể hóa các quy chuẩn, tiêu chí thực hiện chương trình GD trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ, lựa chọn xây dựng và phát triển đội ngũ cốt cán trong phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Phát huy vai trò trung tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Giám hiệu, Hội đồng trường phải là chủ thể tiên phong có nhận thức sâu sắc, tinh thần trách nhiệm cao, uy tín tốt để truyền tải và GD cho các chủ thể phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Nhà trường phải là trung tâm điều phối, phối hợp phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phải là chủ thể tích cực, tạo sự tin tưởng và đồng thuận của các lực lượng khác.

Tổ chuyên môn cần có các biện pháp cụ thể để định hướng và bồi dưỡng GV trong đổi mới phương pháp, hình thức thực hiện chương trình GD đáp ứng yêu cầu trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ở địa phương cần nhận thức đúng vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình đối với GD mầm non nói chung, phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng; chịu trách nhiệm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển chương trình GD của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phù hợp với thực tiễn địa phương và điều kiện nhà trường.

3.2.4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao.

3.2.4.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là yếu tố nền tảng quan trọng, vừa là hành lang pháp lý nhưng đồng thời là động lực thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. Trường mầm non CLC theo hướng tự chủ có những yêu cầu đặc thù về cơ chế, chính sách và điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động GD ngang tầm với mục tiêu, sứ mệnh. Đặc biệt, hướng tới nhà trường tự chủ toàn diện thì đây là một trong những yếu tố khó khăn, phức tạp, nhiều ràng buộc đối với sự phát triển của loại hình nhà trường. Vì vậy, biện pháp hướng tới tạo ra một hệ thống cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo rõ ràng, minh bạch và hỗ trợ tối đa cho trường mầm non công lập chất lượng cao tự chủ. Biện pháp này không chỉ là "hành lang pháp lý" để trường hoạt động đúng quy định mà còn là "bộ phóng" để trường chủ động, sáng tạo và phát triển bền vững.

3.2.4.2. Nội dung, cách thức thực hiện biện pháp

Một là, xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo hướng tới tự chủ cho hoạt động của trường trường mầm non công lập CLC. Nhà trường mầm non công lập CLC phải đạt được tiêu chí cơ sở vật chất theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 06 năm 2013 của UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành. Tuy nhiên, các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ của thành phố Hà Nội hiện nay đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Thông tư 19/2018/TT – BGDDT quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất đối với trường mầm non đạt chuẩn mức độ 2. Theo đó, xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị đảm bảo cho hoạt động của trường mầm non công lập

CLC theo hướng tự chủ cần hướng tới sự đồng bộ, hiện đại. Đặc biệt, đối với quá trình chuyển đổi số trong GD hiện nay, trường mầm non công lập CLC cần đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị hướng tới xây dựng và phát triển nhà trường thông minh, ứng dụng công nghệ cao trong quản lý, phát triển nhà trường, trong chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ.

Hoàn thiện các điều kiện, cơ chế chính sách tự chủ trong quản lý, sử dụng, bảo quản tài sản công, tài sản đầu tư ban đầu, từng bước giúp nhà trường sử dụng và phát huy hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị nhà trường, khó có khả năng tự bảo đảm kinh phí cải tạo sửa chữa lớn. Các văn bản, quy định về quản lý, sử dụng cơ sở vật chất, tài sản công ở các trường mầm non hiện nay đang tạo ra khó khăn, bất cập đối với trường CLC theo hướng tự chủ. Chủ thể các cấp cần có tham mưu, đề xuất nhằm tạo ra sự đồng bộ, chính sách hợp lý với lộ trình khoa học với sự phát triển của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo hướng tới tự chủ nguồn tài chính của trường mầm non công lập CLC. Nguồn tài chính là một điều kiện đảm bảo không thể thiếu cho xây dựng và phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Theo quy định tại Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND; Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND: “Kết thúc 03 năm (36 tháng), cơ sở GD công lập CLC tự bảo đảm chi thường xuyên” quy định khi chuyển đổi sang tự đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên được ngân sách cấp hỗ trợ một lần kinh phí vào năm đầu thực hiện chuyển đổi với mức tối đa bằng mức kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ cho đơn vị năm trước liền kề năm chuyển đổi. Việc ngân sách hỗ trợ kinh phí một lần vào năm đầu dẫn đến các cơ sở GD công lập CLC gặp khó khăn trong việc phải tăng học phí để cân đối nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động dạy và học của nhà trường. Các khoản thu chi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và đồng thời theo nguyên tắc thu - chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh, đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và có trách nhiệm trong việc sử dụng kinh phí.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo nguồn tài chính cho các hoạt động chi thường xuyên hợp lý, đặc biệt là mức trần và chính sách học phí; các cơ chế, chính sách về học phí phù hợp với trường CLC; xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách lộ trình thực hiện và đảm bảo kinh phí cho trường mầm non công lập CLC hướng tới tự chủ toàn phần; bổ sung, hoàn thiện cơ

ché, chính sách đa dạng hóa nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

Bai là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ phát triển đội ngũ cán bộ, GV nhân viên đáp ứng yêu cầu CLC.

Cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho phát triển đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thể hiện ở nhiều nội dung như: chế độ đãi ngộ thu hút, sử dụng tương xứng; đảm bảo chế độ tiền lương, thưởng tương xứng; các chế độ ngoài giờ, vượt giờ, đứng lớp tương xứng; các chế độ nghỉ ngơi, tái sản xuất sức lao động; các chế độ, chính sách học tập nâng cao trình độ; các điều kiện đảm bảo cho công tác, học tập và sinh hoạt hàng ngày đối với đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên ở trường mầm non CLC, đảm bảo cho họ an tâm gắn bó, tâm huyết và cống hiến với trường với nghề.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo cho tự chủ trong công tác tuyển dụng, sử dụng đặc thù đối với cán bộ, GV, nhân viên tại trường mầm non công lập CLC (trên cơ sở áp dụng chung như các trường mầm non công lập cùng trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục, trong khi tiêu chí đội ngũ trường CLC yêu cầu trình độ cao hơn); có chính sách tuyển GV chuyên biệt thể chất, âm nhạc, tạo hình để đảm bảo yêu cầu tiêu chí trường CLC. Được phép chủ động trong việc lựa chọn các đơn vị tham gia cung cấp các dịch vụ cho nhà trường, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng quy định; cơ chế, chính sách đảm bảo thuê hoặc liên kết với GV nước ngoài khi có nhu cầu; tự chủ trong đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của nhà trường.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ thực hiện chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ thực hiện chương trình GD ở các trường mầm non công lập CLC được thể hiện ở các yếu tố vượt trội, khác biệt so với các nhà trường đại trà về: chất lượng thực hiện Chương trình GD mầm non hiện hành vượt trội; chương trình GD bổ sung, tăng cường CLC thể hiện thể mạnh, vượt trội, phương pháp giảng dạy hiện đại. Trẻ khỏe mạnh, tự tin, nhiều trẻ giao tiếp ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng Anh tốt, có kỹ năng tự phục vụ và các kỹ năng trải nghiệm qua hoạt động tốt.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ theo Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao ngoài chương trình GD mầm non CLC để phù hợp với các quy định hiện hành, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển trường CLC, đảm bảo tính năng động, sáng tạo và cập nhật đối với bổ sung, phát triển các chương trình GD CLC của các nhà trường; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đảm bảo cho các trường mầm non công lập tự chủ trong mua sử dụng bản quyền chương trình GD quốc tế hoặc thực hiện liên kết GD với nước ngoài để có chương trình tích hợp phù hợp với điều kiện nhà trường và nhu cầu xã hội (Theo Nghị định 86, trường mầm non công lập không nằm trong đối tượng thực hiện liên kết GD và thực hiện chương trình GD tích hợp (Quy định tại Mục: Liên kết GD, Điều 6). Không có chiến lược liên thông Chương trình GD với các cấp học khác); bổ sung, hoàn thiện cơ chế chính sách phù hợp đối với yêu cầu, nhiệm vụ của từng chủ thể trong quản lý (cần có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí, có chính sách về lương, thưởng, bố trí, quy hoạch hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, GV tương xứng).

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ trong khai thác, sử dụng các dịch vụ CLC.

Nhà trường mầm non công lập CLC phải đạt được tiêu chí các dịch vụ CLC trong GD theo Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 06 năm 2013 của UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành. Theo đó, dịch vụ CLC đáp ứng nhu cầu cơ bản của cha mẹ trẻ như dịch vụ tư vấn sức khỏe, ăn sáng, đón sớm trả muộn... đảm bảo và đúng cam kết chất lượng GD; các dịch vụ về chăm sóc, nuôi dưỡng và GD CLC như: Tổ chức tăng cường cho trẻ làm quen tiếng Anh do các GV bản ngữ của Trung tâm Apollo với mong muốn cho trẻ trải nghiệm Tiếng Anh như một ngôn ngữ thứ hai chú trọng phát triển PHONICS. Trẻ được hoạt động trải nghiệm với các chương trình GD Kỹ năng sống Novastar, chương trình Khoa học diệu kỳ của Dongsim – Hàn Quốc, câu lạc bộ Baby Chess, hoạt động thể chất trong phòng KidsGym, làm quen với 10 môn thể thao phối hợp Gokids (Bản quyền của Úc), chương trình Kể chuyện với rối, chương trình Sáng tạo nghệ thuật, Cảm thụ âm nhạc, võ, vẽ, nhảy vận động theo nhạc, Aerobic, toán tư duy, hành trang vào lớp 1...; các chương trình đều có các bài test đánh giá trẻ để GV điều chỉnh các bài tập

theo nhận thức của trẻ. Nhà trường bổ sung các dịch vụ theo yêu cầu hàng năm của CMHS, để các cấp phê duyệt.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ trong các dịch vụ GD CLC đáp ứng sự phù hợp với xu thế phát triển của GD mầm non và nhu cầu, điều kiện thực tiễn xã hội; hoàn thiện cơ chế trong thu, chi tài chính, nguồn lực đảm bảo tương xứng với các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và GD CLC; cơ chế, điều kiện đảm bảo cho các chủ thể tham gia các dịch vụ GD CLC tương xứng.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập CLC cách thức thực hiện như sau:

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội: là cơ quan tham mưu, tổ chức thực hiện phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cho thành phố Hà Nội. Theo đó, xây dựng kế hoạch, tham mưu, đề xuất với UBND thành phố tiếp tục thực hiện mô hình trường công lập CLC. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân các quận tiếp tục đưa các trường vào danh mục quy hoạch đầu tư, xây dựng nâng cấp cơ sở vật vượt trội phục vụ chất lượng GD cao cho các trường mầm non CLC của thành phố Hà Nội; tham mưu, đề xuất và phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 15/2013/NQ-HĐND. Theo đó tại khoản 9 Điều 1 Nghị quyết 14/2016/NQ-HĐND ngày 6/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND: Cơ sở GD công lập CLC (trừ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được ngân sách cấp kinh phí trong 03 năm kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần; tham mưu, đề xuất về cơ chế đảm bảo, hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách chi trả tiền lương cho đội ngũ GV, nhân viên biên chế và hợp đồng đối với cán bộ, GV, nhân viên ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; lãnh đạo, chỉ đạo các nhà trường tổ chức hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết đánh giá thực hiện mô hình CLC. Trên cơ sở đó, từng bước hoàn thiện các quy định tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non CLC, phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển trường CLC trong giai đoạn tới; tham mưu, đề xuất hoàn thiện quy định mua bán, sử dụng bản quyền chương trình GD quốc tế hoặc thực hiện liên kết GD với nước ngoài để có chương trình tích hợp ở các

trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Xây dựng "bộ quy tắc tự chủ", Sở chủ trì xây dựng và ban hành một bộ quy tắc pháp lý toàn diện, quy định rõ: Quyền tự chủ của trường trong các lĩnh vực: quản lý tài chính, nhân sự, chương trình giáo dục, dịch vụ giáo dục...; Trách nhiệm giải trình của trường đối với các bên liên quan (cấp quản lý, phụ huynh, cộng đồng...); Cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của trường.

Thiết kế "lộ trình tự chủ" linh hoạt: Xây dựng các giai đoạn tự chủ khác nhau, với các mức độ tự chủ tăng dần; Cho phép các trường tự lựa chọn lộ trình phù hợp với điều kiện và năng lực của mình; Có cơ chế hỗ trợ, tư vấn cho các trường trong quá trình chuyển đổi.

Thành lập "quỹ hỗ trợ tự chủ": Sở vận động các nguồn lực (ngân sách, xã hội hóa...) để thành lập quỹ hỗ trợ các trường trong giai đoạn đầu tự chủ. Quỹ được sử dụng để đầu tư cơ sở vật chất, phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình...

Đơn giản hóa thủ tục hành chính: Rà soát và cắt giảm các thủ tục hành chính rườm rà, tạo điều kiện thuận lợi cho trường hoạt động. Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và giao tiếp.

Đối với các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ: là chủ thể chính trong tham mưu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo của nhà trường theo hướng tự chủ. Do đó, Ban giám hiệu, Hội đồng trường chủ trì xây dựng, ban hành quy chế, chính sách tạo hành lang pháp lý trong khai thác, xây dựng, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính và dịch vụ đảm bảo cho hoạt động chất lượng của cán bộ, GV ở nhà trường CLC theo hướng tự chủ. Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách đảm bảo nhằm kéo dài thời gian ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 03 năm lên 05 năm (kể từ khi được công nhận) để tạo điều kiện cho các nhà trường (mầm non và phổ thông) tiến tới tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên. Sửa đổi, bổ sung quy định cho phép ngân sách tiếp tục đầu tư sửa chữa lớn cơ sở vật chất để công nhận lại trường công lập đạt chuẩn quốc gia, trường CLC sau chu kỳ 05 năm. Đối chiếu Quyết định 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 quy định tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ GV, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ GD CLC áp dụng tại một số cơ sở GD mầm non CLC, tiếp tục tham mưu, đề xuất các biện pháp, cách thức hướng tới tự chủ toàn phần trên các mặt của

nhà trường, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, xây dựng và hoàn thiện mô hình trường mầm non công lập CLC.

Thành lập "Ban tự chủ", Hiệu trưởng thành lập ban tự chủ gồm đại diện các bộ phận trong trường để: Nghiên cứu và đề xuất với Sở về các cơ chế, chính sách cần thiết. Xây dựng kế hoạch và lộ trình tự chủ của trường. Tổ chức thực hiện các hoạt động tự chủ và đánh giá hiệu quả.

Xây dựng quy chế nội bộ từ việc cụ thể hóa các quy định của Sở thành các quy chế hoạt động của trường. Đảm bảo sự tham gia của cán bộ, giáo viên, nhân viên vào quá trình xây dựng quy chế.

Đa dạng hóa nguồn thu của các nhà trường, ngoài học phí, trường chủ động tìm kiếm các nguồn thu khác (dịch vụ giáo dục, tài trợ, liên kết...). Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, hiệu quả.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên được phát triển chuyên môn, nâng cao thu nhập. Xây dựng văn hóa làm việc tích cực, trách nhiệm, sáng tạo.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Mọi hoạt động hoàn thiện cơ chế, chính sách, điều kiện đảm bảo hướng tới tự chủ của các trường mầm non công lập CLC phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp. Thường xuyên, trực tiếp là Đảng ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội và cơ quan quản lý chuyên môn Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội.

Ban giám hiệu, Hội đồng trường cần thành lập Tổ chuyên trách, có chức năng nghiên cứu, tư vấn giúp cho nhà trường xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách, cơ chế và điều kiện đảm bảo tương xứng với yêu cầu trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Phát huy vai trò tự chủ của nhà trường, nhất là trong tự chủ về nguồn tài chính. Tiến tới tự chủ toàn bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường triển khai các cơ chế, chính sách phù hợp.

Huy động được sự ủng hộ của mọi cơ quan, đoàn thể, nhân dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về cơ sở vật chất, nguồn tài chính nhằm tạo điều kiện cho nhà trường có nguồn tài chính ổn định, đủ để thực hiện các chính sách đề ra.

Trong đổi mới, bổ sung các cơ chế, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ cán bộ, GV phải tuyệt đối bám sát và thực hiện theo đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, các nguyên tắc, quy định của pháp luật.

3.2.5. Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

3.2.5.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đòi hỏi sự tham gia của nhiều tổ chức, mọi lực lượng trong và ngoài nhà trường, sự tham gia của nhiều chủ thể quản lý các cấp với nhiều khâu, các bước, các quy trình, giai đoạn đòi hỏi phải có sự liên kết, phối hợp với nhau thống nhất, đồng bộ và toàn diện. Do đó, tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ biện pháp quan trọng nhằm tạo ra một "liên minh" mạnh mẽ giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng và các tổ chức liên quan, cùng nhau chung tay xây dựng và phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao tự chủ. Biện pháp này hướng đến tối đa hóa nguồn lực, chia sẻ trách nhiệm và tạo ra môi trường giáo dục toàn diện cho trẻ.

3.2.5.2. Nội dung, cách thức thực hiện biện pháp

Trường mầm non công lập CLC chủ hiện nay được quản lý theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đảm bảo hài hoà nhu cầu và lợi ích giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Theo đó, mục tiêu, nhiệm vụ, sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường có tính mở, phù hợp với sự phát triển và thực tiễn của xã hội. Trong quá trình phối hợp, nhà trường luôn là chủ thể trung tâm, cầu nối giữa các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; vừa tham mưu, đề xuất kiến nghị, vừa tổ chức, triển khai và tổ chức các hoạt động phối hợp. Theo đó, tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm các nội dung sau:

Một là, tổ chức phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng trong ngành GD. Đây là lực lượng chính, đồng đạo trực tiếp tham gia phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Bao gồm: phối hợp giữa đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên trong nhà trường trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp giữa các nhà trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp giữa nhà trường với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, trực tiếp là Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan trong Sở Giáo dục và Đào tạo trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Nội dung phối hợp bao gồm: phối hợp trong lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, chỉ thị, hướng dẫn phát triển trường mầm non

công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp trong tham mưu, đề xuất và tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp trong xây dựng cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp trong thanh tra, kiểm tra, đánh giá và hoàn thiện phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp trong tham mưu, đề xuất và tổ chức triển khai, thực hiện, hoàn thiện về cơ sở vật chất, tài chính, về đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, về chương trình GD, phương pháp giảng dạy, về các dịch vụ GD, cam kết chất lượng giáo dục đảm bảo tính vượt trội, tương xứng với yêu cầu, kỳ vọng của xã hội và điều kiện của địa phương trong cơ chế tự chủ.

Hai là, tổ chức phối hợp giữa nhà trường với cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp. Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ không chỉ là trách nhiệm của nhà trường hay của ngành GD mà là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp của thành phố Hà Nội, thể hiện sự quan tâm, đầu tư với ngành Giáo dục mầm non, là nội dung, tiêu chí khẳng định vai trò, vị thế của Thủ đô đối với cả nước. Theo đó, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cần có sự phối hợp, thống nhất và toàn diện của nhà trường với Đảng ủy, UBND, HĐND thành phố Hà Nội là cơ quan quản lý nhà nước về GD. Nội dung phối hợp bao gồm: phối hợp trong việc ban hành kế hoạch, tạo nguồn và thực hiện chủ trương xây dựng, phát triển GD trên địa bàn Thành phố, theo Luật GD và Luật Thủ đô; phối hợp trong tổ chức triển khai các chủ trương, đề án phát triển GD của Thủ đô; phối hợp trong công tác tham mưu, đề xuất quy trình, tiêu chí phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phối hợp tham mưu, đề xuất và triển khai các giải pháp phát triển nhân lực, vật lực, tài chính. Đặc biệt, để huy động các nguồn vật lực về cơ sở vật chất, đất đai, về xây dựng môi trường xã hội và môi trường cảnh quan theo tiêu chí chuẩn phải có sự phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn cùng giải quyết.

Ba là, tổ chức phối hợp giữa nhà trường với các cơ quan liên quan, tổ chức chính trị xã hội. Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ ràng buộc bởi nhiều cơ quan, tổ chức của địa phương có liên quan. Bao gồm: có các đơn vị của các bộ ngành y tế; Ủy ban dân số - gia đình – trẻ em; Phòng văn hóa GD; tuyên giáo; nội vụ; tài chính; môi trường... Nội dung phối hợp: chức năng quản lý nhà nước về GD, có nhiệm vụ phối hợp, tạo điều

kiện về mặt pháp lý, trung gian kết nối giữa nhà trường mầm non với các tổ chức, lực lượng xã hội, các thành phần lực lượng có liên quan và đảm bảo sự phối hợp đó được diễn ra theo một cơ chế thống nhất; trực tiếp tham gia hoặc tham gia một phần trong đảm bảo chế độ, chính sách của nhà nước cho các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Ngoài ra, còn các lực lượng có liên quan như các tổ chức xã hội, đoàn thể và mọi tầng lớp nhân dân địa phương như: Hội CMHS, Đoàn thanh niên, các tổ chức xã hội, các gia đình, các nhà tài trợ, các nhà trường, doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Các chủ thể này trực tiếp tham gia hoặc tham gia một phần vào quản lý chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ; theo dõi, quan sát, đánh giá và kiểm tra thực hiện phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; tham gia xây dựng môi trường GD và điều kiện thuận lợi để phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ cách thức thực hiện như sau:

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội: chủ thể lãnh đạo, chỉ đạo, điều phối các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; lựa chọn, phối hợp với các chủ thể ngang cấp, chủ thể cấp trên, các chuyên gia, nhà khoa học tham gia phối hợp trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế, chính sách và các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động phối hợp và kiểm tra, đánh giá, theo dõi, điều chỉnh các hoạt động phối hợp của các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Sở ban hành văn bản hướng dẫn về cơ chế phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng liên quan, quy định rõ quyền và trách nhiệm của mỗi bên.

Tạo "mạng lưới đối tác" chiến lược như Xây dựng danh sách các đối tác tiềm năng (các trường đại học sư phạm, các tổ chức giáo dục uy tín, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội...) và ký kết các thỏa thuận hợp tác. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo để kết nối các đối tác và tạo điều kiện cho họ tham gia vào các hoạt động của trường mầm non.

Khuyến khích và hỗ trợ các trường triển khai các mô hình phối hợp hiệu quả, sáng tạo (ví dụ: mô hình trường học cộng đồng, mô hình giáo dục có sự tham gia của gia đình...).

Định kỳ đánh giá hiệu quả của các mô hình phối hợp, lựa chọn các điển hình tốt để nhân rộng trong toàn thành phố.

Đối với chủ thể trong nhà trường, trực tiếp là Ban Giám hiệu, Hội đồng trường: Đây là chủ thể trung tâm quan trọng trong chỉ đạo điều hành, phối hợp, xây dựng, điều hành cơ chế phối hợp giữa các lực lượng, chủ thể phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Do đó, cần nhanh chóng kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng trường, Ban Giám hiệu; với phân cấp, phân quyền khoa học, hợp lý, phát huy được vai trò, trách nhiệm, tính tự chủ của các chủ thể trong chỉ đạo và phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Nâng cao năng lực quán triệt và tổ chức thực hiện các văn bản, hướng dẫn, chỉ thị của các cơ quan GD các cấp về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; cụ thể hóa các chủ trương thành các biện pháp, giải pháp lãnh đạo, thành mệnh lệnh, kế hoạch hoạt động phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; là điểm tựa vững chắc về chuyên môn, nghiệp vụ, về ý chí quyết tâm, đổi mới, sáng tạo trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Xây dựng và hoàn thiện vai trò, cơ chế điều hành phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Đây là sự khác biệt trong phối hợp, điều hành cũng như thực thi các chủ trương, chính sách và cơ chế phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Thành lập "Hội đồng phát triển cộng đồng": Hiệu trưởng thành lập hội đồng bao gồm đại diện nhà trường, phụ huynh, cộng đồng và các đối tác để lập kế hoạch và triển khai các hoạt động phối hợp.

Xây dựng "kênh thông tin đa chiều": Sử dụng đa dạng các hình thức (website, mạng xã hội, bảng tin, họp phụ huynh, gặp gỡ trực tiếp...) để trao đổi thông tin thường xuyên, kịp thời với phụ huynh và cộng đồng. Lắng nghe ý kiến đóng góp và phản hồi từ các bên để điều chỉnh hoạt động của trường.

Tổ chức các hoạt động "cùng tham gia":

Với phụ huynh: Mời phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục (dạy trẻ kỹ năng, kể chuyện, làm đồ dùng học tập...). Tổ chức các buổi sinh hoạt câu lạc bộ gia đình, các lớp tập huấn về chăm sóc giáo dục trẻ. Khuyến khích phụ huynh chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức chuyên môn của mình với nhà trường.

Với cộng đồng: Tổ chức các hoạt động cho trẻ tìm hiểu về văn hóa, lịch sử, kinh tế, xã hội địa phương. Mời các nghệ nhân, chuyên gia, người có uy tín trong cộng đồng đến trường giao lưu, chia sẻ. Tổ chức các hoạt động tình nguyện, phục vụ cộng đồng (ví dụ: chăm sóc di tích lịch sử, bảo vệ môi trường...).

Với các đối tác: Phối hợp với các trường đại học sư phạm để tổ chức các hoạt động nghiên cứu, thực tập. Hợp tác với các tổ chức giáo dục để triển khai các chương trình giáo dục tiên tiến. Liên kết với các doanh nghiệp để huy động tài trợ, hỗ trợ cơ sở vật chất.

Xây dựng "văn hóa chia sẻ": Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với phụ huynh, cộng đồng. Tạo điều kiện để phụ huynh, cộng đồng tham gia vào các hoạt động của trường và chia sẻ những giá trị văn hóa, kinh nghiệm sống của mình.

Đối với các chủ thể, cơ quan, ban ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp: Cơ chế phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ về cơ bản vẫn phải dựa trên nguyên tắc sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò chủ động, nòng cốt của ngành GD mầm non nói chung, phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng. Cụ thể: *Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp:* cấp ủy đảng các cấp thực hiện vai trò lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường cũng như các mối quan hệ, phối hợp của nhà trường với địa phương theo phân cấp và sự tham gia, trách nhiệm các bên đối với phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Do đó, cấp ủy đảng phải đề ra chủ trương, xác định mục tiêu, phương hướng chỉ đạo, các giải pháp thực hiện sát với điều kiện thực tiễn của địa phương, lãnh đạo các tổ chức, đoàn thể, tổ chức chính trị và quần chúng ở địa phương tham gia và thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình phối hợp với nhà trường và tham gia trực tiếp vào phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. *Vai trò của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân:* với vai trò quản lý nhà

nước theo phân cấp, thường xuyên tạo điều kiện về các nguồn lực, đảm bảo một cơ chế thông thoáng, phù hợp để giải quyết tốt các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; chỉ đạo, điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội, xây dựng các chủ trương phù hợp với tiền địa phương, nhu cầu GD trẻ trên địa bàn. *Vai trò của các cơ quan ban, ngành chuyên môn ở địa phương*: vai trò nền tảng quan trọng, chủ động nòng cốt trong đề xuất, tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, thực hiện nhiệm vụ quản lý, đảm bảo, hỗ trợ các điều kiện cho các hoạt động phối hợp và phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Tuy nhiên, để thực hiện được vai trò nền tảng, tạo động lực cho các lực lượng tham gia thì hoạt động của nhà trường mầm non nói riêng, các cơ quan, ban ngành chuyên môn của địa phương nói chung phải thống nhất trên cơ sở đặt lợi ích của trẻ và vì sự tiến bộ xã hội, hướng tới góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, thực hiện các chính sách GD vì cộng đồng là trên hết. Trong đó, nhà trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phải tạo được niềm tin trong xã hội thông qua hiệu quả và khẳng định chất lượng GD vượt trội.

Với các tổ chức, đoàn thể, lực lượng xã hội và nhân dân địa phương. Sự phối hợp của các lực lượng này trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ được thể hiện ở nhiều mức độ và cấp độ khác nhau về nhân lực, vật lực và tài lực. Với yêu cầu cao của phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, sự phối hợp đối với nhà trường mầm non được thể hiện ở các mức độ cơ bản: *Sự tham gia*: đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp về nhân lực, vật lực, tài lực theo nguyên tắc tự nguyện phù hợp với phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. *Sự cộng tác*: trực tiếp tham gia một phần trong quản lý nhà trường trên một hoặc nhiều mặt (chăm sóc, nuôi dưỡng, GD) và một số hoạt động phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, có thể chuyên trách hoặc không chuyên trách. *Sự hợp tác*: tương tác, tác động, phối hợp một cách tích cực với nhà trường cùng chung sức thực hiện một hoặc toàn bộ phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ theo nguyên tắc, quy tắc, văn bản thống nhất. Nội dung phối hợp và chính sách phối hợp với các lực lượng này chủ yếu được thực hiện ở nhiều lĩnh vực dịch vụ GD CLC như: Tổ chức dịch vụ chăm sóc trẻ đón sớm - trả muộn; Tổ chức dịch vụ chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và ngoài giờ; Tổ chức các

câu lạc bộ năng khiếu đáp ứng nhu cầu của cha mẹ trẻ; Tổ chức ăn sáng, đưa đón trẻ bằng ô tô theo nhu cầu của phụ huynh; dịch vụ tham vấn, tư vấn về rối nhiễu về tâm lý: tăng động giảm chú ý, chậm phát triển ngôn ngữ...; Đảm bảo an toàn an ninh trật tự cho trẻ và cán bộ, GV, nhân viên trong suốt thời gian ở trường; phòng chống tai nạn thương tích, y tế học đường.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp ở địa phương cần nhận thức đúng vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình đối với GD mầm non nói chung, thực hiện mục tiêu, nội dung phối hợp trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; chịu trách nhiệm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ phù hợp với thực tiễn địa phương và điều kiện nhà trường.

Các chủ thể đã được xác lập cần nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong, thực hiện đúng quy tắc, quy chế phối hợp, tạo điều kiện tốt nhất để nhà trường thực hiện mục tiêu, sứ mệnh, hướng tới hoàn thiện và phát huy được ưu thế vượt trội của mô hình GD tiên tiến.

Nhà trường phải là trung tâm điều phối, phối hợp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; phải là chủ thể tích cực, tạo sự tin tưởng và đồng thuận của các lực lượng khác.

3.3. Môi quan hệ của các biện pháp

Các biện pháp quản lý phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, cụ thể:

Biện pháp 1 (Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí) tạo cơ sở nền tảng để thực hiện các biện pháp khác. Các tiêu chí là khung tham chiếu để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả.

Biện pháp 2 (Bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên) là điều kiện tiên quyết để thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục (Biện pháp 3) và các dịch vụ giáo dục chất lượng cao. Đội ngũ giáo viên có năng lực sẽ tạo ra môi trường giáo dục chất lượng và đáp ứng yêu cầu tự chủ.

Biện pháp 3 (Phát triển chương trình giáo dục) là nội dung cốt lõi của hoạt động giáo dục. Chương trình giáo dục chất lượng cao sẽ thu hút trẻ và phụ huynh, tạo tiền đề cho sự phát triển của nhà trường.

Biện pháp 4 (Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo tự chủ) tạo động lực và hành lang pháp lý cho các biện pháp khác được triển

khai. Cơ chế tự chủ tốt sẽ giúp nhà trường chủ động về tài chính, nhân lực và các nguồn lực khác.

Biện pháp 5 (Tổ chức phối hợp các lực lượng) tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện các biện pháp một cách hiệu quả. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cộng đồng và các tổ chức liên quan sẽ tạo ra môi trường giáo dục toàn diện và huy động được các nguồn lực xã hội.

Các biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng, thống nhất không tách rời trong phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Tuy nhiên, mỗi biện pháp có tính độc lập tương đối, với vị trí, vai trò riêng, góp phần thực hiện từng nội dung, mặt, biểu hiện, yêu cầu đối với phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Do đó, trong quá trình vận dụng cần vận dụng tổng hợp các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

Kết luận chương 3

Từ kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ; các định các yêu cầu đề xuất biện pháp gồm: Phải đảm bảo nâng cao chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ trong các nhà trường, góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng GD mầm non; Phải phù hợp với nhiệm vụ phát triển GD của đất nước, xu hướng phát triển của GD mầm non tiên tiến trên thế giới; Phải căn cứ vào mục tiêu phát triển GD mầm non, điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa phương; Phải phát huy được sức mạnh tổng hợp của các chủ thể quản lý ở các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Phải bảo đảm tính khoa học, khả thi và tính kế thừa trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, tác giả đã đề xuất hệ thống biện pháp quản lý gồm: Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Chỉ đạo phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập CLC; Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Các biện pháp là một thể thống nhất, có quan hệ biện chứng với nhau, góp phần phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Tuy nhiên, mỗi biện pháp có vị trí, vai trò, ưu thế trong thúc đẩy phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Do đó, trong quá trình vận dụng, không tuyệt đối hóa, coi trọng hoặc xem nhẹ, cần vận dụng tổng hợp các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

Chương 4

KHẢO NGHIỆM VÀ THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. Khảo nghiệm sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

4.1.1. Những vấn đề chung về khảo nghiệm

4.1.1.1. Mục đích khảo nghiệm

Kiểm nghiệm kiểm chứng sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

4.1.1.2. Đối tượng khảo nghiệm

Cán bộ quản lý, GV ở các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

Số lượng khách thể khảo nghiệm là: 70 người. Gồm: Cán bộ QLGD như Ban Giám hiệu, Hội đồng 06 trường là 18 người; tổ trưởng chuyên môn, tổ phó chuyên môn, giáo viên cốt cán là 52 người.

4.1.1.3. Nội dung khảo nghiệm và thang đánh giá

Nội dung đánh giá về sự cấp thiết và tính khả thi của 05 biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, gồm:

1. Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.
2. Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.
3. Chỉ đạo phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.
4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập CLC.
5. Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

Thang đánh giá: Đánh giá về sự cấp thiết: mỗi biện pháp có 3 mức độ lựa chọn trả lời: “Rất cần thiết” được tính 3 điểm; “Cần thiết” được tính 2 điểm; “Không cần thiết” được tính 1 điểm. Đánh giá về tính khả thi: mỗi biện pháp có 3 mức độ lựa chọn trả lời: “Rất khả thi” được tính 3 điểm; “Khả thi” được tính 2 điểm; “Không khả thi” được tính 1 điểm.

Kết quả khảo sát được đánh giá sự cấp thiết, tính khả thi dựa vào điểm \bar{X} và Thứ bậc

4.1.1.4. Quy trình khảo nghiệm

Lựa chọn các đối tượng khảo nghiệm.

Hướng dẫn, phát biểu thống nhất với các đối tượng khảo nghiệm về phương pháp, nội dung cần khảo nghiệm, phương pháp thực hiện, thời gian địa điểm tiến hành. Thu phiếu, xử lý kết quả và nhận xét, đánh giá.

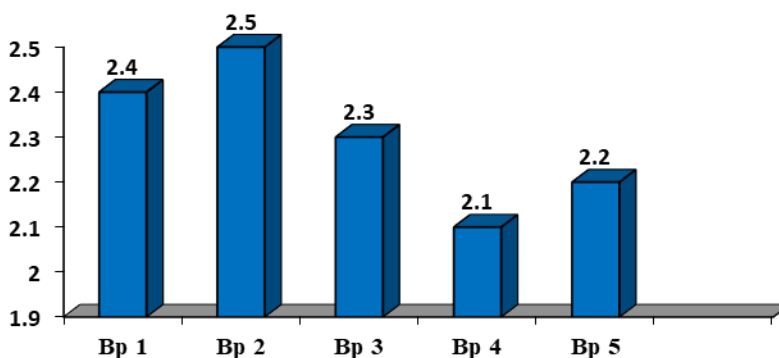
4.1.2. Kết quả khảo nghiệm

4.1.2.1. Kết quả khảo nghiệm sự cần thiết của các biện pháp

Bảng 4.1. Tổng hợp kết quả khảo nghiệm sự cần thiết các biện pháp

Biện pháp quản lý	Mức độ			TB	Thứ bậc
	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết		
Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	40	20	10	2,40	2
Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	43	20	7	2,50	1
Chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	32	28	11	2,30	3
Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao	25	29	16	2,10	5
Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	30	27	13	2,20	4
Điểm trung bình chung \bar{X}				2,30	

Từ bảng số liệu ở trên, có thể biểu diễn bằng biểu đồ:



Biểu đồ 4.1: Mức độ sự cần thiết của các biện pháp

Kết quả bảng 4.1 và biểu đồ 4.1 cho thấy, các biện pháp quản lý có điểm trung bình chung tính cần thiết là $\bar{X}_{TBC} = 2,30$. Trong đó, có 3/5 biện pháp chiếm hơn 50 % đạt điểm trung bình $\bar{X} > \bar{X}_{TBC}$ của các biện pháp đề xuất có mức độ cần thiết cao hơn mức trung bình chung. Trong đó:

Biện pháp 1 “Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,40$, xếp bậc 2/5. Biện pháp 2: “Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,50$, xếp bậc 1/5. Biện pháp 3 “Chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,30$, xếp bậc 3/5. Biện pháp 4: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao”, có $\bar{X} = 2,10$, xếp bậc 5/5. Biện pháp 5: “Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ” có $\bar{X} = 2,20$, xếp bậc 4/5. Như vậy, đại đa số ý kiến của cán bộ, giáo viên đều đánh giá rất cao về mức độ sự cần thiết của biện pháp quản lý đã đề xuất.

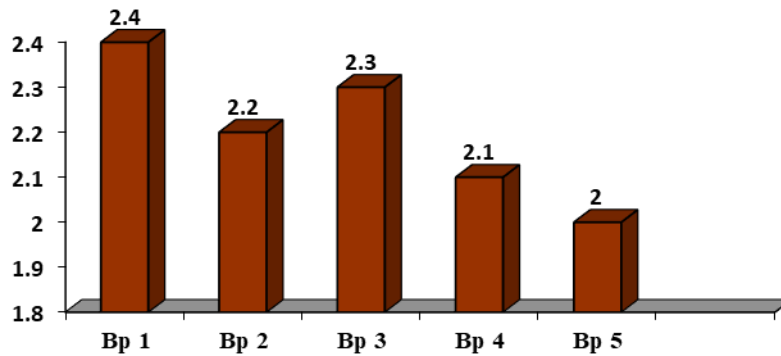
4.1.2.2. Kết quả khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp

Bảng 4.2. Kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp quản lý

Biện pháp quản lý	Mức độ			TB	Thứ bậc
	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi		
Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	36	27	7	2,40	1
Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	29	29	12	2,20	3
Chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	28	34	8	2,30	2
Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao	20	38	11	2,10	4

Biện pháp quản lý	Mức độ			TB	Thứ bậc
	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi		
Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	16	40	14	2,00	5
Điểm trung bình chung \bar{X}				2,20	

Có biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.2: Mức độ khả thi của các biện pháp

Từ bảng 4.2 và biểu đồ 4.2 cho thấy, điểm trung bình chung tính khả thi của các biện pháp đề xuất là $\bar{X}_{TBC} = 2,20$. Trong đó, có 3/5 biện pháp chiếm hơn 50 % đạt điểm trung bình $\bar{X} > \bar{X}_{TBC}$ các biện pháp đề xuất có tính khả thi cao. Cụ thể:

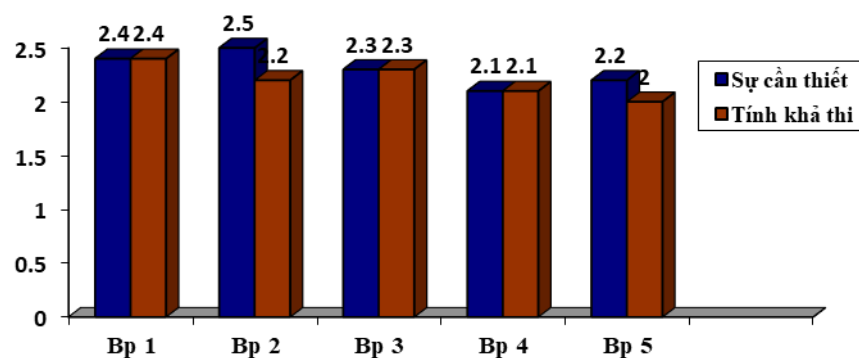
Biện pháp 1: “Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,40$, xếp bậc 1/5. Biện pháp 2: “Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,20$, xếp bậc 3/5. Biện pháp 3: “Chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,30$, xếp bậc 2/5. Biện pháp 4: “Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao”, có $\bar{X} = 2,1$, xếp bậc 4/5. Biện pháp 5: “Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ”, có $\bar{X} = 2,0$, xếp bậc 5/5. Như vậy, đa số các biện pháp quản lý đề xuất được cán bộ, giáo viên đánh giá là có tính khả thi cao.

4.1.2.3. So sánh tương quan giữa các biện pháp

Bảng 4.3. So sánh tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất

TT	Sự cần thiết		Tính khả thi		D	D ²
	Điểm trung bình	Thứ bậc	Điểm trung bình	Thứ bậc		
BP1	2,40	2	2,40	1	1	1
BP2	2,50	1	2,20	3	-2	4
BP3	2,30	3	2,30	2	1	1
BP4	2,10	5	2,10	4	1	1
BP5	2,20	4	2,00	5	-1	1
$\sum D^2 = 8$						

Từ kết quả bảng 4.3, tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp được biểu diễn trên biểu đồ 4.3.



Biểu đồ 4.3: Tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Tác giả sử dụng công thức toán học Spearman tính toán kết quả như sau:

Theo công thức (1):

$$R = 1 - \frac{6\sum D^2}{n(n^2-1)}$$

Trong đó: - R là hệ số tương quan;
- n là số biện pháp đã đề xuất;

* D là hệ số chênh lệch giữa thứ hạng của sự cần thiết và tính khả thi. (D được tính bằng hiệu số $m_i - n_i$.)

Theo phương pháp tính này, sau khi thay số vào và tính, kết quả tìm được sẽ rơi vào một trong hai trường hợp sau:

1. Nếu $0 \leq R \leq 1$ (tức R có giá trị dương) thì sự cần thiết và tính khả thi có tương quan thuận, nghĩa là các biện pháp vừa cần thiết lại vừa khả thi.

2. Nếu $-1 \leq R \leq 0$ (tức R có giá trị âm) thì sự cần thiết và tính khả thi có *tương quan nghịch*, nghĩa là các biện pháp có thể cần thiết nhưng không khả thi hoặc ngược lại, khả thi nhưng không cần thiết.

Từ kết quả khảo sát bảng 3.3, thay vào công thức (1) ta có:

$$R = 0,78$$

Đối chiếu kết quả và điều kiện, ta thấy $R = 0,78$ cho phép kết luận giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý đề xuất là có tính tương quan thuận và tương đối chặt chẽ. Nghĩa là giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý là phù hợp nhau. Từ kết quả khảo nghiệm cho thấy: các biện pháp đã đề xuất là phù hợp, có sự cần thiết và tính khả thi cao. Nếu được áp dụng vào thực tiễn, trong những điều kiện đảm bảo nhất định, sẽ phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

4.2. Tổ chức thực nghiệm sư phạm

4.2.1. Những vấn đề chung về thực nghiệm

4.2.1.1. Mục đích thực nghiệm

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, tác giả tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm chứng giả thuyết khoa học, đối chiếu với thực tiễn đồng thời đánh giá hiệu quả của những biện pháp đề xuất trong luận án khi đưa vào triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Đồng thời, kết quả thực nghiệm là cơ sở thực tiễn để khẳng định những kết quả nghiên cứu liên quan trong phần lý luận, biện pháp đã xác định.

4.2.1.2. Phạm vi thực nghiệm

Luận án đề xuất 05 biện pháp, vì điều kiện thời gian, giới hạn và mục tiêu nghiên cứu của luận án. Thực nghiệm chỉ tiến hành với biện pháp 2: “Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ”. Trong đó, tập trung chỉ đạo bồi dưỡng các năng lực: Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại; Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy; Năng lực tổ chức các hoạt động GD trẻ khoa học; Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại.

4.2.1.3. Nội dung thực nghiệm

Theo phạm vi đã xác định, luận án tiến hành thực nghiệm biện pháp 2: “Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ” nhằm sử dụng các tác động của các biện pháp quản lý nhằm bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Bao gồm:

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Cụ thể: Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV; Lập kế hoạch bồi dưỡng; Tổ chức truyền thông phổ biến các quy định, tiêu chuẩn, văn bản hướng dẫn có liên quan...

Chỉ đạo xác định mục tiêu, nội dung bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Cụ thể: Chỉ đạo xác định mục tiêu bồi dưỡng theo kế hoạch đã xác định; chỉ đạo xác định, lựa chọn các năng lực chuyên môn cần bồi dưỡng cho GV [Phụ lục 6]; Tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn của GV [Phụ lục 10].

Tổ chức sử dụng phương pháp và hình thức tiến hành bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Cụ thể: Tổ chức bồi dưỡng cho GV về các năng lực chuyên môn đã xác định; Tổ chức đánh giá trước thực nghiệm đối với các năng lực chuyên môn của GV [Phụ lục 8]; Chỉ đạo GV tham gia thực nghiệm tổ chức hoạt động bồi dưỡng trên cơ sở đó phát triển năng lực chuyên môn cho GV; Tổ chức đánh giá sau khi GV tham gia vào quá trình thực nghiệm.

4.2.1.4. Giả thuyết thực nghiệm

Phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ là vấn đề có tính cấp thiết trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD hiện nay. Trong quá trình quản lý, nếu chủ thể quản lý chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ một cách đồng bộ và phù hợp thì chất lượng đội ngũ sẽ đảm bảo được yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, góp phần tích cực vào sự phát triển của nhà trường, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay.

4.2.1.5. Cơ sở thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành ở 02 cơ sở: Thực nghiệm lần 1 (TN 1): Tại trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị; Thực nghiệm lần 2 (TN 2): Tại trường Mầm non B.

4.2.1.6. Đối tượng thực nghiệm

Tại cơ sở thực nghiệm 1 (Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị): Đối tượng thực nghiệm là GV đang công tác tại trường, tổ chức thành hai lớp: LTN1 và LĐC1, mỗi lớp có 20 GV. Cơ sở thực nghiệm 2 (Trường Mầm non B), đối tượng được lựa chọn thực nghiệm là GV đang công tác tại trường, tiến hành phân loại, tổ chức thành hai lớp: LTN2 và LĐC2, mỗi lớp 25 GV.

Cụ thể, các lớp tham gia thực nghiệm bao gồm:

Bảng 4.4: Đối tượng thực nghiệm tại các cơ sở

Cơ sở TN	Tên lớp	Đối tượng	Ký hiệu	Số GV	Ghi chú
Trường mầm non Việt Triều Hữu Nghị	Lớp thực nghiệm 1	Thực nghiệm	LTN1	20	Vòng 1 - Kỳ 1 Năm học 2024 - 2025
	Lớp đối chứng 1	Đối chứng	LĐC1	20	
Trường Mầm non B	Lớp thực nghiệm 2	Thực nghiệm	LTN2	25	Vòng 2 - Kỳ 2 Năm học 2024 - 2025
	Lớp đối chứng 2	Đối chứng	LĐC2	25	

4.2.1.7. Thời gian thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trong năm học 2024 - 2025, từ tháng 9/2024 đến 5/2025, chia làm 2 vòng.

Vòng 1: Tiến hành thực nghiệm vào học kỳ 1 của năm học 2024 - 2025, từ tháng 9/2024 đến 11/2024.

Vòng 2: Tiến hành thực nghiệm vào học kỳ 2 của năm học 2024 - 2025, từ tháng 3/2025 đến 5/2025.

4.2.1.8. Lực lượng thực nghiệm

Lực lượng thực nghiệm bao gồm: Tác giả luận án, chuyên gia và các cộng tác viên ở 2 cơ sở thực nghiệm (là các cán bộ QLGD, GV ở các trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị; trường Mầm non B).

4.2.1.9. Phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành theo phương pháp thực nghiệm có đối chứng. Ở mỗi cơ sở thực nghiệm, lựa chọn đối tượng tổ chức thành LTN và LĐC. Ở LTN và LĐC các điều kiện, đặc điểm của đối tượng là khá tương đồng. Điểm khác biệt ở chỗ, ở LTN, chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV theo giáo án thực nghiệm của chuyên gia đã được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trên cơ sở xây dựng theo nội dung đã được xác định trong luận án. Ở LĐC, các hoạt động chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV diễn ra như bình thường.

Trước khi tiến hành thực nghiệm đã kiểm tra, đánh giá trình độ của GV ở cả 2 lớp để xác định năng lực ban đầu. Sau khi thực nghiệm, GV ở LTN và LĐC được cho làm các bài kiểm tra để so sánh sự khác biệt giữa các lớp. Kết thúc thực nghiệm, tiến hành tổng hợp, phân tích, đối chiếu với kết quả thực nghiệm ở cả 2 lớp để nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí đã xác định.

4.2.2. Quy trình tổ chức thực nghiệm

Quy trình thực nghiệm gồm các bước sau:

Sau khi xác định mục đích, đối tượng, thời gian, địa điểm, nội dung thực nghiệm, để chuẩn bị thực nghiệm cần tiến hành các bước sau:

4.2.2.1. Chuẩn bị thực nghiệm

Bước 1: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng; tập hợp các văn bản của Bộ GD&ĐT và các cấp khác về GD đào tạo có liên quan trực tiếp đến trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ, liên hệ, phối hợp, thống nhất với chuyên gia về nội dung bồi dưỡng;

Bước 2: Báo cáo Ban giám hiệu nhà trường về kế hoạch thực nghiệm, nhấn mạnh mục đích, ý nghĩa và cách thức tiến hành thực nghiệm, nguyện vọng phối hợp với các cá nhân, đơn vị liên quan, đề xuất phê duyệt và tạo điều kiện trong quá trình triển khai thực nghiệm;

Bước 3: Chỉ đạo mời chuyên gia về lĩnh vực quản lý giáo dục đến tập huấn, bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho các GV được thực nghiệm;

Bước 4: Xây dựng bộ công cụ là: Đề kiểm tra, phiếu điều tra, phỏng vấn để khảo sát năng lực chuyên môn của các đối tượng; xác định tiêu chí và thang đánh giá kết quả thực nghiệm;

Bước 5: Chia nhóm đối tượng tham gia thực nghiệm bao gồm nhóm lớp thực nghiệm và nhóm lớp đối chứng.

4.2.2.2. Tiến hành thực nghiệm:

Bước 1: Khảo sát trình độ chuyên môn của GV.

Bước 2: Tiến hành bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV ở các cơ sở thực nghiệm.

4.2.2.3. Đánh giá kết quả sau thực nghiệm:

* *Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá*

Với mục đích đánh giá năng lực chuyên môn của đối tượng thực nghiệm ở 02 trường mầm non CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội trước và sau khi thực nghiệm, tác giả đã xây dựng các tiêu chí và thang đánh giá kết quả thực nghiệm.

Tiêu chí đánh giá: Tiêu chí đánh giá kết quả được xác định thông qua sự phát triển hệ thống các năng lực của GV sau khi tác động thực nghiệm. Trong luận án này thực nghiệm được tiến hành trong phạm vi bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đã được xác định trong luận án. Luận án đã xây dựng

khung năng lực cơ bản của GV trường mầm non công lập CLC [Phụ lục 6]. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung chỉ đạo bồi dưỡng các năng lực: Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại (NL1); Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy (NL2); Năng lực tổ chức các hoạt động GD trẻ khoa học (NL3); Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại (NL4).

Công cụ đo: Năng lực của GV chỉ được biểu hiện thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ hay giải quyết các tình huống trong thực tiễn. Vì vậy, luận án sử dụng công cụ đo là các bài kiểm tra, câu hỏi xử lý tình huống. Việc đánh giá các năng lực trên được thực hiện trên các rubric chấm điểm.

Thang đo: Dựa vào mục tiêu của học phần thực nghiệm, xây dựng đo đánh giá mức độ phát triển năng lực của GV cụ thể: Do số lượng các tiêu chí cả 4 năng lực không giống nhau; cho nên để các năng lực quy về cùng một thang đo, chúng tôi tính điểm của mỗi năng lực là trung bình cộng của tất cả các tiêu chí của năng lực đó. Mỗi tiêu chí của các năng lực được chia làm 5 mức và xếp mức độ từ 1 đến 5 (kém đến tốt). Cụ thể nội dung đánh giá, cách đánh giá, phiếu đánh giá năng lực cần hình thành và phát triển cho GV được thể hiện trong [Phụ lục 6 - 10]

Theo đó, điểm tối đa của mỗi năng lực là 5, tối thiểu là 1, chênh lệch giữa hai mức được xác định theo công thức:

Trong đó L : là dẫn $L = \frac{n-1}{n} = \frac{5-1}{5} = 0,8$ là số lượng mức đánh giá.

- + Mức tốt: $4,2 < \text{điểm} \leq 5$;
- + Mức khá: $3,4 < \text{điểm} \leq 4,2$;
- + Mức trung bình: $2,6 < \text{điểm} \leq 3,4$;
- + Mức yếu: $1,8 < \text{điểm} \leq 2,6$;
- + Mức kém: $1 < \text{điểm} \leq 1,8$.

4.2.3. Tiến hành thực nghiệm

Bước 1. Khảo sát năng lực chuyên môn của GV của LTN và LDC

Trước khi tiến hành thực hiện các tác động theo mục đích thực nghiệm, luận án đã tiến hành khảo sát trình độ đầu vào của GV ở cơ sở thực nghiệm nhằm so sánh, lựa chọn LTN và LDC có năng lực tương đồng nhau [Phụ lục 7, 8].

Cách thực hiện: Yêu cầu GV ở 2 lớp tiến hành làm bài kiểm tra đầu vào, sau đó chấm điểm theo các tiêu chí đã xác định; căn cứ vào kết quả chấm điểm, đánh giá trình độ đầu vào của các lớp trước thực nghiệm.

Bước 2. Tiến hành tác động sư phạm theo kế hoạch thực nghiệm

Ở LDC, không sử dụng bất cứ một tác động sư phạm nào từ quá trình nghiên cứu, các hoạt động bồi dưỡng của GV vẫn diễn ra theo kế hoạch thường xuyên.

Ở LTN, chỉ đạo đội ngũ chuyên gia tiến hành bồi dưỡng GV theo kế hoạch thực nghiệm đã xác định.

Bước 3. Kết thúc thực nghiệm

Tiến hành đánh giá mức độ phát triển năng lực chuyên môn của GV bằng các công cụ đo lường [Phụ lục 9, 10]. Kết quả thực nghiệm được phân tích cả về định tính và định lượng.

Xử lý số liệu định lượng: Sử dụng phần mềm SPSS 20.0, Excel để xử lý số liệu sau khi đã khảo sát thực tế giữa LTN và LDC. Các chỉ số được sử dụng bao gồm:

Giá trị trung bình (Mean): Để tính ĐTB cộng của các điểm số, kết quả trung bình của GV hai lớp LTN và LDC.

Độ lệch chuẩn (Standardized deviation): Mô tả mức độ phân tán của các điểm số.

Hệ số biến thiên C_v : Là tham số so sánh mức độ phân tán của các số liệu, C_v càng nhỏ chứng tỏ số liệu khá tập trung và ngược lại.

Công thức tính: $C_v = \frac{\delta}{\bar{x}} \times 100 \%$

Các tham số δ và C_v nhằm đánh giá độ lệch tiêu chuẩn và độ phân tán của kết quả phát triển năng lực của GV quanh giá trị trung bình. Trên cơ sở đó, khẳng định độ tin cậy và tính khả thi của biện pháp thực nghiệm.

Giá trị xác suất p của phép kiểm chứng T-test: Giá trị p là xác suất xảy ra ngẫu nhiên. Để kiểm tra sự chênh lệch giữa LTN và LDC sau thực nghiệm có xảy ra một cách ngẫu nhiên hay không, thông qua sử dụng phép kiểm chứng T-test, kết quả có thể xảy ra các trường hợp như sau:

Nếu $p > 0.05$ thì sự chênh lệch kết quả của LTN và LDC xảy ra hoàn toàn ngẫu nhiên, nghĩa là không có tác động chênh lệch vẫn xảy ra.

Nếu $p < 0.05$ chênh lệch xảy ra không ngẫu nhiên, nghĩa là biện pháp được sử dụng để tác động tới LTN có tạo ra sự thay đổi so với LDC. Kết quả đó có ý nghĩa về mặt thống kê khoa học.

Xử lý số liệu định tính: Thông tin thu được từ phương pháp quan sát, phỏng vấn để lý giải, minh họa việc diễn giải các số liệu thu được từ xử lý số liệu định lượng.

4.2.4. Xử lý và phân tích kết quả thực nghiệm

4.2.4.1. Phân tích đánh giá kết quả về mặt định lượng

Thứ nhất, kết quả thực nghiệm vòng 1

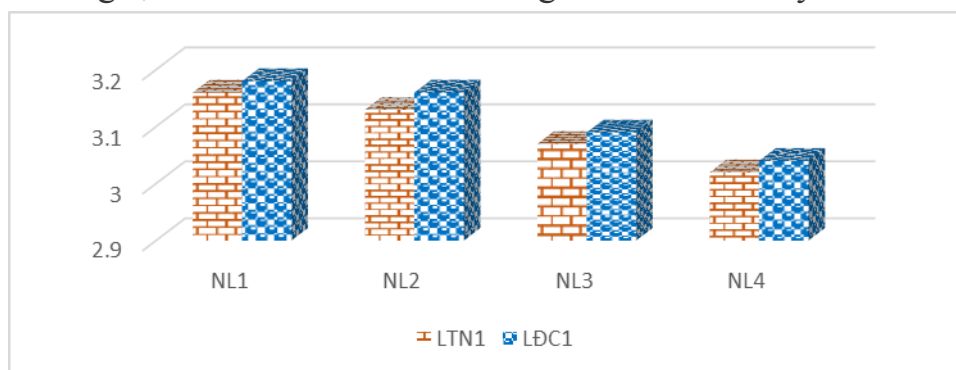
* Kết quả đo trước thực nghiệm

Để đánh giá mức độ ban đầu về các năng lực được lựa chọn để thực nghiệm của GV ở LĐC1 và LTN1 trước khi tiến hành tác động thực nghiệm, bằng việc cho GV làm bài kiểm tra đầu vào và bài tập đánh giá năng lực [Phụ lục 7], sau đó sử dụng rubric để đánh giá các năng lực này [Phụ lục 8].

Bảng 4.5. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN1 và LĐC1 trước khi thực nghiệm

Mức độ Năng lực	Tốt (%)		Khá (%)		TB (%)		Yếu (%)		Kém (%)		ĐTB	
	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	0	0	30.00	30.00	60.00	65.00	10.00	5.00	0	0	3.16	3.18
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	25.00	30.00	65.00	55.00	10.00	15.00	0	0	3.13	3.16
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	0	0	20.00	20.00	65.00	60.00	15.00	20.00	0	0	3.07	3.09
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	20.00	25.00	60.00	55.00	20.00	20.00	0	0	3.02	3.04

Số liệu tại Bảng 4.5 cho thấy tỉ lệ GV đạt được các mức độ năng lực trung bình, yếu của GV LTN1 và LĐC1 khá đồng đều ở các mức, trong đó tập trung chủ yếu ở mức trung bình, một số GV ở mức năng lực yếu. Trong đó yếu nhất là năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Có thể biểu diễn ĐTB các năng lực của LTN1 và LĐC1 bằng biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 4.4. ĐTB năng lực của giáo viên trước thực nghiệm đợt 1

Nhìn vào Biểu đồ 4.4 có thể thấy trước khi tiến hành thực nghiệm, mức độ các năng lực ban đầu của GV giữa LTN1 và LĐC1 đạt được trong khoảng

từ 3.02 đến 3.18 (mức trung bình). Như vậy, có thể thấy mức độ năng lực ban đầu của GV ở LTN1 và LĐC1 đã đạt được ở mức độ nhất định. ĐTB các năng lực giữa hai lớp không có sự khác biệt đáng kể.

Mặt khác, tiến hành kiểm định T-Test về sự khác biệt giữa điểm trung bình của hai lớp ở vòng 1 trước thực nghiệm cho kết quả ở Phụ lục 20, là: Ở LTN1 và LĐC1 (có Sig. (2-tailed) các năng lực: NL1: 0.900; NL2: 0.856; NL3: 0.901; NL4: 0.905 đều > 0.05), cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa điểm trung bình trong lần kiểm tra vòng 1 (giữa LTN1-LĐC1) trước khi tiến hành thực nghiệm.

** Kết quả đo sau thực nghiệm*

Sau khi tiến hành thực nghiệm biện pháp Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đối với LTN, LĐC tổ chức bồi dưỡng bình thường. Tiến hành cho hai lớp làm bài kiểm tra và bài tập để đánh giá kết quả đầu ra sau thực nghiệm đợt 1. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.6. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 1

độ Năng lực	Mức		Tốt (%)		Khá (%)		TB (%)		Yếu (%)		Kém (%)		ĐTB	
	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC	LTN	LĐC
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	35.00	5.00	40.00	35.00	20.00	55.00	5.00	5.00	0	0	3.98	3.25		
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	30.00	0	35.00	30.00	30.00	60.00	5.00	10.00	0	0	3.87	3.18		
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	25.00	0	35.00	25.00	30.00	60.00	10.00	15.00	0	0	3.77	3.11		
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	20.00	0	35.00	25.00	35.00	55.00	10.00	20.00	0	0	3.71	3.08		

Kết quả tại Bảng 4.6 cho thấy, năng lực của cả hai LTN1 và LĐC1 đều có sự phát triển nhất định. Tuy nhiên, LTN1 cao hơn hẳn LĐC1. Trong đó tỉ lệ GV đạt mức năng lực tốt và khá của LTN1 đều cao hơn LĐC1. Đồng thời tỉ lệ GV ở mức năng lực trung bình giảm đi rõ rệt, tỉ lệ GV ở mức năng lực yếu cũng giảm. Ngược lại, ở LĐC1 tỉ lệ GV ở mức năng lực tốt và khá có tăng nhưng không nhiều, đồng thời tỉ lệ GV ở mức năng lực trung bình và yếu cao hơn so với LTN1 rất nhiều (ví dụ ở mức năng lực trung bình: $55.00 > 20.00$; $60.00 > 30.00$; $60.00 > 30.00$; $55.00 > 35.00$), đồng thời ở cả 4 năng lực vẫn

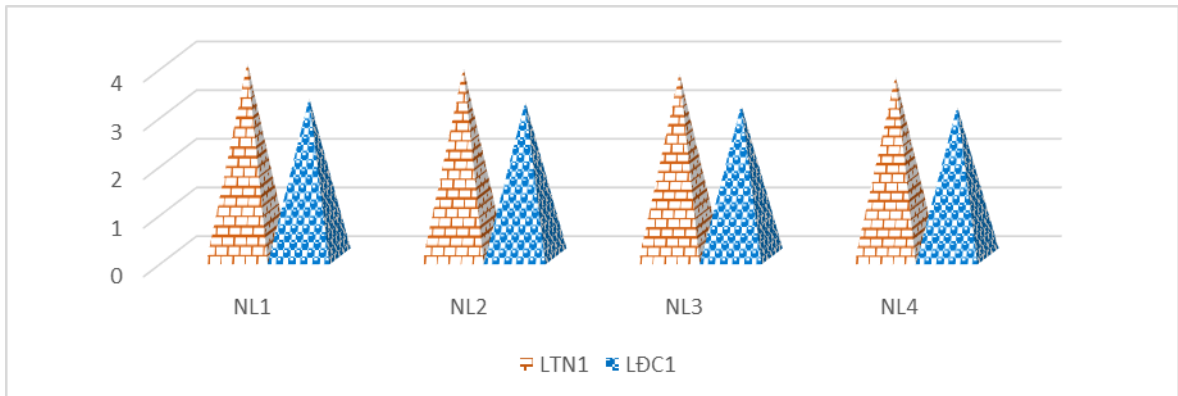
còn GV ở mức yếu. Như vậy, sau thực nghiệm đã có sự khác biệt đáng kể về mức độ phân tích năng lực của LTN1 so với LDC1. Điều này, chứng minh việc tiến hành biện pháp chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đã phát huy hiệu quả.

Để làm rõ hơn kết quả thực nghiệm, tiến hành kiểm định T-test bằng phần mềm SPSS so sánh giá trị trung bình các năng lực đạt được của LTN1 và LDC1 nhằm xác định ý nghĩa sự khác biệt.

Bảng 4.7. Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 1

Năng lực	Mức độ		LTN1		LDC1		T	Sig,
	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC				
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	3.98	0.56	3.25	0.46	4.522	0.000		
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	3.87	0.60	3.18	0.51	3.894	0.000		
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	3.77	0.72	3.11	0.49	3.383	0.002		
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	3.71	0.71	3.08	0.55	3.151	0.003		

Kết quả tại Bảng 4.7 cho thấy kiểm định T-test với các hệ số Sig. (2 đuôi) đều nhỏ hơn 0.05. Điều này, chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ĐTB sau thực nghiệm trên cả 4 năng lực giữa LTN1 và LDC1. Có thể biểu diễn sự khác biệt giá trị trung bình các năng lực bằng biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.5. ĐTB năng lực của giáo viên sau thực nghiệm đợt 1

Kết quả ở Biểu đồ 4.5 cho thấy sau thực nghiệm lần 1, ĐTB các năng lực của LTN1 nằm trong khoảng 3.57 đến 3.98 (các năng lực đều đạt mức khá vững chắc, đặc biệt năng lực: Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại gần đạt mức tốt (ĐTB: 3.98 và 3.25). Ngược lại ĐTB các năng lực của LDC1 nằm trong khoảng 3.08 đến 3.25, có năng lực mới đạt ở mức trung bình, thấp nhất là năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại ĐTB

= 3.57 và 3.08. Như vậy có thể thấy, năng lực của GV ở LTN1 cao hơn khá nhiều so với năng lực của GV ở LĐC1.

Kết hợp phân tích các tham số, trung vị, hệ số biến thiên và mức độ phân tán, cho thấy: Trung vị cả 4 năng lực ở LTN1 đều có giá trị trên 3.5 đến xấp xỉ 4.0, ở LĐC1 không có năng lực nào đạt 3.5 (từ 3.08 – 3.25) (Bảng 5.3), điều này có nghĩa LTN1 tập trung nhiều GV có mức năng lực khá cứng, xấp xỉ tốt, mức năng lực này cao hơn hẳn LĐC1 (ở mức năng lực giao động từ 3.08 đến 3.25 - mức trung bình). Kết quả này khẳng định, các năng lực của GV ở LTN1 đã có sự phát triển khác biệt, nguyên nhân là do tác động của quá trình thực nghiệm.

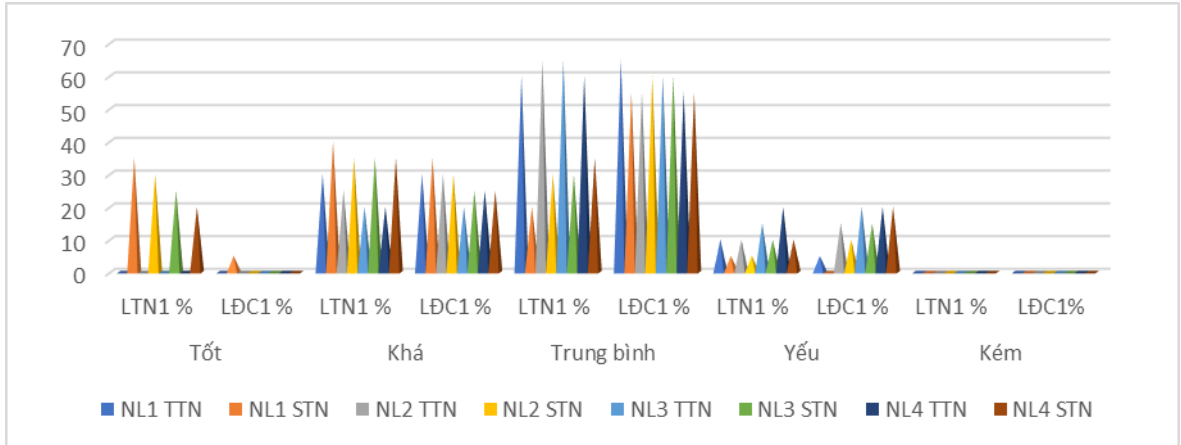
Tiến hành so sánh với kết quả phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực của LTN1 và LĐC1 trước và sau thực nghiệm đợt 1 [Phụ lục 20] cho thấy, trước thực nghiệm GV ở cả hai lớp mới chủ yếu đạt mức độ năng lực khá và trung bình, một số ở mức năng lực yếu, nhất là năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Sau thực nghiệm số lượng GV đạt mức năng lực tốt tăng lên đáng kể ở cả 4 năng lực chuyên môn, GV ở mức năng lực trung bình và yếu giảm đi khá nhiều.

Ngược lại, ở LĐC1 cũng có biểu hiện sự tiến bộ của GV, nhưng sự tiến bộ là không nhiều, chủ yếu biến động giữa hai mức trung bình và khá, ở mức giỏi và yếu cũng có sự tăng và giảm nhưng không đáng kể.

Bảng 4.8. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 1

Năng lực	Mức độ	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		LTN1 %	LĐC1 %	LTN1 %	LĐC1 %	LTN1 %	LĐC1 %	LTN1 %	LĐC1 %	LTN1 %	LĐC1 %
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	TTN	0	0	30.00	30.00	60.00	65.00	10.00	5.00	0	0
	STN	35.00	5.00	40.00	35.00	20.00	55.00	5.00	0	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	TTN	0	0	25.00	30.00	65.00	55.00	10.00	15.00	0	0
	STN	30.00	0	35.00	30.00	30.00	60.00	5.00	10.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	TTN	0	0	20.00	20.00	65.00	60.00	15.00	20.00	0	0
	STN	25.00	0	35.00	25.00	30.00	60.00	10.00	15.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	TTN	0	0	20.00	25.00	60.00	55.00	20.00	20.00	0	0
	STN	20.00	0	35.00	25.00	35.00	55.00	10.00	20.00	0	0

Có thể biểu diễn tần suất mức độ phát triển năng lực chuyên môn của LTN1 và LĐC1 trước và sau thực nghiệm bằng biểu đồ tần suất % các năng lực như sau:



Biểu đồ 4.6. Tần suất % mức độ phát phát triển năng lực của giáo viên trước và sau thực nghiệm vòng 1

Như vậy, với chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thông qua tiến hành các hoạt động bồi dưỡng cho GV đã có sự tác động tích cực đến họ. Nhờ việc được tham gia các hoạt động học tập tích cực, thực hiện các bài tập, thảo luận và tham gia giải quyết tình huống, GV đã hiểu rõ và thực hiện tốt hơn các hoạt động gắn với chuyên môn và chức trách nhiệm vụ của GV mầm non, vì vậy mà năng lực chuyên môn được nâng lên, việc dạy học đã trở lên hiệu quả, thực hiện tốt mục tiêu dạy học.

Thứ hai, kết quả thực nghiệm vòng 2

** Kết quả đo trước thực nghiệm vòng 2*

Thực nghiệm vòng 2 được tiến hành tại Trường Mầm non B.

Sau khi có kết quả thực nghiệm vòng 1, tác giả cùng đồng nghiệp đều có chung những nhận định về hiệu quả của việc chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Kết hợp với hỏi ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học, những kết quả nghiên cứu của tác giả về chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là khả thi; đồng thời một số vấn đề thực nghiệm được chỉnh sửa theo góp ý của đồng nghiệp và các chuyên gia để chuẩn bị cho thực nghiệm vòng 2.

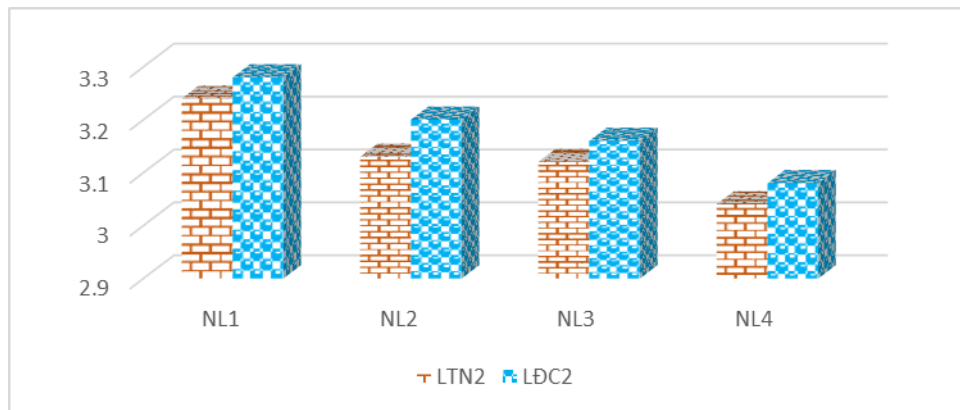
Thực nghiệm vòng 2 được tiến hành với số lượng GV lớn hơn số lượng thực nghiệm vòng 1. Quy trình tổ chức thực nghiệm được thực hiện như vòng 1. Trước khi tiến hành tác động thực nghiệm đợt 2, tiến hành cho GV cả hai lớp LTN2 và LDC2 làm bài kiểm tra đầu vào và bài tập tình huống để đánh giá mức

độ ban đầu các năng lực được lựa chọn để thực nghiệm [Phụ lục 7], sau đó sử dụng rubric để đánh giá các năng lực này [Phụ lục 8]. Kết quả đạt được cụ thể:

Bảng 4.9. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN2 và LĐC2 trước khi thực nghiệm

Mức độ Năng lực	Tốt (%)		Khá (%)		TB (%)		Yếu (%)		Kém (%)		ĐTB	
	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	0	0	36.00	36.00	56.00	60.00	08.00	4.00	0	0	3.24	3.28
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	28.00	32.00	60.00	56.00	12.00	12.00	0	0	3.16	3.20
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	0	0	24.00	24.00	60.00	64.00	16.00	12.00	0	0	3.12	3.16
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	16.00	20.00	68.00	64.00	16.00	16.00	0	0	3.04	3.08

Kết quả đánh giá đầu vào tại Bảng 4.9 cho thấy, mức độ năng lực ban đầu của GV ở cả hai lớp LTN2 và LĐC2 khá tương đồng và chủ yếu ở mức độ trung bình, không có GV ở mức năng lực tốt, một số ở mức năng lực ở mức yếu. Trong đó yếu nhất là năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại. Có thể biểu diễn ĐTB các năng lực của LTN2 và LĐC2 bằng biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 4.7 ĐTB năng lực của giáo viên trước thực nghiệm đợt 2

Nhìn vào Biểu đồ 4.7 có thể thấy trước khi tiến hành thực nghiệm, mức độ các năng lực ban đầu của GV giữa LTN2 và LĐC2 đạt được trong khoảng từ 3.04 đến 3.28 (mức trung bình). Như vậy, có thể thấy mức độ năng lực ban đầu của GV ở LTN2 và LĐC2 đã đạt được ở mức độ nhất định. ĐTB các năng lực giữa hai lớp không có sự khác biệt đáng kể.

Mặt khác, tiến hành kiểm định T-Test về sự khác biệt giữa điểm trung bình của hai lớp ở vòng 1 trước thực nghiệm cho kết quả ở Phụ lục 21, là: Ở LTN1 và LĐC1 (có Sig. (2-tailed) các năng lực: NL1: 0.769; NL2: 0.780; NL3: 0.779; NL4: 0.760 đều > 0.05), cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa điểm trung bình trong lần kiểm tra vòng 2 (giữa LTN2-LĐC2) trước khi tiến hành thực nghiệm.

** Kết quả đo sau thực nghiệm*

Sau khi tiến hành thực nghiệm biện pháp chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đối với LTN, còn LĐC tổ chức hoạt động bồi dưỡng như bình thường. Kết thúc thực nghiệm, tiến hành cho hai lớp làm bài kiểm tra và bài tập để đánh giá sự phát triển năng lực của GV cả hai lớp sau thực nghiệm đợt 2. Kết quả thu được như sau:

Bảng 4.10 Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 2

Mức độ Năng lực	Tốt (%)		Khá (%)		TB (%)		Yếu (%)		Kém (%)		ĐTB	
	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	36.00	4.00	44.00	32.00	20.00	56.00	0	8.00	0	0	4.04	3.28
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	32.00	4.00	36.00	28.00	32.00	60.00	0	8.00	0	0	3.92	3.19
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	28.00	0	36.00	28.00	36.00	64.00	0	12.00	0	0	3.84	3.16
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	24.00	0	36.00	24.00	40.00	68.00	0	12.00	0	0	3.76	3.12

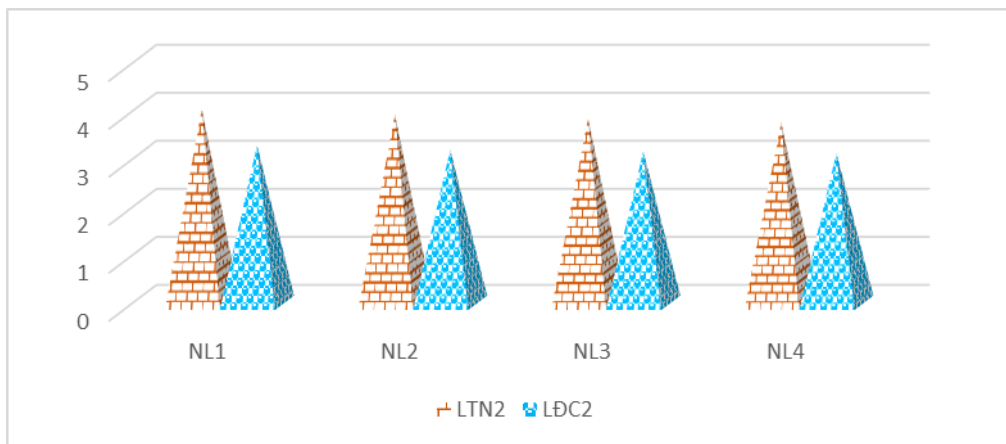
Kết quả tại Bảng 4.10 cho thấy, năng lực của cả hai LTN2 và LĐC2 đều có sự phát triển nhất định. Tuy nhiên, LTN2 cao hơn hẳn LĐC2. Trong đó tỉ lệ GV đạt mức năng lực tốt và khá của LTN2 đều cao hơn LĐC2. Đồng thời tỉ lệ GV ở mức năng lực trung bình giảm đi rõ rệt, không còn GV đạt năng lực yếu. Ngược lại, ở LĐC2 tỉ lệ GV ở mức năng lực tốt và khá có tăng nhưng không đáng kể, đồng thời tỉ lệ GV ở mức năng lực trung bình có giảm nhưng không nhiều và cao hơn so với LTN2 ($56.00 > 20.00$; $60.00 > 32.00$; $64.00 > 36.00$; $68.00 > 40.00$); đồng thời ở cả 4/4 năng lực vẫn còn GV ở mức yếu. Như vậy, sau thực nghiệm đã có sự khác biệt đáng kể về mức độ phát triển năng lực của LTN2 so với LĐC2. Điều này, chứng minh việc tiến hành các hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đối với LTN2 đã phát huy hiệu quả.

Để làm rõ hơn kết quả thực nghiệm, tiến hành kiểm định T-test bằng phần mềm SPSS so sánh giá trị trung bình các năng lực đạt được của LTN2 và LDC2 nhằm xác định ý nghĩa sự khác biệt.

Bảng 4.11 Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 2

Năng lực	Mức độ	LTN2		LDC2		T	Sig,
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại		4.04	0.49	3.28	0.57	5.033	0.000
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy		3.92	0.54	3.19	0.52	4.843	0.000
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học		3.84	0.58	3.16	0.54	4.306	0.000
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại		3.76	0.60	3.12	0.55	3.939	0.000

Kết quả tại *Bảng 4.11* cho thấy kiểm định T-test với các hệ số Sig. (2 đuôi) đều nhỏ hơn 0.05. Điều này, chứng tỏ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ĐTB sau thực nghiệm trên cả 4 năng lực giữa LTN2 và LDC2. Có thể biểu diễn sự khác biệt giá trị trung bình các năng lực của LTN2 và LDC2 bằng biểu đồ sau:



Biểu đồ 4.9. ĐTB năng lực của giáo viên sau thực nghiệm đợt 2

Kết quả ở *Biểu đồ 4.9* cho thấy sau thực nghiệm tác động lần 2, ĐTB các năng lực của LTN2 nằm trong khoảng 3.76 đến 4.04 (các năng lực đều đạt mức khá vững chắc, đặc biệt năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại xỉ mức tốt 4.04). Ngược lại ĐTB các năng lực của LDC2 nằm trong khoảng 3.12 đến 3.28, đồng thời 4/4 năng lực chỉ đạt ở mức trung bình. Như vậy có thể thấy, năng lực chuyên môn của GV ở LTN2 cao hơn khá nhiều so với năng lực chuyên môn của GV ở LDC2.

Kết hợp phân tích các tham số, trung vị, hệ số biến thiên và mức độ phân tán [Phụ lục 20], cho thấy: Trung vị cả 4 năng lực ở LTN2 đều có giá trị gần 4.0, ở LDC2 giao động từ 3.12 đến 3.28, điều này có nghĩa LTN2 tập trung nhiều GV có mức năng lực từ xấp xỉ tốt, mức năng lực này cao hơn hẳn LDC2 (GV mới ở mức năng lực trung bình). Kết quả này khẳng định, các năng lực của GV ở LTN2 đã phát triển, nguyên nhân là do tác động của thực nghiệm.

Tham số hệ số biến thiên cũng cho thấy, mức độ biến thiên năng lực của GV LTN2 cũng nhỏ hơn so với lớp đối chứng ($12.13\% < 17.38\%$; $13.78\% < 16.30\%$; $15.10\% < 17.09\%$ và $15.96\% < 17.63\%$); độ phân tán của giá trị các năng lực của LTN2 cũng nhỏ hơn LDC2 (LTN2 = 1.6 - 1.8; LDC2 = 2.0 - 2.2) [Phụ lục 21]. Điều đó cho thấy, giá trị năng lực đạt được ở LTN2 chụm hơn và phân tán quanh giá trị trung bình nhiều hơn. Đồng thời thể hiện sự ổn định của LTN2 so với LDC2.

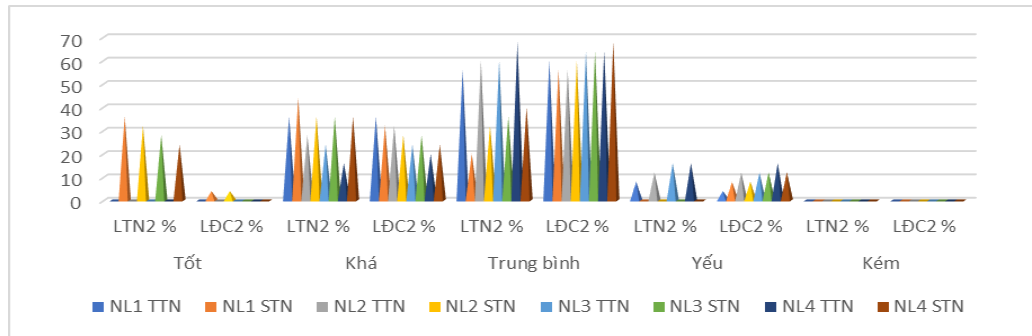
Tiến hành so sánh với kết quả phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực của LTN2 và LDC2 trước và sau thực nghiệm cho thấy, trước thực nghiệm GV ở cả hai lớp mới chủ yếu đạt mức độ năng lực khá và trung bình, một số GV còn ở mức năng lực yếu. Sau thực nghiệm, số lượng GV đạt mức năng lực tốt tăng lên đáng kể, số lượng GV ở mức năng lực trung bình giảm đi khá nhiều, không còn mức yếu.

Ngược lại, ở LDC2 cũng có biểu hiện sự tiến bộ của GV, nhưng sự tiến bộ là không nhiều, chủ yếu biến động giữa hai mức trung bình và khá, ở mức tốt và yếu cũng có sự tăng và giảm nhưng không đáng kể.

Bảng 4.12. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 2

Mức độ Năng lực		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
		LTN2 %	LDC2 %	LTN2 %	LDC2 %	LTN2 %	LDC2 %	LTN2 %	LDC2 %	LTN2 %	LDC2 %
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	TTN	0	0	36.00	36.00	56.00	60.00	08.00	4.00	0	0
	STN	36.00	4.00	44.00	32.00	20.00	56.00	0	8.00	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	TTN	0	0	28.00	32.00	60.00	56.00	12.00	12.00	0	0
	STN	32.00	4.00	36.00	28.00	32.00	60.00	0	8.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	TTN	0	0	24.00	24.00	60.00	64.00	16.00	12.00	0	0
	STN	28.00	0	36.00	28.00	36.00	64.00	0	12.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	TTN	0	0	16.00	20.00	68.00	64.00	16.00	16.00	0	0
	STN	24.00	0	36.00	24.00	40.00	68.00	0	12.00	0	0

Có thể biểu diễn tần suất mức độ phát triển năng lực của GV ở LTN2 và LDC2 trước và sau thực nghiệm bằng biểu đồ tần suất % các năng lực như sau:



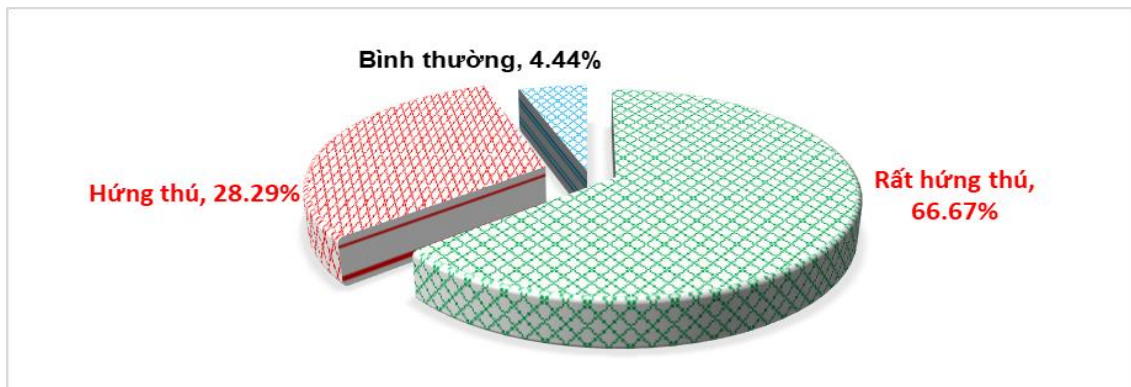
Biểu đồ 4.10. Tần suất % mức độ phát triển năng lực của giáo viên trước và sau thực nghiệm vòng 2

Như vậy, với việc chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ thông qua tiến hành các hoạt động bồi dưỡng cho GV, thực hiện các bài tập, kết hợp với tiến hành kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực cho thấy, đã có sự tác động tích cực đến GV. Nhờ việc được tham gia các hoạt động bồi dưỡng tích cực: Nghe giảng, trao đổi, thảo luận, trực tiếp hành động và thực hiện các bài tập, GV đã hiểu rõ và thực hiện tốt hơn các hoạt động gắn với chuyên môn, vì vậy mà việc dạy học đã trở lên hiệu quả, thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

4.2.4.2. Phân tích đánh giá kết quả về mặt định tính

Để đánh giá kết quả thực nghiệm về mặt định tính nhằm khẳng định tính, tiến hành kết hợp giữa khảo sát hứng thú, những thuận lợi và khó khăn trong triển khai bồi dưỡng với hoạt động trao đổi, phỏng vấn và phân tích sản phẩm của GV, kết quả thu được:

Kết quả trưng cầu ý kiến về mức độ hứng thú của GV LTN:



Biểu đồ 4.11. Hứng thú của giáo viên khi tham gia bồi dưỡng chuyên môn

Kết quả khảo sát hứng thú trong học tập ở các lớp bồi dưỡng năng lực chuyên môn của GV LTN1 và LTN2 cho thấy có 30/45 GV chiếm tỉ lệ 66,67% cảm thấy rất hứng thú; có 13/45 GV (28,29%) cảm thấy hứng thú và 2/45 GV (4,44%) cảm thấy bình thường, không có GV nào không hứng thú.

Để tìm hiểu rõ hơn về nguyên nhân hứng thú của GV trong tham gia bồi dưỡng năng lực chuyên môn, tiến hành lấy phiếu thăm dò về những thuận lợi và khó khăn trong quá trình bồi dưỡng, kết quả cho thấy:

** Thuận lợi*

Bảng 4.13. Bảng khảo sát những thuận lợi trong quá trình bồi dưỡng

TT	Nội dung	Số lượng	%	Thứ bậc
1	Mục tiêu bồi dưỡng dễ nhớ, có thể quan sát, đo đếm được	29	64.44	7
2	Nội dung bồi dưỡng thiết thực, đồng thời thiết kế thành các vấn đề, các tình huống gắn liền lý luận với thực tiễn, dễ tiếp thu	30	66.67	6
3	Hình thức bồi dưỡng đa dạng, kết hợp giữa bài giảng, thảo luận, trải nghiệm, bài tập... vì vậy không gò bó	32	71.11	5
4	Phương pháp, kỹ thuật bồi dưỡng phát huy tối đa tính tích cực, tự giác và vai trò sáng tạo của người tham gia và có thể tham gia tất cả các hoạt động	35	77.78	3
5	Thay vì đánh giá kiến thức, kỹ năng, bằng việc đánh giá khả năng vận dụng, vì vậy không bị nhồi nhét vào nội dung học thuộc, phát huy khả năng sáng tạo	33	73.33	4
6	Chuyên gia bồi dưỡng chủ yếu định hướng, điều khiển, gợi mở, tạo tâm lý thoải mái cho giáo viên tham gia	38	84.44	2
7	Giáo viên tham gia bồi dưỡng có điều kiện thể hiện, được chia sẻ quan điểm, được tham gia thảo luận, đóng vai, thực hiện các bài tập. tạo hứng thú	40	88.89	1

Thuận lợi nhất thuộc về GV tham gia lớp bồi dưỡng: *Giáo viên tham gia có điều kiện thể hiện, được chia sẻ quan điểm, được tham gia thảo luận, đóng vai, thực hiện các bài tập... tạo hứng thú 88.89%* ý kiến đồng ý; tiếp theo thuộc về chuyên gia: *Chuyên gia bồi dưỡng chủ yếu định hướng, điều khiển, gợi mở, tạo tâm lý thoải mái cho GV tham gia có 84.44%* ý kiến đồng ý; thứ ba là: *Phương pháp, kỹ thuật bồi dưỡng phát huy tối đa tính tích cực, tự giác và vai trò sáng tạo của người tham gia và có thể tham gia tất cả các hoạt động có 77.78%* ý kiến đồng ý. Điều này có thể lý giải, trong hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên môn, GV tham gia được tạo mọi điều kiện tốt nhất để phát huy hết khả năng, sở trường, đồng thời không chịu áp lực quá lớn từ phía người dạy; ngược lại, người bồi dưỡng với vai trò chủ yếu định hướng, điều khiển, trợ giúp cho GV tham gia; mặt khác, phương pháp bồi dưỡng thay vì truyền thụ một chiều chuyển sang tập trung phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo và vai trò

chủ thể của người học trong tìm kiếm, lĩnh hội kiến thức, kỹ năng và vận dụng vào giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn. Tất cả những điều đó đã tác động tích cực đến những GV tham gia, tạo tâm lý và hứng thú cho họ.

Thuận lợi tiếp theo là *Thay vì đánh giá kiến thức, kỹ năng, bằng việc đánh giá khả năng vận dụng, vì vậy không bị nhồi nhét vào nội dung học thuộc, phát huy khả năng sáng tạo có 73.33% ý kiến đồng ý; Hình thức bồi dưỡng đa dạng, kết hợp giữa bài giảng, thảo luận, trải nghiệm, bài tập... vì vậy không gò bó có 71.11 % ý kiến nhất trí.* Điều này có thể lý giải, nếu bồi dưỡng theo cách thông thường, hình thức bồi dưỡng chủ yếu là tập huấn trên lớp, tính chất một chiều; việc kiểm tra tập trung vào đánh giá kiến thức học thuộc, người học phải mất rất nhiều thời gian ôn tập, song khi thực hiện bài kiểm tra lại gò bó trong khuôn khổ nội dung bồi dưỡng. Ngược lại, bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho GV thì hình thức đa dạng, GV được tham gia vào tất cả các hoạt động học tập, được trải nghiệm, được đóng vai, thực hành... Bên cạnh đó, việc chủ yếu đánh giá khả năng vận dụng, do đó không gò bó, trái lại còn phát huy tối đa năng lực sáng tạo của GV.

Các nội dung được đánh giá là ít thuận lợi hơn, nhưng cũng khá cao đó là *Nội dung bồi dưỡng thiết thực, đồng thời thiết kế thành các vấn đề, các tình huống gắn liền lý luận với thực tiễn, dễ tiếp thu có 66.67% ý kiến đồng tình và Mục tiêu bồi dưỡng dễ nhớ, có thể quan sát, đo đếm được có 64.44% ý kiến nhất trí.* Có thể thấy, bồi dưỡng theo hướng phát triển năng lực chuyên môn cho GV, nội dung bồi dưỡng không chỉ ngắn gọn, thiết thực mà còn được cấu trúc theo chuyên đề, các tình huống có sự gắn kết giữa lý luận với hoạt động thực tiễn; bởi vậy sẽ khắc phục được tình trạng hàn lâm, kinh viện, trừu tượng khó tiếp thu.

Kết hợp với phân tích sản phẩm thông qua bài kiểm tra, vở ghi cũng cho thấy, việc thực hiện bài kiểm tra GV đã có sự sáng tạo nhất định trong cách trình bày, các ý kiểm tra không còn quá nặng về kiến thức, mà chủ yếu từ việc phân tích nội dung, GV đã có sự bày tỏ quan điểm cá nhân, đồng thời đã chủ động vận dụng vào thực tiễn, trong đó có đến 42.22% vận dụng sáng tạo, thiết thực, 48.89% vận dụng thiết thực và 8.89% biết vận dụng. Việc trình bày nội dung cũng khá khoa học, lôgic, chặt chẽ. Kết quả các bài tập cũng cho thấy, GV đã hiểu cách thức tiến hành, đồng thời vận dụng phù hợp với thực

tiến hoạt động chuyên môn, trong đó có 46.00% thể hiện sự hiểu sâu, vận dụng tốt; 48.00% hiểu và vận dụng phù hợp.

Kết quả về sự phát triển các năng lực được tiến hành thực nghiệm cho thấy có đến 20.26% trở lên GV đạt mức năng lực tốt; GV ở mức năng lực trung bình là 33.33%; không có GV mức năng lực yếu.

Qua trao đổi với một số GV ở LTN, các ý kiến đều đánh giá rất cao việc bồi dưỡng theo hướng làm phát triển năng lực chuyên môn, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: Việc chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay là rất cần thiết, và sẽ khắc phục được việc bồi dưỡng theo kiểu học thuộc lòng, ghi nhớ máy móc, nội dung bồi dưỡng gắn liền với hoạt động thực tiễn vừa sinh động, vừa thiết thực, cho nên việc tham gia bồi dưỡng không quá căng thẳng mà tiếp thu rất dễ. Mặt khác, các phương pháp bồi dưỡng cũng tập trung phát huy vai trò chủ thể của người học, nên họ được hoạt động nhiều hơn, bày tỏ nhiều hơn, do đó việc học không còn nhàm chán. Đặc biệt với việc trợ giúp của chuyên gia cùng với những nhận xét, đánh giá tích cực ngay trong giờ học, họ cảm thấy rất tự tin trong học tập.

Giáo viên N.T.D ở Trường Mầm non B chia sẻ: *“Quá trình thực nghiệm cho thấy, các hoạt động tham gia bồi dưỡng của GV đã có những chuyển biến tích cực, như: Đã chủ động hơn trong học tập, không khí lớp bồi dưỡng trở nên sôi nổi, nhiều GV đã mạnh dạn thể hiện quan điểm cá nhân về nội dung bồi dưỡng với những lập luận khá sắc sảo, việc vận dụng vào thực tiễn cũng khá phong phú, sáng tạo; đồng thời phương pháp và kết quả học tập cũng tốt hơn so với cách bồi dưỡng thông thường”*.

Kết quả quan sát giờ học tập, thảo luận cũng cho thấy, GV ở LTN rất hứng thú trong học tập, giờ học rất sôi nổi; GV rất tích cực tham gia vào quá trình học tập, các hoạt động hết sức đa dạng như tranh luận, trao đổi chia sẻ quan điểm, tham gia hoạt động nhóm. Nhìn chung, GV rất sôi nổi và hứng thú, nhiều vấn đề thực tiễn nghề nghiệp đã được giải quyết rất sáng tạo, một số vấn đề khó cũng thu hút được sự quan tâm rất lớn từ phía người học. Ngược lại, ở LDC việc tham gia bồi dưỡng của GV khá bị động, không khí lớp bồi dưỡng khá trầm, việc nắm nội dung bồi dưỡng nhất là nội dung đòi hỏi tính lý luận cao và khả năng vận dụng còn gặp nhiều khó khăn.

** Những khó khăn*

Qua xin ý kiến đánh giá của 20 cán bộ quản lý, GV về những trở ngại và phương hướng giải quyết để có thể bồi dưỡng có hiệu quả năng lực chuyên môn cho GV mầm non ở các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay, kết quả:

Cản trở đến từ chương trình nội dung, có 20/20 ý kiến cho rằng, hiện nay chương trình, nội dung bồi dưỡng mặc dù đã được đổi mới nhiều, song nhìn chung vẫn còn khá nặng về lý thuyết, điều luật, quy định. Hơn nữa, nội dung bồi dưỡng chưa có sự tích hợp hoặc gắn sát với thực tiễn hoạt động chuyên môn ở trường. Điều này cản trở khá lớn đến hiệu quả bồi dưỡng năng lực chuyên môn. Tuy nhiên, nếu chương trình, nội dung được đổi mới, hoàn thiện theo hướng tích hợp để giảm tải nội dung lý thuyết, chủ yếu yêu cầu phải học thuộc lòng, hoặc thiết kế theo từng vấn đề sát với thực tiễn giảng dạy ở nhà trường mầm non thì sẽ mang lại hiệu quả cao.

Cản trở thứ hai đến từ việc triển khai chuẩn đầu ra và xây dựng khung năng lực trong bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV, có 17/20 ý kiến cho rằng, một số trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện vẫn chưa có khung năng lực chuyên môn cụ thể cho GV nhà trường và chuẩn đầu ra cho hoạt động bồi dưỡng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động bồi dưỡng, do thiếu những căn cứ khoa học cho việc xác định các chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá năng lực sau khi kết thúc quá trình bồi dưỡng.

Tiếp theo là cản trở thứ ba đến từ người học, có 16/20 ý kiến cho rằng phương pháp và năng lực tự học của GV hiện nay vẫn còn có những hạn chế nhất định, nhất là tính tích cực trong tham gia các hoạt động học tập nhóm, trong học tập cá nhân. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập của cá nhân mà còn ảnh hưởng rất lớn đến kết quả làm việc của nhóm. Tuy nhiên, các ý kiến cũng cho rằng nếu quá trình bồi dưỡng, người dạy kết hợp chặt chẽ giữa trang bị kiến thức, kỹ năng với việc bồi dưỡng phương pháp học tập, tự học, cản trở này sẽ được khắc phục.

Cản trở thứ tư đến từ điều kiện đảm bảo, có 15/20 ý kiến cho rằng điều kiện đảm bảo cho bồi dưỡng năng lực chuyên môn đã được cải thiện đáng kể, song việc khai thác đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ vẫn còn

hạn chế, nhất là hệ thống lớp học, đồ dùng dạy học chuyên dùng. Bên cạnh đó, hệ thống giáo trình, tài liệu vẫn chưa đa dạng, một số tài liệu đã lạc hậu.

Cản trở thứ năm đến từ phía người bồi dưỡng, mặc dù chỉ có 09/20 ý cho rằng người bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV hiện nay bên cạnh những ưu điểm là chủ yếu, song một số kinh nghiệm thực tiễn chưa nhiều, việc nắm và vận dụng các phương pháp kỹ thuật dạy học tích cực chưa thật sự hiệu quả. Bên cạnh đó một số còn biểu hiện chủ nghĩa kinh nghiệm, ngại đổi mới trong quá trình bồi dưỡng.

Từ nghiên cứu định tính cho thấy mặc dù còn có một số cản trở nhất định, song nhìn chung những cản trở này là không lớn và chủ yếu đến từ các nhân tố chủ quan. Vì vậy, nếu các chủ thể bồi dưỡng nhận thức đúng, triển khai đồng bộ, linh hoạt thì bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ sẽ mang lại hiệu quả thiết thực.

4.3. Kết luận sau thực nghiệm

Lớp thực nghiệm đã có sự thay đổi theo hướng tích cực trên các bình diện cả về sự tiến bộ về kiến thức, kỹ năng, thái độ và một số năng lực cụ thể. Điều này được biểu hiện rõ nét ở ĐTB và sự phát triển năng lực ở các mức tốt và khá của LTN cao hơn so với LĐC giữa các lần thực nghiệm. Phép kiểm định T-test cho thấy, có sự khác biệt giữa LTN và LĐC, sự khác biệt này là kết quả của các tác động sư phạm.

Kết quả hai lần thực nghiệm không những phản ánh sự thay đổi tích cực của năng lực chuyên môn ở GV mà còn chứng minh cho tính hiệu quả, tính khả thi của biện pháp đã được đề xuất.

Đánh giá chung: Có thể khẳng định biện pháp chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ mà luận án đề xuất hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi cao trong thực tiễn quản lý giáo dục ở các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay.

Kết luận chương 4

Trên cơ sở đề xuất các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, tác giả tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm chứng giả thuyết khoa học, đối chiếu với thực tiễn đồng thời đánh giá hiệu quả của những biện pháp này khi đưa vào triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Thực nghiệm được tiến hành với biện pháp 2: “Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ” theo phương pháp thực nghiệm có đối chứng. Cơ sở thực nghiệm 1 (Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị), Cơ sở thực nghiệm 2 (Trường Mầm non B), đối tượng được lựa chọn thực nghiệm là GV đang công tác tại trường. Ở mỗi cơ sở thực nghiệm, lựa chọn đối tượng tổ chức thành LTN và LDC. Ở LTN và LDC các điều kiện, đặc điểm của đối tượng là khá tương đồng. Điểm khác biệt ở chỗ, ở LTN, chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV theo giáo án thực nghiệm của chuyên gia đã được tổ chức tập huấn, bồi dưỡng trên cơ sở xây dựng theo nội dung đã được xác định trong luận án. Ở LDC, các hoạt động chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV diễn ra như bình thường.

Trước khi tiến hành thực nghiệm, tác giả kiểm tra, đánh giá chất lượng đầu vào. Qua kết quả thu được, có thể thấy mức độ năng lực ban đầu của GV ở LTN1 và LDC1 đã đạt được ở mức độ nhất định. ĐTB các năng lực giữa hai lớp không có sự khác biệt đáng kể. Mặt khác, tiến hành kiểm định T-Test cho thấy không có sự khác biệt về ý nghĩa điểm trung bình trong lần kiểm tra vòng 1 (giữa LTN1-LDC1) trước khi tiến hành thực nghiệm.

Kết quả hai lần thực nghiệm không những phản ánh sự thay đổi tích cực của năng lực chuyên môn ở GV mà còn chứng minh cho tính hiệu quả, tính khả thi của biện pháp đã được đề xuất. Qua đó, có thể khẳng định biện pháp chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ mà luận án đề xuất hoàn toàn phù hợp và có tính khả thi cao trong thực tiễn quản lý giáo dục ở các trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu đề tài ***“Phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ”***, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1.1. Trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ đã có một số công trình của các tác giả trong và ngoài nước quan tâm, đề cập ở các góc độ, khía cạnh khác nhau. Từ các phân tích, có thể hiểu: Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ là quá trình chủ thể các cấp chủ động đưa ra các quyết định trong xác định mục tiêu, chương trình, kế hoạch nhằm làm cho nhà trường đủ điều kiện tự chủ về nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại để tổ chức hoạt động GD tiên tiến đem lại chất lượng, hiệu quả cao trong chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ theo tiêu chuẩn của trường CLC, đáp ứng nhu cầu xã hội. Nội dung phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ bao gồm: xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường phối hợp lực lượng phát triển trường; chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường; tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng và kết quả phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ chịu sự tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan tạo ra những thuận lợi nhưng không ít khó khăn đối với quá trình phát triển.

1.2. Giáo dục mầm non công lập của Hà Nội trong nhiều năm qua đã đạt được những thành tựu đáng kể, là một trong những địa phương có chất lượng hàng đầu về GD ở tất cả các cấp học. Giáo dục mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ bước đầu có sự khởi sắc, tạo dựng được uy tín và tầm ảnh hưởng với xã hội. Tuy nhiên, phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn nhiều khó khăn, bất cập như: Nhận thức về phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ còn chưa đầy đủ, chưa toàn diện, đặc biệt là ở khối các trường công lập, ngại thay đổi, ngại đổi mới; Số trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ phát triển chưa xứng tầm, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ nền GD tiên tiến của nhân dân thủ đô Hà Nội. Cơ chế chính sách chưa đồng bộ, chông chéo tạo khó khăn trong quá trình thực hiện, vì vậy số lượng

trường CLC theo chủ trương đến nay vẫn chưa đạt được. Đầu tư cơ sở vật chất không thay đổi, chưa có cơ chế tạo động lực để khuyến khích GV tiến lên CLC. Mô hình trường CLC khó nhân rộng và thực hiện đại trà, cần được nghiên cứu lại cho phù hợp với cả trường công lập và ngoài công lập, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội ở một số quận huyện ngoại thành Hà Nội; Nội dung, chương trình, phương thức quản lý theo quy định của các cơ quan quản lý giáo dục, chưa có tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chưa mạnh dạn đưa các nội dung chương trình quốc tế vào trường học. Trong những năm tới, với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế, văn hóa, xã hội, để bắt nhịp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, Hà Nội một mặt phải đảm bảo duy trì số lượng, đồng thời gia tăng chất lượng, hiệu quả hoạt động GD trong các nhà trường, đưa trình độ, năng lực của trẻ lên một mức cao hơn, xứng tầm với thủ đô trong thời kỳ mới.

1.3. Từ kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất hệ thống các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, gồm: Tổ chức điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện tiêu chí về trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Chỉ đạo bồi dưỡng năng lực chuyên môn cho GV đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Chỉ đạo phát triển chương trình GD đáp ứng yêu cầu của trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ; Hoàn thiện cơ chế, chính sách và điều kiện đảm bảo từng bước tự chủ cho phát triển trường mầm non công lập CLC; Tổ chức phối hợp các lực lượng trong phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ. Các biện pháp là một thể thống nhất, có quan hệ biện chứng với nhau, góp phần phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Tuy nhiên, mỗi biện pháp có vị trí, vai trò, ưu thế trong thúc đẩy phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Do đó, trong quá trình vận dụng, không tuyệt đối hóa, coi trọng hoặc xem nhẹ, cần vận dụng tổng hợp các biện pháp phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ.

1.4. Qua khảo nghiệm và thực nghiệm sư phạm cho thấy các biện pháp đề xuất có tính khả thi và hiệu quả, đã tác động mạnh mẽ đến phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ nói

chung, phát triển các yếu tố cấu thành trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng.

Từ kết quả nghiên cứu của luận án có thể khẳng định, các biện pháp đề xuất có tính thực tiễn và khả thi, nếu được đảm bảo trong các điều kiện đã xác định sẽ thúc đẩy mạnh mẽ phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, nâng cao chất lượng các trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ nói riêng, chất lượng GD mầm non của thủ đô Hà Nội nói chung, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD hiện nay.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với UBND Thành phố Hà Nội:

- UBND thành phố cần sớm hoàn thiện và công bố đề án quy hoạch phát triển GD của ngành GD mầm non; quy hoạch phát triển các trường mầm non công lập CLC; hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn trường mầm non CLC.

- Xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí công nhận và đạt chuẩn trường mầm non công lập chất lượng cao làm cơ sở để các trường mầm non phấn đấu đạt chuẩn và tiến hành kiểm định, đánh giá chất lượng....

- Đề xuất xin Thành phố chương trình GD mầm non Quốc tế cho các trường CLC để tạo sự khác biệt, có đào tạo chuyên giao chương trình và đội ngũ.

- Cho phép nhà trường được là thành viên Hội đồng tuyển dụng về mặt chuyên môn, tiến tới tự chủ về nhân sự.

- Tiếp tục đầu tư CSVC cho nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo. Hỗ trợ kinh phí trong trường hợp dịch bệnh kéo dài trẻ phải nghỉ học, nhà trường trong giai đoạn sửa chữa lớn, xây dựng không thu được học phí.

2.2. Đối với Sở GD&ĐT Hà Nội:

- Cho phép các nhà trường được chủ động điều chỉnh chế độ sinh hoạt phù hợp với sự phát triển của trẻ và phù hợp với các hoạt động trường công lập tự chủ CLC trong đó tăng cường thời lượng tiếp xúc với thiên nhiên, hoạt động tại phòng chức năng và các hoạt động ngoại khóa khác.

- Tổ chức tham quan, kiến tập các mô hình GD tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới. Định kỳ mời chuyên gia GDMN quốc tế bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ các trường CLC (với nguồn kinh phí do Thành phố hỗ trợ)

- Xây dựng bộ khung chương trình GD áp dụng riêng cho các trường mầm non CLC.

- Tiếp tục đầu tư CSVC cho nhà trường trong các giai đoạn tiếp theo. Hỗ trợ kinh phí trong trường hợp dịch bệnh kéo dài trẻ phải nghỉ học, nhà trường không thu được học phí.

- Mức thu học phí sẽ được thực hiện từ ngày 01 tháng 9 cho đến hết ngày 31 tháng 5 hàng năm. Nếu các bậc CMHS có nhu cầu cho con tham gia lớp trông giữ hè thì làm đơn tự nguyện, thỏa thuận với nhà trường theo mức hỗ trợ hè từ 500.000đ/tháng/HS trở lên, cộng mức thu hàng tháng đã được Sở GD&ĐT Hà Nội; duyệt trong năm học (học phí) để duy trì các hoạt động và dịch vụ như trong năm học. Các năm học tiếp theo sẽ căn cứ vào thực tế và hướng dẫn của cấp trên để nhà trường đề xuất mức thu phù hợp.

2.3. Đối với các trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đội ngũ GV cả trước mắt và lâu dài. Đa dạng hoá các hình thức bồi dưỡng để phát triển chất lượng đội ngũ GV thuộc quyền quản lý. Sử dụng đội ngũ GV đúng chuyên môn đào tạo, tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, phát hiện những nhân tố tích cực để xây dựng cán bộ kế cận.

Làm tốt công tác tuyên truyền, xã hội hóa GD ở địa phương nhằm tăng cường các nguồn lực, nâng cao chất lượng GD trẻ.

**DANH MỤC CÁC BÀI BÁO KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. **Đình Bích Hà, Thân Văn Quân** (2023), Phát triển đội ngũ giáo viên ở các trường mầm non công lập tại thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu mô hình chất lượng cao, *Tạp chí Giáo dục*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tập 23 (số đặc biệt 5), Tháng 6/2023, tr. 201-206, ISSN 2354 -0753.
2. **Đình Bích Hà, Thân Văn Quân** (2024), Quản lý thực hiện chương trình giáo dục ở các trường mầm non công lập tự chủ thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu mô hình chất lượng cao, *Tạp chí Giáo dục*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tập 24 (số đặc biệt 1), Tháng 1/2024, tr.129-135, ISSN 2354 -0753.
3. **Đình Bích Hà** (2025), Phương hướng, biện pháp phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, *Tạp chí Giáo chức Việt Nam*, Tháng 10/ 2025, ISSN 1859 - 2902.
4. **Thân Văn Quân, Đình Bích Hà** (2025), Phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn Thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, tập 21, số s2, năm 2025, tr.152-160, ISSN 2615-8957.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu Tiếng Việt

1. Nguyễn Như Ất (2005), "Dịch vụ giáo dục: Nhìn từ xu thế quốc tế", *Tạp chí Phát triển giáo dục*, số tháng 1/2005.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2024), *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.
4. Đặng Quốc Bảo (1998), *Tổng quan về tổ chức và quản lý*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
5. Đặng Quốc Bảo (2001), *Kinh tế giáo dục học: Một số vấn đề lý luận-thực tiễn và những ứng dụng vào xây dựng chiến lược giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Điều lệ trường mầm non*, ban hành kèm theo Thông tư Ban hành Điều lệ trường mầm non số 52/ TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT, ngày 13 tháng 04 năm 2021 về Ban hành chương trình giáo dục mầm non*, Hà Nội.
9. Nguyễn Phúc Châu (2010), *Quản lý nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Đại cương khoa học quản lý*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
11. Ngô Thượng Chính (2004), *Xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục mầm non và phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
12. Nguyễn Đức Chính (2002), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học*, Nxb ĐHQGHN, Hà Nội.

13. Chính phủ (2006), *Nghị định số 43/2006/NĐ –CP ngày 25/4/2006, quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
14. Chính phủ (2021), *Nghị định số 60/2021/NĐ –CP ngày 21/6/2021, quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng trung ương Đảng, Hà Nội.
16. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I,II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
17. Ngô Doãn Đãi (2004), “Vấn đề quyền tự chủ và trách nhiệm của các trường đại học trong đổi mới giáo dục đại học Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, hội nhập và thách thức*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội 3-2004.
18. Phạm Văn Đại (2012), *Quản lý Nhà nước cấp tỉnh đối với các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, trường Đại học giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
20. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
21. Nguyễn Công Giáp (2008), *Nghiên cứu các giải pháp quản lý giáo dục trong môi trường hội nhập WTO*, Học viện quản lý giáo dục, Hà Nội.
22. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Phạm Thị Hậu, Nguyễn Thị Oanh, Trần Thị Sinh (2012), *Giáo dục mầm non*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
24. Bùi Minh Hiền (2006) *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
25. Bùi Minh Hiền (Chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2009), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
26. Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2014), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

27. Nguyễn Vũ Bích Hiền (2012), “Các xu hướng phát triển chương trình đào tạo theo quan điểm lấy người học làm trung tâm”, *Tạp chí Khoa học (số 5/2012)*, tr.45-47.

28. Học viện Quản lý giáo dục (2018), "Quản trị trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục", *Hội thảo khoa học*, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.

29. Hội khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam (2009), “Nhà trường Việt Nam trong nền giáo dục tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Hà Nội.

30. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập I, Nxb từ điển Bách khoa, Hà Nội.

31. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập III, Nxb từ điển Bách khoa, Hà Nội.

32. Nguyễn Văn Khôi (2010), *Phát triển chương trình giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội

33. Trần Kiêm (2004), *Khoa học quản lý giáo dục - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

34. Trần Kiêm, Nguyễn Xuân Thúc (2012), *Giáo trình đại cương khoa học quản lý và quản lý giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

35. Đặng Bá Lãm (2005), *Quản lý nhà nước về giáo dục – Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

36. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2009), *Quản lý, lãnh đạo nhà trường thế kỷ 21*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

37. Lê Hà Minh (2017), "Phát triển trường cao đẳng nghề chất lượng cao trong bối cảnh đổi mới giáo dục nghề nghiệp", *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 146, tháng 11/2017, tr.68-72.

38. Phạm Thanh Nghị, Goyette K. (2019), *Higher Education Governance in Vietnam: Statism Versus Institutional Autonomy*. In: Jarvis D., Mok K. (eds). *Transformations in Higher Education Governance in Asia. Higher Education in Asia: Quality, Excellence and Governance*. Springer, Singapore. https://doi.org/10.1007/978-981-13-9294-8_10.

39. Quốc hội (2009), *Nghị quyết 35/2009-QH12 ngày 19/6/2009 về đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo cho phép thu phí trường chất lượng cao*, Hà Nội.

40. Quốc hội (2025), *Luật Thủ đô, Luật số: 39/2024/QH15, ngày 01 tháng 01 năm 2025*, Hà Nội.

41. Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

42. Vũ Trọng Rỹ (2010), “Phác thảo mô hình trường phổ thông Việt Nam sau 10-15 năm tới”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học 20 năm khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam: Thành tựu và triển vọng*, Hội khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam, Hà Nội

43. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh (2010), “Xây dựng trường học chất lượng cao vì một nền giáo dục tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Hội thảo khoa học*, Thành phố Hồ Chí Minh.

44. Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội (2022), *Báo cáo đánh giá kết quả 05 năm hoạt động trường mầm non công lập đạt tiêu chí chất lượng cao giai đoạn 2016 - 2021 và phương hướng thực hiện đến năm 2026*, Hà Nội.

45. Sunil Mani (2003), *Chính sách đổi mới của các nước đang phát triển trong thời kỳ tự do hóa kinh tế*, Hà Nội.

46. Đỗ Kiều Tâm (2017), *Quản lý phát triển trường trung học phổ thông chất lượng cao trong thời kỳ đổi mới*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện chính trị, Hà Nội.

47. Nguyễn Hồng Tây (2013), "Quản lý phát triển các trường cao đẳng nghề chất lượng cao theo tiếp cận mô hình Malcolm Baldrige Award", *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 96, tháng 9/2013, tr. 28-31.

48. Đào Trọng Thi (2017), *Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030*, Đề tài khoa học, Trường Đại học Giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.

49. Bùi Đức Thiệp (2005), *Giáo dục Trung Quốc và tiến trình gia nhập WTO*, Tạp chí Phát triển giáo dục số 7.2005.

50. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 1705/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 12 năm 2024, Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

51. Thái Duy Tuyên (2008), *Giáo dục học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

52. Bùi Kim Tuyền (2009), "Giáo dục mầm non chất lượng cao ở tiểu bang OIWA, Mỹ", *Tạp chí Khoa học giáo dục*, Số 46, tháng 7/2009, Tr.61-63.
53. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
54. Lê Xuân Trung (2019), Một số vấn đề về xây dựng trường trung học phổ thông chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kỳ 2 tháng 5/2019, tr 60-66.
55. Trường Mầm Non B (2022), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện mô hình trường mầm non chất lượng cao - từ năm 2017-2020 đến 2021-2022*, Hà Nội.
56. Trường Mầm Non B (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023 - 2024*, Hà Nội.
57. Trường Mẫu giáo Việt Triều Hữu Nghị, (2022), *Báo cáo sơ kết mô hình trường mầm non chất lượng cao giai đoạn 2017 - 2022*, Hà Nội.
58. Trường Mầm Non Mai Dịch, (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024*, Hà Nội.
59. Trường Mầm Non Việt Bun, (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024*, Hà Nội.
60. Trường Mầm Non Sài Đồng, (2024), *Báo cáo tổng kết năm học 2023-2024*, Hà Nội.
61. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND về “Ban hành quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao”*, ngày 24/6/2013, Hà Nội.
62. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2003), *Quyết định Số: 06/2003/QĐ-UB 10 tháng 01 năm 2003 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch phát triển giáo dục – đào tạo thủ đô Hà Nội đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
63. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định cụ thể tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao*, Hà Nội

64. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Quyết định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao*, Hà Nội.

65. Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội (2013), *Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội, về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Hà Nội.

66. Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và nhi đồng (2017), “Về chất lượng giáo dục phổ thông Việt Nam”, *Hội thảo khoa học giáo dục*, Quốc hội khóa XIV, tháng 9 năm 2017.

67. Trần Mai Ước (2013), “Năng lực cán bộ quản lý giáo dục- chìa khóa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo“, *Tạp chí Dạy và học ngày nay*, số 9, tr 9.

68. Đinh Văn Vang (1996), *Một số vấn đề về quản lý trường mầm non*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

69. Viện Ngôn ngữ học Việt Nam (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

70. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2005), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa – thông tin, Hà Nội.

B. Tài liệu Tiếng Anh

71. Alexandra Birusikova, Janet Bohrer, Ivana Borosic (2010), *Quality Assurance in Postgraduate Education*. ENQA Workshop. Helsinki, Finland.

72. E. Balbachevsky (2004), “*Brazilian Postgraduate Education: emerging challenges to a successful policy*”. Oxford Symposium Books.

73. Christ Lehmann, Zac Chase (2015), *Building School 2.0*, Nxb John Wiley & Sons, New Jersey.

74. TE Deal và KD Peterson (2009), "Shaping School Culture: Pitfalls, Paradoxes, & Promises [Configuración de la cultura escolar: Dificultades, paradojas y promesas]", *San Francisco: Josey-Bass*.

75. Jones, G.A., (1996). *Conceptions of Quality and the Challenges of Quality Improvement in Higher Education*: Ontario Institute for studies in Education of the University of Toronto, Toronto, Canada.

76. Joanna Le Métails (2003), *International developments in upper secondary education: context, provision and issues*, National Council for Curriculum and Assessment Dublin.

77. Jennifer L DePaoli, Robert Balfanz và John Bridgeland (2016), "Building a Grad Nation: Progress and Challenge in Raising High School Graduation Rates. Annual Update 2016", *Civic Enterprises*.

78. Christopher Ziguras (2003), *The impact of the GATS on transnational tertiary education : comparing experiences of New Zealand, Australia, Singapore and Malaysia*, the Australian Educational Researches, Volume 30, Number 3, December 2003.

79. Chourci Nazli (2007), *The Politics of Knowledge management*, UNESCO Forum.

80. Education in Thailand, 2001 – 2002, Office of the National Education Commission.

81. Education in Contemporary China, UNESCO-PROAP, Human Education Publishing House.

82. Harman G.S. 1984, Handling Education Policy at the State Level in Australia and America, *Comparative Education review* 29 (1), 22-46.

83. Haddad W.D.1994, *The Dynamics of Education Policymaking – Case Studies of Burkina Faso, Jordan, Peru and Thailand*. The World Bank. Washington. D.C.

84. Ng. Pak Tee (2003), The Singapore School and the School Excellence Model, *Educational Research for Policy and Practice*, 2(1), 27-39.

85. Peter M Senge và các cộng sự. (2012), *Schools that learn (updated and revised): A fifth discipline fieldbook for educators, parents, and everyone who cares about education*, Crown Publishing Group, Danvers.

86. The Essence of S&T strategy in the 9th National Economic and Social Development Plan of Thailand, Hội nghị Ủy ban hỗn hợp về KH-CN Việt Nam – Thái Lan, Hà Nội, 2003.

87. TE Deal và KD Peterson (2009), "Shaping School Culture: Pitfalls, Paradoxes, & Promises [Configuración de la cultura escolar: Dificultades, paradojas y promesas]", *San Francisco: Josey-Bass*.

PHỤ LỤC
Phụ lục 1
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dùng cho cán bộ QLGD, giáo viên)

Thầy/Cô kính mến!

Để đánh giá khách quan thực trạng, có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp góp phần phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao (CLC) trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các nội dung dưới đây (xác định bằng cách đánh x vào ô mà Thầy/Cô lựa chọn). Mọi thông tin trong phiếu trưng cầu ý kiến này chỉ sử dụng với mục đích nghiên cứu khoa học.

I. Thực trạng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Câu 1: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2					
02	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC					
03	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên					
04	Tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên					
05	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị					
06	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC					
07	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ					

Câu 2: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ					
02	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả					
03	GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường					

Câu 3: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại					
02	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ					
03	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng					
04	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo					
05	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa					

Câu 4: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng phương pháp giảng dạy của giáo viên.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động					
02	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại					
03	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt					
04	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân					
05	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm					
06	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng					

Câu 5: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chất các dịch vụ giáo dục chất lượng cao của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh					
02	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín					
03	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội					
04	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên					
05	Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội					

Câu 6: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Về cơ sở vật chất					
02	Về chất lượng đội ngũ					
03	Về chương trình giảng dạy					
04	Về phương pháp giảng dạy					
05	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao					

II. Thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Câu 7: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng nhận thức về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

a) Sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Rất cần thiết

Cần thiết

Bình thường

Ít cần thiết

Không cần thiết

b) Trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ là loại hình trường

TT	Nội dung	Mức độ				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
01	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao					
02	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2					
03	Trường quốc tế					
04	Chất lượng vượt trội					
05	Đội ngũ vượt trội					
06	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại					
07	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại					

Câu 8: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường					
02	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi					
03	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ					
04	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy					
05	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy					
06	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng					
07	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp					
08	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn					
09	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp					

10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ					
11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ					
12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ					
13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC					

Câu 9: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ					
02	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ					
03	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC					
04	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC					
05	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại					
06	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp					
07	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
08	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
09	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch					

Câu 10: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
02	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường					
03	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban					
04	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp					
05	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					

Câu 11: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường					
02	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường					
03	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội					
04	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực					
05	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước					

Câu 12: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Mục đích kiểm tra, đánh giá					
02	Nội dung kiểm tra, đánh giá					
03	Loại hình kiểm tra, đánh giá					
04	Phương pháp kiểm tra, đánh giá					
05	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá					

Câu 13: Thầy/Cô vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng các yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tác động rất mạnh	Tác động mạnh	Tác động	Ít tác động	Không tác động
01	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao					
02	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ					
03	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao					
04	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
05	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ					

Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

Trình độ chuyên môn: Năm Sinh:
Số năm công tác..... Chức vụ hiện nay:

Xin cảm ơn Thầy/Cô

Phụ lục 2
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dùng cho cha (mẹ) học sinh)

Anh/Chị thân mến!

Để đánh giá khách quan thực trạng, có cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp góp phần phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao (CLC) trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ. Xin anh (chị) vui lòng cho biết ý kiến của mình vào các nội dung dưới đây (xác định bằng cách đánh x vào ô mà anh (chị) lựa chọn). Mọi thông tin trong phiếu trưng cầu ý kiến này chỉ sử dụng với mục đích nghiên cứu khoa học.

I. Thực trạng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Câu 1: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2					
02	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC					
03	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên					
04	tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên					
05	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị					
06	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC					
	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ					

Câu 2: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng giáo viên và cán bộ					
02	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, giáo viên làm việc thuận lợi và hiệu quả					
03	Giáo viên có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường					

Câu 3: Đánh giá của Anh/Chị về thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại					
02	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ					
03	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng					
04	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo					
05	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa					

Câu 4: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng phương pháp giảng dạy của giáo viên.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động					
02	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại					
03	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt					
04	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân					
05	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm					
06	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng					

Câu 5: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chất các dịch vụ giáo dục chất lượng cao của nhà trường.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh					
02	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín					
03	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội					
04	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên					
05	Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội					

Câu 6: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Về cơ sở vật chất					
02	Về chất lượng đội ngũ					
03	Về chương trình giảng dạy					
04	Về phương pháp giảng dạy					
05	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao					

II. Thực trạng phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Câu 7: Đánh giá của Anh/Chị về thực trạng nhận thức về phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

a) Sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

- Rất cần thiết
- Cần thiết
- Bình thường
- Ít cần thiết
- Không cần thiết

b) Trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ là loại hình trường ...

TT	Nội dung	Mức độ				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
01	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao					
02	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2					
03	Trường quốc tế					
04	Chất lượng vượt trội					
05	Đội ngũ vượt trội					
06	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại					
07	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại					

Câu 8: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường					
02	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi					
03	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ					
04	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy					
05	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy					
06	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng					
07	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp					
08	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn					
09	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp					
10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ					
11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ					
12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ					
13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC					

Câu 9: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ					
02	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ					
03	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC					
04	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC					
05	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại					
06	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp					
07	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
08	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
09	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch					

Câu 10: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
02	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường					
03	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban					
04	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp					
05	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					

Câu 11: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường					
02	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường					
03	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội					
04	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực					
05	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước					

Câu 12: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
01	Mục đích kiểm tra, đánh giá					
02	Nội dung kiểm tra, đánh giá					
03	Loại hình kiểm tra, đánh giá					
04	Phương pháp kiểm tra, đánh giá					
05	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá					

Câu 13: Anh/Chị vui lòng cho biết ý kiến đánh giá của mình về thực trạng các yếu tố tác động tới phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ.

TT	Nội dung	Mức độ				
		Tác động rất mạnh	Tác động mạnh	Tác động	Ít tác động	Không tác động
01	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao					
02	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ					
03	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao					
04	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ					
05	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ					

Xin cảm ơn Anh/Chị!

Phụ lục 3
PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho cán bộ QLGD, giáo viên)

1. Địa điểm phỏng vấn:.....
2. Ngày.....tháng.....năm..... phỏng vấn.
3. Số lần phỏng vấn:.....
4. Người chủ trì cuộc phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Họ tên:.....Giới tính:.....

Trường:.....Trình độ:.....

Xoay quanh vấn đề phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, xin thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về những nội dung sau:

1. Thầy (cô) hiểu như thế nào là trường mầm non công lập chất lượng cao? Phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao?
2. Theo thầy (cô), có thật sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ ở địa bàn thành phố Hà Nội không? Tại sao?
3. Theo thầy (cô), việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?
4. Theo thầy (cô), việc xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?
5. Theo thầy (cô), việc khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?
6. Theo thầy (cô), phẩm chất, năng lực của các chủ thể của cán bộ QLGD, giáo viên có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ?
7. Nhà trường có quan tâm, động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên xây dựng nhà trường chất lượng cao theo hướng tự chủ không?

Xin cảm ơn sự hợp tác của Thầy/Cô!

Phụ lục 4
PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho cha (mẹ) học sinh)

1. Địa điểm phỏng vấn:.....
2. Ngày.....tháng.....năm..... phỏng vấn.
3. Số lần phỏng vấn:.....
4. Người chủ trì cuộc phỏng vấn:.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Họ tên:..... Giới tính:.....

Phụ huynh của con lớp mấy tuổi:.....

Xoay quanh vấn đề phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ, xin thầy/cô vui lòng cho biết ý kiến của mình về những nội dung sau:

1. Anh (chị) hiểu như thế nào là trường mầm non công lập chất lượng cao? Phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao?

2. Theo anh (chị), có thật sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ ở địa bàn thành phố Hà Nội không? Tại sao?

3. Theo anh (chị), việc xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?

4. Theo anh (chị), việc xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?

5. Theo anh (chị), việc khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ hiện nay như thế nào?

6. Theo anh (chị), phẩm chất, năng lực của các chủ thể của cán bộ QLGD, giáo viên có ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ?

7. Nhà trường có quan tâm, động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên xây dựng nhà trường chất lượng cao theo hướng tự chủ không?

Xin cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

Phụ lục 5
KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP
CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

TT	Tên trường	Khái quát chung về nhà trường
1	Trường Mầm non Việt Triều Hữu Nghị (trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)	<p>Được thành lập ngày 08/3/1978 theo Quyết định số: 987/VX ngày 14/10/1977 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, là trường mầm non trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tháng 2/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành 1200/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 về việc công nhận Trường mẫu giáo Việt Triều Hữu Nghị đạt tiêu chí chất lượng cao.</p> <p>Diện tích đất của trường: 3970 m². Diện tích sàn xây dựng: 5.500m². Diện tích sân chơi: 3.200m²/625 trẻ đạt tỷ lệ 5.1 m²/trẻ. Diện tích mặt bằng sử dụng của trường bình quân: 7970 m² /625 trẻ - bình quân 12,8 m²/trẻ 17 phòng học và 6 phòng chức năng. Số lớp: 17 lớp; số trẻ: 625; bình quân 35 trẻ/lớp. Trường có 17 lớp học, mỗi lớp có diện tích từ 100-110 m² đảm bảo cho mỗi trẻ hoạt động trên diện tích từ (2,7 - 3m²/trẻ) trong khi tiêu chí trường CLC yêu cầu 2m²/trẻ.</p> <p>Trường có 03 cán bộ QLGD, nhân viên 23 người; tổng số 57 GV được phân bố vào các lớp, đảm bảo đủ GV theo quy định của trường CLC 3- 4GV/ lớp. So với tiêu chí, số trẻ trên một lớp cao hơn từ 5-10 cháu. Do tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt từ 85-90%, số trẻ/lớp/ngày so với tiêu chí trường CLC vẫn đảm bảo (khoảng từ 28 đến 33 trẻ/1 lớp).</p>
2	Trường Mầm non 20-10	<p>Trường Mầm non 20 - 10, được thành lập từ năm 1963 theo quyết định của Thành hội Phụ nữ Hà Nội với nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu mầm non. Từ ngày 11/7/2014 trường được UBND Thành phố Hà Nội ra quyết định công nhận Trường Mầm non 20 -10 là trường Mầm non công lập chất lượng cao, thực hiện từ năm học 2014-2015. Trải qua hơn 60 năm phấn đấu và trưởng thành nhà trường là đơn vị luôn đi đầu trong việc thực hiện thí điểm các chương trình giáo dục mầm non của Bộ, Sở GD&ĐT Hà Nội; luôn đi đầu xây dựng điểm các mô hình trường mầm non trong thành phố và toàn quốc. Trường Mầm non 20 -10 nằm tại địa điểm giữa phường Trần Hưng Đạo và phường Cửa Nam. Khuôn viên trường rộng rãi với diện tích mặt bằng là 4530 m². Trường hiện có 18 lớp học, khu bếp ăn riêng biệt trên</p>

		tầng 4, sân chơi rộng rãi, thoáng mát, nhiều cây xanh cho trẻ, nhà đa năng với các phòng học chức năng phù hợp với từng bộ môn chuyên đáp ứng yêu cầu mô hình trường mầm non chất lượng cao. Cùng với sự đầu tư của Sở GD&ĐT Hà Nội, phường Hoàn Kiếm, trong nhiều năm qua, nhà trường không ngừng tự cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất để có điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc - giáo dục trẻ.
3	Trường Mầm non B (trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)	<p>Được thành lập ngày 10/9/1979 theo quyết định số 148/TCCB của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, được sự lãnh đạo trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Ngày 26/12/2016 nhà trường được công nhận là trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và trường chất lượng cao.</p> <p>Toàn trường có 53 CB, GV, NV trong đó GV là 39 người; nhân viên 11 người; CBQL 3 người. 100% cán bộ, GV, nhân viên đều được đào tạo qua chuyên môn Sư phạm, Trung cấp nghề, có trình độ nhận thức xã hội tốt.</p> <p>Trường có 15 lớp học với 300 trẻ, trung bình 20 cháu/ lớp; mỗi lớp có từ 3 - 4 GV phụ trách chăm sóc, GD trẻ.</p>
4	Trường Mầm non Việt Bun	<p>Được thành lập ngày 23/12/1981 theo Quyết định số 322/QĐ/TC ngày 23/12/1981 của UBND Thành phố Hà Nội. Trường do nước bạn Bulgaria giúp Việt Nam xây dựng với tổng diện tích mặt bằng 6565m². Trường gồm 18 lớp học với 12 phòng chức năng, bếp ăn 1 chiều, 3 sân chơi rộng rãi, thoáng mát, xanh - sạch - đẹp, 1 bể bơi để các cháu tham gia bơi rèn luyện sức khỏe trong dịp hè, 1 “Vườn rau của bé” để các cháu khối MG trồng và chăm sóc rau hàng ngày ...</p> <p>Từ năm 2009 nhà trường thực hiện thí điểm mô hình cung ứng dịch vụ chất lượng cao theo nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ “quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”; Năm học 2014-2015 trường thực hiện thí điểm CLC theo quyết định số 5445/QĐ-UBND Ngày 22 tháng 10 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội. Trường có 18 lớp học với 522 trẻ với các độ tuổi từ 24- 72 tháng, 71 cán bộ - GV - nhân viên (62 biên chế, 07 hợp đồng với Quận và 02 hợp đồng bảo vệ). Tỷ lệ GV đạt chuẩn 100%, trong đó có 41/50 GV có trình độ đạt trên chuẩn 82%. Năm 2014 trường đã được UBND quận Hai Bà Trưng quan tâm cho cải tạo sửa chữa,</p>

		<p>mở rộng diện tích rộng, đẹp với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo hướng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và trường chất lượng cao phục vụ việc chăm sóc - GD trẻ. Năm 2015 Nhà trường đã được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 (mức độ cao nhất hiện nay) và Kiểm định chất lượng GD đạt cấp độ 3 (cấp độ cao nhất).</p>
5	<p>Trường Mầm non Mai Dịch</p>	<p>Được thành lập vào ngày 1 tháng 9 năm 2007, là một trong 7 trường mầm non chất lượng cao của Thành phố, với cam kết mang đến một môi trường giáo dục an toàn và phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ. Nhà trường tự hào thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đồng thời áp dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học tiên tiến từ các trường danh tiếng như Unis và Temtubo ở Thụy Điển, cùng với các phương pháp giáo dục đặc biệt như STEM, STEAM, Reggio Emilia ...</p> <p>Trường có tổng cộng 22 phòng học và chức năng, được thiết kế và trang bị đầy đủ tiện nghi để phục vụ cho quá trình giảng dạy, học tập của trẻ em. Trường tuân thủ mọi quy định và tiêu chuẩn về cơ sở vật chất được đưa ra bởi Bộ Giáo dục & Đào tạo, đảm bảo rằng môi trường học tập là hoàn hảo lẫn an toàn cho sự phát triển của trẻ em.</p>
6	<p>Trường Mầm non Đô thị Việt Hưng</p>	<p>Được thành lập theo đề án số 800/ĐA-UBND ngày 17/4/2014 và quyết định số 8090/QĐ-UBND ngày 28/10/2014 của UBND quận Long Biên với mục tiêu xây dựng "Trường mầm non Công lập Chất lượng cao" nhằm thực hiện luật Thủ đô, từng bước đáp ứng nhu cầu cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng cao của nhân dân trên địa bàn Quận Long Biên.</p> <p>Ngày 05/01/2015 trường chính thức đi vào hoạt động. Trường được xây dựng theo quy mô hiện đại với tổng diện tích 8.896 m², cao 3 tầng gồm 20 phòng học và các phòng chức năng như: Phòng Âm nhạc, Thể chất, Tiếng Anh Eduplay, Tạo hình, Thư viện, Kidsmart, Sáng tạo, Gymkids, Đàn, Montessori ... luôn hấp dẫn trẻ. Nhà trường chú trọng công tác nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn cho trẻ. Giáo dục trẻ phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội, thẩm mỹ nhằm phát huy tối đa khả năng vốn có của trẻ. Trẻ khỏe mạnh, năng động, tự tin, thông minh, sáng tạo với chương trình chuyên sâu vào lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã</p>

		<p>hội cho trẻ. Đáp ứng nhu cầu giáo dục chất lượng cao của cha mẹ trẻ. Chuẩn bị tốt việc học tập cho trẻ giai đoạn tiếp theo.</p>
7	<p>Trường Mầm non Đô thị Sài Đồng</p>	<p>Được thành lập ngày 13/6/2013, là trường mầm non chất lượng cao đầu tiên của quận Long Biên và thành phố Hà Nội.</p> <p>Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường chất lượng cao và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, nhiều năm được công nhận mô hình trường học điện tử. Là trường điểm trong chuyên đề: Xây dựng môi trường học tập lấy trẻ làm trung tâm và các mô hình giáo dục tiên tiến UNIS, STEAM, MONTESSORI...</p> <p>Với phương châm “Hãy để trẻ làm-không làm hộ trẻ”, cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường luôn tìm hiểu mức độ phát triển và mục tiêu cần đạt của trẻ ở các độ tuổi, xác định rõ nhu cầu, sở thích của từng trẻ để đưa ra các mục tiêu, hình thức giáo dục phù hợp, kích thích tư duy, sự chủ động của trẻ. Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, tiếp xúc với thiên nhiên, khám phá trải nghiệm hấp dẫn luôn thu hút trẻ tham gia. Ngoài ra, trẻ còn được tham gia chương trình bổ sung nâng cao do giáo viên dạy chuyên biệt dạy như: Tiếng Anh, tạo hình, âm nhạc, yoga, bơi lội, Gymkids... Nhà trường tổ chức các hoạt động tham quan dã ngoại, trải nghiệm có ý nghĩa quan trọng nhằm giúp trẻ mở rộng vốn hiểu biết về thế giới xung quanh cũng như cơ hội để trẻ phát triển toàn diện.</p>

Phụ lục 6

**KHUNG NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CƠ BẢN
CỦA GIÁO VIÊN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO THEO
HƯỚNG TỰ CHỦ**

*** Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp
- Năng lực làm việc nhóm
- Năng lực tự học và phát triển bản thân
- Năng lực sáng tạo và đổi mới

*** Năng lực chuyên môn nghiệp vụ** (Liên quan trực tiếp đến công việc giảng dạy và phát triển trẻ em):

- Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại
- Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy
- Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học;
- Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại
- Năng lực quản lý lớp học
- Năng lực phát triển chương trình giáo dục

TT	Năng lực	Khung năng lực tối thiểu
NĂNG LỰC CHUNG		
1	Năng lực giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu đạt rõ ràng, mạch lạc ý nghĩ, tình cảm bằng lời nói và chữ viết - Thấu hiểu được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của trẻ, tạo lập được niềm tin trong giao tiếp - Chủ động, tự tin trong giao tiếp, kiểm soát được
2	Năng lực làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày ý kiến một cách dễ hiểu, có trọng tâm; tôn trọng và tiếp thu ý kiến đa chiều - Nắm vững nhiệm vụ của mình trong nhóm để làm việc hiệu quả, đáp ứng tiến độ chung của nhóm - Giúp đỡ đồng nghiệp khi gặp khó khăn, có tinh thần hỗ trợ, tạo động lực cho nhau trong công việc.

3	Năng lực tự học và phát triển bản thân	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những nội dung tự học, tự giáo dục; có nhu cầu, động cơ, hứng thú trong học tập - Lựa chọn tài liệu, nội dung trong tự học, tự giáo dục phù hợp - Lựa chọn các phương pháp, hình thức tự học, tự giáo dục hiệu quả
4	Năng lực sáng tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm tòi, đổi mới và vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, hoạt động giáo dục để kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ. - Xây dựng môi trường học tập kích thích sáng tạo, khuyến khích trẻ tư duy sáng tạo - Tích cực tìm tòi, ứng dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ vào giảng dạy trẻ
NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ		
1	Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về dinh dưỡng và sức khỏe trẻ em - Xây dựng chế độ ăn uống hợp lý - Theo dõi sức khỏe và phát hiện sớm dấu hiệu bất thường - Hướng dẫn trẻ hình thành thói quen sinh hoạt lành mạnh - Hỗ trợ trẻ phát triển toàn diện
2	Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định nội dung dạy học, giáo dục - Thiết kế bố cục bài dạy - Phân chia thời gian khoa học, hợp lý trong dạy học, giáo dục - Thiết kế hoạt động dạy học, giáo dục - Xác định tài liệu, cơ sở vật chất dạy học, giáo dục

3	Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế hoạt động đa dạng, kết hợp giữa học và chơi để kích thích sự hứng thú của trẻ - Tổ chức hoạt động giáo dục một cách linh hoạt và sáng tạo - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, dã ngoại giúp trẻ tiếp cận thực tế - Dự đoán các tình huống có thể xảy ra và có phương án điều chỉnh linh hoạt - Thường xuyên đánh giá, điều chỉnh các hoạt động
4	Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến: Montessori, STEAM, Học qua chơi ... - Kết hợp video, tranh ảnh, mô hình 3D, vật thật để làm phong phú bài học - Sử dụng bảng thông minh, máy chiếu để hỗ trợ giảng dạy trực quan, sinh động - Khuyến khích trẻ tự khám phá, trải nghiệm và giải quyết vấn đề - Điều chỉnh phương pháp dạy học dựa trên sự tiến bộ của trẻ
5	Năng lực quản lý lớp học	<ul style="list-style-type: none"> - Lập thời gian biểu khoa học, cân đối giữa học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi - Sắp xếp khu vực học tập, vui chơi, ăn uống, nghỉ ngơi một cách khoa học - Trang trí lớp học hấp dẫn, sử dụng bảng biểu, hình ảnh sinh động giúp trẻ hứng thú với học tập - Hướng dẫn trẻ tuân thủ nội quy, duy trì kỷ luật lớp học một cách nhẹ nhàng, khuyến khích trẻ tự giác - Quan sát, phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường về hành vi, cảm xúc của trẻ

6	<p>Năng lực phát triển chương trình giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế chương trình giáo dục phù hợp, bám sát khung chương trình chuẩn - Lựa chọn nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với từng độ tuổi - Quan sát sự tiến bộ của trẻ, từ đó điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy - Thu thập phản hồi từ trẻ, phụ huynh và đồng nghiệp để cải thiện chương trình - Cập nhật các xu hướng giáo dục mới, đảm bảo chương trình giảng dạy không bị lạc hậu
---	--	--

Phụ lục 7
BÀI KIỂM TRA TRƯỚC KHI THỰC NGHIỆM

TRƯỜNG

.....

PHIẾU KIỂM TRA**(Dùng cho thực nghiệm)**

Học kỳ 1 - Năm học 2024 - 2025

Môn thi: Đánh giá năng lực

Thời gian làm bài: 60 phút

Họ và tên: Ngày sinh:

Lớp.....

I- Câu hỏi trắc nghiệm

Thầy (Cô) hãy lựa chọn một phương án đúng nhất trong các phương án trả lời dưới đây, bằng cách đánh dấu X vào tương ứng.

Câu 1: Khi xây dựng thực đơn cho trẻ mầm non, yếu tố nào quan trọng nhất?A. Đảm bảo lượng calo đầy đủ. B. Đa dạng thực phẩm, cân bằng dinh dưỡng theo lứa tuổi. C. Chọn thực phẩm theo sở thích của trẻ. D. Chỉ sử dụng thực phẩm hữu cơ. **Câu 2:** Khi xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo viên cần ưu tiên điều gì?A. Soạn giáo án theo khuôn mẫu có sẵn. B. Đáp ứng khả năng nhận thức của từng trẻ. C. Tập trung vào nội dung lý thuyết hơn thực hành. D. Chỉ áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại. **Câu 3:** Khi tổ chức hoạt động ngoài trời, điều gì giúp nâng cao hiệu quả giáo dục?A. Để trẻ tự do chơi theo sở thích. B. Có kịch bản hoạt động rõ ràng với mục tiêu giáo dục cụ thể. C. Chỉ tổ chức các trò chơi đơn giản. D. Không cần sự hướng dẫn của giáo viên.

Câu 4: Trong các phương pháp giảng dạy sau, phương pháp nào giúp trẻ tự khám phá tốt nhất?

A. Phương pháp Montessori. B. Phương pháp đọc - nghe. C. Phương pháp thuyết trình. D. Tất cả phương án trên **Câu 5:** Đây là yếu tố quan trọng khi sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại?A. Tích hợp phương pháp hiện đại với đặc điểm tâm lý trẻ. B. Sử dụng càng nhiều công nghệ càng tốt. C. Loại bỏ hoàn toàn phương pháp truyền thống.

D. Chỉ áp dụng phương pháp hiện đại mà không điều chỉnh.

Câu 6: Khi trẻ biếng ăn, giáo viên cần làm gì?

A. Ép trẻ ăn hết khẩu phần.

B. Khuyến khích trẻ bằng cách tạo môi trường ăn uống vui vẻ, hấp dẫn.

C. Thay đổi thực đơn theo yêu cầu của trẻ.

D. Không quan tâm, để trẻ tự quyết định.

Câu 7: Một kế hoạch giảng dạy hiệu quả cần có yếu tố nào?

A. Đáp ứng sự phát triển tâm lý và nhận thức của trẻ.

B. Phải theo đúng sách giáo khoa, không thay đổi.

C. Chỉ sử dụng tài liệu chuẩn, không cần sáng tạo.

D. Phải có nhiều nội dung lý thuyết hơn thực hành.

Câu 8: Khi tổ chức trò chơi giáo dục, giáo viên cần làm gì?

A. Quan sát trẻ chơi mà không can thiệp.

B. Đặt mục tiêu giáo dục rõ ràng và điều chỉnh trò chơi linh hoạt.

C. Chỉ sử dụng trò chơi có sẵn trong chương trình.

D. Để trẻ tự chơi theo ý thích, không cần hướng dẫn.

Câu 9: Đây là yếu tố quan trọng nhất khi áp dụng phương pháp Montessori?

A. Sử dụng đầy đủ giáo cụ Montessori.

B. Khuyến khích trẻ tự học, tự khám phá.

C. Giáo viên giảng dạy theo phương pháp truyền thống nhưng có thêm giáo cụ.

D. Học sinh phải làm đúng theo hướng dẫn của giáo viên.

Câu 10. Khi trẻ không hứng thú với bài học, giáo viên nên làm gì?

A. Tiếp tục giảng dạy như bình thường.

B. Điều chỉnh phương pháp giảng dạy, tạo sự tương tác và hấp dẫn hơn.

C. Phạt trẻ để tạo sự chú ý.

D. Bỏ qua trẻ không tập trung, chỉ dạy những trẻ có hứng thú.

II- Bài tập tình huống

Tình huống 1: Bạn được giao tổ chức một hoạt động giáo dục theo chủ đề “*Khám phá thế giới động vật*” cho trẻ 4-5 tuổi. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, trẻ tỏ ra không tập trung và mất hứng thú. Bạn sẽ làm gì để khắc phục tình trạng này và giúp trẻ tham gia tích cực hơn?

Tình huống 2: Trên cương vị là giáo viên dạy trẻ 4-5 tuổi, hãy trình bày cách bạn lập kế hoạch giảng dạy và phương pháp áp dụng để tối ưu hiệu quả học tập của trẻ.

----- HẾT -----

Phụ lục 8**RUBRIC ĐÁNH GIÁ CÁC NĂNG LỰC XÁC ĐỊNH TRONG BÀI KIỂM TRA ĐÀU VÀO THỰC NGHIỆM**

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Điểm				
		1	2	3	4	5
1. Năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ một cách khoa học, hiện đại	Hiểu biết về dinh dưỡng và sức khỏe trẻ	Chưa nắm được các nguyên tắc cơ bản về dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ.	Có hiểu biết sơ lược nhưng chưa áp dụng tốt vào thực tế.	Nắm được các nguyên tắc dinh dưỡng nhưng áp dụng chưa linh hoạt.	Vận dụng tốt kiến thức dinh dưỡng vào thực đơn và chăm sóc trẻ.	Có khả năng tư vấn, xây dựng kế hoạch dinh dưỡng phù hợp cho trẻ theo độ tuổi.
	Biết cách xử lý các tình huống liên quan đến ăn uống, giấc ngủ của trẻ	Chưa biết cách xử lý hoặc xử lý sai.	Đưa ra giải pháp nhưng chưa phù hợp với tâm lý trẻ.	Xử lý đúng nhưng chưa linh hoạt.	Xử lý tốt, linh hoạt theo tình huống.	Xử lý sáng tạo, giúp trẻ thích nghi tốt và phát triển thói quen lành mạnh.
2. Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	Xác định mục tiêu giảng dạy	Không xác định được mục tiêu rõ ràng.	Xác định mục tiêu nhưng chưa phù hợp với độ tuổi trẻ.	Mục tiêu phù hợp nhưng chưa cụ thể.	Mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sự phát triển của trẻ.	Mục tiêu rất rõ ràng, có thể đo lường và đánh giá được.
	Thiết kế nội dung bài giảng	Nội dung không phù hợp, thiếu khoa học.	Nội dung có bố cục nhưng chưa hợp lý.	Nội dung hợp lý nhưng chưa sáng tạo.	Nội dung phong phú, hấp dẫn, phù hợp với trẻ.	Nội dung sáng tạo, lôi cuốn và linh hoạt theo từng đối tượng trẻ.
3. Năng lực tổ chức các hoạt động	Lập kế hoạch tổ chức hoạt động	Không có kế hoạch rõ ràng.	Kế hoạch sơ sài, chưa có tính logic.	Có kế hoạch nhưng chưa linh	Kế hoạch khoa học, phù hợp với trẻ.	Kế hoạch sáng tạo, có thể linh hoạt theo

giáo dục trẻ khoa học				hoạt.		tình huống thực tế.
	Khả năng hướng dẫn và điều phối hoạt động	Không hướng dẫn được hoặc hướng dẫn sai.	Hướng dẫn nhưng trẻ khó hiểu, khó thực hiện.	Hướng dẫn tốt nhưng chưa thực sự thu hút trẻ.	Hướng dẫn rõ ràng, giúp trẻ hứng thú.	Hướng dẫn hấp dẫn, khuyến khích sự tham gia chủ động của trẻ.
4. Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	Ứng dụng công nghệ và phương pháp tiên tiến	Không áp dụng hoặc áp dụng sai.	Áp dụng nhưng chưa phù hợp với độ tuổi trẻ.	Áp dụng đúng nhưng chưa sáng tạo.	Áp dụng hiệu quả, giúp trẻ tiếp thu tốt.	Sử dụng công nghệ sáng tạo, tối ưu hóa quá trình học tập của trẻ.
	Khả năng điều chỉnh phương pháp giảng dạy theo đối tượng trẻ	Không điều chỉnh hoặc điều chỉnh không phù hợp.	Điều chỉnh nhưng chưa hiệu quả.	Điều chỉnh phù hợp nhưng chưa linh hoạt.	Điều chỉnh linh hoạt theo đặc điểm tâm lý của trẻ.	Điều chỉnh sáng tạo, giúp trẻ phát huy tối đa tiềm năng.

Phụ lục 9

BÀI KIỂM TRA SAU KHI THỰC NGHIỆM

TRƯỜNG

.....

PHIẾU KIỂM TRA

(Dùng cho thực nghiệm)

Học kỳ 2 - Năm học 2024 - 2025

Môn thi: Đánh giá năng lực

Thời gian làm bài: 60 phút

Họ và tên: *Ngày sinh:*

Lớp:

I- Câu hỏi trắc nghiệm

Thầy (Cô) hãy lựa chọn một phương án đúng nhất trong các phương án trả lời dưới đây, bằng cách đánh dấu X tương ứng.

Câu 1: Một chế độ dinh dưỡng khoa học cho trẻ mầm non cần đảm bảo yếu tố nào sau đây?

- A. Cung cấp đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng: đạm, tinh bột, chất béo, vitamin, khoáng chất
- B. Chỉ cần tập trung vào các thực phẩm giàu protein để trẻ phát triển chiều cao
- C. Hạn chế chất béo tối đa để tránh béo phì
- D. Trẻ em có thể ăn bất cứ món gì nếu thích

Câu 2: Nguyên tắc quan trọng nhất trong việc xây dựng thực đơn hàng ngày cho trẻ là gì?

- A. Chỉ chọn thực phẩm theo sở thích của trẻ
- B. Đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng và phù hợp với độ tuổi của trẻ
- C. Chỉ cần có nhiều đồ ăn ngon và đẹp mắt
- D. Giữ thực đơn không thay đổi để trẻ dễ làm quen

Câu 3: Yếu tố nào quan trọng nhất khi xây dựng kế hoạch giảng dạy cho trẻ mầm non ở nhà trường?

- A. Nội dung giảng dạy phải bám sát giáo trình của cấp trên
- B. Cần xây dựng kế hoạch linh hoạt, phù hợp với sự phát triển của trẻ
- C. Chỉ cần dạy những gì trẻ yêu thích

D. Không cần lên kế hoạch trước, chỉ cần giảng dạy theo cảm hứng

Câu 4: Một kế hoạch giảng dạy hiệu quả cần đảm bảo điều gì?

- A. Đề ra mục tiêu rõ ràng, có nội dung phù hợp với từng độ tuổi của trẻ
- B. Tập trung vào kiến thức lý thuyết, không cần nhiều hoạt động thực hành
- C. Càng nhiều nội dung càng tốt để trẻ học được nhiều hơn
- D. Chỉ cần theo dõi phản ứng của trẻ mà không cần chuẩn bị trước

Câu 5: Yếu tố nào không thuộc tiêu chí tổ chức hoạt động giáo dục khoa học?

- A. Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể
- B. Sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống và không thay đổi
- C. Điều chỉnh linh hoạt hoạt động theo đặc điểm của trẻ
- D. Tạo môi trường học tập vui vẻ, kích thích sự tò mò của trẻ

Câu 6: Phương pháp nào giúp trẻ tiếp thu bài học một cách tự nhiên và hiệu quả nhất?

- A. Học thông qua trò chơi và trải nghiệm thực tế
- B. Học thuộc lòng nội dung giáo viên giảng dạy
- C. Ghi chép bài cẩn thận để nhớ lâu hơn
- D. Giáo viên giảng bài theo cách truyền thống, trẻ nghe và làm theo

Câu 7: Điều quan trọng nhất khi hướng dẫn trẻ hoạt động giáo dục là gì?

- A. Giáo viên hướng dẫn chi tiết và để trẻ làm theo từng bước
- B. Tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm và khám phá chủ động
- C. Chỉ cần đưa ra hoạt động và để trẻ tự thực hiện
- D. Bắt buộc tất cả trẻ làm theo một cách giống nhau

Câu 8: Lợi ích của việc sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại trong giáo dục mầm non là gì?

- A. Giúp trẻ chủ động tiếp thu kiến thức và phát triển tư duy
- B. Tăng cường áp lực học tập cho trẻ để rèn luyện khả năng thích nghi
- C. Giảm bớt sự tham gia của giáo viên vào quá trình học tập
- D. Hạn chế tối đa các hoạt động trải nghiệm của trẻ

Câu 9: Công nghệ có vai trò gì trong giảng dạy mầm non hiện đại?

- A. Là công cụ hỗ trợ giúp trẻ học tập sinh động và trực quan hơn
- B. Không quan trọng vì trẻ nhỏ chưa cần tiếp cận công nghệ
- C. Là yếu tố bắt buộc phải sử dụng trong mọi bài giảng
- D. Thay thế hoàn toàn vai trò của giáo viên trong lớp học

Câu 10. Một giáo viên giỏi cần điều chỉnh phương pháp giảng dạy như thế nào?

- A. Không cần điều chỉnh, chỉ cần tuân theo giáo án
- B. Điều chỉnh linh hoạt theo sự phát triển và khả năng của từng trẻ
- C. Chỉ điều chỉnh khi có sự yêu cầu của phụ huynh
- D. Thay đổi hoàn toàn phương pháp giảng dạy mỗi ngày để trẻ không

nhàm chán

II- Bài tập tình huống

Tình huống 1: Bạn là giáo viên mầm non phụ trách lớp 3-4 tuổi. Một ngày, bạn nhận thấy một số trẻ có dấu hiệu biếng ăn, chán ăn, trong khi một số trẻ khác lại thường xuyên ăn vặt trước bữa ăn chính. Điều này ảnh hưởng đến sức khỏe và thói quen dinh dưỡng của trẻ. Bạn sẽ làm gì để giúp trẻ ăn uống đầy đủ và khoa học hơn? Bạn có biện pháp nào để hạn chế tình trạng trẻ ăn vặt không hợp lý?

Tình huống 2: Trong một hoạt động học tập về thế giới động vật, bạn nhận thấy một số trẻ rất hào hứng tham gia nhưng một số trẻ khác lại không quan tâm và tỏ ra chán nản. Khi giáo viên giảng giải bằng lời, nhiều trẻ không tập trung, dễ mất chú ý. Bạn sẽ làm gì để thu hút sự tham gia của tất cả trẻ? Bạn sẽ áp dụng phương pháp giảng dạy nào để giúp trẻ tiếp thu bài học hiệu quả hơn?

----- HẾT -----

Phụ lục 10

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CÁC NĂNG LỰC XÁC ĐỊNH TRONG BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM

1. NĂNG LỰC NUÔI DƯỠNG TRẺ MỘT CÁCH KHOA HỌC, HIỆN ĐẠI

(Đánh giá qua câu hỏi trắc nghiệm & Tình huống 1)

Tiêu chí	Điểm				
	1	2	3	4	5
Hiểu biết về chế độ dinh dưỡng khoa học	Không có kiến thức hoặc sai lệch nghiêm trọng	Biết một số nguyên tắc nhưng chưa chính xác	Nắm được nguyên tắc cơ bản nhưng chưa sâu	Hiểu rõ nguyên tắc, có thể áp dụng vào thực tiễn	Am hiểu sâu sắc và có khả năng tư vấn dinh dưỡng hợp lý
Khả năng xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý	Không thể xây dựng thực đơn hợp lý	Thực đơn có nhiều sai sót, chưa khoa học	Thực đơn tạm ổn nhưng chưa cân bằng	Xây dựng thực đơn hợp lý nhưng chưa sáng tạo	Thực đơn khoa học, sáng tạo, phù hợp với trẻ
Biện pháp hạn chế tình trạng ăn vặt không hợp lý	Không có biện pháp phù hợp	Đưa ra biện pháp nhưng chưa khả thi	Biện pháp hợp lý nhưng chưa đủ hiệu quả	Biện pháp khoa học, có thể áp dụng tốt	Biện pháp tối ưu, sáng tạo và hiệu quả cao

2. NĂNG LỰC XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

(Đánh giá qua câu hỏi trắc nghiệm & Tình huống 2)

Tiêu chí	Điểm				
	1	2	3	4	5
Xác định mục tiêu giáo dục	Không xác định được mục tiêu	Xác định mục tiêu chung chung, chưa rõ ràng	Mục tiêu phù hợp nhưng chưa tối ưu	Mục tiêu rõ ràng, phù hợp với trẻ	Mục tiêu rõ ràng, sáng tạo, có tính ứng dụng cao
Tổ chức nội dung giáo dục	Nội dung lộn xộn, không có kế hoạch	Nội dung sơ sài, chưa có sự liên kết	Nội dung hợp lý nhưng chưa chặt chẽ	Nội dung logic, phù hợp với trẻ	Nội dung sáng tạo, hấp dẫn, kích thích trẻ học tập
Sự linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch	Không có khả năng điều chỉnh kế hoạch	Điều chỉnh nhưng chưa hợp lý	Điều chỉnh phù hợp nhưng chưa linh hoạt	Điều chỉnh tốt, đáp ứng được tình huống thực tế	Điều chỉnh xuất sắc, linh hoạt theo từng trẻ và hoàn cảnh

3. NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRẺ KHOA HỌC

(Đánh giá qua câu hỏi trắc nghiệm & Tình huống 2)

Tiêu chí	Điểm				
	1	2	3	4	5
Khả năng tổ chức hoạt động phù hợp với trẻ	Hoạt động không có tính giáo dục	Hoạt động nhằm chán, chưa thu hút trẻ	Hoạt động phù hợp nhưng chưa sáng tạo	Hoạt động tốt, kích thích trẻ tham gia	Hoạt động xuất sắc, trẻ hứng thú, học tập chủ động
Tạo hứng thú và động lực học tập cho trẻ	Không có biện pháp kích thích trẻ	Có biện pháp nhưng chưa hiệu quả	Biện pháp tốt nhưng chưa đa dạng	Biện pháp hiệu quả, phù hợp với trẻ	Sáng tạo nhiều cách kích thích trẻ học tập tích cực
Khả năng tương tác và quản lý lớp học	Không kiểm soát được lớp học	Kiểm soát yếu	Quản lý lớp khá tốt nhưng còn hạn chế	Quản lý lớp học hiệu quả, tạo môi trường học tích cực	Quản lý lớp xuất sắc, đảm bảo trẻ vui học và phát triển toàn diện

4. NĂNG LỰC SỬ DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

(Đánh giá qua câu hỏi trắc nghiệm & Tình huống 2)

Tiêu chí	Điểm				
	1	2	3	4	5
Áp dụng phương pháp giáo dục hiện đại	Chỉ sử dụng phương pháp truyền thống	Kết hợp một số phương pháp nhưng chưa hiệu quả	Áp dụng phương pháp hiện đại nhưng chưa tối ưu	Vận dụng linh hoạt phương pháp hiện đại, giúp trẻ phát triển tốt	Sáng tạo, kết hợp đa dạng phương pháp, tạo hứng thú cho trẻ
Sử dụng công nghệ hỗ trợ trong giáo dục	Không sử dụng công nghệ	Sử dụng công nghệ nhưng chưa hiệu quả	Công nghệ được áp dụng hợp lý nhưng chưa sáng tạo	Công nghệ hỗ trợ giảng dạy hiệu quả	Công nghệ sáng tạo, giúp trẻ học tập tốt hơn
Khả năng cá nhân hóa việc học	Không quan tâm đến từng trẻ	Có điều chỉnh nhưng chưa thực sự phù hợp	Điều chỉnh giảng dạy theo đặc điểm của trẻ nhưng chưa sâu	Cá nhân hóa giảng dạy tốt, giúp trẻ phát triển theo khả năng riêng	Giảng dạy theo hướng cá nhân hóa xuất sắc, giúp trẻ phát huy tối đa năng lực

Phụ lục 11
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC TIỂU
THANG ĐO

6.1. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.858	0.902	7

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
22.0000	2.966	1.72207	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1.1	18.6000	2.041	.475	.885
C1.2	18.8000	2.028	.667	.834
C1.3	18.8333	2.144	.611	.842
C1.4	18.9333	2.271	.824	.820
C1.5	18.9333	2.271	.824	.820
C1.6	18.9333	2.271	.824	.820
C1.7	18.9667	2.585	.591	.852

6.2. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC của nhà trường

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.860	0.865	3

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
9.7000	1.252	1.11880	3

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C2.1	6.3667	.516	.734	.820
C2.2	6.4667	.533	.849	.690
C2.3	6.5667	.737	.666	.874

6.3. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.855	0.865	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.4667	2.878	1.69651	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C3.1	12.8667	1.913	.520	.872
C3.2	13.1000	1.679	.755	.801
C3.3	13.2333	1.771	.805	.787
C3.4	13.3000	1.941	.751	.807
C3.5	13.3667	2.240	.596	.847

6.4. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng phương pháp giảng dạy của giáo viên

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.880	0.894	6

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
19.6333	3.826	1.95613	6

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C4.1	16.0000	2.828	.460	.904
C4.2	16.2667	2.478	.718	.856
C4.3	16.4000	2.524	.817	.836
C4.4	16.4667	2.671	.816	.839
C4.5	16.5000	2.810	.773	.849
C4.6	16.5333	3.016	.677	.865

6.5. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao của nhà trường

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.856	0.867	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.6000	2.938	1.71404	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.1	12.9333	2.064	.467	.883
C5.2	13.2000	1.752	.711	.817
C5.3	13.3667	1.826	.797	.792
C5.4	13.4333	1.978	.765	.806
C5.5	13.4667	2.120	.694	.826

6.6. Độ tin cậy của thang đánh giá về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.875	0.882	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.6000	3.283	1.81184	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C6.1	13.0000	2.207	.559	.889
C6.2	13.2000	1.959	.771	.833
C6.3	13.3333	2.023	.827	.818
C6.4	13.4000	2.179	.781	.833
C6.5	13.4667	2.464	.644	.866

6.7. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.890	0.903	7

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
22.9000	4.714	2.17113	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C7.1	19.1667	3.868	.364	.916
C7.2	19.5333	3.223	.711	.874
C7.3	19.6333	3.206	.811	.858
C7.4	19.7000	3.321	.828	.856
C7.5	19.7667	3.564	.789	.864
C7.6	19.8000	3.752	.735	.873
C7.7	19.8000	3.752	.735	.873

6.8. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.898	0.909	13

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
42.9000	9.679	3.11116	13

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C8.1	38.9667	9.206	.266	.903
C8.2	39.0667	8.685	.381	.901
C8.3	39.3000	7.872	.557	.896
C8.4	39.5000	7.500	.708	.887
C8.5	39.5667	7.495	.744	.884
C8.6	39.7000	7.734	.786	.881
C8.7	39.7333	7.857	.790	.882
C8.8	39.7667	8.047	.771	.883
C8.9	39.8000	8.303	.729	.886
C8.10	39.8333	8.626	.663	.890
C8.11	39.8333	8.626	.663	.890
C8.12	39.8667	9.085	.510	.897
C8.13	39.8667	9.085	.510	.897

6.9. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.865	0.854	9

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
30.7586	5.904	2.42980	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C9.1	27.7241	5.564	.349	.870
C9.2	26.7931	5.670	.226	.875
C9.3	26.8966	5.167	.384	.869
C9.4	27.1379	4.409	.603	.853
C9.5	27.3448	4.091	.770	.833
C9.6	27.4138	4.108	.796	.829
C9.7	27.5517	4.399	.772	.833
C9.8	27.5862	4.537	.744	.837
C9.9	27.6207	4.744	.678	.844

6.10. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.830	0.824	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.7667	2.392	1.54659	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C10.1	13.5333	1.361	.843	.727
C10.2	12.9000	2.024	.252	.883
C10.3	13.4000	1.352	.702	.778
C10.4	13.5667	1.426	.823	.737
C10.5	13.6667	1.816	.587	.812

6.11. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.849	0.854	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.6333	2.930	1.71169	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C11.1	12.9667	2.033	.488	.868
C11.2	13.2333	1.702	.753	.792
C11.3	13.3667	1.757	.813	.774
C11.4	13.4333	1.909	.761	.793
C11.5	13.5333	2.326	.548	.848

6.12. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.851	0.861	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.6333	2.792	1.67091	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C12.1	12.9000	2.093	.382	.895
C12.2	13.2667	1.651	.716	.808
C12.3	13.4000	1.697	.812	.779
C12.4	13.4667	1.844	.782	.793
C12.5	13.5000	1.983	.708	.815

6.13. Độ tin cậy của thang đánh giá thực trạng về sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
0.833	0.847	5

Scale Statistics

Mean	Variance	Std. Deviation	N of Items
16.5667	2.599	1.61210	5

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C13.1	12.8667	1.844	.425	.863
C13.2	13.1667	1.523	.673	.791
C13.3	13.3667	1.620	.786	.755
C13.4	13.4000	1.697	.768	.764
C13.5	13.4667	1.982	.610	.812

Phụ lục 12**KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG CỦA CÁN BỘ QLGD, GV***Bảng 1. Thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất*

TT	Các mục tiêu dạy học	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C1.1	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2	0	7	29	129	25
C1.2	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC	0	15	37	122	16
C1.3	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên	2	23	109	47	9
C1.4	Tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên	0	18	115	51	6
C1.5	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị	0	19	121	42	8
C1.6	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC	0	9	54	105	22
C1.7	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ	6	33	112	34	5

Bảng 2. Thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C2.1	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ	0	27	105	44	14
C2.2	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả	0	16	30	109	35
C2.3	GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường	8	41	77	59	5

Bảng 3. Thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C3.1	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại	6	24	104	45	11
C3.2	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ	9	27	115	29	10
C3.3	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng	0	9	54	106	21
C3.4	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo	4	46	120	15	5
C3.5	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa	0	8	37	118	27

Bảng 4. Thực trạng về phương pháp giảng dạy

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C4.1	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động	0	11	40	108	31
C4.2	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại	7	24	93	57	9
C4.3	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt	3	23	58	91	15
C4.4	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân	12	24	105	43	6
C4.5	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm	0	5	34	117	34
C4.6	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng	0	8	51	104	27

Bảng 5. Thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C5.1	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh	0	5	31	51	103
C5.2	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín	0	8	25	115	42
C5.3	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội	3	22	116	38	11
C5.4	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên	0	13	36	105	36
C5.5	Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội	2	21	109	43	15

Bảng 6. Thực trạng về chất lượng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C6.1	Về cơ sở vật chất	0	3	48	104	35
C6.2	Về chất lượng đội ngũ	0	2	34	112	42
C6.3	Về chương trình giảng dạy	9	24	102	41	14
C6.4	Về phương pháp giảng dạy	6	21	98	57	8
C6.5	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	0	1	44	42	103

Bảng 7. Thực trạng nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

7.1. Nhận thức về sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Rất cần thiết	0	0	0	0	121
2	Cần thiết	0	0	0	42	0
3	Bình thường	0	0	21	0	0
4	Ít cần thiết	0	6	0	0	0
5	Không cần thiết	0	0	0	0	0

7.2. Nhận thức về trường mầm non công lập CLC là loại hình trường ...

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C7.1	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	0	3	35	84	68
C7.2	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2	4	22	88	51	25
C7.3	Trường quốc tế	5	25	95	36	29
C7.4	Chất lượng vượt trội	0	5	26	112	47
C7.5	Đội ngũ vượt trội	6	26	103	34	21
C7.6	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	0	0	18	95	77
C7.7	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại	9	30	107	28	16

Bảng 8. Thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C8.1	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường	0	6	29	109	46
C8.2	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi	7	12	116	40	15
C8.3	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội	0	12	51	108	19

	ngũ					
C8.4	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy	9	14	112	33	22
C8.5	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy	6	17	101	40	26
C8.6	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng	0	3	49	97	41
C8.7	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp	0	13	54	105	18
C8.8	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn	15	29	122	23	1
C8.9	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp	11	43	98	35	4
C8.10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ	0	2	44	104	40
C8.11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ	6	15	40	98	31
C8.12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ	14	28	120	26	2
C8.13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC	0	4	51	113	22

Bảng 9. Thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C9.1	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ	0	6	41	106	37
C9.2	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng	0	10	51	97	32

	tự chủ					
C9.3	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC	4	41	92	35	18
C9.4	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC	4	46	91	32	17
C9.5	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại	5	35	114	24	12
C9.6	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp	3	45	94	39	9
C9.7	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	0	11	43	102	34
C9.8	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	9	31	123	20	7
C9.9	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch	7	33	115	26	9

Bảng 10. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C10.1	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	4	31	103	46	6
C10.2	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà	2	24	91	58	15

	trường					
C10.3	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban	7	33	116	30	4
C10.4	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp	0	23	36	104	27
C10.5	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	0	27	48	95	20

Bảng 11. Thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C11.1	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường	0	2	37	108	43
C11.2	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường	0	16	52	89	33
C11.3	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội	6	21	117	28	18
C11.4	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực	7	20	101	37	25
C11.5	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước	9	22	124	24	11

Bảng 12. Thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C12.1	Mục đích kiểm tra, đánh giá	0	4	43	104	39
C12.2	Nội dung kiểm tra, đánh giá	5	35	92	40	18
C12.3	Loại hình kiểm tra, đánh giá	8	25	116	29	12
C12.4	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	2	36	75	56	21
C12.5	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá	0	13	49	95	33

Bảng 13. Thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C13.1	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao	1	5	38	110	36
C13.2	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	0	4	30	117	39
C13.3	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao	0	3	20	99	68
C13.4	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	4	25	74	66	21
C13.5	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	0	2	16	102	70

Phụ lục 13**KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG CỦA CHA (MẸ) HỌC SINH***Bảng 1. Thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất*

TT	Các mục tiêu dạy học	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C1.1	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2	0	3	24	81	12
C1.2	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC	0	5	27	78	10
C1.3	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên	2	14	71	26	7
C1.4	Tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên	1	16	74	25	4
C1.5	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị	3	13	79	22	3
C1.6	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC	0	9	28	75	8
C1.7	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ	5	17	82	14	2

Bảng 2. Thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C2.1	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ	0	15	78	19	8
C2.2	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả	0	7	22	80	11
C2.3	GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường	4	24	75	12	5

Bảng 3. Thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C3.1	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại	3	22	76	12	7
C3.2	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ	4	18	78	14	6
C3.3	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng	0	4	25	80	11
C3.4	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo	5	17	81	15	2
C3.5	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa	0	2	21	83	14

Bảng 4. Thực trạng về phương pháp giảng dạy

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C4.1	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động	0	6	23	80	11
C4.2	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại	3	17	79	15	6
C4.3	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt	1	12	22	77	8
C4.4	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân	5	16	81	13	5
C4.5	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm	0	5	20	82	13
C4.6	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng	0	8	25	78	9

Bảng 5. Thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C5.1	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh	0	2	15	41	62
C5.2	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín	0	5	21	80	14
C5.3	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội	7	13	81	12	7
C5.4	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên	2	6	26	77	9
C5.5	Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội	5	16	79	14	6

Bảng 6. Chất lượng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C6.1	Về cơ sở vật chất	0	5	25	78	12
C6.2	Về chất lượng đội ngũ	0	7	18	80	15
C6.3	Về chương trình giảng dạy	5	11	79	17	8
C6.4	Về phương pháp giảng dạy	3	16	75	20	6
C6.5	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	0	2	15	42	61

Bảng 7. Thực trạng nhận thức về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

7.1. Nhận thức về sự cần thiết phải phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
1	Rất cần thiết	0	0	0	0	82
2	Cần thiết	0	0	0	21	0
3	Bình thường	0	0	12	0	0
4	Ít cần thiết	0	5	0	0	0
5	Không cần thiết	0	0	0	0	0

7.2. Nhận thức về trường mầm non công lập CLC là loại hình trường ...

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C7.1	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	0	2	17	32	69
C7.2	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2	0	14	79	18	9
C7.3	Trường quốc tế	3	17	78	15	7
C7.4	Chất lượng vượt trội	0	3	29	70	18
C7.5	Đội ngũ vượt trội	3	16	76	17	8
C7.6	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	0	0	14	33	73
C7.7	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại	2	16	73	19	10

Bảng 8. Thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C8.1	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường	0	10	29	63	18
C8.2	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi	3	24	71	16	8

C8.3	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ	0	6	42	65	7
C8.4	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy	2	22	70	17	9
C8.5	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy	2	21	68	19	10
C8.6	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng	0	10	37	59	14
C8.7	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp	1	9	39	64	7
C8.8	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn	7	25	75	12	1
C8.9	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp	6	24	76	11	3
C8.10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ	0	8	36	60	16
C8.11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ	1	8	33	64	14
C8.12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ	6	26	76	10	2
C8.13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC	0	7	36	69	8

Bảng 9. Thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C9.1	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ	0	5	18	81	16
C9.2	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo	0	8	26	72	14

	viên, nhân viên theo hướng tự chủ					
C9.3	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC	1	12	75	21	10
C9.4	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC	1	9	74	24	12
C9.5	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại	3	12	80	18	7
C9.6	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp	2	12	77	20	9
C9.7	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	0	7	20	78	15
C9.8	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	6	14	84	11	5
C9.9	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch	4	13	81	16	6

Bảng 10. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C10.1	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	3	15	78	18	6
C10.2	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà	2	14	76	20	8

	trường					
C10.3	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban	5	19	77	15	4
C10.4	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp	0	6	16	81	17
C10.5	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	0	9	26	72	13

Bảng 11. Thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C11.1	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường	0	2	15	82	21
C11.2	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường	0	6	23	75	16
C11.3	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội	5	10	80	17	8
C11.4	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực	4	12	77	18	9
C11.5	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước	7	11	83	14	5

Bảng 12. Thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C12.1	Mục đích kiểm tra, đánh giá	0	4	13	80	23
C12.2	Nội dung kiểm tra, đánh giá	5	18	72	15	10
C12.3	Loại hình kiểm tra, đánh giá	6	14	81	12	7
C12.4	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	3	17	70	18	12
C12.5	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá	0	7	23	74	16

Bảng 13. Thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		1	2	3	4	5
C13.1	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao	2	16	47	37	18
C13.2	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	1	7	13	77	22
C13.3	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao	0	2	9	72	37
C13.4	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	1	3	14	75	25
C13.5	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	0	1	7	73	39

Phụ lục 14
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRƯỜNG MẦM NON CÔNG
LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THEO HƯỚNG TỰ CHỦ CỦA CÁN BỘ QLGD, GV

9.1. Về thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2	190	2.00	5.00	3.9053	.65180	1
2	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC	190	2.00	5.00	3.7316	.72488	3
3	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên	190	1.00	5.00	3.2000	.75031	6
4	Tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên	190	2.00	5.00	3.2368	.66005	4
5	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị	190	2.00	5.00	3.2053	.67060	5
6	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC	190	2.00	5.00	3.7368	.72317	2
7	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ	190	1.00	5.00	2.9947	.76634	7

9.2. Về thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ	190	2.00	5.00	3.2368	.78458	2
2	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả	190	2.00	5.00	3.8579	.81378	1
3	GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường	190	1.00	5.00	3.0632	.89455	3

9.3. Về thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại	190	1.00	5.00	3.1632	.83553	3
2	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ	190	1.00	5.00	3.0211	.83544	4
3	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng	190	2.00	5.00	3.7316	.71754	2
4	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo	190	1.00	5.00	2.8474	.69986	5
5	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa	190	2.00	5.00	3.8632	.69937	1

9.4. Về thực trạng phương pháp giảng dạy

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động	190	2.00	5.00	3.8368	.76270	2
2	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại	190	1.00	5.00	3.1947	.85386	5
3	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt	190	1.00	5.00	3.4842	.86512	4
4	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân	190	1.00	5.00	3.0368	.85679	6
5	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm	190	2.00	5.00	3.9474	.68031	1
6	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng	190	2.00	5.00	3.7895	.73311	3

9.5. Về thực trạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh	190	2.00	5.00	4.3263	.84129	1
2	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín	190	2.00	5.00	4.0053	.72373	2
3	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội	190	1.00	5.00	3.1684	.76501	5
4	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên	190	2.00	5.00	3.8632	.79829	3
5	Cam kết về chất lượng và sự phản hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội	190	1.00	5.00	3.2526	.79640	4

9.6. Về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Về cơ sở vật chất	190	2.00	5.00	3.9000	.70185	3
2	Về chất lượng đội ngũ	190	2.00	5.00	4.0211	.66633	2
3	Về chương trình giảng dạy	190	1.00	5.00	3.1421	.90022	5
4	Về phương pháp giảng dạy	190	1.00	5.00	3.2105	.81513	4
5	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	190	2.00	5.00	4.3000	.84170	1

Phụ lục 15

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ CỦA CÁN BỘ QLGD, GIÁO VIÊN

10.1. Về thực trạng nhận thức về trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	190	2.00	5.00	4.1421	.76692	2
2	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2	190	1.00	5.00	3.3737	.92716	4
3	Trường quốc tế	190	1.00	5.00	3.3105	.97231	5
4	Chất lượng vượt trội	190	2.00	5.00	4.0579	.69907	3
5	Đội ngũ vượt trội	190	1.00	5.00	3.2000	.92124	6
6	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	190	3.00	5.00	4.3105	.63695	1
7	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại	190	1.00	5.00	3.0632	.91212	7

10.2. Về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường	190	2.00	5.00	4.0263	.72327	1
2	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi	190	1.00	5.00	3.2316	.82875	10
3	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ	190	2.00	5.00	3.7053	.73281	5
4	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy	190	1.00	5.00	3.2368	.92107	9
5	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy	190	1.00	5.00	3.3316	.93183	8
6	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng	190	2.00	5.00	3.9263	.73091	3
7	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp	190	2.00	5.00	3.6737	.74097	7
8	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn	190	1.00	5.00	2.8211	.76260	13
9	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp	190	1.00	5.00	2.8737	.83244	11
10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	3.9842	.71622	2
11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ	190	1.00	5.00	3.7000	.94253	6
12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ	190	1.00	5.00	2.8632	.77815	12

13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC	190	2.00	5.00	3.8053	.65786	4
----	--	-----	------	------	--------	--------	---

10.3. Về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	3.9158	.72976	1
2	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	3.7947	.78002	3
3	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC	190	1.00	5.00	3.1158	.92425	4
4	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC	190	1.00	5.00	3.0632	.92365	5
5	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại	190	1.00	5.00	3.0158	.81958	7
6	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp	190	1.00	5.00	3.0316	.83511	6
7	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	3.8368	.78323	2
8	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	190	1.00	5.00	2.9211	.77602	9
9	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch	190	1.00	5.00	2.9842	.80656	8

10.4. Về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	190	1.00	5.00	3.1000	.78038	4
2	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường	190	1.00	5.00	3.3158	.83271	3
3	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban	190	1.00	5.00	2.9526	.75092	5
4	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp	190	2.00	5.00	3.7105	.85783	1

5	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	3.5684	.86254	2
---	---	-----	------	------	--------	--------	---

10.5. Về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường	190	2.00	5.00	4.0105	.68227	1
2	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường	190	2.00	5.00	3.7316	.84613	2
3	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội	190	1.00	5.00	3.1632	.86048	4
4	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực	190	1.00	5.00	3.2789	.94901	3
5	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước	190	1.00	5.00	3.0316	.81588	5

10.6. Về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Mục đích kiểm tra, đánh giá	190	2.00	5.00	3.9368	.71729	1
2	Nội dung kiểm tra, đánh giá	190	1.00	5.00	3.1632	.92565	4
3	Loại hình kiểm tra, đánh giá	190	1.00	5.00	3.0632	.83963	5
4	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	190	1.00	5.00	3.3053	.93801	3
5	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá	190	2.00	5.00	3.7789	.81232	2

Phụ lục 16
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ
TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT
LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ
CHỦ CỦA CÁN BỘ QLGD, GIÁO VIÊN

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao	190	1.00	5.00	3.3947	.92409	5
2	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	190	1.00	5.00	3.9211	.73397	4
3	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao	190	2.00	5.00	4.2211	.69280	2
4	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	4.0053	.67060	3
5	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	190	2.00	5.00	4.2632	.65402	1

Phụ lục 17
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TRƯỜNG MẦM NON CÔNG
LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
THEO HƯỚNG TỰ CHỦ CỦA CHA (MẸ) HỌC SINH

12.1. Về thực trạng tự chủ tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Đạt các tiêu chí trường Chuẩn quốc gia mức độ 2	120	2.00	5.00	3.8500	.61699	1
2	Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất ban đầu theo tiêu chí cơ sở giáo dục công lập CLC	120	2.00	5.00	3.7750	.65417	2
3	Tự chủ toàn bộ hoạt động chi phí thường xuyên	120	1.00	5.00	3.1833	.77766	4
4	Tự chủ một phần hoạt động chi phí thường xuyên	120	1.00	5.00	3.1250	.70487	5
5	Huy động các nguồn tài trợ phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị	120	1.00	5.00	3.0750	.70009	6
6	Tự cân đối thu học phí và các lệ phí các hợp đồng cung cấp dịch vụ CLC	120	2.00	5.00	3.6833	.70987	3
7	Tự cân đối chi trả các khoản vay và chi tiêu nội bộ	120	1.00	5.00	2.9250	.70009	7

12.2. Về thực trạng tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động trong tuyển chọn, tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng GV và cán bộ	120	2.00	5.00	3.1667	.72568	2
2	Tự chủ trong việc đảm bảo các điều kiện cho cán bộ, GV làm việc thuận lợi và hiệu quả	120	2.00	5.00	3.7917	.68472	1
3	GV có quyền trực tiếp tham gia và chịu trách nhiệm về các công việc của ngoài nhà trường	120	1.00	5.00	2.9167	.77333	3

12.3. Về thực trạng tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động chọn lọc bổ sung một số nội dung chương trình hiện đại	120	1.00	5.00	2.9833	.78840	4
2	Chủ động xây dựng chương trình về kỹ năng nhận thức, kỹ năng vận động, kỹ năng sống phù hợp với trẻ	120	1.00	5.00	3.0000	.77784	3
3	Chủ động xây dựng chương trình về chăm sóc cá nhân, sức khỏe dinh dưỡng	120	2.00	5.00	3.8167	.63489	2
4	Chủ động xây dựng chương trình giảng dạy phát triển tư duy phù hợp với trẻ mẫu giáo	120	1.00	5.00	2.9333	.70691	5
5	Chủ động, đa dạng hóa các chương trình ngoại khóa	120	2.00	5.00	3.9083	.59403	1

12.4. Về thực trạng phương pháp giảng dạy

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động đổi mới các hoạt động giáo dục khuyến khích trẻ tích cực hoạt động	120	2.00	5.00	3.8000	.66862	2
2	Chủ động áp dụng phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến, hiện đại	120	1.00	5.00	3.0333	.75519	5
3	Lựa chọn, áp dụng linh hoạt các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất của giáo viên chuyên biệt	120	1.00	5.00	3.6583	.78318	4
4	Đa dạng hóa các hoạt động theo nhóm và tiếp cận cá nhân	120	1.00	5.00	2.9750	.76105	6
5	Đa dạng hóa các hoạt động tiếp xúc với thiên nhiên và các hoạt động trải nghiệm	120	2.00	5.00	3.8583	.65203	1
6	Chủ động lựa chọn các hình thức giáo dục trực tuyến, liên lạc qua mạng	120	2.00	5.00	3.7333	.69492	3

12.5. Về thực trạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao**Descriptive Statistics**

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Chủ động trong các dịch vụ chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, tổ chức đưa đón theo nhu cầu của cha mẹ học sinh	120	2.00	5.00	4.3583	.76472	1
2	Tự chủ trong cam kết chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, xây dựng uy tín	120	2.00	5.00	3.8583	.66479	2
3	Khẳng định kết quả giáo dục vượt trội đối với xã hội	120	1.00	5.00	2.9917	.82499	5
4	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên	120	1.00	5.00	3.7083	.74918	3
5	Cam kết về chất lượng và sự phân hồi về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục với cha mẹ học sinh và xã hội	120	1.00	5.00	3.0000	.78857	4

12.6. Về thực trạng chất lượng trường mầm non công lập chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay**Descriptive Statistics**

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Về cơ sở vật chất	120	2.00	5.00	3.8083	.66479	3
2	Về chất lượng đội ngũ	120	2.00	5.00	3.8583	.70169	2
3	Về chương trình giảng dạy	120	1.00	5.00	3.1000	.81375	4
4	Về phương pháp giảng dạy	120	1.00	5.00	3.0833	.77333	5
5	Về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	120	2.00	5.00	4.3500	.76312	1

Phụ lục 18

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM
NON CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ CHỦ CỦA CHA (MẸ) HỌC SINH**

13.1. Về thực trạng nhận thức về trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Có các dịch vụ giáo dục chất lượng cao	120	2.00	5.00	4.4000	.79282	2
2	Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2	120	2.00	5.00	3.1833	.73317	4
3	Trường quốc tế	120	1.00	5.00	3.0500	.77622	7
4	Chất lượng vượt trội	120	2.00	5.00	3.8417	.68594	3
5	Đội ngũ vượt trội	120	1.00	5.00	3.0917	.79912	6
6	Có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	120	3.00	5.00	4.4917	.69809	1
7	Chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy tiên tiến hiện đại	120	1.00	5.00	3.1583	.81988	5

13.2. Về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xác định rõ mục tiêu, sứ mệnh phát triển nhà trường	120	2.00	5.00	3.7417	.81474	1
2	Xác định lộ trình và các mục tiêu tự chủ cốt lõi	120	1.00	5.00	2.9833	.79898	10
3	Mục tiêu tự chủ về phát triển đội ngũ	120	2.00	5.00	3.6083	.67731	6
4	Mục tiêu tự chủ trong phát triển chương trình giảng dạy	120	1.00	5.00	3.0750	.83175	9
5	Mục tiêu tự chủ trong phát triển phương pháp giảng dạy	120	1.00	5.00	3.1167	.85192	8
6	Mục tiêu phát triển các dịch vụ giáo dục chất lượng cao tương ứng	120	2.00	5.00	3.6417	.79701	5
7	Mục tiêu về cơ chế, chính sách đảm bảo, về công tác phối hợp	120	1.00	5.00	3.5583	.75366	7
8	Xác định rõ những căn cứ pháp lý, căn cứ khoa học và căn cứ thực tiễn	120	1.00	5.00	2.8917	.81782	11
9	Xác định, lựa chọn loại hình kế hoạch phù hợp	120	1.00	5.00	2.8417	.75588	12
10	Kế hoạch phát triển về cơ sở vật chất CLC theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	3.7000	.78430	2
11	Kế hoạch phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên CLC theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	3.6833	.79898	3
12	Kế hoạch phát triển về chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy hiện đại, CLC theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	2.8000	.72876	13

13	Kế hoạch phát triển các dịch vụ giáo dục CLC	120	2.00	5.00	3.6500	.69391	4
----	--	-----	------	------	--------	--------	---

13.3. Về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Phát triển về cơ sở vật chất, tài chính theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	3.9000	.66611	1
2	Phát triển về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	3.7667	.74171	3
3	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng chương trình giảng dạy phù hợp với yêu cầu CLC	120	1.00	5.00	3.2417	.78853	5
4	Chủ động trong lựa chọn và sử dụng phương pháp giảng dạy tiên tiến, hiện đại phù hợp với yêu cầu CLC	120	1.00	5.00	3.3083	.78640	4
5	Khai thác và sử dụng đa dạng các dịch vụ giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hiện đại	120	1.00	5.00	3.1167	.75796	7
6	Phát triển nhà trường theo quan điểm, chủ trương của cấp ủy, chính quyền các cấp	120	1.00	5.00	3.1833	.77766	6
7	Chủ động xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	3.8417	.71002	2
8	Xây dựng kế hoạch phát triển các nội dung, tiêu chí trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	2.9583	.76032	9
9	Phối hợp các chủ thể trong và ngoài nhà trường, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển nhà trường theo kế hoạch	120	1.00	5.00	3.0583	.75921	8

13.4. Về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xác định cấu trúc tổ chức phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	3.0750	.75773	4
2	Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự (cán bộ, giáo viên và nhân viên) theo yêu cầu của nhà trường	120	1.00	5.00	3.1500	.77405	3
3	Xác định cơ chế hoạt động của nhà trường và các mối quan hệ của các tiểu ban	120	1.00	5.00	2.9500	.76532	5
4	Tổ chức phân công lao động cho các chủ thể trong nhà trường một cách khoa học, phù hợp	120	2.00	5.00	3.9083	.68594	1
5	Tổ chức phối hợp các lực lượng phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	3.7417	.75030	2

13.5. Về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Tổ chức hợp lý nguồn nhân lực hiện có của nhà trường	120	2.00	5.00	4.0167	.60784	1
2	Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà trường để quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường	120	2.00	5.00	3.8417	.71002	2
3	Khai thác, phát huy tối đa nguồn nhân lực trong xã hội	120	1.00	5.00	3.1083	.80748	4
4	Liên kết, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm trong sử dụng nguồn nhân lực	120	1.00	5.00	3.1333	.81924	3
5	Hợp tác, phối hợp với các nhà khoa học, tổ chức quốc tế, các nước	120	1.00	5.00	2.9917	.78318	5

13.6. Về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Mục đích kiểm tra, đánh giá	120	2.00	5.00	4.0167	.66083	1
2	Nội dung kiểm tra, đánh giá	120	1.00	5.00	3.0583	.88209	4
3	Loại hình kiểm tra, đánh giá	120	1.00	5.00	3.0000	.80961	5
4	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	120	1.00	5.00	3.1583	.87923	3
5	Chủ thể, lực lượng kiểm tra, đánh giá	120	2.00	5.00	3.8250	.72948	2

Phụ lục 19

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ
TÁC ĐỘNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP CHẤT
LƯỢNG CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HƯỚNG TỰ
CHỦ CỦA CHA (MẸ) HỌC SINH**

Descriptive Statistics

TT	Valid N (listwise)	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Xếp loại
1	Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, sự phát triển nền kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu đối với phát triển trường chất lượng cao	120	1.00	5.00	3.4417	.95966	5
2	Quan điểm, chủ chương, chính sách của Đảng về phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	3.9333	.77496	4
3	Tác động từ nhu cầu của địa phương về dịch vụ giáo dục mầm non chất lượng cao	120	2.00	5.00	4.2000	.64300	2
4	Tác động từ cơ chế chính sách, điều kiện đảm bảo phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ	120	1.00	5.00	4.0333	.72103	3
5	Tác động từ phẩm chất, năng lực của các chủ thể phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ	120	2.00	5.00	4.2500	.59761	1

Phụ lục 20

KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM LẦN 1

I. KẾT QUẢ ĐO TRƯỚC THỰC NGHIỆM

1. Tần suất %

Lớp thực nghiệm 1

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	20	0	02	12	06	0	3.16
NL2	20	0	02	13	05	0	3.13
NL3	20	0	03	13	04	0	3.07
NL4	20	0	04	12	04	0	3.02

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	0	0	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	0	0	06	30.00	12	60.00	02	10.00	0	0
NL2	0	0	05	25.00	13	65.00	02	10.00	0	0
NL3	0	0	04	20.00	13	65.00	03	15.00	0	0
NL4	0	0	04	20.00	12	60.00	04	20.00	0	0

Lớp đối chứng 1

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	20	0	1	13	06	0	3.18
NL2	20	0	3	11	06	0	3.16
NL3	20	0	4	12	04	0	3.09
NL4	20	0	4	11	05	0	3.04

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	0	0	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	0	0	06	30.00	13	65.00	1	5.00	0	0
NL2	0	0	06	30.00	11	55.00	3	15.00	0	0
NL3	0	0	04	20.00	12	60.00	4	20.00	0	0
NL4	0	0	05	25.00	11	55.00	4	20.00	0	0

Tổng hợp

Mức độ Năng lực	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học,	0	0	30.00	30.00	60.00	65.00	10.00	5.00	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	25.00	30.00	65.00	55.00	10.00	15.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ	0	0	20.00	20.00	65.00	60.00	15.00	20.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	20.00	25.00	60.00	55.00	20.00	20.00	0	0

2. Trị số trung bình**Lớp thực nghiệm 1**

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LTN1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.1600	.51340	.264
NL2.LTN1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.1300	.49535	.245
NL3.LTN1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.0700	.46915	.220
NL4.LTN1.TTN	20	1.60	2.20	3.80	3.0200	.50638	.256
Valid N (listwise)	20						

Lớp đối chứng 1

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LĐC1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.1800	.48947	.240
NL2.LĐC1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.1600	.54134	.293
NL3.LĐC1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.0900	.54086	.293
NL4.LĐC1.TTN	20	1.80	2.20	4.00	3.0400	.54907	.301
Valid N (listwise)	20						

3. Kiểm định t-test

Group Statistics					
Năng lực - TTN1	Thực nghiệm L1	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	LTN1	20	3.1600	.51340	.11480
	LĐC1	20	3.1800	.48947	.10945
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	LTN1	20	3.1300	.49535	.11076
	LĐC1	20	3.1600	.54134	.12105
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	LTN1	20	3.0700	.46915	.10491
	LĐC1	20	3.0900	.54086	.12094
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	LTN1	20	3.0200	.50638	.11323
	LĐC1	20	3.0400	.54907	.12277

Independent Samples Test										
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại -TTN1	Equal variances assumed	.027	.871	-.126	38	.900	-.02000	.15861	-.34109	.30109
	Equal variances not assumed			-.126	37.914	.900	-.02000	.15861	-.34112	.30112
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy - TTN1	Equal variances assumed	.147	.704	-.183	38	.856	-.03000	.16408	-.36216	.30216
	Equal variances not assumed			-.183	37.704	.856	-.03000	.16408	-.36224	.30224
Năng lực tổ chức các hoạt động	Equal variances assumed	.385	.539	-.125	38	.901	-.02000	.16010	-.34410	.30410

động giáo dục trẻ khoa học - TTN1	Equal variances not assumed			-.125	37.256	.901	-.02000	.16010	-.34432	.30432
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại - TTN1	Equal variances assumed	.042	.839	-.120	38	.905	-.02000	.16702	-.35811	.31811
	Equal variances not assumed			-.120	37.754	.905	-.02000	.16702	-.35818	.31818

II. KẾT QUẢ ĐO SAU THỰC NGHIỆM

1. Tần suất %

Lớp thực nghiệm 1

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	20	0	01	04	08	07	3.98
NL2	20	0	01	06	07	06	3.87
NL3	20	0	02	06	07	05	3.77
NL4	20	0	02	07	07	04	3.71

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	07	35.00	08	40.00	04	20.00	01	5.00	0	0
NL2	06	30.00	07	35.00	06	30.00	01	5.00	0	0
NL3	05	25.00	07	35.00	06	30.00	02	10.00	0	0
NL4	04	20.00	07	35.00	07	35.00	02	10.00	0	0

Lớp đối chứng 1

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	20	0	01	11	07	01	3.25
NL2	20	0	02	12	06	0	3.18
NL3	20	0	03	12	05	0	3.11
NL4	20	0	04	11	05	0	3.08

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	01	5.00	07	35.00	11	55.00	01	5.00	0	0
NL2	0	0	06	30.00	12	60.00	02	10.00	0	0
NL3	0	0	05	25.00	12	60.00	03	15.00	0	0
NL4	0	0	05	25.00	11	55.00	04	20.00	0	0

Tổng hợp

Mức độ Năng lực	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	35.00	5.00	40.00	35.00	20.00	55.00	5.00	5.00	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	30.00	0	35.00	30.00	30.00	60.00	5.00	10.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	25.00	0	35.00	25.00	30.00	60.00	10.00	15.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	20.00	0	35.00	25.00	35.00	55.00	10.00	20.00	0	0

So sánh LTN1 - LĐC1 trước và sau khi thực nghiệm

Mức độ Năng lực	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1
	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	0	0	30.00	30.00	60.00	65.00	10.00	5.00	0,0	0,0
	35.00	5.00	40.00	35.00	20.00	55.00	5.00	0,0	0,0	0,0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	25.00	30.00	65.00	55.00	10.00	15.00	0,0	0,0
	30.00	0	35.00	30.00	30.00	60.00	5.00	10.00	0,0	0,0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	0	0	20.00	20.00	65.00	60.00	15.00	20.00	0,0	0,0
	25.00	0	35.00	25.00	30.00	60.00	10.00	15.00	0,0	0,0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	20.00	25.00	60.00	55.00	20.00	20.00	0,0	0,0
	20.00	0	35.00	25.00	35.00	55.00	10.00	20.00	0,0	0,0

2. Kết quả trị số trung bình

Lớp thực nghiệm 1

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LTN1.STN	20	2.00	2.60	4.60	3.9800	.55782	.311
NL2.LTN1.STN	20	2.20	2.40	4.60	3.8700	.60271	.363
NL3.LTN1.STN	20	2.40	2.20	4.60	3.7700	.71752	.515
NL4.LTN1.STN	20	2.20	2.40	4.60	3.7100	.70629	.499
Valid N (listwise)	20						

Lớp đối chứng 1

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LĐC1.STN	20	2.00	2.40	4.40	3.2500	.45826	.210
NL2.LĐC1.STN	20	2.00	2.20	4.20	3.1800	.51463	.265
NL3.LĐC1.STN	20	1.80	2.20	4.00	3.1100	.49620	.246
NL4.LĐC1.STN	20	1.80	2.20	4.00	3.0800	.54830	.301
Valid N (listwise)	20						

3. Kết quả kiểm định t-test sau thực nghiệm lần 1

Group Statistics					
Năng lực	Thực nghiệm L1	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	LTN1	20	3.9800	.55782	.12473
	LĐC1	20	3.2500	.45826	.10247
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	LTN1	20	3.8400	.58974	.13187
	LĐC1	20	3.1800	.51463	.11507
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	LTN1	20	3.6900	.69122	.15456
	LĐC1	20	3.1100	.49620	.11095
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	LTN1	20	3.5700	.74063	.16561
	LĐC1	20	3.0800	.54830	.12260

Independent Samples Test										
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại -STN1	Equal variances assumed	.616	.438	4.522	38	.000	.73000	.16142	.40321	1.05679
	Equal variances not assumed			4.522	36.620	.000	.73000	.16142	.40281	1.05719
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy - STN1	Equal variances assumed	.390	.536	3.771	38	.001	.66000	.17502	.30569	1.01431
	Equal variances not assumed			3.771	37.316	.001	.66000	.17502	.30548	1.01452
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học - STN1	Equal variances assumed	.780	.104	3.048	38	.004	.58000	.19026	.19483	.96517
	Equal variances not assumed			3.048	34.473	.004	.58000	.19026	.19353	.96647
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại - STN1	Equal variances assumed	.446	.042	2.378	38	.003	.49000	.20605	.07287	.90713
	Equal variances not assumed			2.378	35.016	.003	.49000	.20605	.07170	.90830

Phụ lục 21**KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM LẦN 2****I. KẾT QUẢ ĐO TRƯỚC THỰC NGHIỆM****1. Tần suất %****Lớp thực nghiệm 2**

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	25	0	02	14	09	0	3.24
NL2	25	0	03	15	07	0	3.16
NL3	25	0	04	15	06	0	3.12
NL4	25	0	04	17	04	0	3.04

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	0	0	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	0	0	09	36.00	14	56.00	02	08.00	0	0
NL2	0	0	07	28.00	15	60.00	03	12.00	0	0
NL3	0	0	06	24.00	15	60.00	04	16.00	0	0
NL4	0	0	04	16.00	17	68.00	04	16.00	0	0

Lớp đối chứng 2

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	25	0	01	15	09	0	3.28
NL2	25	0	03	14	08	0	3.20
NL3	25	0	03	16	06	0	3.16
NL4	25	0	04	16	05	0	3.08

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	0	0	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	0	0	09	36.00	15	60.00	01	4.00	0	0
NL2	0	0	08	32.00	14	56.00	03	12.00	0	0
NL3	0	0	06	24.00	16	64.00	03	12.00	0	0
NL4	0	0	05	20.00	16	64.00	04	16.00	0	0

Tổng hợp

Mức độ Năng lực	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN2 %	LĐC2 %	LTN2 %	LĐC2 %	LTN2 %	LĐC2 %	LTN2 %	LĐC2 %	LTN2 %	LĐC2 %
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	0	0	36.00	36.00	56.00	60.00	08.00	4.00	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	28.00	32.00	60.00	56.00	12.00	12.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	0	0	24.00	24.00	60.00	64.00	16.00	12.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	16.00	20.00	68.00	64.00	16.00	16.00	0	0

2. Trị số trung bình**Lớp thực nghiệm 2**

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LTN2.TTN	25	1.80	2.20	4.00	3.2400	.47958	.230
NL2.LTN2.TTN	25	1.80	2.20	4.00	3.1600	.48305	.233
NL3.LTN2.TTN	25	1.80	2.20	4.00	3.1200	.50000	.250
NL4.LTN2.TTN	25	1.60	2.20	3.80	3.0400	.44721	.200
Valid N (listwise)	25						

Lớp đối chứng 2

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LĐC2.TTN	25	2.00	2.20	4.20	3.2800	.47610	.227
NL2.LĐC2.TTN	25	1.80	2.20	4.00	3.2000	.52281	.273
NL3.LĐC2.TTN	25	1.80	2.20	4.00	3.1600	.50332	.253
NL4.LĐC2.TTN	25	1.60	2.20	3.80	3.0800	.47258	.223
Valid N (listwise)	25						

3. Kiểm định t-test

Group Statistics					
Năng lực	Thực nghiệm L2	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	LTN2	25	3.2400	.47958	.09592
	LĐC2	25	3.2800	.47610	.09522
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	LTN2	25	3.1600	.48305	.09661
	LĐC2	25	3.2000	.52281	.10456
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	LTN2	25	3.1200	.50000	.10000
	LĐC2	25	3.1600	.50332	.10066
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	LTN2	25	3.0400	.44721	.08944
	LĐC2	25	3.0800	.47258	.09452

Independent Samples Test										
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại - TTN2	Equal variances assumed	.002	.965	-.296	48	.769	-.04000	.13515	-.31175	.23175
	Equal variances not assumed			-.296	47.997	.769	-.04000	.13515	-.31175	.23175
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy - TTN2	Equal variances assumed	.207	.651	-.281	48	.780	-.04000	.14236	-.32624	.24624
	Equal variances not assumed			-.281	47.703	.780	-.04000	.14236	-.32628	.24628
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học - TTN2	Equal variances assumed	.005	.943	-.282	48	.779	-.04000	.14189	-.32529	.24529
	Equal variances not assumed			-.282	47.998	.779	-.04000	.14189	-.32529	.24529
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại - TTN2	Equal variances assumed	.197	.659	-.307	48	.760	-.04000	.13013	-.30164	.22164
	Equal variances not assumed			-.307	47.855	.760	-.04000	.13013	-.30166	.22166

II. KẾT QUẢ ĐO SAU THỰC NGHIỆM

1. Tần suất %

Lớp thực nghiệm 2

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	25	0	0	05	11	09	4.04
NL2	25	0	0	08	09	08	3.92
NL3	25	0	0	09	09	07	3.84
NL4	25	0	0	10	09	06	3.76

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	09	36.00	11	44.00	05	20.00	0	0	0	0
NL2	08	32.00	09	36.00	08	32.00	0	0	0	0
NL3	07	28.00	09	36.00	09	36.00	0	0	0	0
NL4	06	24.00	09	36.00	10	40.00	0	0	0	0

Lớp đối chứng 2

NL	Số lượng	Điểm số năng lực					ĐTB
		Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	
NL1	25	0	02	14	08	01	3.28
NL2	25	0	02	15	07	01	3.19
NL3	25	0	03	16	06	0	3.16
NL4	25	0	03	17	05	0	3.12

NL	TỐT		KHÁ		TB		YẾU		KÉM	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
NL1	01	4.00	08	32.00	14	56.00	02	8.00	0	0
NL2	01	4.00	07	28.00	15	60.00	02	8.00	0	0
NL3	0	0	07	28.00	16	64.00	03	12.00	0	0
NL4	0	0	06	24.00	17	68.00	03	12.00	0	0

Tổng hợp

Mức độ	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2	LTN2	LĐC2
Năng lực	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	36.00	4.00	44.00	32.00	20.00	56.00	0	8.00	0	0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	32.00	4.00	36.00	28.00	32.00	60.00	0	8.00	0	0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	28.00	0	36.00	28.00	36.00	64.00	0	12.00	0	0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	24.00	0	36.00	24.00	40.00	68.00	0	12.00	0	0

So sánh LTN2 - LĐC2 trước và sau khi thực nghiệm

Mức độ	Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1	LTN1	LĐC1
Năng lực	%	%	%	%	%	%	%	%	%	%
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	0	0	36.00	36.00	56.00	60.00	08.00	4.00	0.0	0.0
	36.00	4.00	44.00	32.00	20.00	56.00	0	8.00	0.0	0.0
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	0	0	28.00	32.00	60.00	56.00	12.00	12.00	0.0	0.0
	32.00	4.00	36.00	28.00	32.00	60.00	0	8.00	0.0	0.0
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	0	0	24.00	24.00	60.00	64.00	16.00	12.00	0.0	0.0
	28.00	0	36.00	28.00	36.00	64.00	0	12.00	0.0	0.0
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	0	0	16.00	20.00	68.00	64.00	16.00	16.00	0	0.0
	24.00	0	36.00	24.00	40.00	68.00	0	12.00	0.0	0.0

2. Kết quả trị số trung bình Lớp thực nghiệm 2

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LTN2.TTN	25	1.60	3.00	4.60	4.0400	.49329	.243
NL2.LTN2.TTN	25	1.80	2.80	4.60	3.9200	.53852	.290
NL3.LTN2.TTN	25	1.80	2.80	4.60	3.8400	.57735	.333
NL4.LTN2.TTN	25	1.80	2.80	4.60	3.7600	.60277	.363
Valid N (listwise)	25						

Lớp đối chứng 2

Descriptive Statistics							
	N	Range	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation	Variance
NL1.LĐC2.TTN	25	2.20	2.20	4.40	3.2800	.57155	.327
NL2.LĐC2.TTN	25	2.00	2.20	4.20	3.1920	.52434	.275
NL3.LĐC2.TTN	25	2.00	2.20	4.20	3.1600	.53852	.290
NL4.LĐC2.TTN	25	2.00	2.20	4.20	3.1200	.54467	.297
Valid N (listwise)	25						

3. Kết quả kiểm định t-test sau thực nghiệm lần 2

Group Statistics					
Năng lực	Thực nghiệm L2	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	LTN2	25	4.0400	.49329	.09866
	LĐC2	25	3.2800	.57155	.11431
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	LTN2	25	3.9200	.53852	.10770
	LĐC2	25	3.1920	.52434	.10487
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	LTN2	25	3.8400	.57735	.11547
	LĐC2	25	3.1600	.53852	.10770
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại	LTN2	25	3.7600	.60277	.12055
	LĐC2	25	3.1200	.54467	.10893

Independent Samples Test										
		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại -STN2	Equal variances assumed	1.016	.318	5.033	48	.000	.76000	.15100	.45640	1.06360
	Equal variances not assumed			5.033	46.996	.000	.76000	.15100	.45623	1.06377
Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy - STN2	Equal variances assumed	.571	.453	4.843	48	.000	.72800	.15032	.42575	1.03025
	Equal variances not assumed			4.843	47.966	.000	.72800	.15032	.42575	1.03025
Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học - STN2	Equal variances assumed	.730	.397	4.306	48	.000	.68000	.15790	.36251	.99749
	Equal variances not assumed			4.306	47.769	.000	.68000	.15790	.36248	.99752
Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại - STN2	Equal variances assumed	1.269	.266	3.939	48	.000	.64000	.16248	.31331	.96669
	Equal variances not assumed			3.939	47.515	.000	.64000	.16248	.31322	.96678

4. Tham số thống kê sau thực nghiệm lần 2

Tham số	Lớp	Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại	Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy	Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học	Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại
Mean (Điểm trung bình)	LTN2	4.04	3.92	3.84	3.76
	LĐC2	3.28	3.19	3.16	3.12
Std, Error of Mean (Sai số)	LTN2	0.09866	0.10770	0.11547	0.12055
	LĐC2	0.11431	0.10487	0.10770	0.10893
Median (Trung vị)	LTN2	4.20	4.00	4.00	4.00
	LĐC2	3.20	3.00	3.00	3.00
Std, Deviation (Độ lệch chuẩn)	LTN2	0.49	0.54	0.58	0.60
	LĐC2	0.57	0.52	0.54	0.55
Variance (Phương sai)	LTN2	0.243	0.290	0.333	0.363
	LĐC2	0.327	0.275	0.290	0.297
Range (Độ rộng)	LTN2	1.6	1.8	1.8	1.8
	LĐC2	2.2	2.0	2.0	2.0
CV % (Hệ số biến thiên)	LTN2	12.13	13.78	15.10	15.96
	LĐC2	17.38	16.30	17.09	17.63
T		5.033	4.843	4.306	3.939
Sig,		0.000	0.000	0.000	0.000

Phụ lục 22

ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC CHUYÊN MÔN CHO GIÁO VIÊN MẦM NON

Chủ đề 1: BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC NUÔI DƯỠNG TRẺ KHOA HỌC, HIỆN ĐẠI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng: Giáo viên mầm non.

2. Thời lượng: 120 phút (bao gồm lý thuyết và thực hành).

3. Mục tiêu:

** Kiến thức*

- Hiểu được khái niệm và tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại.

- Nắm vững các nguyên tắc và phương pháp nuôi dưỡng trẻ phù hợp với sự phát triển toàn diện (thể chất, trí tuệ, cảm xúc).

** Kỹ năng*

- Vận dụng kiến thức đã học vào xem xét thực tiễn quá trình nuôi dưỡng trẻ ở trường mầm non;

- Biết tổ chức và tuân thủ các yêu cầu để nuôi dưỡng trẻ khoa học.

** Thái độ*

- Người học có ý thức và tích cực trong học tập, có tình cảm yêu thích chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ;

- Người học hứng thú với việc sử dụng kiến thức của bài học để giải quyết các vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ trong thực tiễn;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với sự phát triển phẩm chất, năng lực bản thân.

** Phát triển năng lực*

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp; Năng lực làm việc nhóm; Năng lực tự học; Năng lực sáng tạo...

- Năng lực chuyên môn: Năng lực nuôi dưỡng trẻ một cách khoa học, hiện đại; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ khoa học; Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại.

II. TIẾN TRÌNH BỒI DƯỠNG

1. Khởi động (10 phút)

Hoạt động: Trò chơi “Ai nhanh hơn”

- Chia nhóm (4-5 người/nhóm), đưa ra câu hỏi: “Hãy kể tên 3 điều bạn thường làm để chăm sóc trẻ mỗi ngày tại lớp học.”

- Mỗi nhóm viết câu trả lời trong 2 phút, sau đó trình bày.

Mục đích: Khơi gợi kinh nghiệm thực tế của giáo viên, tạo hứng thú để dẫn dắt vào bài giảng.

2. Phần lý thuyết (40 phút)

a) Khái niệm nuôi dưỡng trẻ khoa học, hiện đại

*** Định nghĩa:**

Nuôi dưỡng trẻ khoa học, hiện đại là quá trình chăm sóc và hỗ trợ sự phát triển của trẻ dựa trên các cơ sở khoa học (tâm lý học, dinh dưỡng học, giáo dục học) kết hợp với các phương pháp hiện đại (tích hợp công nghệ, học qua chơi, cá nhân hóa).

*** Tầm quan trọng:**

- Đảm bảo trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, cảm xúc và xã hội.
- Đáp ứng yêu cầu của giáo dục mầm non hiện đại: Trẻ là trung tâm, phát huy tối đa tiềm năng cá nhân.

b) Các nguyên tắc nuôi dưỡng trẻ khoa học, hiện đại

Một là, nguyên tắc dựa trên nhu cầu cá nhân

Mỗi trẻ có đặc điểm phát triển riêng (về thể chất, tâm lý, sở thích); giáo viên cần quan sát và điều chỉnh phương pháp chăm sóc phù hợp.

Ví dụ: Trẻ chậm phát triển vận động cần có thêm các trò chơi thể chất nhẹ nhàng.

Hai là, nguyên tắc toàn diện

Kết hợp chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục và cảm xúc trong mọi hoạt động.

Ví dụ: Một bữa ăn không chỉ cung cấp dinh dưỡng mà còn là cơ hội để trẻ học kỹ năng tự lập (tự xúc ăn).

Ba là, nguyên tắc ứng dụng khoa học hiện đại

Sử dụng các nghiên cứu mới nhất về dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục để thiết kế hoạt động.

Ví dụ: Dùng ứng dụng theo dõi sức khỏe trẻ hoặc tổ chức các hoạt động STEM đơn giản như thí nghiệm nước cho trẻ khám phá.

c) Các phương pháp nuôi dưỡng trẻ khoa học, hiện đại

Một là, chăm sóc dinh dưỡng khoa học

- Đảm bảo chế độ ăn cân đối (đạm, tinh bột, vitamin, khoáng chất).

- Quan sát dấu hiệu đói/no của trẻ để tránh ép ăn hoặc bỏ đói.

Thực hành: Hướng dẫn trẻ rửa tay trước khi ăn, khuyến khích tự chọn món ăn trong giới hạn.

Hai là, phát triển thể chất qua vận động

- Tổ chức các trò chơi vận động phù hợp lứa tuổi (nhảy dây, leo trèo, chạy tiếp sức).

- Sử dụng công cụ hiện đại như video hoạt hình hướng dẫn thể dục.

Thực hành: Dẫn dắt trẻ tập bài thể dục nhịp điệu 5 phút mỗi ngày.

Ba là, hỗ trợ phát triển cảm xúc

- Tạo môi trường an toàn, thân thiện để trẻ tự tin thể hiện cảm xúc.

- Sử dụng câu chuyện, bài hát để dạy trẻ cách nhận biết và điều chỉnh cảm xúc.

Thực hành: Đọc truyện “Hổ con kiêu chề con giận” và thảo luận với trẻ về cảm giác tức giận.

Bốn là, kích thích trí tuệ qua trải nghiệm

- Tích hợp hoạt động học qua chơi (xâu hạt, xếp hình, vẽ tranh).

- Sử dụng công nghệ như bảng tương tác thông minh để trẻ khám phá.

Thực hành: Tổ chức góc học tập “Khám phá nước” với các thí nghiệm đơn giản (nước nổi, nước chìm).

3. Phần thực hành (60 phút)

Hoạt động 1: Thiết kế kế hoạch chăm sóc trẻ (30 phút)

- **Nhiệm vụ:** Giáo viên làm việc theo nhóm (4-5 người), thiết kế một kế hoạch chăm sóc trẻ trong 1 ngày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp đã học.

- **Yêu cầu:**

+ Bao gồm ít nhất 1 hoạt động dinh dưỡng, 1 hoạt động vận động, 1 hoạt động cảm xúc và 1 hoạt động trí tuệ.

+ Ghi rõ mục tiêu, cách thực hiện và công cụ hỗ trợ (nếu có).

- **Ví dụ mẫu:**

- 8:00-8:30: Bữa sáng khoa học (trẻ tự chọn giữa bánh mì và cháo).
- 9:00-9:15: Thể dục nhịp điệu với nhạc (dùng video hướng dẫn).
- 10:00-10:20: Đọc truyện “Truyện cáo thỏ và gà trống” (dạy trẻ về tình bạn).
- 11:00-11:30: Thử nghiệm “Thả bóng vào nước” (khám phá vật nổi/chìm).

- **Thảo luận:** Các nhóm trình bày, nhận phản hồi từ giảng viên và đồng nghiệp.

Hoạt động 2: Thực hành mini (30 phút)

- **Nhiệm vụ:** Mỗi giáo viên chọn 1 hoạt động từ kế hoạch của nhóm mình để thực hành trực tiếp (mô phỏng với đồng nghiệp đóng vai trẻ).

- **Mục tiêu:** Làm quen với cách dẫn dắt trẻ tham gia hoạt động thực tế.

- **Ví dụ:** Một giáo viên hướng dẫn nhóm “trẻ” tập thể dục nhịp điệu, quan sát phản ứng và điều chỉnh.

4. Tổng kết và đánh giá (10 phút)

- **Hỏi đáp:** Giáo viên đặt câu hỏi hoặc chia sẻ khó khăn khi áp dụng phương pháp nuôi dưỡng khoa học, hiện đại.

- **Đánh giá:**

+ Hoàn thành bài tập nhóm (kế hoạch chăm sóc).

+ Thái độ tham gia thực hành (tích cực, sáng tạo).

- **Giao nhiệm vụ về nhà:** Áp dụng kế hoạch đã thiết kế trong 1 tuần tại lớp học thực tế, ghi nhận kết quả và báo cáo tại buổi sau.

III. TÀI LIỆU VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. **Tài liệu:** Slide bài giảng, tài liệu tham khảo về dinh dưỡng trẻ em, tâm lý học mầm non.

2. **Công cụ:** Máy chiếu, video thể dục mẫu, bảng tương tác thông minh (nếu có), dụng cụ thí nghiệm đơn giản (cốc nước, bóng nhựa).

IV. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

1. Tiêu chí đánh giá:

- Hiểu và trình bày được các nguyên tắc nuôi dưỡng khoa học, hiện đại (30%).

- Thiết kế kế hoạch chăm sóc trẻ rõ ràng, khả thi (40%).

- Thực hành linh hoạt, sáng tạo (30%).

2. Thang đo:

+ Mức tốt: $4,2 < \text{Tốt} \leq 5$;

+ Mức khá: $3,4 < \text{Khá} \leq 4,2$;

+ Mức trung bình: $2,6 < \text{Trung bình} \leq 3,4$;

+ Mức yếu: $1,8 < \text{Yếu} \leq 2,6$;

+ Mức kém: $1 < \text{Kém} \leq 1,8$.

Phụ lục 23

MẪU BIỂU QUAN SÁT THỰC NGHIỆM

I. KẾ HOẠCH QUAN SÁT

1. Mục đích

Quan sát trực tiếp hoạt động bồi dưỡng năng lực chuyên môn trên lớp và quá trình học tập của giáo viên qua đó thu thập những thông tin bổ trợ cần thiết, bảo đảm cho việc đánh giá chính xác, khách quan và kiểm nghiệm các kết quả điều tra.

2. Nội dung quan sát

2.1. Với chuyên gia (người dạy)

- Quan sát cách thức mà giảng viên sử dụng các phương pháp trong bồi dưỡng.
- Quan sát không khí buổi học khi chuyên gia sử dụng phương pháp trong bồi dưỡng.
- Quan sát biểu hiện thái độ của giáo viên trong quá trình tham gia bồi dưỡng với chuyên gia.

- Quan sát mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên trong giờ học có sử dụng các tình huống giải quyết vấn đề, đàm thoại.

2.2. Với giáo viên (người học)

- Quan sát mức độ chú ý, tham gia ý kiến, hứng thú của giáo viên với buổi học.
- Quan sát mức độ trao đổi, tranh luận, nêu câu hỏi thắc mắc của giáo viên với chuyên gia.
- Quan sát mức độ ghi bài, tiếp thu bài học (kiến thức) của giáo viên khi chuyên gia sử dụng các phương pháp bồi dưỡng khác nhau.

3. Phương pháp

Quan sát các biểu hiện về hành động theo nội dung quan sát của các đối tượng. Những biểu hiện được in sẵn trong phiếu quan sát, đánh giá theo các mức độ tương ứng ở được ghi trong các cột.

4. Đánh giá

- Thái độ học tập rất tích cực: Trung bình cộng của các mức độ từ 90 - 100%, trong đó mỗi mức phải đạt > 50%.

- Thái độ học tập tích cực: Trung bình cộng đạt từ 70 - 80%, không có mức độ nào dưới 50%.

- Thái độ học tập bình thường: Trung bình cộng đạt 50 - 69% và không có mức độ nào dưới 30%.

- Thái độ học tập ít tích cực: Trung bình cộng đạt từ 30 - 40%.

- Thái độ học tập không tích cực: Trung bình cộng đạt < 30%.

II. PHIẾU QUAN SÁT GIỜ GIẢNG

1. Thời gian quan sát: (Ngày..... tháng năm)

2. Địa điểm quan sát:

3. Thông tin về người được quan sát:

Họ tên:..... Tuổi:..... Giới tính:.....

Đơn vị:..... Trình độ:.....

Số lần quan sát:.....

NỘI DUNG BIỂU HIỆN

1. Cách thức mà chuyên gia sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.

- a. Là phương tiện chủ đạo b. Thi thoảng sử dụng
 c. Ít sử dụng

2. Không khí buổi học khi chuyên gia tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn.

- a. Sôi nổi, hứng khởi b. Bình thường
 c. Trầm d. Khó đánh giá

3. Thái độ của giáo viên khi chuyên gia tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn.

- a. Rất hứng thú b. Hứng thú
 c. Bình thường d. Không hứng thú

4. Mức độ chú ý học tập của giáo viên

(1 = Rất không chú ý; 2 = Không chú ý; 3 = Ít chú ý; 4 = Chú ý; 5 = Rất chú ý)

TT	Thời gian	Mức độ			
		1	2	3	4
1	15 phút đầu				
2	10 phút tiếp theo				
3	15 phút tiếp theo				
4	5 phút cuối				

5. Mức độ tham gia ý kiến của giáo viên

Mức độ	Rất tích cực (4 lần/tiết học)	Tích cực (3 lần/tiết học)	Bình thường (2lần/tiết học)	Ít tích cực (1 lần)	Không tích cực
Số lượng					
Tỷ lệ %					

6. Mức độ hứng thú với giờ học bồi dưỡng

Mức độ	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Ít hứng thú	Không hứng thú
Số lượng					
Tỷ lệ %					

7. Mức độ trao đổi, tranh luận trong giờ học bồi dưỡng

Mức độ	Rất sôi nổi	Sôi nổi	Bình thường	Thỉnh thoảng	Im lặng
Số lượng					
Tỷ lệ %					

8. Mức độ tiếp thu bài của giáo viên trong giờ học bồi dưỡng

Mức độ	Hiểu sâu bài	Nắm được bài	Bình thường	Nắm bài chưa chắc	Không hiểu bài
Số lượng					
Tỷ lệ %					

9. Nêu câu hỏi thắc mắc với chuyên gia.

Nội dung câu hỏi	Số lượng giáo viên nêu câu hỏi		
	Số GV thắc mắc	Số lượng GV có ý kiến thắc mắc	Số lượng GV bảo vệ ý kiến của mình
1.....			
2.....			

10. Mức độ ghi bài

Số lượng	Chủ động ghi bài	Thụ động ghi bài
Tỷ lệ %		

11. Hoạt động của chuyên gia và giáo viên trong giờ học .

- a. Chuyên gia chiếm vị trí chủ đạo b. Chuyên gia là người hướng dẫn
 c. Giáo viên là người bị động d. Giáo viên là người chủ động

* *Thang đánh giá.*

- Thái độ học tập rất tích cực: Trung bình cộng của các mức độ từ 90 - 100%, trong đó mỗi mức phải đạt > 50%.
- Thái độ học tập tích cực: Trung bình cộng đạt từ 70 - 80%, không có mức độ nào dưới 50%.
- Thái độ học tập bình thường: Trung bình cộng đạt 50 - 69% và không có mức độ nào dưới 30%.
- Thái độ học tập ít tích cực: Trung bình cộng đạt từ 30 - 40%.
- Thái độ học tập không tích cực: Trung bình cộng đạt < 30%.

Người chủ trì quan sát

Phụ lục 24

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHẤT LƯỢNG CAO

Mục 1. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHẤT LƯỢNG CAO MỨC 1

Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất

1.1. Vị trí và công trình

Trường có không quá 2 điểm trường. Các công trình được xây dựng kiên cố, đảm bảo an toàn và phù hợp với quy định xây dựng hiện hành.

Sĩ số và giáo viên: Sĩ số trẻ và số giáo viên trên mỗi nhóm lớp tuân thủ quy định tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Môi trường sư phạm

Môi trường xanh - sạch - đẹp, có đủ sân chơi và không gian cho trẻ hoạt động ngoài trời.

1.3. Phòng nhóm lớp:

Đảm bảo đủ ánh sáng, không khí, nhiệt độ phù hợp. Có công trình vệ sinh khép kín hoặc liền kề, phù hợp với độ tuổi của trẻ.

1.4. Trang thiết bị

Có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục tối thiểu do Bộ GD&ĐT ban hành. Các thiết bị này đảm bảo an toàn, vệ sinh.

1.5. Phòng chức năng

Có hội trường, các phòng chức năng hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

1.6. Nhà bếp

Có đủ trang thiết bị cơ bản để chế biến thức ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo vận hành bếp một chiều.

1.7. An ninh, an toàn

Có đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cơ bản và các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho trẻ.

Tiêu chí 2: Đội ngũ CB, GV, NV

2.1. Hiệu trưởng

Được đánh giá, xếp loại đạt khá trở lên theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non. Hiệu trưởng có kinh nghiệm quản lý, có khả năng tổ chức các hoạt động và vận hành nhà trường theo hướng tự chủ.

2.2. CBQL

Đạt trình độ Đại học chuyên ngành trở lên. Có các chứng chỉ quản lý giáo dục và chính trị theo quy định. Có năng lực quản lý và chỉ đạo các hoạt động trong trường.

2.3. Giáo viên

Có tối thiểu 70% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại đạt loại khá trở lên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Giáo viên được tham gia các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn định kỳ hàng năm.

2.4. Giáo viên chuyên biệt

Trường có giáo viên phụ trách các hoạt động đặc thù như âm nhạc, tạo hình, thể chất, làm quen với Tiếng Anh.

2.5. Nhân viên nuôi dưỡng

Đạt trình độ Trung cấp nghề nấu ăn trở lên.

2.6. Thành tích tập thể

Có ít nhất 70% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt Lao động tiên tiến. Trường có giáo viên dạy giỏi cấp phường/xã, cấp Thành phố.

Tiêu chí 3: Chương trình giáo dục

3.1. Nội dung chương trình

Chương trình giáo dục tuân thủ khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời có chọn lọc bổ sung một số nội dung nhằm nâng cao kỹ năng nhận thức, vận động và kỹ năng sống cho trẻ.

3.2. Hoạt động đặc thù

Tổ chức các hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh và làm quen với máy tính dưới hình thức trò chơi đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cơ bản như thể dục thể thao và nghệ thuật.

3.3. Chăm sóc sức khỏe

Tăng cường chăm sóc cá nhân cho trẻ, đảm bảo trẻ không bị suy dinh dưỡng, béo phì. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm. Tổ chức các buổi tư vấn dinh dưỡng, sức khỏe cho phụ huynh 1-2 lần/năm.

Tiêu chí 4: Phương pháp giáo dục

4.1. Hoạt động giáo dục

Ít nhất 95% các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức đổi mới, khuyến khích trẻ tích cực tham gia và khám phá.

4.2. Phương pháp giáo dục tiên tiến

Nhà trường ứng dụng một số phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tiên tiến (ví dụ: học thông qua chơi, dự án nhỏ) vào chương trình giáo dục.

4.3. Hoạt động chuyên biệt

Tổ chức các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất trong các phòng chức năng. Các hoạt động này được hướng dẫn bởi giáo viên chuyên biệt.

4.4. Tiếp cận cá nhân và nhóm

Tăng cường tổ chức các hoạt động theo nhóm nhỏ để trẻ được giao tiếp và hợp tác với nhau. Giáo viên chú trọng đến việc tiếp cận cá nhân trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

4.5. Hoạt động trải nghiệm

Tổ chức các hoạt động cho trẻ tiếp xúc với thiên nhiên, lớp học không tường và một số hoạt động trải nghiệm thực tiễn đơn giản

4.6. Kết nối gia đình

Có các hình thức liên lạc cơ bản với phụ huynh như sổ liên lạc điện tử, gọi điện thoại, zalo group...

Tiêu chí 5: Các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

5.1. Dịch vụ tiện ích

Có các dịch vụ cơ bản như đón sớm, trả muộn để hỗ trợ phụ huynh. Có tổ chức các buổi tư vấn sức khỏe, tâm lý cho phụ huynh khi cần thiết.

5.2. Chất lượng cam kết

Ít nhất 90% trẻ đạt yêu cầu theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non và Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.

Đảm bảo an ninh, an toàn cơ bản cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống tai nạn thương tích và y tế học đường. Nhà trường công khai một số thông tin cơ bản về chất lượng giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng cho phụ huynh và cơ quan quản lý. Ít nhất 70% phụ huynh đánh giá tốt chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường hàng năm.

Mục 2. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHẤT LƯỢNG CAO MỨC 2

Trường mầm non đạt chất lượng cao Mức 2 khi đảm bảo các quy định tại Mục 1 và các quy định sau:

Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất

1.1. Vị trí và công trình

Trường chỉ có 1 điểm trường duy nhất, tạo sự tập trung và thuận tiện trong quản lý. Các công trình được xây dựng kiên cố, đạt chuẩn cao về mỹ thuật và công năng sử dụng.

Sĩ số và giáo viên: Sĩ số lớp học thấp hơn so với quy định tối thiểu của Bộ GD&ĐT để đảm bảo sự quan tâm tốt nhất cho mỗi trẻ. Ví dụ: Nhóm trẻ 13-24 tháng: tối đa 15 trẻ; Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi: tối đa 30 trẻ.

1.2 Môi trường sư phạm

Môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; các khu vực được thiết kế riêng biệt để kích thích sự phát triển của trẻ, như: khu vui chơi thiên nhiên, vườn rau của bé, sân chơi giao thông.

1.3 Phòng nhóm lớp:

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn ánh sáng học đường, nhiệt độ và không khí luôn được kiểm soát. Công trình vệ sinh khép kín, an toàn, thiết bị vệ sinh hiện đại phù hợp với từng độ tuổi.

1.4 Trang thiết bị

Có đủ thiết bị theo danh mục tối thiểu, đồng thời bổ sung thêm các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại, thẩm mỹ, đa dạng về chủng loại, phù hợp với từng độ tuổi và phương pháp giáo dục tiên tiến.

1.5 Phòng chức năng

Nhà trường có đầy đủ các phòng chức năng như: hội trường đa năng, phòng tổ chức hoạt động làm quen với tiếng Anh, phòng máy tính trang bị phần mềm giáo dục chuyên biệt, thư viện. Các phòng chức năng có đầy đủ các trang thiết bị đồng bộ đảm bảo công năng sử dụng.

1.6 Nhà bếp

Trang thiết bị nhà bếp đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, quy trình chế biến một chiều, đảm bảo vệ sinh, an toàn tối đa.

1.7. An ninh, an toàn

Hệ thống an ninh đồng bộ, hiện đại bao gồm camera giám sát, hệ thống báo cháy tự động, và các thiết bị đảm bảo an toàn khác.

Tiêu chí 2: Đội ngũ CB,GV,NV

2.1. Hiệu trưởng

Được đánh giá, xếp loại Tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng. Hiệu trưởng có tầm nhìn chiến lược, khả năng đổi mới và sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong quản lý, có khả năng sử dụng ngoại ngữ.

2.2. CBQL

Đạt trình độ Đại học chuyên ngành trở lên. Có các chứng chỉ quản lý giáo dục, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Có năng lực tổ chức, quản lý chỉ đạo, dân chủ, đổi mới, năng động, sáng tạo và sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

2.3. Giáo viên

Có ít nhất 70% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Có 100% giáo viên được đánh giá xếp loại đạt loại khá trở lên, trong đó tối thiểu 70% xếp loại Tốt. Có ít nhất 70% giáo viên có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A; có 10% giáo viên có chứng chỉ tiếng Anh trình độ B. Tối thiểu 80% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ giáo viên có tính linh hoạt, sáng tạo và tâm huyết với nghề. Hàng năm, giáo viên được cập nhật, bồi dưỡng các phương pháp giáo dục tiên tiến. Có tham gia các buổi tham quan, học tập tại các điển hình tiên tiến trong nước.

2.4. Giáo viên chuyên biệt

Trường có giáo viên chuyên biệt tổ chức các hoạt động năng khiếu tại các phòng chức năng: Tạo hình, Âm nhạc, Thể chất và giáo viên người nước ngoài tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với Tiếng Anh

2.5. Nhân viên nuôi dưỡng

Đạt trình độ Trung cấp nghề nấu ăn trở lên và có khả năng tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

2.6. Thành tích tập thể

Ít nhất 70% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt Lao động tiên tiến. Trường có ít nhất 20% giáo viên dạy giỏi cấp cấp phường/xã,, cấp Thành phố

Tiêu chí 3: Chương trình giáo dục

3.1. Nội dung chương trình

Phát triển chương trình giáo dục nhà trường một cách chủ động và có hệ thống, tăng cường các hoạt động theo chủ đề nhằm phát triển toàn diện 5 lĩnh vực, đặc biệt là kỹ năng sống cho trẻ.

3.2. Hoạt động đặc thù

Tổ chức cho trẻ làm quen Tiếng Anh với giáo viên nước ngoài. Tổ chức các hoạt động ngoại khóa đa dạng như thể dục thể thao (10 môn thể thao phối hợp, tập Gym...), nghệ thuật (múa, vẽ, nhạc cụ...) với giáo viên chuyên biệt. Trẻ được tham gia các ngày lễ hội, tham quan dã ngoại.

3.3. Chăm sóc sức khỏe

Tăng cường chăm sóc cá nhân, có kế hoạch dinh dưỡng riêng cho từng trẻ có nguy cơ suy dinh dưỡng hoặc béo phì. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 3 lần/năm với các bác sĩ chuyên khoa nhi. Tổ chức các buổi tư vấn dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý cho CMHS với sự định hướng của các chuyên gia y tế.

Tiêu chí 4: Phương pháp giáo dục

4.1. Hoạt động giáo dục

100% các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức đổi mới, lấy trẻ làm trung tâm, khuyến khích trẻ chủ động khám phá, tư duy và sáng tạo.

4.2. Phương pháp giáo dục tiên tiến

Nhà trường áp dụng và triển khai đồng bộ các phương pháp giáo dục tiên tiến, hiện đại như STEAM, Reggio Emilia, Montessori... một cách có hệ thống. Các phương pháp này được tích hợp đồng bộ vào chương trình giáo dục.

4.3. Hoạt động chuyên biệt

Các hoạt động tạo hình, âm nhạc, thể chất được tổ chức với giáo viên chuyên biệt có trình độ cao và bước đầu tổ chức hướng dẫn trẻ bằng ngôn ngữ Tiếng Anh.

4.4. Tiếp cận cá nhân và nhóm.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động theo nhóm nhỏ và có kế hoạch tiếp cận cá nhân hóa trong mọi hoạt động. Giáo viên có khả năng quan sát và đánh giá sự phát triển riêng của từng trẻ để có phương pháp hỗ trợ phù hợp

4.5. Hoạt động trải nghiệm

Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tiễn phong phú và đa dạng (ví dụ: tham quan bảo tàng, siêu thị, trang trại...). Các hoạt động này được lồng ghép vào các hoạt động Lễ hội sự kiện và các chủ đề học tập.

4.6. Kết nối gia đình

Có các hình thức giáo dục trực tuyến (VD: các buổi workshop online), đồng thời sử dụng các ứng dụng quản lý giáo dục chuyên biệt để kết nối và cập nhật thông tin cho phụ huynh hàng ngày.

Tiêu chí 5: Các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

5.1. Dịch vụ tiện ích

Có đầy đủ các dịch vụ như chăm sóc đón sớm, trả muộn, trông tối, cùng với các dịch vụ chuyên sâu như tư vấn tâm lý, sức khỏe định kỳ. Có tổ chức đưa đón học sinh một cách an toàn, đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh.

5.2. Chất lượng cam kết

Ít nhất 95% trẻ đạt yêu cầu theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non và Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực hiện tốt các quy định về phòng chống tai nạn thương tích, y tế học đường, có các biện pháp xử lý tình huống khẩn cấp một cách chuyên nghiệp. Nhà trường cam kết thực hiện đảm bảo chất lượng cao về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Công khai, minh bạch với cha mẹ học sinh và cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn về mọi hoạt động. Ít nhất 85% phụ huynh đánh giá tốt chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục hàng năm của nhà trường.

MỤC 3. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHẤT LƯỢNG CAO MỨC 3

Trường mầm non đạt chất lượng cao Mức 3 khi đảm bảo các quy định tại Mục 2 và các quy định sau:

Tiêu chí 1: Cơ sở vật chất

1.1. Vị trí và công trình

Vị trí và công trình: Các công trình được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường, thiết kế sáng tạo.

Sĩ số và giáo viên: Sĩ số trẻ/lớp thấp hơn đáng kể so với mức 2, đảm bảo tỉ lệ giáo viên/trẻ cao nhất. Ví dụ: tối đa 2 giáo viên/10 trẻ.

1.2 Môi trường sư phạm

Môi trường sư phạm là một không gian giáo dục mở, an toàn, thân thiện kết nối giữa các khu vực học tập và vui chơi. Khu vui chơi ngoài trời được thiết kế độc đáo, đa dạng, tận dụng tối đa các yếu tố thiên nhiên.

1.3 Phòng nhóm lớp:

Trang bị hệ thống điều hòa không khí trung tâm và lọc không khí hiện đại. Thiết bị vệ sinh là loại cao cấp, có chế độ tự động và các tính năng thông minh.

1.4 Trang thiết bị

Có đủ thiết bị theo danh mục tối thiểu, đồng thời bổ sung thêm các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại, thẩm mỹ, đa dạng về chủng loại, phù hợp với từng độ tuổi và phương pháp giáo dục tiên tiến.

1.5 Phòng chức năng

Ngoài các phòng cơ bản, có thêm phòng âm nhạc, phòng nghệ thuật, phòng thí nghiệm khoa học phù hợp với mục tiêu phát triển chương trình nhà trường. Các phòng này có đầy đủ trang thiết bị chuyên biệt, hiện đại.

1.6 Nhà bếp

Áp dụng công nghệ 4.0 trong quản lý bếp ăn, có hệ thống kiểm soát chất lượng thực phẩm, hệ thống lưu trữ và chế biến thông minh.

1.7. An ninh, an toàn

Hệ thống an ninh tự động và thông minh, có thể cảnh báo và xử lý sự cố từ xa. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, đạt chuẩn quốc tế.

Tiêu chí 2: Đội ngũ CB,GV,NV

2.1. Hiệu trưởng

Được đánh giá, xếp loại Tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng và có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục. Hiệu trưởng là người có uy tín, là tấm gương về chuyên môn và đạo đức.

2.2. CBQL

Đạt trình độ trên chuẩn, có bằng hoặc chứng chỉ quản lý giáo dục, lý luận chính trị từ cao cấp trở lên. Có khả năng lãnh đạo, tạo động lực và truyền cảm hứng cho đội ngũ, có khả năng sử dụng ngoại ngữ.

2.3. Giáo viên

100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn, trong đó tối thiểu 10% có trình độ sau đại học. 100% giáo viên được đánh giá xếp loại Tốt theo Chuẩn nghề nghiệp. Có ít nhất 70% giáo viên có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A; có 10% giáo viên có chứng chỉ tiếng Anh trình độ B.

100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý lớp học. Đội ngũ giáo viên có khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng. Hàng năm, đội ngũ giáo viên được tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu hoặc tham quan, học tập kinh nghiệm tại các trường mầm non quốc tế.

2.4. Giáo viên chuyên biệt

Ngoài các môn cơ bản, có thêm giáo viên dạy các môn nghệ thuật, khoa học, kỹ năng sống... đạt chuẩn chuyên môn cao.

2.5. Nhân viên nuôi dưỡng

Đạt trình độ Cao đẳng nghề nấu ăn trở lên và có khả năng sáng tạo thực đơn, đảm bảo dinh dưỡng khoa học.

2.6. Thành tích tập thể

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt Lao động tiên tiến. Trường có ít nhất 30% giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp cấp phường/xã, cấp Thành phố và có thành tích xuất sắc được công nhận cấp quốc gia.

Tiêu chí 3: Chương trình giáo dục

3.1. Nội dung chương trình

Chương trình giáo dục được phát triển liên tục, dựa trên các phương pháp giáo dục hiện đại (STEAM, Montessori...). Chương trình chú trọng phát triển toàn diện các chỉ số IQ, EQ, AQ..... cho trẻ.

3.2. Hoạt động đặc thù

Trẻ mẫu giáo được tiếp cận với tiếng Anh và công nghệ thông tin thông qua các dự án học tập, các buổi học tương tác với 100% giáo viên người nước ngoài. Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức phong phú, đa dạng, chuyên nghiệp gắn kết với các giá trị văn hóa địa phương, giao lưu văn hoá Quốc tế

3.3. Chăm sóc sức khỏe

Xây dựng hồ sơ sức khỏe điện tử cho từng trẻ, theo dõi sát sao tình trạng dinh dưỡng và đưa ra các can thiệp kịp thời. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ trên 3 lần/năm và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ sở y tế uy tín. Tổ chức các buổi tư vấn chuyên sâu về dinh dưỡng, sức khỏe, tâm lý định kỳ và đột xuất theo nhu cầu của phụ huynh và nhà trường.

Tiêu chí 4: Phương pháp giáo dục

4.1. Hoạt động giáo dục

Các hoạt động giáo dục được tổ chức theo hình thức dự án học tập (Project-based learning), khơi gợi trí tò mò và sự tìm tòi của trẻ. Trẻ được đóng vai trò là người khám phá và kiến tạo tri thức.

4.2. Phương pháp giáo dục tiên tiến

Nhà trường sáng tạo và phát triển các phương pháp giáo dục riêng, kết hợp tinh hoa của các phương pháp tiên tiến trên thế giới với văn hóa Việt Nam.

4.3. Phương pháp giáo dục tiên tiến

Nhà trường sáng tạo và phát triển các phương pháp giáo dục riêng, kết hợp tinh hoa của các phương pháp tiên tiến trên thế giới với văn hóa Việt Nam.

4.4. Hoạt động chuyên biệt

Các hoạt động chuyên biệt không giới hạn trong phòng chức năng mà còn được tích hợp linh hoạt vào mọi không gian học tập, tạo ra môi trường giáo dục đa dạng. Giáo viên chuyên biệt có khả năng liên kết kiến thức của mình với các lĩnh vực khác để làm phong phú thêm hoạt động cho trẻ.

4.5. Tiếp cận cá nhân và nhóm

Áp dụng phương pháp giáo dục cá nhân hóa (Personalized learning). Mỗi trẻ có một lộ trình phát triển riêng biệt, phù hợp với năng lực và sở thích. Giáo viên là người đồng hành và hỗ trợ trẻ trên hành trình khám phá bản thân

4.6. Hoạt động trải nghiệm

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, chuỗi Lễ hội sự kiện gắn với dự án cộng đồng (ví dụ: đổi giấy lấy cây, Chiến binh xanh bảo vệ môi trường...)

4.7. Kết nối gia đình

Phát triển một nền tảng giáo dục trực tuyến mạnh mẽ, nơi phụ huynh có thể theo dõi quá trình học tập của con, tham gia các buổi tư vấn chuyên sâu với giáo viên, chuyên gia và cùng nhà trường xây dựng lộ trình phát triển cho trẻ.

Tiêu chí 5: Các dịch vụ giáo dục chất lượng cao

5.1. Dịch vụ tiện ích

Ngoài các dịch vụ đón sớm, trả muộn, trông tối, tư vấn tâm lý, sức khỏe, nhà trường còn cung cấp các dịch vụ khác như tư vấn tâm lý học đường, tổ chức các chuyến dã ngoại, trại hè. Có dịch vụ đưa đón học sinh chuyên biệt, với hệ thống theo dõi trực tuyến giúp phụ huynh yên tâm.

5.2. Chất lượng cam kết

100% trẻ đạt yêu cầu theo mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non và Chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tối đa với hệ thống giám sát thông minh, có các quy trình ứng phó với mọi tình huống một cách nhanh chóng và hiệu quả. Nhà trường cam kết đảm bảo chất lượng đầu ra của từng độ tuổi. Công khai, minh bạch toàn bộ thông tin qua các kênh truyền thông hiện đại (ứng dụng điện thoại, website). Ít nhất 95% phụ huynh đánh giá tốt chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục của nhà trường hàng năm.

MỘT SỐ LƯU Ý

1. Đối tượng áp dụng:

Các tiêu chí đánh giá trường mầm non đạt chất lượng cao được áp dụng đối với trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ (sau đây gọi chung là trường

mầm non) đạt chuẩn quốc gia mức độ II trở lên trong hệ thống giáo dục quốc dân; tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Giải thích từ ngữ:

Chất lượng giáo dục trường mầm non chất lượng cao là sự đáp ứng mục tiêu của trường mầm non, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Tiêu chí đánh giá trường mầm non chất lượng cao là các yêu cầu đối với trường mầm non nhằm đảm bảo chất lượng các hoạt động. Mỗi tiêu chí ứng với một lĩnh vực hoạt động của trường mầm non; trong mỗi tiêu chí có các chỉ báo. Tiêu chí đánh giá trường mầm non có 3 mức (từ Mức 1 đến Mức 3) với yêu cầu tăng dần.

Trong đó, mức sau bao gồm tất cả các yêu cầu của mức trước và bổ sung các yêu cầu nâng cao.

3. Các mức đánh giá trường mầm non chất lượng cao

Trường mầm non chất lượng cao được đánh giá theo các mức sau:

- a) Mức 1: Đáp ứng quy định tại Mục 1
- b) Mức 2: Đáp ứng quy định tại Mục 2
- c) Mức 3: Đáp ứng quy định tại Mục 3

Tiêu chí đánh giá trường mầm non chất lượng cao được công nhận đạt khi tất cả các chỉ báo trong tiêu chí đạt yêu cầu. Chỉ báo được công nhận đạt khi tất cả các nội hàm của chỉ báo đạt yêu cầu.

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 3.1: Bảng giá trị Hopkins</i>	63
<i>Bảng 3.2: Bảng thang đo các mức độ đánh giá</i>	63
<i>Bảng 3.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ tài chính, cơ sở vật chất</i>	64
<i>Bảng 3.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong tuyển dụng, quản lý, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên CLC</i>	66
<i>Bảng 3.3: Tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ tự chủ trong xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường</i>	68
<i>Bảng 3.4: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về phương pháp giảng dạy</i>	70
<i>Bảng 3.5: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về các dịch vụ giáo dục chất lượng cao</i>	72
<i>Bảng 3.6: Tổng hợp ý kiến khảo sát thực trạng về chất lượng trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ hiện nay</i>	73
<i>Bảng 3.7.1: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức về sự cần thiết của phát triển trường mầm non công lập chất lượng cao theo hướng tự chủ</i>	75
<i>Bảng 3.7.2: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng nhận thức trường mầm non công lập CLC là loại hình nhà trường</i>	76
<i>Bảng 3.8: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	78
<i>Bảng 3.9: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng xác định nội dung, phương pháp phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	80
<i>Bảng 3.10: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	82
<i>Bảng 3.11: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng chỉ đạo khai thác các nguồn lực đảm bảo cho phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	83
<i>Bảng 3.12: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng tổ chức kiểm tra, đánh giá phát triển trường mầm non công lập CLC theo hướng tự chủ</i>	85
<i>Bảng 3.13: Tổng hợp ý kiến khảo sát về thực trạng sự ảnh hưởng của các yếu tố tác động tới sự phát triển trường mầm non công lập CLC trên địa bàn thành phố Hà Nội theo hướng tự chủ</i>	87
<i>Bảng 4.1. Tổng hợp kết quả khảo nghiệm sự cần thiết các biện pháp</i>	133
<i>Bảng 4.2. Kiểm chứng tính khả thi của các biện pháp quản lý</i>	134
<i>Bảng 4.3. So sánh tương quan giữa sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất</i>	135
<i>Bảng 4.4: Đối tượng thực nghiệm tại các cơ sở</i>	138

<i>Bảng 5.2. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN1 và LĐC1 trước khi thực nghiệm</i>	<i>141</i>
<i>Bảng 5.3. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 1</i>	<i>143</i>
<i>Bảng 5.4. Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 1</i>	<i>144</i>
<i>Bảng 5.5. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 1</i>	<i>145</i>
<i>Bảng 5.6. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực của LTN2 và LĐC2 trước khi thực nghiệm</i>	<i>147</i>
<i>Bảng 5.6. Bảng thống kê tần suất mức độ các năng lực sau thực nghiệm đợt 2</i>	<i>148</i>
<i>Bảng 5.7. Bảng kiểm định T-test kết quả đo lường năng lực sau thực nghiệm đợt 2</i>	<i>149</i>
<i>Bảng 5.8. Bảng phân phối tần suất mức độ phát triển năng lực trước và sau thực nghiệm lần 2</i>	<i>150</i>
<i>Bảng 5.9. Bảng khảo sát những thuận lợi trong quá trình bồi dưỡng</i>	<i>152</i>